

Số: 4498/QĐ-BVĐKT

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng
Gói thầu số 16: Mua giá đỡ (stent), Tim mạch và X- quang can thiệp tại Bệnh viện
Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu : Mua vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại Bệnh
viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026
thuộc dự toán mua sắm gói thầu: Mua vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại Bệnh viện
Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23/06/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2746/QĐ-BVĐKT ngày 01/08/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026.

Căn cứ Quyết định số 2886/QĐ-BVĐKT ngày 13/08/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026.

Căn cứ Quyết định số 3015/QĐ-BVĐKT ngày 22/8/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 16: Mua giá

đỡ (stent), Tim mạch và X- quang can thiệp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026;

Căn cứ báo cáo đánh giá số 4218/BC-TCGĐT ngày 19/11/2025; 4482/ BC-TCGĐT ngày 08/12/2025 của Tổ chuyên gia đấu thầu về việc đánh giá E-HSDT gói thầu số 16: Mua giá đỡ (stent), Tim mạch và X- quang can thiệp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026;

Căn cứ biên bản đối chiếu tài liệu giữa chủ đầu tư và các nhà thầu;

Căn cứ báo cáo số 4467/BC-TTĐ ngày 08/12/2025; 4497/BC-TTĐ ngày 09/12/2025 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 16: Mua giá đỡ (stent), Tim mạch và X- quang can thiệp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu số 16: Mua giá đỡ (stent), Tim mạch và X- quang can thiệp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026 , bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500353858
- Tên gói thầu: của gói thầu số 16: Mua giá đỡ (stent), Tim mạch và X- quang can thiệp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 166.355.030.926 VND.
- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực).

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo.

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo.

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:

Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Giao phòng Tài chính Kế toán căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Kế hoạch tổng hợp, khoa Dược, phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng, trung tâm có liên quan của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá và Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, TCG.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Hữu Trường

PHỤ LỤC 1. THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

Gói thầu số 16: Mua giá đỡ (stent), Tim mạch và X- quang can thiệp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026

(Kèm theo quyết định số 4498/QĐ-BVĐKT ngày 09/12/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	PP2500386498	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NGUYỄN PHƯƠNG	0311680037	899.000.000	899.000.000			899.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
2	PP2500386499	Stent mạch vành phủ thuốc, có lớp polymer tự tiêu sinh học	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	400.000.000	400.000.000			400.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
3	PP2500386500	Khung giá đỡ động mạch vành	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	1.710.000.000	1.710.000.000			1.710.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
4	PP2500386501	Giá đỡ mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	1.699.500.000	1.699.500.000			1.699.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

5	PP25 00386 502	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, phủ unic	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	2.190.000.000	2.190.000.000			2.190.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
6	PP25 00386 503	Giá đỡ can thiệp mạch vành phủ Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	2.430.000.000	2.430.000.000			2.430.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
7	PP25 00386 504	Khung giá đỡ động mạch vành loại bọc thuốc Sirolimus các cỡ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	1.479.200.000	1.479.200.000			1.479.200.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
8	PP25 00386 505	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	1.086.000.000	1.086.000.000			1.086.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
9	PP25 00386 506	Giá Đỡ Mạch Vành Phủ Thuốc Zotarolimus	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	2.159.500.000	2.159.500.000			2.159.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
10	PP25 00386 507	Stent mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	1.925.400.000	1.925.400.000			1.925.400.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

11	PP25 00386 508	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	870.000.000	870.000.000			870.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
12	PP25 00386 509	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	1.740.000.000	1.740.000.000			1.740.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
13	PP25 00386 510	Khung giá đỡ động mạch vành siêu mỏng phủ thuốc Sirolimus trộn Polymer 3 lớp	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	1.605.000.000	1.605.000.000			1.605.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
14	PP25 00386 511	Khung giá đỡ động mạch vành với thanh liên kết chữ Z	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	1.872.800.000	1.872.800.000			1.872.800.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
15	PP25 00386 512	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus các loại, các cỡ	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	700.000.000	700.000.000			700.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

16	PP25 00386 513	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus không chứa polymer	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	800.000.000	800.000.000			800.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
17	PP25 00386 514	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	780.000.000	780.000.000			780.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
18	PP25 00386 515	Stent động mạch vành phủ thuốc	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	1.056.900.000	1.056.900.000			1.056.900.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
19	PP25 00386 516	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc	CÔNG TY CỔ PHẦN HANME DIC VIỆT NAM	0109438401	680.000.000	680.000.000			680.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
20	PP25 00386 517	Stent mạch vành phủ thuốc, có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu	CÔNG TY CỔ PHẦN HANME DIC VIỆT NAM	0109438401	680.000.000	680.000.000			680.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
21	PP25 00386 518	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN HANME DIC VIỆT NAM	0109438401	680.000.000	680.000.000			680.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
22	PP25 00386 520	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VNT	0104639390	428.000.000	428.000.000			428.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

23	PP25 00386 521	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY TNHH TRANG THIỆT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	780.000.000	780.000.000			780.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
24	PP25 00386 522	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus	CÔNG TY TNHH THUÔNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	2.209.500.000	2.209.500.000			2.209.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
25	PP25 00386 523	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIỆT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE	0312041033	840.000.000	840.000.000			840.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
26	PP25 00386 524	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, loại dài	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIỆT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	1.680.000.000	1.680.000.000			1.680.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
27	PP25 00386 525	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPH AM	2802413277	2.070.000.000	2.070.000.000			2.070.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
28	PP25 00386 526	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPH AM	2802413277	2.259.000.000	2.259.000.000			2.259.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

29	PP25 00386 527	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus.	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	1.490.000.000	1.490.000.000			1.490.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
30	PP25 00386 528	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ Y TẾ HOÀNG NGA	0102199761	1.145.000.000	1.145.000.000			1.145.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
31	PP25 00386 529	Khung giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus các cỡ	CÔNG TY TNHH BÁCH MEDICA L	0110131238	318.000.000	318.000.000			318.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
32	PP25 00386 530	Hệ thống khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VINAPH AM	2802413277	1.980.000.000	1.980.000.000			1.980.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
33	PP25 00386 531	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ SÔNG MÃ	0109576419	2.070.000.000	2.070.000.000			2.070.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
34	PP25 00386 532	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN OVI VINA	0312297807	2.188.800.000	2.188.800.000			2.188.800.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

35	PP25 00386 533	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NGUYỄN PHƯƠNG G	0311680037	960.000.000	960.000.000			960.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
36	PP25 00386 534	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	885.000.000	885.000.000			885.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
37	PP25 00386 535	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	1.080.000.000	1.080.000.000			1.080.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
38	PP25 00386 536	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VÀ DƯỢC PHẨM AN PHÚC	2801416116	1.623.000.000	1.623.000.000			1.623.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
39	PP25 00386 537	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH	0110293503	910.000.000	910.000.000			910.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

40	PP25 00386 538	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIỆT BỊ Y TẾ HUNG BÌNH	0110293503	820.000.000	820.000.000			820.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
41	PP25 00386 540	Stent động mạch thận	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	89.500.000	89.500.000			89.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
42	PP25 00386 542	Giá đỡ động mạch ngoại biên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	149.940.000	149.940.000			149.940.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
43	PP25 00386 543	Stent động mạch chi các loại, các cỡ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	110.000.000	110.000.000			110.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
44	PP25 00386 544	Giá đỡ can thiếp mạch ngoại biên vật liệu Nitinol	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	598.000.000	598.000.000			598.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
45	PP25 00386 545	Stent ngoại biên tự bung chất liệu nitinol	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	122.500.000	122.500.000			122.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

46	PP25 00386 546	Stent ngoại biên Nitinol tự bung	CÔNG TY CỔ PHẦN HANME DIC VIỆT NAM	0109438401	81.250.000	81.250.000			81.250.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
47	PP25 00386 547	Khung giá đỡ ngoại vi tự nở	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH	0110293503	84.000.000	84.000.000			84.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
48	PP25 00386 548	Khung giá đỡ ngoại vi tự nở	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH	0110293503	92.700.000	92.700.000			92.700.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
49	PP25 00386 549	Khung giá đỡ ngoại vi tự nở phủ thuốc	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH	0110293503	118.500.000	118.500.000			118.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
50	PP25 00386 550	Khung giá đỡ mạch ngoại vi tự bung	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH	0313041685	148.750.000	148.750.000			148.750.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

51	PP25 00386 551	Khung giá đỡ động mạch chi dưới gối phủ thuốc sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	181.400.000	181.400.000			181.400.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
52	PP25 00386 552	Giá đỡ Stent động mạch cảnh loại tự nở	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH	0110293503	136.500.000	136.500.000			136.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
53	PP25 00386 553	Stent động mạch cảnh các loại, các cỡ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	397.500.000	397.500.000			397.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
54	PP25 00386 554	Bộ Stent graft cho động mạch chủ ngực	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	1.390.000.000	1.390.000.000			1.390.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
55	PP25 00386 555	Stent Graft động mạch chủ ngực	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG	0103686870	795.000.000	795.000.000			795.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

56	PP25 00386 556	Stent Graft động mạch chủ bụng	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG	0103686870	870.000.000	870.000.000			870.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
57	PP25 00386 557	Bộ Stent graft cho động mạch chủ bụng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	984.000.000	984.000.000			984.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
58	PP25 00386 558	Giá đỡ mạch máu não	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM	0108380029	528.000.000	528.000.000			528.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
59	PP25 00386 560	Stent thay đổi dòng chảy	CÔNG TY TNHH VINACA TECH	0109869479	855.000.000	855.000.000			855.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
60	PP25 00386 561	Khung giá đỡ động mạch ngoại biên cover stent	CÔNG TY CỔ PHẦN HANME DIC VIỆT NAM	0109438401	100.000.000	100.000.000			100.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
61	PP25 00386 562	Stent (Khung giá đỡ) có màng bọc dùng cho can thiếp mạch máu	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC KIM HÒA PHÁT	0103808261	111.600.000	111.600.000			111.600.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

62	PP25 00386 563	Stent (Khung giá đỡ) có màng bọc dùng cho động mạch vành	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC KIM HÒA PHÁT	0103808261	110.000.000	110.000.000			110.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
63	PP25 00386 564	Khung giá đỡ (stent) niệu quản bằng kim loại, phủ toàn bộ	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG	0103672941	75.000.000	75.000.000			75.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
64	PP25 00386 565	Stent ngoại biên có màng bọc	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	163.500.000	163.500.000			163.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
65	PP25 00386 568	Giá đỡ điều trị can thiệp mạch máu thần kinh	CÔNG TY TNHH VINACA TECH	0109869479	1.065.000.000	1.065.000.000			1.065.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
66	PP25 00386 569	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ khác	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	230.000.000	230.000.000			230.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
67	PP25 00386 570	Stent kim loại cho kỹ thuật Tips và mạch ngoại vi, có 3 lớp phủ, đủ các cỡ	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG	0310623082	1.035.000.000	1.035.000.000			1.035.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

68	PP25 00386 571	Stent đường mật đường mật, loại không phù, bán phù và phù toàn phần.	Công Ty TNHH Alexia	0314650295	544.000.000	544.000.000			544.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
69	PP25 00386 573	Khung giá đỡ (Stent) kéo huyết khối mạch não loại thay đổi được kích thước và hình dạng	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG	0103672941	398.000.000	398.000.000			398.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
70	PP25 00386 574	Bộ dụng cụ siêu âm trong lòng mạch	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIỆT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH	0110293503	480.000.000	480.000.000			480.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
71	PP25 00386 576	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, loại dài, có van cầm máu	CÔNG TY TNHH THUON G MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	62.000.000	62.000.000			62.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
72	PP25 00386 577	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, loại dài, có lái hướng, có van cầm máu	CÔNG TY TNHH THUON G MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	125.000.000	125.000.000			125.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

73	PP25 00386 578	Kim chọc vách liên nhĩ dùng cho thăm dò điện sinh lý và đốt loạn nhịp	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	18.000.000	18.000.000			18.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
74	PP25 00386 579	Bộ dây truyền lạnh	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	52.500.000	52.500.000			52.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
75	PP25 00386 580	Điện cực đốt đầu uốn cong hai hướng, có hệ thống tay lái cam	CÔNG TY TNHH DUYỆC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	373.666.670	373.666.670			373.666.670	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
76	PP25 00386 581	Điện cực đốt đầu uốn cong hai hướng, có cấu trúc tay lái cam	CÔNG TY TNHH DUYỆC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	378.000.000	378.000.000			378.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
77	PP25 00386 582	Catheter đốt đầu uốn cong 1 hướng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	165.000.000	165.000.000			165.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

78	PP25 00386 583	Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	1.650.000.000	1.650.000.000			1.650.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
79	PP25 00386 584	Catheter đốt tưới dung dịch có rãnh tưới nước muối bao quanh đầu điện cực, đầu có thể uốn cong loại 1 hướng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	285.000.000	285.000.000			285.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
80	PP25 00386 585	Catheter đốt tưới dung dịch có rãnh tưới nước muối bao quanh đầu điện cực, đầu có thể uốn cong loại 2 hướng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	625.000.000	625.000.000			625.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
81	PP25 00386 586	Catheter đốt điều trị loạn nhịp cong 270 độ đầu đốt 4mm	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	1.600.000.000	1.600.000.000			1.600.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

82	PP25 00386 587	Catheter đốt đầu vàng điều trị loạn nhịp cong 270 độ	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	720.000.000	720.000.000			720.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
83	PP25 00386 588	Catheter đốt câm biến lực 2 hướng, có câm biến từ trường, có lỗ tưới nước muối	CÔNG TY TNHH THUẬN G MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	790.000.000	790.000.000			790.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
84	PP25 00386 589	Catheter đốt loạn nhịp đầu uốn cong hai hướng	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	378.000.000	378.000.000			378.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
85	PP25 00386 590	Cáp nối dài cho các loại điện cực đốt	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	27.400.000	27.400.000			27.400.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
86	PP25 00386 591	Cáp nối dài cho các loại điện cực đốt	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	27.400.000	27.400.000			27.400.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

87	PP25 00386 592	Cáp nối dài cho catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	137.280.000	137.280.000			137.280.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
88	PP25 00386 593	Cáp nối dài cho các loại Catheter đốt RF	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	67.500.000	67.500.000			67.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
89	PP25 00386 594	Cáp nối dài cho các loại catheter đốt (loại đốt 1 hướng hoặc đốt tưới muối)	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	34.320.000	34.320.000			34.320.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
90	PP25 00386 595	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	124.481.250	124.481.250			124.481.250	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
91	PP25 00386 596	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	124.481.250	124.481.250			124.481.250	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

92	PP25 00386 597	Bộ đầu đốt đơn cực và lưỡng cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	153.000.000	153.000.000			153.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
93	PP25 00386 598	Catheter chẩn đoán 4 điện cực, kiểu cong cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	1.003.500.000	1.003.500.000			1.003.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
94	PP25 00386 599	Catheter chẩn đoán 10 điện cực, độ cong cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	410.000.000	410.000.000			410.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
95	PP25 00386 600	Catheter chẩn đoán 10 điện cực, lái hướng, có khóa tự động	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	596.000.000	596.000.000			596.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
96	PP25 00386 601	Catheter chẩn đoán 20 cực, lái hướng, 7F	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	212.500.000	212.500.000			212.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

97	PP25 00386 602	Cáp nối cho catheter chân đoán loại 2 hoặc 4 điện cực các kích cỡ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	125.000.000	125.000.000			125.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
98	PP25 00386 603	Cáp nối với catheter chân đoán loại 8 hoặc 10 điện cực các kích cỡ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	55.000.000	55.000.000			55.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
99	PP25 00386 604	Cáp nối cho catheter chân đoán lái hướng loại 6; 8 hoặc 10 điện cực các kích cỡ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	27.500.000	27.500.000			27.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
100	PP25 00386 605	Catheter chân đoán 4 điện cực	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	201.712.500	201.712.500			201.712.500	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
101	PP25 00386 606	Catheter chân đoán 10 điện cực	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	160.000.000	160.000.000			160.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

102	PP25 00386 607	Catheter chẩn đoán loại 10 điện cực lái hướng	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	250.000.000	250.000.000			250.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
103	PP25 00386 608	Cáp nối cho điện cực chẩn đoán 10 điện cực	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	10.780.000	10.780.000			10.780.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
104	PP25 00386 609	Cáp nối cho điện cực chẩn đoán 4 điện cực	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	15.150.000	15.150.000			15.150.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
105	PP25 00386 610	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, có van cầm máu	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	434.000.000	434.000.000			434.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
106	PP25 00386 611	Bộ bản điện cực âm dùng cho hệ thống lập bản đồ tim 3 chiều	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	240.000.000	240.000.000			240.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

107	PP25 00386 612	Catheter lập bản đồ dạng vòng 10 điện cực, có cảm biến từ trường, 1 hướng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	275.000.000	275.000.000			275.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
108	PP25 00386 613	Catheter lập bản đồ dạng vòng 10 điện cực, có cảm biến từ trường, 2 hướng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	295.000.000	295.000.000			295.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
109	PP25 00386 614	Cáp nối cho catheter chẩn đoán, lập bản đồ có cảm biến từ trường	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	15.000.000	15.000.000			15.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
110	PP25 00386 615	Catheter lập bản đồ dạng vi, có cảm ứng từ trường, 2 hướng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	237.000.000	237.000.000			237.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

111	PP25 00386 616	Cáp nối cho catheter chẩn đoán, lập bản đồ có cảm biến từ trường	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	21.000.000	21.000.000			21.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
112	PP25 00386 617	Bộ dụng cụ dùng trong khoan phá động mạch vành các loại, các cỡ	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH	0110293503	239.695.000	239.695.000			239.695.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
113	PP25 00386 619	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH	0105290017	104.000.000	104.000.000			104.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
114	PP25 00386 620	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay bằng kim luồn	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	136.400.000	136.400.000			136.400.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
115	PP25 00386 621	Dụng cụ mở đường vào mạch quay	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	86.000.000	86.000.000			86.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

116	PP25 00386 622	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay thành mỏng	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	87.116.000	87.116.000			87.116.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
117	PP25 00386 623	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp tim mạch và ngoại biên	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	96.000.000	96.000.000			96.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
118	PP25 00386 624	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp tim mạch và ngoại biên có lớp ái nước	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	108.000.000	108.000.000			108.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
119	PP25 00386 625	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay ái nước	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	83.000.000	83.000.000			83.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
120	PP25 00386 627	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIỆT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH	0105290017	43.000.000	43.000.000			43.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

121	PP25 00386 628	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi dùng kim luôn chọc mạch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	265.000.000	265.000.000			265.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
122	PP25 00386 629	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	21.500.000	21.500.000			21.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
123	PP25 00386 630	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	43.000.000	43.000.000			43.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
124	PP25 00386 631	Dụng cụ mở đường vào động mạch các cỡ, đầu thẳng và đầu cong	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	153.340.000	153.340.000			153.340.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
125	PP25 00386 632	Bộ dụng cụ dẫn đường cầm máu	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	126.000.000	126.000.000			126.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
126	PP25 00386 634	Ống thông hút huyết khối mạch não	CÔNG TY TNHH VINACA TECH	0109869479	825.000.000	825.000.000			825.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

127	PP25 00386 635	Dụng cụ lấy huyết khối	CÔNG TY TNHH VINACA TECH	0109869479	404.500.000	404.500.000			404.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
128	PP25 00386 636	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	CÔNG TY TNHH THIÊN VIỆT	0100234876	194.250.000	194.250.000			194.250.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
129	PP25 00386 637	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	CÔNG TY TNHH THIÊN VIỆT	0100234876	2.845.920.000	2.845.920.000			2.845.920.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
130	PP25 00386 638	Ống hút huyết khối trong lòng mạch não	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT	0101178800	2.013.900.000	2.013.900.000			2.013.900.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
131	PP25 00386 639	Ống thông hút huyết khối	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM	0108380029	840.450.000	840.450.000			840.450.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
132	PP25 00386 640	Ống thông hút huyết khối đoạn xa	CÔNG TY TNHH THIÊN VIỆT	0100234876	355.740.000	355.740.000			355.740.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
133	PP25 00386 641	Giá đỡ lấy huyết khối	CÔNG TY TNHH THIÊN VIỆT	0100234876	472.500.000	472.500.000			472.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

134	PP25 00386 643	Giá đỡ mạch thần kinh	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM	0108380029	2.250.000.000	2.250.000.000			2.250.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
135	PP25 00386 644	Khung giá đỡ (Stent) kéo huyết khối mạch não	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG	0103672941	550.000.000	550.000.000			550.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
136	PP25 00386 645	Bộ hút huyết khối mạch vành	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	76.000.000	76.000.000			76.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
137	PP25 00386 646	Bộ hút huyết khối mạch vành	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG	0103672941	69.300.000	69.300.000			69.300.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
138	PP25 00386 647	Dụng cụ hút huyết khối có nòng hút lớn	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	84.000.000	84.000.000			84.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
139	PP25 00386 649	Bộ hút huyết khối mạch vành kèm phụ kiện	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	73.458.000	73.458.000			73.458.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

140	PP25 00386 650	Bộ hút huyết khối mạch vành	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	107.550.000	107.550.000			107.550.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
141	PP25 00386 651	Bộ dụng cụ hút huyết khối	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIỆT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	84.000.000	84.000.000			84.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
142	PP25 00386 652	Bộ Sheath đế thả dù đóng lỗ thông Ống Động Mạch, Thông Liên Thắt, Thông Liên Nhĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	98.450.000	98.450.000			98.450.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
143	PP25 00386 653	Bóng đo kích thước lỗ Thông Liên Nhĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	79.800.000	79.800.000			79.800.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
144	PP25 00386 654	Dù bít lỗ Thông Liên Nhĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	495.000.000	495.000.000			495.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

145	PP25 00386 655	Dù đóng Còn ống Động Mạch	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	50.820.000	50.820.000			50.820.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
146	PP25 00386 656	Dù đóng còn ống động mạch tuỷ 2	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	25.410.000	25.410.000			25.410.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
147	PP25 00386 657	Dây dẫn can thiệt Tim Bẩm Sinh	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	14.850.000	14.850.000			14.850.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
148	PP25 00386 658	Guide wire trợ giúp can thiệt tim bẩm sinh	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH	0110293503	23.500.000	23.500.000			23.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
149	PP25 00386 659	Phôi nhân tạo kèm dây dẫn cho bệnh nhân trên 40kg	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	620.000.000	620.000.000			620.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

150	PP25 00386 660	Phôi nhân tạo có phù chất tương thích sinh học kèm dây dẫn cho người lớn	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI QUỲNH ANH	0101135187	263.820.000	263.820.000			263.820.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
151	PP25 00386 661	Phôi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch có phù chất tương thích sinh học kèm dây dẫn cho người lớn	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI QUỲNH ANH	0101135187	311.820.000	311.820.000			311.820.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
152	PP25 00386 662	Phôi nhân tạo kèm dây	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC - THIỆT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	121.000.000	121.000.000			121.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
153	PP25 00386 663	Quả lọc máu cho trẻ em và người lớn kèm dây	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC - THIỆT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	46.998.000	46.998.000			46.998.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
154	PP25 00386 664	Quả lọc máu cho người lớn, trẻ em	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI QUỲNH ANH	0101135187	172.746.000	172.746.000			172.746.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

155	PP25 00386 665	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO trong hồi sức cấp cứu	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	1.365.000.000	1.365.000.000			1.365.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
156	PP25 00386 669	Bộ bơm áp lực dùng trong can thiệp tim mạch	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	50.400.000	50.400.000			50.400.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
157	PP25 00386 670	Bộ bơm bóng	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE	0312041033	18.000.000	18.000.000			18.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
158	PP25 00386 672	Bộ bơm bóng áp lực siêu cao, chốt nhanh	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	115.000.000	115.000.000			115.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
159	PP25 00386 673	Bộ bơm bóng áp lực cao loại nút nhấn để nhà	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE	0312041033	50.000.000	50.000.000			50.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

160	PP25 00386 674	Bộ bơm áp lực siêu cao bao gồm cả dụng cụ kết nối chữ Y	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIỆT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE	0312041033	96.000.000	96.000.000			96.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
161	PP25 00386 675	Bơm áp lực cao có van dùng trong can thiệp tim mạch	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	33.600.000	33.600.000			33.600.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
162	PP25 00386 676	Bơm áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIỆT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE	0312041033	38.000.000	38.000.000			38.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
163	PP25 00386 677	Bộ bơm bóng áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	121.500.000	121.500.000			121.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
164	PP25 00386 678	Bộ bơm bóng áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	33.600.000	33.600.000			33.600.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

165	PP25 00386 679	Bộ bơm bóng áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIỆT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE	0312041033	21.250.000	21.250.000			21.250.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
166	PP25 00386 681	Bộ bơm bóng áp lực 30 atm kèm chữ Y	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	180.000.000	180.000.000			180.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
167	PP25 00386 682	Bộ bơm bóng áp lực cao	CÔNG TY TNHH TRANG THIỆT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	135.000.000	135.000.000			135.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
168	PP25 00386 683	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	314.895.000	314.895.000			314.895.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
169	PP25 00386 684	Bóng nong động mạch vành bóng nong áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPH AM	2802413277	476.000.000	476.000.000			476.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
170	PP25 00386 685	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	295.000.000	295.000.000			295.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

171	PP25 00386 686	Bóng nong (balloon) mạch máu áp lực cao các số	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VINAPH AM	2802413277	390.000.000	390.000.000			390.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
172	PP25 00386 687	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	229.300.000	229.300.000			229.300.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
173	PP25 00386 688	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	330.000.000	330.000.000			330.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
174	PP25 00386 689	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	414.000.000	414.000.000			414.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
175	PP25 00386 690	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	577.500.000	577.500.000			577.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
176	PP25 00386 691	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	434.700.000	434.700.000			434.700.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

177	PP25 00386 693	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	504.000.000	504.000.000			504.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
178	PP25 00386 694	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	CÔNG TY TNHH TRANG THIỆT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	150.000.000	150.000.000			150.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
179	PP25 00386 696	Bóng nong mạch vành áp lực cao cho tổn thương gấp góc.	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	556.500.000	556.500.000			556.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
180	PP25 00386 697	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	199.710.000	199.710.000			199.710.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
181	PP25 00386 698	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ Y TẾ VNT	0104639390	235.000.000	235.000.000			235.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
182	PP25 00386 700	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIỆT BỊ Y TẾ HUNG BÌNH	0110293503	165.000.000	165.000.000			165.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

183	PP25 00386 701	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	CÔNG TY TNHH TRANG THIỆT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	150.000.000	150.000.000			150.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
184	PP25 00386 702	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	350.000.000	350.000.000			350.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
185	PP25 00386 704	Bóng nong mạch vành áp lực cao có đầu tip hình cầu	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC VINAPH AM	2802413277	294.000.000	294.000.000			294.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
186	PP25 00386 705	Bóng nong mạch vành áp lực cao các cỡ	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	103.500.000	103.500.000			103.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
187	PP25 00386 706	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	336.000.000	336.000.000			336.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
188	PP25 00386 707	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ AN PHA	0304471508	192.000.000	192.000.000			192.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

189	PP25 00386 708	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	150.000.000	150.000.000			150.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
190	PP25 00386 709	Bóng nong mạch vành áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	168.000.000	168.000.000			168.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
191	PP25 00386 710	Bóng nong can thiệp mạch máu	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	161.200.000	161.200.000			161.200.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
192	PP25 00386 711	Bóng cắt nong mạch vành chống trượt áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIỆT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	210.000.000	210.000.000			210.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
193	PP25 00386 712	Bóng nong mạch vành áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	283.395.000	283.395.000			283.395.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
194	PP25 00386 713	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPH AM	2802413277	340.000.000	340.000.000			340.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

195	PP25 00386 714	Bóng nong mạch vành	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VINAPH AM	2802413277	325.000.000	325.000.000			325.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
196	PP25 00386 715	Bóng nong mạch vành và cầu nối	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	327.560.000	327.560.000			327.560.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
197	PP25 00386 716	Bóng nong động mạch vành	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VINAPH AM	2802413277	360.000.000	360.000.000			360.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
198	PP25 00386 717	Bóng nong mạch vành áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	280.000.000	280.000.000			280.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
199	PP25 00386 720	Bóng nong động mạch vành loại bóng đa lớp	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	315.000.000	315.000.000			315.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
200	PP25 00386 722	Bóng nong mạch vành áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	160.000.000	160.000.000			160.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

201	PP25 00386 723	Bóng động mạch vành áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN HANME DIC VIỆT NAM	0109438401	140.000.000	140.000.000			140.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
202	PP25 00386 726	Bóng nông động mạch vành áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH	0313041685	252.000.000	252.000.000			252.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
203	PP25 00386 727	Bóng nông loại bán gần nở	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	375.000.000	375.000.000			375.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
204	PP25 00386 728	Bóng nông động mạch vành áp lực thường	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	144.000.000	144.000.000			144.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
205	PP25 00386 729	Bóng nông mạch vành áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ Y TẾ VNT	0104639390	176.000.000	176.000.000			176.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
206	PP25 00386 732	Bóng nông (balloon) động mạch vành áp lực thường	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THẦN CHÂU	0101866405	246.750.000	246.750.000			246.750.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

207	PP25 00386 733	Bóng nong mạch vành áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	168.000.000	168.000.000			168.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
208	PP25 00386 734	Bóng nong mạch vành áp lực thường	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	148.400.000	148.400.000			148.400.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
209	PP25 00386 737	Bóng nong mạch vành đầu tip nhỏ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VINAPH AM	2802413277	210.000.000	210.000.000			210.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
210	PP25 00386 739	Bóng nong động mạch vành áp lực thường đường kính từ 1.5mm - 5.0mm	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	80.000.000	80.000.000			80.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
211	PP25 00386 740	Bóng nong mạch vành kỹ thuật POT và DOT áp lực cao 22atm, vai bóng ngắn 0.6mm	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	280.000.000	280.000.000			280.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
212	PP25 00386 741	Bóng nong mạch vành áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	150.000.000	150.000.000			150.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

213	PP25 00386 742	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	0100108536	250.000.000	250.000.000			250.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
214	PP25 00386 743	Bóng nong can thiệp mạch vành có phủ thuốc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	630.000.000	630.000.000			630.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
215	PP25 00386 744	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	230.000.000	230.000.000			230.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
216	PP25 00386 745	Bóng động mạch vành có phủ thuốc	CÔNG TY CỔ PHẦN HANME DIC VIỆT NAM	0109438401	160.000.000	160.000.000			160.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
217	PP25 00386 746	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	560.000.000	560.000.000			560.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
218	PP25 00386 749	Bóng nong mạch vành phủ thuốc sirolimus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPH AM	2802413277	600.000.000	600.000.000			600.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

219	PP25 00386 751	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus	CÔNG TY TNHH BÁCH MEDICA L	0110131238	358.000.000	358.000.000			358.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
220	PP25 00386 753	Bóng nong Tĩnh mạch Ngoại biên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	168.000.000	168.000.000			168.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
221	PP25 00386 755	Bóng chẹn cổ tử phình mạch não 2 nòng loại mạch ngã ba	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT	0101178800	139.125.000	139.125.000			139.125.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
222	PP25 00386 756	Bóng tắc mạch	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM	0108380029	85.000.000	85.000.000			85.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
223	PP25 00386 757	Bóng tắc mạch hỗ trợ đặt coil	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM	0108380029	130.000.000	130.000.000			130.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

224	PP25 00386 758	Bóng nong mạch vành loại CTO	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	147.000.000	147.000.000			147.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
225	PP25 00386 760	Bóng nong mạch vành chuyên dụng cho CTO	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	150.000.000	150.000.000			150.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
226	PP25 00386 761	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi chịu được áp lực cao 21atm	CÔNG TY CỔ PHẦN HANME DIC VIỆT NAM	0109438401	75.839.400	75.839.400			75.839.400	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
227	PP25 00386 762	Bóng nong động mạch vành có gắn lưỡi dao	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIỆT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH	0110293503	440.000.000	440.000.000			440.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
228	PP25 00386 763	Bóng nong mạch vành chuyên dùng cho CTO	CÔNG TY CỔ PHẦN OVI VINA	0312297807	164.000.000	164.000.000			164.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
229	PP25 00386 764	Bóng nong mạch vành cho tổn thương CTO và tổn thương nhỏ hẹp	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	84.000.000	84.000.000			84.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

230	PP25 00386 765	Bóng nong mạch ngoại biên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	350.000.000	350.000.000			350.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
231	PP25 00386 766	Bóng nong động mạch ngoại vi áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	104.000.000	104.000.000			104.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
232	PP25 00386 767	Bóng nong mạch máu ngoại biên	CÔNG TY CỔ PHẦN HANME DIC VIỆT NAM	0109438401	138.000.000	138.000.000			138.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
233	PP25 00386 768	Bóng nong can thiệp mạch máu	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	104.000.000	104.000.000			104.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
234	PP25 00386 769	Bóng nong mạch ngoại vi áp lực thường	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	140.000.000	140.000.000			140.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
235	PP25 00386 770	Hệ thống ống thông và bóng nong cho can thiệp mạch ngoại vi	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	135.000.000	135.000.000			135.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

236	PP25 00386 771	Bóng nong ngoại biên dùng cho can thiệp chậu đùi	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	68.000.000	68.000.000			68.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
237	PP25 00386 772	Bóng nong mạch ngoại vi 0.018"	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH	0313041685	97.500.000	97.500.000			97.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
238	PP25 00386 773	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	168.000.000	168.000.000			168.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
239	PP25 00386 774	Bóng nong ngoại biên phủ thuốc	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	270.000.000	270.000.000			270.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
240	PP25 00386 775	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	225.000.000	225.000.000			225.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

241	PP25 00386 776	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	240.000.000	240.000.000			240.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
242	PP25 00386 778	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO VỀ THIẾT BỊ Y TẾ ANH NGỌC	0101950939	78.500.000	78.500.000			78.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
243	PP25 00386 779	Bóng nong mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel tương thích dây dẫn 0.014"	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC KIM HÒA PHÁT	0103808261	92.475.000	92.475.000			92.475.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
244	PP25 00386 780	Dây bơm thuốc cân quang	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE	0312041033	34.500.000	34.500.000			34.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

245	PP25 00386 781	Dây đo áp lực có đầu khóa	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH	0105290017	32.500.000	32.500.000			32.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
246	PP25 00386 782	Dây nối áp lực cao	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE	0312041033	41.400.000	41.400.000			41.400.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
247	PP25 00386 783	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu não siêu nhỏ	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	600.000.000	600.000.000			600.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
248	PP25 00386 785	Vi dây dẫn can thiệp mạch	CÔNG TY TNHH VINACA TECH	0109869479	584.000.000	584.000.000			584.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
249	PP25 00386 786	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM	0108380029	291.000.000	291.000.000			291.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

250	PP25 00386 787	Dây dẫn đường ái nước dài 150 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	258.500.000	258.500.000			258.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
251	PP25 00386 788	Dây dẫn đường ái nước dài 260 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	283.500.000	283.500.000			283.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
252	PP25 00386 789	Dây dẫn dùng trong chẩn đoán phủ PTFE, lõi thép không gi	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	4.158.000	4.158.000			4.158.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
253	PP25 00386 790	Dây dẫn dùng trong chẩn đoán phủ PTFE, lõi thép không gi	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	4.578.000	4.578.000			4.578.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
254	PP25 00386 791	Dây dẫn đường ái nước lõi Nitinol phủ TPU	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	88.200.000	88.200.000			88.200.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

255	PP25 00386 792	Dây dẫn trong can thiếp động mạch vành (guide wire)	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VINAPH AM	2802413277	31.900.000	31.900.000			31.900.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
256	PP25 00386 794	Dây dẫn đường cho Catheter	CÔNG TY TNHH TRANG THIỆT BỊ Y TẾ KTA	0108038231	96.000.000	96.000.000			96.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
257	PP25 00386 795	Dây dẫn chuẩn đoán mạch máu phủ PTFE	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIỆT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH	0105290017	2.950.000	2.950.000			2.950.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
258	PP25 00386 796	Dây dẫn đường ái nước đầu tip không chắn thương loại ngắn	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG G MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	144.000.000	144.000.000			144.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
259	PP25 00386 797	Dây dẫn đường cho catheter phủ lớp ái nước	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	59.000.000	59.000.000			59.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

260	PP25 00386 799	Dây dẫn đường(guide wire) can thiệp mạch ngoại biên	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HUNG BÌNH	0110293503	144.500.000	144.500.000			144.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
261	PP25 00386 800	Dây dẫn đường cho bóng và stent	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THẦN CHÂU	0101866405	113.137.500	113.137.500			113.137.500	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
262	PP25 00386 801	Dây dẫn đường cho bóng và stent mạch ngoại biên	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	110.000.000	110.000.000			110.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
263	PP25 00386 803	Dụng cụ nút mạch bằng dù	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC, KỸ THUẬT TRANSM ED	0101981687	53.500.000	53.500.000			53.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

264	PP25 00386 804	Dù dạng lưới kim loại tự nở loại 2 cánh	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC, KỸ THUẬT TRANSMED	0101981687	86.000.000	86.000.000			86.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
265	PP25 00386 805	Dụng cụ nút mạch bằng dù, tiết diện nhỏ	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC, KỸ THUẬT TRANSMED	0101981687	86.000.000	86.000.000			86.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
266	PP25 00386 806	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp ĐM cảnh tương thích với stent can thiệp ĐM cảnh	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HUNG BÌNH	0110293503	152.250.000	152.250.000			152.250.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

267	PP25 00386 807	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	390.000.000	390.000.000			390.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
268	PP25 00386 808	Bộ đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới vịnh viễn và tạm thời	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	228.500.000	228.500.000			228.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
269	PP25 00386 809	Phụ kiện cắt cuộn nút mạch não	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM	0108380029	20.000.000	20.000.000			20.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
270	PP25 00386 810	Kìm cắt coil	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT	0101178800	10.000.000	10.000.000			10.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
271	PP25 00386 811	Dụng cụ đóng mạch đùi	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	36.450.000	36.450.000			36.450.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

272	PP25 00386 812	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	37.500.000	37.500.000			37.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
273	PP25 00386 813	Bộ dụng cụ đóng mạch máu sau can thiệp bằng nút collagen	CÔNG TY CỔ PHẦN MECENT A	0106119693	30.000.000	30.000.000			30.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
274	PP25 00386 815	Dụng cụ lấy dị vật trong tim mạch	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	28.000.000	28.000.000			28.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
275	PP25 00386 816	Dụng cụ lấy dị vật	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	18.000.000	18.000.000			18.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
276	PP25 00386 817	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số VVIR/AAIR, tương thích MRI	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	523.000.000	523.000.000			523.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

277	PP25 00386 818	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số VVIR/AAIR, tương thích MRI, tự động phát hiện từ trường MRI.	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	396.000.000	396.000.000			396.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
278	PP25 00386 819	Máy tạo nhịp 1 buồng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	250.000.000	250.000.000			250.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
279	PP25 00386 820	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	237.500.000	237.500.000			237.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
280	PP25 00386 821	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 1 buồng	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG	0103686870	399.800.000	399.800.000			399.800.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
281	PP25 00386 822	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR, tương thích MRI.	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	1.417.500.000	1.417.500.000			1.417.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

282	PP25 00386 823	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR, tương thích MRI, tự động phát hiện từ trường MRI.	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	650.000.000	650.000.000			650.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
283	PP25 00386 824	Máy tạo nhịp 2 buồng	CÔNG TY TNHH THUÔNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	890.000.000	890.000.000			890.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
284	PP25 00386 825	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân	CÔNG TY TNHH THUÔNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	412.500.000	412.500.000			412.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
285	PP25 00386 826	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số với chức năng tự động kiểm tra ngưỡng thắt cho mỗi xung tạo nhịp, tương thích MRI, 3 Tesla toàn thân	CÔNG TY TNHH THUÔNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	475.000.000	475.000.000			475.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

286	PP25 00386 827	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG	0103686870	349.900.000	349.900.000			349.900.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
287	PP25 00386 828	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG	0103686870	490.000.000	490.000.000			490.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
288	PP25 00386 829	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng tần số tương thích MRI	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THẦN CHÂU	0101866405	400.000.000	400.000.000			400.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
289	PP25 00386 830	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THẦN CHÂU	0101866405	575.000.000	575.000.000			575.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
290	PP25 00386 831	Máy tạo nhịp 3 buồng tái đồng bộ cơ tim	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	255.000.000	255.000.000			255.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
291	PP25 00386 832	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	219.000.000	219.000.000			219.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

292	PP25 00386 833	Bộ máy tạo nhịp phá rung	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	305.000.000	305.000.000			305.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
293	PP25 00386 834	Máy tạo nhịp có phá rung cấy vào cơ thể	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	220.000.000	220.000.000			220.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
294	PP25 00386 835	Bộ máy phá rung tương thích MRI.	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	230.000.000	230.000.000			230.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
295	PP25 00386 836	Bộ máy phá rung ICD 1 buồng, tương thích MRI toàn thân, có chức năng theo dõi đoạn ST chênh lên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	279.000.000	279.000.000			279.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

296	PP25 00386 837	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR với tạo nhịp sinh lý, có tính năng đặc biệt nâng cao, tương thích MRI, hoặc tương đương.	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	340.000.000	340.000.000			340.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
297	PP25 00386 838	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, tương thích MRI, phát hiện MRI tự động, có kết nối không dây, có chức năng theo dõi từ xa, có 20 véc-tơ tạo nhịp thất trái.	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	262.500.000	262.500.000			262.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
298	PP25 00386 839	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ có phá rung tim CRT- D.Tương thích MRI 1.5T và 3 T toàn thân.	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU	0304918401	500.000.000	500.000.000			500.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

299	PP25 00386 840	Dây điện cực tạo nhịp	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	135.000.000	135.000.000			135.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
300	PP25 00386 841	Vật liệu nút mạch tạm thời	Công Ty TNHH Alexia	0314650295	75.600.000	75.600.000			75.600.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
301	PP25 00386 842	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan các loại, các cỡ	Công Ty TNHH Alexia	0314650295	3.120.000.000	3.120.000.000			3.120.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
302	PP25 00386 843	Vật liệu nút mạch hình cầu	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH	0105290017	132.650.000	132.650.000			132.650.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
303	PP25 00386 844	Hạt nhựa nút mạch các cỡ	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ AN PHA	0304471508	275.000.000	275.000.000			275.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
304	PP25 00386 845	Hạt vi cầu nút mạch không tải thuốc	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG	0103672941	159.900.000	159.900.000			159.900.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

305	PP25 00386 846	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan và phổi	CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP PHÁT TRIỂN SỨC KHỎE	0101509481	345.000.000	345.000.000			345.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
306	PP25 00386 847	Hạt nhựa tái thuốc điều trị ung thư gan	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ AN PHA	0304471508	2.184.000.000	2.184.000.000			2.184.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
307	PP25 00386 848	Vật liệu nút mạch tái thuốc điều trị ung thư gan. Kích cỡ hạt khô từ 20 - 200µm	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH	0105290017	1.544.400.000	1.544.400.000			1.544.400.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
308	PP25 00386 849	Hạt vi cầu nút (tắc) mạch chọn lọc	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DƯỢC VIỆT NAM	2901722773	2.754.000.000	2.754.000.000			2.754.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
309	PP25 00386 850	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	110.000.000	110.000.000			110.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
310	PP25 00386 851	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệp tổn thương mạch ngoại biên	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	110.000.000	110.000.000			110.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

311	PP25 00386 852	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệt tổn thương tắc mãn tính động mạch vành	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	55.000.000	55.000.000			55.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
312	PP25 00386 853	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệt tổn thương tắc mãn tính động mạch vành phủ hydrophilic trên nền polymer	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	110.000.000	110.000.000			110.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
313	PP25 00386 854	Vi dây dẫn đường cho bóng và Stent	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIỆT BỊ Y TẾ AN VIỆT	0102707239	1.190.000.000	1.190.000.000			1.190.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
314	PP25 00386 855	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent loại mềm	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	1.610.000.000	1.610.000.000			1.610.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
315	PP25 00386 856	Vi dây dẫn đường can thiệt	Công Ty TNHH Alexia	0314650295	280.000.000	280.000.000			280.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

316	PP25 00386 857	Vi dây dẫn đường các loại các cỡ	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG	0103672941	870.000.000	870.000.000			870.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
317	PP25 00386 858	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính động mạch vành (CTO)	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	55.000.000	55.000.000			55.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
318	PP25 00386 859	Vi dây dẫn cho bóng và stent trong can thiệp tổn thương mạch ngoại biên	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	110.000.000	110.000.000			110.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
319	PP25 00386 860	Vi dây dẫn can thiệp	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH	0313041685	29.500.000	29.500.000			29.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
320	PP25 00386 862	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch	Công Ty TNHH Alexia	0314650295	1.370.000.000	1.370.000.000			1.370.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
321	PP25 00386 863	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch. Dạng coil đẩy	Công Ty TNHH Alexia	0314650295	378.000.000	378.000.000			378.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

322	PP25 00386 864	Cuộn nút mạch não	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM	0108380029	581.950.000	581.950.000			581.950.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
323	PP25 00386 865	Vòng xoắn kim loại (coils) bút túi phình mạch não không phủ gel	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT	0101178800	373.500.000	373.500.000			373.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
324	PP25 00386 866	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn đường kính 0.020" các cỡ	CÔNG TY TNHH THIỆN VIỆT	0100234876	950.000.000	950.000.000			950.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
325	PP25 00386 867	Cuộn nút mạch não	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM	0108380029	232.780.000	232.780.000			232.780.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
326	PP25 00386 868	Vòng xoắn kim loại (coils, matrix coils) các loại, các cỡ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	555.000.000	555.000.000			555.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
327	PP25 00386 869	Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch não	CÔNG TY TNHH VINACA TECH	0109869479	331.500.000	331.500.000			331.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

328	PP25 00386 871	Phim XQ khô 10x12 inch	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VÀ ĐƯỢC PHẨM AN PHÚC	2801416116	73.500.000	73.500.000			73.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
329	PP25 00386 873	Phim XQ khô 14x17 inch	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VÀ ĐƯỢC PHẨM AN PHÚC	2801416116	92.000.000	92.000.000			92.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
								Tổng	148.245.447.570			

PHỤ LỤC 2. THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU

Gói thầu số 16: Mua giá đỡ (stent), Tím mạch và X- quang can thiệp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026

(Kèm theo quyết định số 4498/QĐ-BVĐKT ngày 09/12/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá)

TT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã phần lô	Tên phần/lô	Lý do nhà thầu không trúng thầu	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386526	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
2	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH	0313041685	PP2500386528	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
3	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Trung Tín	0108170494	PP2500386528	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
4	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Trung Tín	0108170494	PP2500386530	Hệ thống khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
5	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VNT	0104639390	PP2500386530	Hệ thống khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
6	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMEDIC VIỆT NAM	0109438401	PP2500386536	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
7	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG MINH PHÚ	0108540794	PP2500386539	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
8	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	PP2500386545	Stent ngoại biên tự bung chất liệu nitinol	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
9	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Trung Tín	0108170494	PP2500386547	Khung giá đỡ ngoại vi tự nở	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
10	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC KIM HÒA PHÁT	0103808261	PP2500386566	Khung giá đỡ có màng bọc dùng cho mạch máu lớn	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
11	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	PP2500386618	Bộ dụng cụ mở đường mạch quay	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
12	CÔNG TY TNHH QUẢN TRỊ T.78	0312622006	PP2500386618	Bộ dụng cụ mở đường mạch quay	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
13	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386623	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp tim mạch và ngoại biên	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	

14	CÔNG TY TNHH QUẢN TRỊ T.78	0312622006	PP2500386623	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp tim mạch và ngoại biên	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
15	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386624	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp tim mạch và ngoại biên có lớp ái nước	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
16	CÔNG TY TNHH QUẢN TRỊ T.78	0312622006	PP2500386624	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp tim mạch và ngoại biên có lớp ái nước	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
17	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386626	Bộ dụng cụ mở đường đùi	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
18	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	PP2500386626	Bộ dụng cụ mở đường đùi	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
19	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386670	Bộ bơm bóng	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
20	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	PP2500386672	Bộ bơm bóng áp lực siêu cao, chốt nhanh	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
21	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386673	Bộ bơm bóng áp lực cao loại nút nhấn dễ nhả	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
22	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	PP2500386673	Bộ bơm bóng áp lực cao loại nút nhấn dễ nhả	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
23	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	PP2500386674	Bộ bơm áp lực siêu cao bao gồm cả dụng cụ kết nối chữ Y	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
24	CÔNG TY TNHH QUẢN TRỊ T.78	0312622006	PP2500386676	Bơm áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
25	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	PP2500386678	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
26	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG	0106515513	PP2500386678	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
27	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	PP2500386678	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
28	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTHCARE	0312041033	PP2500386678	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
29	CÔNG TY TNHH QUẢN TRỊ T.78	0312622006	PP2500386678	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	

30	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	PP2500386678	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
31	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HẠNH NGUYỄN	0313554398	PP2500386678	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
32	CÔNG TY CỔ PHẦN OVI VINA	0312297807	PP2500386678	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
33	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VIỆT NAM	0107613344	PP2500386678	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
34	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	PP2500386679	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
35	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	PP2500386679	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
36	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386679	Bộ bơm bóng áp lực cao	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
37	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386680	Bộ bơm bóng áp cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
38	CÔNG TY TNHH QUẢN TRỊ T.78	0312622006	PP2500386681	Bộ bơm bóng áp lực 30 atm kèm chữ Y	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
39	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VIỆT NAM	0107613344	PP2500386683	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
40	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG BÌNH	0110293503	PP2500386683	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
41	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC	0108573359	PP2500386692	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
42	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH	0313041685	PP2500386695	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
43	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG BÌNH	0110293503	PP2500386699	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
44	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Trung Tín	0108170494	PP2500386700	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
45	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386702	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
46	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386703	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	

47	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	PP2500386703	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
48	CÔNG TY TNHH BÁCH MEDICAL	0110131238	PP2500386705	Bóng nong mạch vành áp lực cao các cỡ	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
49	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HẠNH NGUYỄN	0313554398	PP2500386709	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
50	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386718	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
51	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ	0106202888	PP2500386718	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
52	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386720	Bóng nong động mạch vành loại bóng đa lớp	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
53	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NGUYỄN PHƯƠNG	0311680037	PP2500386721	Bóng nong động mạch vành	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
54	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMEDIC VIỆT NAM	0109438401	PP2500386722	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
55	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386724	Bóng nong động mạch vành loại thường	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
56	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HƯNG BÌNH	0110293503	PP2500386730	Bóng nong mạch vành áp lực thường loại siêu nhỏ	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
57	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HẠNH NGUYỄN	0313554398	PP2500386733	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
58	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT	0106520859	PP2500386735	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
59	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	PP2500386735	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
60	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386736	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
61	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	PP2500386736	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
62	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG	0103672941	PP2500386739	Bóng nong động mạch vành áp lực thường đường kính từ 1.5mm - 5.0mm	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	

63	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH	0313041685	PP2500386747	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
64	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH	0313041685	PP2500386750	Bóng nong động mạch vành áp lực cao loại phủ thuốc	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
65	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT	0101178800	PP2500386754	Bóng chẹn cổ tử phình mạch não 2 nòng loại mạch thẳng	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
66	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH	0313041685	PP2500386759	Bóng nong động mạch vành chuyên dụng cho CTO	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
67	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT	0101862295	PP2500386768	Bóng nong can thiệp mạch máu	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
68	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	PP2500386772	Bóng nong mạch ngoại vi 0.018"	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
69	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386773	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
70	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC KIM HÒA PHÁT	0103808261	PP2500386775	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
71	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO VỀ THIẾT BỊ Y TẾ ANH NGỌC	0101950939	PP2500386779	Bóng nong mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel tương thích dây dẫn 0.014"	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
72	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH	0105290017	PP2500386780	Dây bơm thuốc cản quang	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
73	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0310471834	PP2500386784	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu thần kinh	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
74	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC	0107512970	PP2500386787	Dây dẫn đường ái nước dài 150 cm	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
75	CÔNG TY TNHH QUẢN TRỊ T.78	0312622006	PP2500386793	Dây dẫn đường cho catheter lõi Nitinol	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
76	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH	0105290017	PP2500386797	Dây dẫn đường cho catheter phủ lớp ái nước	Không phải nhà thầu xếp hạng 1	
77	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386802	Dây dẫn đường cho bóng và stent.	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
78	CÔNG TY TNHH QUẢN TRỊ T.78	0312622006	PP2500386802	Dây dẫn đường cho bóng và stent.	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	

79	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	PP2500386802	Dây dẫn đường cho bóng và stent.	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
80	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386855	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent loại mềm	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
81	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM	2802413277	PP2500386855	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent loại mềm	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
82	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM	0108380029	PP2500386861	Cuộn nút mạch não tạo khung và làm đầy túi phình	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
83	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ - VẬT TƯ Y TẾ DUY CƯỜNG	2901720991	PP2500386870	Phim XQ khô 10 x 12 inch	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
84	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386870	Phim XQ khô 10 x 12 inch	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
85	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ - VẬT TƯ Y TẾ DUY CƯỜNG	2901720991	PP2500386872	Phim XQ khô 14 x 17 inch	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
86	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	PP2500386872	Phim XQ khô 14 x 17 inch	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	

PHỤ LỤC 3. THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

Gói thầu số 16: Mua giá đỡ (stent), tim mạch và X-quang can thiệp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2025-2026

(Kèm theo quyết định số 4498/QĐ-BVĐKT ngày 09/12/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa mời thầu	Mặt hàng dự thầu	Kỹ mã hiệu	Nhãn hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Quy cách	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (theo mặt hàng)	Nhà thầu
1	PP2500386498	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	2526BV-VT-346	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus, XPLOSION	XPL-aaaXbbAP	XPLOSION	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus, Polymer tự tiêu sinh học PLLA 85/PLGA 15. - Vật liệu khung: Cobalt Chromium L605 - Liều lượng phủ thuốc 1.4 µg/mm2, độ dày lớp phủ 3-5 µm. - Chiều dài: 8 - 48mm; đường kính: 2.00 - 4.50mm. - Thuốc được phóng thích liên tục trong vòng 90 ngày. - Có 2 đầu cân quang platinum-iridium. - Áp suất danh định 7 bar. Áp suất giới hạn nhỏ nhất 14 bar; Áp suất giới hạn lớn nhất 16 bar tùy vào kích thước stent.	Cái	hộp/ cái	40	22.475.000	899.000.000	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NGUYỄN PHƯƠNG

2	PP25 00386 499	Stent mạch vành phủ thuốc, có lớp polymer tự tiêu sinh học	2526B V-VT- 347	Stent mạch vành phủ thuốc, có lớp polymer tự tiêu sinh học	Stent mạch vành giải phóng thuốc Biolimus A9: BioMatrix Alpha Drug Eluting Coronary Stent System	BMX6-2209; BMX6-2214; BMX6-2219; BMX6-2224; BMX6-2229; BMX6-2509; BMX6-2514; BMX6-2519; BMX6-2524; BMX6-2529; BMX6-2533; BMX6-2536; BMX6-2709; BMX6-2714; BMX6-2719; BMX6-2724; BMX6-2729; BMX6-2733; BMX6-2736; BMX6-3009; BMX6-3014; BMX6-3019; BMX6-3024; BMX6-3029; BMX6-3033; BMX6-3036; BMX6-3509; BMX6-3514; BMX6-3519; BMX6-3524; BMX6-3529; BMX6-3533; BMX6-3536; BMX6-4009; BMX6-4014; BMX6-4019; BMX6-4024; BMX6-4029	BioMatrix Alpha	Singapor e	Biosenso rs Interventi onal Technolo gies Pte. Ltd.	- Khung động mạch vành bằng hợp kim Cobalt Chromium (CoCr) - Thuốc phủ: Biolimus A9. Thuốc trộn với polymer PLA tự tiêu sinh học - Đường kính khung stent có các kích thước sau: 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm, 4.00mm - Chiều dài khung stent có các kích thước sau: 9mm, 14mm, 19mm, 24mm, 29mm, 33mm, 36mm	Cái	Hộp/ 1 Cái	10	40.000.000	400.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
---	----------------------	--	-----------------------	---	---	--	--------------------	---------------	---	---	-----	---------------	----	------------	-------------	---

3	PP25 00386 500	Khung giá đỡ động mạch vành	2526B V-VT- 348	Khung giá đỡ động mạch vành	Khung giá đỡ động mạch vành	LICM 20-7 OPTI; LICM 225-7 OPTI; LICM 25-7 OPTI; LICM 275-7 OPTI; LICM 30-7 OPTI; LICM 35-7 OPTI; LICM 20-10 OPTI; LICM 225-10 OPTI; LICM 25-10 OPTI; LICM 275-10 OPTI; LICM 30-10 OPTI; LICM 35-10 OPTI; LICM 40-10 OPTI; LICM 20-13 OPTI; LICM 225-13 OPTI; LICM 25-13 OPTI; LICM 275-13 OPTI; LICM 30-13 OPTI; LICM 35-13 OPTI; LICM 40-13 OPTI; LICM 45-13 OPTI; LICM 50-13 OPT; LICM 20-16 OPTI; LICM 225-16 OPT LICM 25-16 OPTI LICM 275-16 OPT LICM 30-16 OPT LICM 35-16 OPT;LICM 40-16 OPTI; LICM 45-16 OPTI; LICM 50-16 OPTI; LICM 25-19 OPTI; LICM 275-19 OPTI; LICM 30-19 OPTI; LICM 35-19 OPTI; LICM 40-19 OPTI; LICM 45-19 OPTI; LICM 50-19 OPTI; LICM 25-22 OPTI; LICM 275-22 OPTI; LICM 30-22 OPTI; LICM 35-22 OPTI; LICM 40-22 OPTI; LICM 25-25 OPTI; LICM 275-25 OPT; LICM 30-25 OPTI; LICM 35-25 OPTI; LICM 40-25 OPTI; LICM 25-28 OPTI; ICM 275-28 OPT; LICM 30-28 OPTI; LICM 35-28 OPTI; LICM 40-28 OPTI; LICM275-32 OPTI; LICM 30-32 OPTI; LICM 35-32 OPTI; LICM 40-32 OPTI; LICM 275-38 OPTI; LICM 30-38 OPTI; LICM 35-38 OPTI; LICM 40-38 OPTI	Ti TAN OPTIMA X	Pháp	HEXAC ATH	Khung giá đỡ động mạch vành hoạt tính sinh học gắn sẵn trên catheter. Chất liệu stent Co-Cr L-605 với lớp phủ Titanox TM (Titanium-Nitride-Oxide). - Chiều dài làm việc: 140cm (±5%) - Tối thiểu 10 độ dài stent: 7 đến 38 mm - Tối thiểu 9 đường kính stent: 2.0 đến 5,0 mm - Đánh dấu cân quang: 2 điểm platinum / iridium - Catheter có đầu tip xa linh hoạt, bóng và phần ống từ polyme, một khối hypotube từ thép không gỉ. Catheter có khóa luer ở đầu gần. Bề mặt ngoài được phủ một lớp ưa nước không hoạt tính - Đường kính trục đầu gần: Ống Hypotube: 2.01F (0.67mm) - Đường kính trục đầu xa: Tối thiểu: 2.66F (0.88mm) Tối đa: 3.3F (1.09mm) - Đường kính dây dẫn tối đa: 0.014" (0.356mm) - Diện tích bề mặt khung kim loại: 19% ở mức 3.0mm - Áp lực thông thường: 8 bars - Áp lực vỡ bóng: 16 bars	Cái	01 Cái/ Hộp	60	28.500.000	1.710.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM
4	PP25 00386 501	Giá đỡ mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 349	Giá đỡ mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimus	Genoss DES	GDES-xx-xxx	Genoss DES	Hàn Quốc	Genoss Co., Ltd	- Stent bằng vật liệu Cobalt-Chromium alloy, L-605, độ dày 70µm - Phủ polymer tự tiêu (PLLA/PGLA), công nghệ phủ Abluminal một phần trên stent tiếp xúc với thành trong của mạch, độ dày 3µm - Thuốc Sirolimus 1.02µg/mm2, độ dày phủ thuốc < 4µm, phóng thích hơn 60% thuốc trong 30 ngày - Đường kính: 2.25-5.00mm Chiều dài 8-38mm	Cái	01 Cái/ Hộp	50	33.990.000	1.699.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

5	PP25 00386 502	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimu s, phủ unic	2526B V-VT- 350	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, phủ unic	Giá đỡ mạch vành ALISCR	AL203240cr; AL203840cr; AL204240cr; AL201625cr; AL202025cr; AL202425cr; AL202825cr; AL203225cr; AL203825cr; AL204225cr; AL2012275cr; AL2016275cr; AL2020275cr; AL2024275cr; AL2028275cr; AL2032275cr; AL2038275cr; AL2042275cr; AL201230cr; AL201630cr; AL202030cr; AL202430cr; AL202830cr; AL203230cr; AL201225cr; AL203830cr; AL204230cr; AL201235cr; AL201635cr; AL202035cr; AL202435cr; AL202835cr; AL203235cr; AL203835cr; AL204235cr; AL201240cr; AL201640cr; AL202040cr; AL202440cr; AL202840cr	ALISCR	Đức	Alco Advance d Lightwei ght Construct ions GmbH	Stent chất liệu cobalt chromium phủ thuốc sirolimus, nồng độ phủ thuốc: 1.4 µg/mm2, thời gian giải phóng thuốc 6 tuần, lớp phủ bề mặt ngoài Abluminal và lớp phủ phân hủy sinh học Unic Stent được thiết kế dưới dạng mở với 3 liên kết trên mỗi phần đoạn và 6 phần tử zigzag trên mỗi phần tử vòng. Kích cỡ đường kính 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0mm. Chiều dài: 12, 16, 20, 24, 28, 32, 38, 42mm. Độ dày thanh chống: 0,08mm Tiết diện trung bình: 0,90mm Chiều dài catheter 140cm Áp suất trung bình 8atm, áp suất vỡ bóng 14-16atm, đầu bóng dài hơn stent 0.5mm Đường kính trong ống thông tương thích tối thiểu 0,064” (1,63 mm) Đường kính ngoài dây dẫn tối đa 0,014” (0,36 mm) Đạt tiêu chuẩn CE Xuất xứ: G7	Cái	01 Cái/ Hộp	60	36.500.000	2.190.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM
---	----------------------	--	-----------------------	---	-------------------------------	---	--------	-----	--	--	-----	----------------	----	------------	---------------	-------------------------------------

6	PP25 00386 503	Giá đỡ can thiệp mạch vành phủ Sirolimu s	2526B V-VT- 351	Giá đỡ can thiệp mạch vành phủ Sirolimus	Giá đỡ can thiệp mạch vành phủ Sirolimus ORSIRO MISSION	419107; 419113; 419119; 419125; 419131; 419137; 419143; 419149; 419101; 419108; 419114; 419120; 419126; 419132; 419138; 419144; 419150; 419102; 419109; 419115; 419121; 419127; 419133; 419139; 419145; 419151; 419103; 419110; 419116; 419122; 419128; 419134; 419140; 419146; 419152; 419104; 419111; 419117; 419123; 419129; 419135; 419141; 419147; 419153; 419105; 419112; 419118; 419124; 419130; 419136; 419142; 419148; 419154; 419106;	Giá đỡ can thiệp mạch vành phủ Sirolimus ORSIRO MISSION	Thụy Sĩ	Biotronik AG	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus với lớp phủ kép Biolute và ProBio - Vật liệu stent bằng Cobalt Chromium trên nền stent thường được phủ lớp Silicon Carbide (PROBIO) và lớp Biolute có Polymer tự tiêu Poly- L-Lactic Acid (PLLA) - Liều lượng thuốc: 1.4µg/mm² - Đường kính từ 2.25 - 4.0 mm có kích thước thanh stent 60 µm (0.0024") đến 80 µm (0.0031") - Kích thước: ø 2.25-4.0mm; chiều dài: 9-40mm. Áp lực chuẩn (NP): 10 atm, áp lực tối đa cho phép (RBP): 16 atm	Cái	1 Cái/ Hộp	60	40.500.000	2.430.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT
7	PP25 00386 504	Khung giá đỡ động mạch vành loại bọc thuốc Sirolimu s các cỡ	2526B V-VT- 352	Khung giá đỡ động mạch vành loại bọc thuốc Sirolimus các cỡ	Khung giá đỡ động mạch vành loại bọc thuốc Sirolimus các cỡ	DE-RQ2209KSM; DE-RQ2212KSM DE-RQ2215KSM; DE-RQ2218KSM DE-RQ2221KSM; DE-RQ2224KSM DE-RQ2228KSM; DE-RQ2233KSM DE-RQ2238KSM; DE-RQ2509KSM DE-RQ2512KSM; DE-RQ2515KSM DE-RQ2518KSM; DE-RQ2521KSM DE-RQ2524KSM; DE-RQ2528KSM DE-RQ2533KSM; DE-RQ2538KSM DE-RQ2709KSM; DE-RQ2712KSM DE-RQ2715KSM; DE-RQ2718KSM DE-RQ2721KSM; DE-RQ2724KSM DE-RQ2728KSM; DE-RQ2733KSM DE-RQ2738KSM; DE-RQ3009KSM DE-RQ3012KSM; DE-RQ3015KSM DE-RQ3018KSM; DE-RQ3021KSM DE-RQ3024KSM; DE-RQ3028KSM DE-RQ3033KSM; DE-RQ3038KSM DE-RQ3509KSM; DE-RQ3512KSM DE-RQ3515KSM; DE-RQ3518KSM DE-RQ3521KSM; DE-RQ3524KSM DE-RQ3528KSM; DE-RQ3533KSM DE-RQ3538KSM; DE-RQ4009KSM DE-RQ4012KSM; DE-RQ4015KSM DE-RQ4018KSM; DE-RQ4021KSM DE-RQ4024KSM; DE-RQ4028KSM DE-RQ4033KSM; DE-RQ4038KSM	Ultimaster Tansei	Nhật Bản	Ashitaka Factory of Terumo Corporati on	Cấu trúc thành mỏng 80µm làm bằng chất liệu Cobalt Chromium L605, được phủ phía ngoài áp thành mạch lớp polymer tự tiêu Poly (DL- lactideco caprolactone) trộn thuốc Sirolimus liều lượng 3,9µg/ chiều dài khung giá đỡ Thông số hệ thống: +Đầu vào: 0.018" +Vật liệu bóng nong: Nylon 12 +áp lực tham chiếu: 9atm, áp lực tối đa 14-16atm +khẩu kính băng qua tổn thương 0.044" +Đường kính trục đoạn xa: 2.7Fr có lớp phủ ái nước, đoạn gần 1.9Fr +độ dài trục: 144 cm Kích cỡ khung giá đỡ: +Có 9 kích thước chiều dài từ 9 đến 38mm +Có 6 kích thước đường kính 2.25 đến 4.0mm	Cái	1 Cái/ Hộp	40	36.980.000	1.479.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT

8	PP25 00386 505	Khung giá đỡ động mạch vành phù thuốc sirolimu s	2526B V-VT- 353	Khung giá đỡ động mạch vành phù thuốc sirolimus	iVascular Angiolite	iVascularAngiolite SCCDSR14150200009,SCCDSR14150200014,SCC DSR14150200016,SCCDSR14150200019,SCCDSR 14150200024,SCCDSR14150200029,SCCDSR1415 0200034,SCCDSR14150200039,SCCDSR14150225 009,SCCDSR14150225014,SCCDSR14150225016,S CCDSR14150225019,SCCDSR14150225024,SCCD SR14150225029,SCCDSR14150225034,SCCDSR14 150225039,SCCDSR14150250009,SCCDSR141502 50014,SCCDSR14150250016,SCCDSR1415025001 9,SCCDSR14150250024,SCCDSR14150250029,SC CDSR14150250034,SCCDSR14150250039,SCCDS R14150250044,SCCDSR14150250049,SCCDSR141 50275009,SCCDSR14150275014,SCCDSR1415027 5016,SCCDSR14150275019,SCCDSR14150275024, SCCDSR14150275029,SCCDSR14150275034,SCC DSR14150275039,SCCDSR14150275044,SCCDSR 14150275049,SCCDSR14150300009,SCCDSR1415 0300014,SCCDSR14150300016,SCCDSR14150300 019,SCCDSR14150300024,SCCDSR14150300029,S CCDSR14150300034,SCCDSR14150300039,SCCD SR14150300044,SCCDSR14150300049,SCCDSR14 150350009,SCCDSR14150350014,SCCDSR141503 50016,SCCDSR14150350019,SCCDSR1415035002 4,SCCDSR14150350029,SCCDSR14150350034,SC CDSR14150350039,SCCDSR14150350044,SCCDS R14150350049,SCCDSR14150400009,SCCDSR141 50400014,SCCDSR14150400016,SCCDSR1415040 0019,SCCDSR14150400024,SCCDSR14150400029, SCCDSR14150400034,SCCDSR14150400039,SCC DSR14150400044,SCCDSR14150400049,SCCDSR 14150450009,SCCDSR14150450014,SCCDSR1415 0450016,SCCDSR14150450019,SCCDSR14150450 024,SCCDSR14150450029,SCCDSR14150450034,S CCDSR14150450039 .	iVascular Angiolite	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices Biotech S.L	Khung giá đỡ mạch vành phù thuốc Sirolimus, khung CoCr L605, thiết kế mắt Open cell, độ dày thành stent từ 75-85µm, Polymer ổn định sinh học fluorinated acrylate. Nồng độ thuốc 1.4µm/mm2. Chất liệu bóng nylon/pebax chịu được áp lực tối đa 22 atm. Tối thiểu 8 kích thước đường kính stent (mm) 2.00 đến 4.50 mm. Tối thiểu 10 kích thước chiều dài Stent (mm) 9 đến 49.	Cái	Hộp 1 Cái	30	36.200.000	1.086.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT
---	----------------------	--	-----------------------	--	------------------------	--	------------------------	----------------	---	--	-----	--------------	----	------------	---------------	--

9	PP25 00386 506	Giá Đỡ Mạch Vành Phủ Thuốc Zotaroli mus	2526B V-VT- 354	Giá Đỡ Mạch Vành Phủ Thuốc Zotarolimu s	Giá Đỡ Mạch Vành Phủ Thuốc Zotarolimus- Eluting Resolute Onyx	RONYX20008X;RONYX20012X;RONYX20015X; RONYX20018X;RONYX20022X;RONYX20026X; RONYX20030X;RONYX22508X;RONYX22512X; RONYX22515X;RONYX22518X;RONYX22522X; RONYX22526X;RONYX22530X;RONYX22534X; RONYX22538X;RONYX25008X;RONYX25012X; RONYX25015X;RONYX25018X;RONYX25022X; RONYX25026X;RONYX25030X;RONYX25034X; RONYX25038X;RONYX27508X;RONYX27512X; RONYX27515X;RONYX27518X;RONYX27522X; RONYX27526X;RONYX27530X;RONYX27534X; RONYX27538X;RONYX30008X;RONYX30012X; RONYX30015X;RONYX30018X;RONYX30022X; RONYX30026X;RONYX30030X;RONYX30034X; RONYX30038X;RONYX35008X;RONYX35012X; RONYX35015X;RONYX35018X;RONYX35022X; RONYX35026X;RONYX35030X;RONYX35034X; RONYX35038X;RONYX40008X;RONYX40012X; RONYX40015X;RONYX40018X;RONYX40022X; RONYX40026X;RONYX40030X;RONYX40034X; RONYX40038X;RONYX45012X;RONYX45015X; RONYX45018X;RONYX45022X;RONYX45026X; RONYX45030X;RONYX50012X;RONYX50015X; RONYX50018X;RONYX50022X;RONYX50026X; RONYX50030X	Resolute Onyx Zotarolim us- Eluting Coronary Stent System	Ireland	Medtroni c Ireland	Vật liệu Cobalt lõi Platinum Iridium và cấu trúc stent hình Sin, độ dày 0.0032inch. Áp lực thường 12atm, áp lực vỡ bóng 16 atm (đường kính 4,5- 5.0mm), 18 atm (đường kính 2.0mm-4.0mm). Bọc thuốc Zotarolimus. Vật liệu Polymer. Marker Platinum iridium. Kích cỡ khung giá đỡ: + 9 kích thước chiều dài: 8mm, 12mm, 15mm, 18mm, 22mm, 26mm, 30mm, 34mm, 38mm. + 9 kích thước đường kính: 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm	Cái	1 Cái/ Hộp	50	43.190.000	2.159.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
---	----------------------	---	-----------------------	--	---	---	--	---------	-----------------------	--	-----	---------------	----	------------	---------------	---

10	PP25 00386 507	Stent mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 355	Stent mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimus	Yukon Chrome PC	T-CMG2008PC;T-CMG2012PC;T-CMG2016PC; T-CMG2018PC;T-CMG2021PC;T-CMG2024PC; T-CMG2028PC;T-CMG2032PC;T-CMG22508PC; T-CMG22512PC;T-CMG22516PC;T-CMG22518PC; T-CMG22521PC;T-CMG22524PC;T-CMG22528PC; T-CMG22532PC;T-CMG2508PC;T-CMG2512PC; T-CMG2516PC;T-CMG2518PC;T-CMG2521PC; T-CMG2524PC;T-CMG2528PC;T-CMG2532PC; T-CMG27508PC;T-CMG27512PC;T-CMG27516PC; T-CMG27518PC;T-CMG27521PC;T-CMG27524PC; T-CMG27528PC;T-CMG27532PC;T-CMG27540PC; T-CMG3008PC;T-CMG3012PC;T-CMG3016PC; T-CMG3018PC;T-CMG3021PC;T-CMG3024PC; T-CMG3028PC;T-CMG3032PC;T-CMG3040PC; T-CMG3508PC;T-CMG3512PC;T-CMG3516PC; T-CMG3518PC;T-CMG3521PC;T-CMG3524PC; T-CMG3528PC;T-CMG3532PC;T-CMG3540PC; T-CMG4008PC;T-CMG4012PC;T-CMG4016PC; T-CMG4018PC;T-CMG4021PC;T-CMG4024PC; T-CMG4028PC;T-CMG4032PC;T-CMG4040PC	Yukon Chrome PC	Đức	Translum ina GmbH	- Stent mạch vành chất liệu Cobalt Chromium phủ thuốc Sirolimus (Rapamycin), lớp Polymer phân hủy sinh học (PLA). - Bề mặt stent nhám chứa vô số lỗ nhỏ li ti. - Chu vi mắt cáo 18.5mm khi bung, thiết kế 2 thanh nối trên 1 segment. - Marker: Platinum / Iridium. - Khẩu kính thâm nhập tổn thương: 0.016" - Khẩu kính băng qua tổn thương 0,93 mm (Ø 2,5 mm). - Độ dày thanh chống 68 µm đến 79 µm. - Hàm lượng thuốc 12.5 µg/mm. Kích cỡ stent: + Chiều dài: 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32, 40 mm + Đường kính: 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00 mm	Cái	1 Cái/ Hộp	60	32.090.000	1.925.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
----	----------------------	--	-----------------------	---	--------------------	--	-----------------------	-----	-------------------------	---	-----	---------------	----	------------	---------------	--

11	PP25 00386 508	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everoli mus	2526B V-VT- 356	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimu s	Giá đỡ động mạch vành Xience Xpedition	1070200-08; 1070200-12; 1070200-15; 1070200-18; 1070200-23; 1070200-28; 1070225-08; 1070225-12; 1070225-15; 1070225-18; 1070225-23; 1070225-28; 1070250-08; 1070250-12; 1070250-15; 1070250-18; 1070250-23; 1070250-28; 1070250-33; 1070250-38; 1070250-48; 1070275-08; 1070275-12; 1070275-15; 1070275-18; 1070275-23; 1070275-28; 1070275-33; 1070275-38; 1070275-48; 1070300-08; 1070300-12; 1070300-15; 1070300-18; 1070300-23; 1070300-28; 1070300-33; 1070300-38; 1070300-48; 1070325-08; 1070325-12; 1070325-15; 1070325-18; 1070325-23; 1070325-28; 1070325-33; 1070325-38; 1070350-08; 1070350-12; 1070350-15; 1070350-18; 1070350-23; 1070350-28; 1070350-33; 1070350-38; 1070350-48; 1070400-08; 1070400-12; 1070400-15; 1070400-18; 1070400-23; 1070400-28; 1070400-33; 1070400-38	XIENCE Xpedition ™ Everolimu s Eluting Coronary Stent System; XIENCE Xpedition ™ 48 Everolimu s Eluting Coronary Stent System	Ireland	Abbott Vascular	Thuốc phủ: Everolimus Kích cỡ khung giá đỡ: + Gồm 9 kích thước chiều dài (mm) từ 8 đến 48mm: 8; 12; 15; 18; 23; 28; 33; 38; 48. + Gồm 8 kích thước đường kính (mm) từ 2.0 đến 4.0mm: 2,0; 2,25; 2,5; 2,75; 3,0; 3,25; 3,5; 4,0. Chất liệu stent: Hợp kim cobalt chromium L-605 Lớp phủ polymer: phủ lớp tương thích sinh học fluorinated copolymer vĩnh cửu Giãn nở tối đa: từ 3.25 đến 4.5mm Kích thước phần thân (tối đa): Đoạn gần: 0.028"; đoạn giữa: 0.038"; Đoạn xa: 0.034" Độ rộng của lỗ ra dây dẫn (trung bình): 0.033" Bóng trong stent: chất liệu Pebax đa lớp, giãn nở bóng ngang, thiết kế gấp 5 cánh Áp lực tối đa: 18 atm Chiều dài ống thông làm việc: 145 cm	Cái	Hộp 1 cái	20	43.500.000	870.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
----	----------------------	---	-----------------------	---	---	---	--	---------	--------------------	---	-----	--------------	----	------------	-------------	---

12	PP25 00386 509	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everoli mus	2526B V-VT- 357	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimu s	Giá đỡ động mạch vành Xience Sierra	1500200-08; 1500200-12; 1500200-15; 1500200-18; 1500200-23; 1500200-28; 1500200-33; 1500200-38; 1500225-08; 1500225-12; 1500225-15; 1500225-18; 1500225-23; 1500225-28; 1500225-33; 1500225-38; 1500250-08; 1500250-12; 1500250-15; 1500250-18; 1500250-23; 1500250-28; 1500250-33; 1500250-38; 1500275-08; 1500275-12; 1500275-15; 1500275-18; 1500275-23; 1500275-28; 1500275-33; 1500275-38; 1500300-08; 1500300-12; 1500300-15; 1500300-18; 1500300-23; 1500300-28; 1500300-33; 1500300-38; 1500325-08; 1500325-12; 1500325-15; 1500325-18; 1500325-23; 1500325-28; 1500325-33; 1500325-38; 1500350-08; 1500350-12; 1500350-15; 1500350-18; 1500350-23; 1500350-28; 1500350-33; 1500350-38; 1500400-08; 1500400-12; 1500400-15; 1500400-18; 1500400-23; 1500400-28; 1500400-33; 1500400-38	XIENCE Sierra™ Everolimu s Eluting Coronary Stent System	Ireland	Abbott Vascular	Phủ thuốc Everolimus Kích cỡ khung giá đỡ: +Tối thiểu 8 kích thước chiều dài (mm) từ 8 đến 38mm: 8; 12; 15; 18; 23; 28; 33; 38. +Tối thiểu 8 kích thước đường kính (mm) 2.0 đến 4.0mm: 2,0; 2,25; 2,5; 2,75; 3,0; 3,25; 3,5; 4,0. Stent được thiết kế 6 đỉnh đến 9 đỉnh Chất liệu stent: Hợp kim cobalt chromium L-605 Lớp phủ polymer: phủ lớp tương thích sinh học fluorinated copolymer vĩnh cửu Giãn nở tối đa: từ 3.75mm đến 5.5mm Đầu tip trung tâm: thiết kế với hệ thống định vị đồng trục Bóng trong stent: Chất liệu pebax 72D Áp lực tối đa: 16 atm Chiều dài ống thông làm việc: 145 cm	Cái	Hộp 1 cái	40	43.500.000	1.740.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
----	----------------------	---	-----------------------	---	---	---	--	---------	--------------------	---	-----	--------------	----	------------	---------------	---

13	PP25 00386 510	Khung giá đỡ động mạch vành siêu móng phủ thuốc Sirolimu s trộn Polymer 3 lớp	2526B V-VT- 358	Khung giá đỡ động mạch vành siêu móng phủ thuốc Sirolimus trộn Polymer 3 lớp	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Supraflex Star	FGTT200008IE;FGTT200012IE;FGTT200016IE;FGTT200020IE;FGTT200024IE;FGTT200028IE;FGTT200032IE;FGTT200036IE;FGTT200040IE;FGTT200044IE;FGTT200048IE;FGTT225008IE;FGTT225012IE;FGTT225016IE;FGTT225020IE;FGTT225024IE;FGTT225028IE;FGTT225032IE;FGTT225036IE;FGTT225040IE;FGTT225044IE;FGTT225048IE;FGTT250008IE;FGTT250012IE;FGTT250016IE;FGTT250020IE;FGTT250024IE;FGTT250028IE;FGTT250032IE;FGTT250036IE;FGTT250040IE;FGTT250044IE;FGTT250048IE;FGTT275008IE;FGTT275012IE;FGTT275016IE;FGTT275020IE;FGTT275024IE;FGTT275028IE;FGTT275032IE;FGTT275036IE;FGTT275040IE;FGTT275044IE;FGTT275048IE;FGTT300008IE;FGTT300012IE;FGTT300016IE;FGTT300020IE;FGTT300024IE;FGTT300028IE;FGTT300032IE;FGTT300036IE;FGTT300040IE;FGTT300044IE;FGTT300048IE;FGTT350008IE;FGTT350012IE;FGTT350016IE;FGTT350020IE;FGTT350024IE;FGTT350028IE;FGTT350032IE;FGTT350036IE;FGTT350040IE;FGTT350044IE;FGTT400008IE;FGTT400012IE;FGTT400016IE;FGTT400020IE;FGTT400024IE;FGTT400028IE;FGTT400032IE;FGTT400036IE;FGTT400040IE;FGTT400044IE;FGTT400048IE;FGTT450008IE;FGTT450012IE;FGTT450016IE;FGTT450020IE;FGTT450024IE;FGTT450028IE;FGTT450032IE;FGTT450036IE;FGTT450040IE;FGTT450044IE;FGTT450048IE	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Supraflex Star	Ireland	Sahajana nd Medical Technolo gies Ireland Limited	- Chất liệu Cobalt Crom L-605; - Độ dày stent 60 µm cho tất cả các đường kính - Thanh liên kết chữ Z (cấu trúc LDZ-link). - Thuốc: Sirolimus, nồng độ 1.4 µg/mm ² - Polymer mang thuốc có cấu trúc 3 lớp PVP-PLLA-PLCL, Tổng độ dày lớp Polymer từ 4-6µm. - Đường kính: 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.50; 4.00; 4.50 mm - Chiều dài: 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40; 44; 48mm	Cái	Cái/ hộp	50	32.100.000	1.605.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG
----	----------------------	---	-----------------------	---	--	--	--	---------	---	---	-----	----------	----	------------	---------------	---

14	PP25 00386 511	Khung giá đỡ động mạch vành với thanh liên kết chữ Z	2526B V-VT- 359	Khung giá đỡ động mạch vành với thanh liên kết chữ Z	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Supraflex Cruz	FGTZ200008IE;FGTZ200012IE;FGTZ200016IE;FGTZ200020IE;FGTZ200024IE;FGTZ200028IE;FGTZ200032IE;FGTZ200036IE;FGTZ200040IE;FGTZ200044IE;FGTZ200048IE;FGTZ225008IE;FGTZ225012IE;FGTZ225016IE;FGTZ225020IE;FGTZ225024IE;FGTZ225028IE;FGTZ225032IE;FGTZ225036IE;FGTZ225040IE;FGTZ225044IE;FGTZ225048IE;FGTZ250008IE;FGTZ250012IE;FGTZ250016IE;FGTZ250020IE;FGTZ250024IE;FGTZ250028IE;FGTZ250032IE;FGTZ250036IE;FGTZ250040IE;FGTZ250044IE;FGTZ250048IE;FGTZ275008IE;FGTZ275012IE;FGTZ275016IE;FGTZ275020IE;FGTZ275024IE;FGTZ275028IE;FGTZ275032IE;FGTZ275036IE;FGTZ275040IE;FGTZ275044IE;FGTZ275048IE;FGTZ300008IE;FGTZ300012IE;FGTZ300016IE;FGTZ300020IE;FGTZ300024IE;FGTZ300028IE;FGTZ300032IE;FGTZ300036IE;FGTZ300040IE;FGTZ300044IE;FGTZ300048IE;FGTZ350008IE;FGTZ350012IE;FGTZ350016IE;FGTZ350020IE;FGTZ350024IE;FGTZ350028IE;FGTZ350032IE;FGTZ350036IE;FGTZ350040IE;FGTZ350044IE;FGTZ350048IE;FGTZ400008IE;FGTZ400012IE;FGTZ400016IE;FGTZ400020IE;FGTZ400024IE;FGTZ400028IE;FGTZ400032IE;FGTZ400036IE;FGTZ400040IE;FGTZ400044IE;FGTZ400048IE;FGTZ450008IE;FGTZ450012IE;FGTZ450016IE;FGTZ450020IE;FGTZ450024IE;FGTZ450028IE;FGTZ450032IE;FGTZ450036IE;FGTZ450040IE;FGTZ450044IE;FGTZ450048IE	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Supraflex Cruz	Ireland	Sahajana nd Medical Technolo gies Ireland Limited	- Chất liệu Cobalt Crom L-605; - Độ dày stent 60 µm cho tất cả các đường kính. - Thanh liên kết chữ Z tăng cường khả năng đẩy. - Thuốc: Sirolimus, nồng độ 1.4 µg/mm2 - Tỷ lệ nội mạc hóa tại thời điểm 4-6 tuần 91.3% - Đường kính: 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.50; 4.00; 4.50 mm - Chiều dài: 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40; 44; 48mm	Cái	Cái/ hộp	50	37.456.000	1.872.800.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG
15	PP25 00386 512	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimu s các loại, các cỡ	2526B V-VT- 360	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus các loại, các cỡ	AFFINITY™ CC Sirolimus- Eluting Coronary Stent System Cobalt Chromium	25607-CC ; 25611-CC ; 25614-CC ; 25618-CC ; 25621-CC ; 25707-CC ; 25711-CC ; 25714-CC ; 25718-CC ; 25721-CC ; 25807-CC ; 25811-CC ; 25814-CC ; 25818-CC ; 25821-CC ; 25907-CC ; 25911-CC ; 25914-CC ; 25918-CC ; 25921-CC ; 25507-CC ; 25511-CC ; 25514-CC ; 25518-CC ; 25521-CC ; 25401-CC	AFFINIT Y™ CC Sirolimus- Eluting Coronary Stent System Cobalt Chromium	Mỹ	Umbra medical products, Inc	Chất liệu khung stent làm bằng cobalt chromium phủ thuốc Sirolimus. Đường kính đầu gần 2.3F, đầu xa 2.8F. polymer tương thích sinh học PEVA. Chiều dài catheter 135cm. Áp lực trung bình 8atm. độ dày thanh chống: 0.080mm. Crossing profile: 0.9-1.2mm. Đường kính từ 2.25-4.0mm. Chiều dài từ 12- 38mm	Cái	01 Cái/ Hộp	20	35.000.000	700.000.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA

16	PP25 00386 513	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimu s không chứa polymer	2526B V-VT- 361	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus không chứa polymer	AFFINITY NP TM Polymer-free Sirolimus Eluting Coronary stent System	25607-NP ; 15513-NP ; 15512-NP ; 15514- NP ; 25620-NP ; 15517-NP ; 15518-NP ; 25718-NP ; 25720-NP ; 15521-NP ; 15522- NP ; 25818-NP ; 25820-NP ; 25907-NP ; 15525-NP ; 15526-NP ; 25918-NP ; 25920- NP ; 15530-NP ; 15531-NP ; 15532-NP ; 15533-NP; 25801-NP	AFFINIT Y NP TM Polymer- free Sirolimus Eluting Coronary stent System	Mỹ	Umbra medical products, Inc	Stent phủ thuốc Sirolimus trực tiếp lên khung stent không chứa polymer, nồng độ phủ thuốc 2.2µg/mm2. Chiều dài catheter 135cm. Đường kính stent từ: 2.5 -4.0mm, chiều dài từ 9- 36mm.	Cái	01 Cái/ Hộp	20	40.000.000	800.000.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA
17	PP25 00386 514	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 362	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	AFFINITY Mini Strut TM Sirolimus- Eluting Coronary Stent System Cobalt Chromium	25607-MS ; 25611-MS ; 25614-MS ; 25618- MS ; 25621-MS ; 25707-MS ; 25711-MS ; 25714-MS ; 25718-MS ; 15241-MS ; 15242- MS ; 25807-MS ; 25811-MS ; 25814-MS ; 25818-MS ; 25821-MS ; 15243-MS ; 25907- MS ; 25911-MS ; 25914-MS ; 25918-MS ; 25921-MS ; 15075-MS ; 15076-MS ; 15077- MS ; 15078-MS ; 25801-MS; 25405-MS	AFFINIT Y Mini Strut TM Sirolimus- Eluting Coronary Stent System Cobalt Chromium	Mỹ	Umbra medical products, Inc	Chất liệu cobalt chromium thiết kế dạng xoắn kép hình sin dạng 3-3-3 lượn sóng, Thuốc phủ: Sirolimus được phủ lên lớp polymer tương thích sinh học PEVA và PBMA. Đường kính đầu gần 2.3F, đầu xa 2.8F. Chiều dài catheter 135cm. Độ dày thành chống 0.065mm. Áp lực trung bình 8atm, Đường kính stent từ: 2.25- 4.0mm, Chiều dài stent từ: 8- 38mm.	Cái	01 Cái/ Hộp	20	39.000.000	780.000.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA

18	PP25 00386 515	Stent động mạch vành phủ thuốc	2526B V-VT- 363	Stent động mạch vành phủ thuốc	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus, Abluminus	EABxxxxx	Abluminu s	Ấn Độ	Envision scientific	Phủ thuốc: trên stent (phủ bụng) và phần tiếp xúc của bóng; phủ thêm 0,5mm cạnh gần và cạnh xa của bóng; hình thành màng tròn Sirolimus(sự hình thành màng tròn polyme tải thuốc Sirolimus).. - Phủ thuốc: Sirolimus 1.4 µg/mm2, phát hành thuốc: tối thiểu 50% trong 7 ngày và 70% trong 48 ngày, Polyme tự tiêu sinh học. - Stent bằng hợp kim Crom Cobalt L605, độ dày thanh Stent: 73 µm ; NP/RBP: 8 bar/14 bar, tương thích ống thông SF cho tất cả các kích cỡ, dây dẫn 0.014"; tiết diện thâm nhập 0.016". - Kích thước stent: Đường kính 2.25- 5.00 mm; chiều dài stent 8-52mm.	Cái	01 Cái/ Hộp	30	35.230.000	1.056.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC
----	----------------------	---	-----------------------	--	---	----------	---------------	-------	------------------------	--	-----	----------------	----	------------	---------------	--

19	PP25 00386 516	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc	2526B V-VT- 364	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus Inspiron	lxxxxx	Inspiron	Brazil	Scitech Produtos Medicos SA	Stent động mạch vành các cỡ phủ thuốc có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu, chất liệu khung cobalt-crom (CoCr L605) Lớp polymers tự tiêu: PLLA& PLGA - Polymers tự tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 6 đến 9 tháng - Stent Strut thickness: 75µm, Lớp phủ 5µm - Bề rộng nhánh stent 80µm - Bề dày link kết nối hình chữ S: 65µm - Áp lực danh định (NP) 10 atm, áp lực nổ (RBP): 18atm Kích cỡ khung giá đỡ: +Tối thiểu 9 kích thước chiều dài từ đến 13 đến 58mm +Tối thiểu 6 kích thước đường kính 2.25 đến 4.0mm - Đường kính stent: từ 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0mm - Độ dài stent: từ 13; 16; 19; 23; 29; 33; 38; 48, 58mm - Đường kính đầu gần 2.1F, đường kính đầu xa 2.8F - Hệ thống catheter: 145cm	Cái	01 Cái/ Hộp	20	34.000.000	680.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMEDIC VIỆT NAM
----	----------------------	---	-----------------------	---	---	--------	----------	--------	--------------------------------------	--	-----	----------------	----	------------	-------------	--

20	PP25 00386 517	Stent mạch vành phủ thuốc, có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu	2526B V-VT- 365	Stent mạch vành phủ thuốc, có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu	XLIMUS	XL x.xx-x; XL x.xx-xx	XLIMUS	Đức	Cardiono vum GmbH	Khung giá đỡ động mạch vành các cỡ phủ thuốc Everolimus có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu Khung giá đỡ: khung cobalt- crom (CoCr L605) Lớp polymers tự tiêu: PLLA& PLGA - Polymers tự tiêu hoàn toàn sau 4 tuần - Mật độ phủ thuốc: 1.25 µg/mm ² . - Stent Strut thickness: 73µm - Khẩu kính qua tổn thương: 0.90mm - Áp lực thường (NP) 8 atm, áp lực nở (RBP): 16atm - Kích cỡ khung giá đỡ: +Tối thiểu 9 kích thước chiều dài từ 8 đến 40mm +Tối thiểu 8 kích thước đường kính 2.25 đến 5.0mm - Đường kính stent: từ 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0mm - Độ dài stent: từ 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40mm - Đường kính đầu gần 1.9F, đường kính đầu xa 2.7F	Cái	01 Cái/ Hộp	20	34.000.000	680.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMEDIC VIỆT NAM
21	PP25 00386 518	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 366	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	XLIMUS	XL x.xx-x; XL x.xx-xx	XLIMUS	Đức	Cardiono vum GmbH	Stent động mạch vành các cỡ chất liệu cobalt-crom (CoCr L605) phủ thuốc Sirolimus có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu Lớp polymers tự tiêu: PLLA Polylactid acid, mật độ phủ PLLA: 1.25 µg/mm ² . - Polymers tự tiêu hoàn toàn sau 120 ngày - Mật độ phủ thuốc: 1.25 µg/mm ² . - Độ dày lớp phủ Polymer: 2 µm - Khẩu kính qua tổn thương: 0.90mm - Áp lực thường (NP) 8 atm, áp lực nở (RBP): 16atm - Kích cỡ khung giá đỡ: +Tối thiểu 9 kích thước chiều dài từ 8 đến 40mm +Tối thiểu 8 kích thước đường kính 2.25 đến 5.0mm	Cái	01 Cái/ Hộp	20	34.000.000	680.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMEDIC VIỆT NAM

22	PP25 00386 520	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	2526B V-VT- 368	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus, Vstent	VST-200X08AP;VST-200X09AP;VST-200X13AP; VST-200X15AP;VST-200X18AP;VST-200X23AP VST-200X28AP;VST-200X33AP;VST-200X38AP; VST-200X40AP;VST-200X44AP;VST-200X48AP VST-225X08AP;VST-225X09AP;VST-225X13AP; VST-225X15AP;VST-225X18AP;VST-225X23AP VST-225X28AP;VST-225X33AP;VST-225X38AP; VST-225X40AP;VST-225X44AP;VST-225X48AP VST-250X08AP;VST-250X09AP;VST-250X13AP; VST-250X15AP;VST-250X18AP;VST-250X23AP VST-250X28AP;VST-250X33AP;VST-250X38AP; VST-250X40AP;VST-250X44AP;VST-250X48AP VST-275X08AP;VST-275X09AP;VST-275X13AP; VST-275X15AP;VST-275X18AP;VST-275X23AP VST-275X28AP;VST-275X33AP;VST-275X38AP; VST-275X40AP;VST-275X44AP;VST-275X48AP VST-300X08AP;VST-300X09AP;VST-300X13AP; VST-300X15AP;VST-300X18AP;VST-300X23AP VST-300X28AP;VST-300X33AP;VST-300X38AP; VST-300X40AP;VST-300X44AP;VST-300X48AP VST-325X08AP;VST-325X09AP;VST-325X13AP VST-325X15AP; VST-325X18AP;VST-325X23AP; VST-325X28AP;VST-325X33AP; VST-325X38AP VST-325X40AP; VST-325X44AP;VST-325X48AP; VST-350X08AP;VST-350X09AP; VST-350X13AP VST-350X15AP; VST-350X18AP;VST-350X23AP; VST-350X28AP;VST-350X33AP; VST-350X38AP VST-350X40AP; VST-350X44AP;VST-350X48AP; VST-400X08AP;VST-400X09AP; VST-400X13AP VST-400X15AP; VST-400X18AP;VST-400X23AP; VST-400X28AP;VST-400X33AP; VST-400X38AP VST-400X40AP; VST-400X44AP;VST-400X48AP; VST-450X08AP;VST-450X09AP; VST-450X13AP VST-450X15AP; VST-450X18AP;VST-450X23AP; VST-450X28AP;VST-450X33AP; VST-450X38AP VST-450X40AP; VST-450X44AP;VST-450X48AP	VSTENT - Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nguyên vật liệu khung: Cobalt Chromium. Thiết kế thiết kế 6 đỉnh đến 8 đỉnh. Thuốc phủ: Sirolimus. Liều lượng thuốc: 1.33µg/mm2. Polymer tự tiêu: PLLA/PLGA. Dầu cân quang: 02 dầu cân quang Platinum-Iridium. Kích cỡ khung giá đỡ: + 12 kích thước chiều dài từ 8 đến 48mm + 9 kích thước đường kính 2.00 đến 4.50mm Chiều dài khả dụng: 140 cm. Chiều dài lòng ống dây dẫn: 25mm. Biên dạng đầu tip nhỏ: 0.016" (0.41 mm). Đường kính tối đa dây dẫn tương thích: 0.014" (0.36 mm). Đường kính ống thông tương thích: 5F; và 6F. Áp suất danh định: 7 bar. Áp suất giới hạn: 16 bar.	Cái	01 Cái/ Hộp	20	21.400.000	428.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VNT
23	PP25 00386 521	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 369	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	AFFINITY Mini Strut™ Sirolimus- Eluting Coronary Stent System Cobalt Chromium	25607-MS ; 25611-MS ; 25614-MS ; 25618-MS ; 25621-MS ; 25707-MS ; 25711-MS ; 25714-MS ; 25718-MS ; 15241-MS ; 15242-MS ; 25807-MS ; 25811-MS ; 25814-MS ; 25818-MS ; 25821-MS ; 15243-MS ; 25907-MS ; 25911-MS ; 25914-MS ; 25918-MS ; 25921-MS ; 15075-MS ; 15076-MS ; 15077-MS ; 15078-MS ; 25801-MS; 25405-MS	AFFINIT Y Mini Strut™ Sirolimus- Eluting Coronary Stent System Cobalt Chromium	Mỹ	Umbra medical products, Inc	Chất liệu cobalt chromium dạng xoắn kép hình sin dạng 3-3-3 lượn sóng. Thuốc phủ: Sirolimus được phủ lên lớp polymer tương thích sinh học PEVA và PBMA. Đường kính đầu gắn 2.3F, đầu xa 2.8F. Chiều dài catheter 135cm. Độ dày thanh chống 0.065mm. Áp lực trung bình 8atm, Đường kính stent từ: 2.25-4.0mm, Chiều dài stent từ: 8-38mm.	Cái	01 Cái/ Hộp	20	39.000.000	780.000.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA

24	PP25 00386 522	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Zotaroli mus	2526B V-VT- 370	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Zotarolimu s	Giá Đỡ Mạch Vành Phủ Thuốc Zotarolimus Onyx Frontier	ONYXNG20008X;ONYXNG20012X;ONYXNG20015X;ONY XNG20018X;ONYXNG20022X;ONYXNG20026X;ONYXNG 20030X;ONYXNG22508X;ONYXNG22512X;ONYXNG2251 5X;ONYXNG22518X;ONYXNG22522X;ONYXNG22526X;O NYXNG22530X;ONYXNG22534X;ONYXNG22538X;ONYX NG25008X;ONYXNG25012X;ONYXNG25015X;ONYXNG25 018X;ONYXNG25022X;ONYXNG25026X;ONYXNG25030X ;ONYXNG25034X;ONYXNG25038X;ONYXNG27508X;ONY XNG27512X;ONYXNG27515X;ONYXNG27518X;ONYXNG 27522X;ONYXNG27526X;ONYXNG27530X;ONYXNG2753 4X;ONYXNG27538X;ONYXNG30008X;ONYXNG30012X;O NYXNG30015X;ONYXNG30018X;ONYXNG30022X;ONYX NG30026X;ONYXNG30030X;ONYXNG30034X;ONYXNG30 038X;ONYXNG35008X;ONYXNG35012X;ONYXNG35015X ;ONYXNG35018X;ONYXNG35022X;ONYXNG35026X;ONY XNG35030X;ONYXNG35034X;ONYXNG35038X;ONYXNG 40008X;ONYXNG40012X;ONYXNG40015X;ONYXNG4001 8X;ONYXNG40022X;ONYXNG40026X;ONYXNG40030X;O NYXNG40034X;ONYXNG40038X;ONYXNG45012X;ONYX NG45015X;ONYXNG45018X;ONYXNG45022X;ONYXNG45 026X;ONYXNG45030X;ONYXNG50012X;ONYXNG50015X ;ONYXNG50018X;ONYXNG50022X;ONYXNG50026X;ONY XNG50030X	Onyx Frontier Zotarolim us- Eluting Coronary Stent System	Ireland	Medtroni c Ireland	- Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus, độ phủ thuốc: 1.6µg/mm2, làm từ hợp kim Cobalt lõi platinum-iridium. - Có độ dày thành stent 81µm và 91µm - Đường kính khung có 9 kích cỡ từ 2.0mm đến 5.0mm, có thể nong tối đa lên 6.0mm. - Chiều dài khung tối thiểu 8mm, chiều dài khung tối đa 38mm	Cái	1 Cái/ Hộp	50	44.190.000	2.209.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
25	PP25 00386 523	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everoli mus	2526B V-VT- 371	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimu s	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Everolimus, NOVELTY	NVT-aaaXbbAP	NOVELT Y	Việt Nam	Công ty Cổ phần nhà máy trang thiết bị y tế USM Healthcar e	Stent mạch vành phủ thuốc everolimus được thiết kế linh hoạt, từ 6 - 10 đỉnh mỗi vòng Zigzag tùy theo kích thước stent. Vật liệu Cobalt Chromium L605. Chiều dài stent: 8 - 48 mm. Đường kính stent: 2.00 - 4.50 mm Độ dày thanh chống: 65 µm Biên dạng bằng qua tổn thương (Crossing profile): Ø 2.00: 0.90mm; Ø 4.50: 1.20 mm. Liều lượng thuốc phủ everolimus: 1.10 µg / mm2. Áp suất danh định: 7 bar. Áp suất giới hạn: 14 bar - 16 bar (tùy theo kích thước sản phẩm).	Cái	1 cái/ hộp	30	28.000.000	840.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE

26	PP2500386524	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, loại dài	2526BV-VT-372	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, loại dài	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, loại dài	DE-RS2009ASM;DE-RS2012ASM;DE-RS2015ASM;DE-RS2018ASM;DE-RS2021ASM;DE-RS2024ASM;DE-RS2028ASM;DE-RS2033ASM;DE-RS2038ASM;DE-RS2044ASM;DE-RS2050ASM;DE-RS2209ASM;DE-RS2212ASM;DE-RS2215ASM;DE-RS2218ASM;DE-RS2221ASM;DE-RS2224ASM;DE-RS2228ASM;DE-RS2233ASM;DE-RS2238ASM;DE-RS2244ASM;DE-RS2250ASM;DE-RS2509ASM;DE-RS2512ASM;DE-RS2515ASM;DE-RS2518ASM;DE-RS2521ASM;DE-RS2524ASM;DE-RS2528ASM;DE-RS2533ASM;DE-RS2538ASM;DE-RS2544ASM;DE-RS2550ASM;DE-RS2709ASM;DE-RS2712ASM;DE-RS2715ASM;DE-RS2718ASM;DE-RS2721ASM;DE-RS2724ASM;DE-RS2728ASM;DE-RS2733ASM;DE-RS2738ASM;DE-RS2744ASM;DE-RS2750ASM;DE-RS3009ASM;DE-RS3012ASM;DE-RS3015ASM;DE-RS3018ASM;DE-RS3021ASM;DE-RS3024ASM;DE-RS3028ASM;DE-RS3033ASM;DE-RS3038ASM;DE-RS3044ASM;DE-RS3050ASM;DE-RS3509ASM;DE-RS3512ASM;DE-RS3515ASM;DE-RS3518ASM;DE-RS3521ASM;DE-RS3524ASM;DE-RS3528ASM;DE-RS3533ASM;DE-RS3538ASM;DE-RS3544ASM;DE-RS3550ASM;DE-RS4009ASM;DE-RS4012ASM;DE-RS4015ASM;DE-RS4018ASM;DE-RS4021ASM;DE-RS4024ASM;DE-RS4028ASM;DE-RS4033ASM;DE-RS4038ASM;DE-RS4044ASM;DE-RS4050ASM;DE-RS4509ASM;DE-RS4512ASM;DE-RS4515ASM;DE-RS4518ASM;DE-RS4521ASM;DE-RS4524ASM;DE-RS4528ASM;DE-RS4533ASM;DE-RS4538ASM; DE-RS4544ASM;DE-RS4550ASM	Ultimaster Nagomi	Nhật Bản	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	- Khung bằng Cobalt Chromium, độ dày 80µm - Phủ thuốc Sirolimus và polymer tự tiêu. Thời gian hấp thụ polymer và phóng thích thuốc: từ 3-4 tháng - Thông số hệ thống dẫn khung giá đỡ (Stent) : + Dây dẫn tương thích: 0.014" (0.36 mm) + Áp lực tham chiếu: 11atm. Áp lực tối đa: 16atm + Đường kính đầu vào 0.018" + Độ dài trục: 144 cm + Đường kính băng qua 1.00mm (với đường kính 2.00mm), 1.12mm (với đường kính 3.00mm) , 1.3mm (với đường kính 4.5mm) + Đường kính trục đoạn xa: 2.7Fr có lớp phủ ái nước, đoạn gần 2.0Fr - Đường kính: các cỡ trong đó có cỡ 2.0 mm và 4.5mm; chiều dài các cỡ trong đó có tối thiểu cỡ ≥ 50 mm	Cái	1 cái / hộp	40	42.000.000	1.680.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT
----	--------------	--	---------------	--	--	--	-------------------	----------	--	---	-----	-------------	----	------------	---------------	--

27	PP25 00386 525	Khung giá đỡ mạch vành phù thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 373	Khung giá đỡ mạch vành phù thuốc Sirolimus	Koronar	NT/KS/20008,NT/KS/20012,NT/KS/20014,NT/KS/20016,NT/ KS/20018,NT/KS/20020,NT/KS/20022,NT/KS/20024,NT/KS/2 0026,NT/KS/20028,NT/KS/20030,NT/KS/22508,NT/KS/22512 ,NT/KS/22514,NT/KS/22516,NT/KS/22518,NT/KS/22520,NT/ KS/22522,NT/KS/22524,NT/KS/22526,NT/KS/22528,NT/KS/2 2530,NT/KS/22532,NT/KS/22534,NT/KS/22536,NT/KS/22538 ,NT/KS/25008,NT/KS/25012,NT/KS/25014,NT/KS/25016,NT/ KS/25018,NT/KS/25020,NT/KS/25022,NT/KS/25024,NT/KS/2 5026,NT/KS/25028,NT/KS/25030,NT/KS/25032,NT/KS/25034 ,NT/KS/25036,NT/KS/25038,NT/KS/25040,NT/KS/25042,NT/ KS/25046,NT/KS/25048,NT/KS/25050,NT/KS/25054,NT/KS/2 7508,NT/KS/27512,NT/KS/27514,NT/KS/27516,NT/KS/27518 ,NT/KS/27520,NT/KS/27522,NT/KS/27524,NT/KS/27526,NT/ KS/27528,NT/KS/27530,NT/KS/27532,NT/KS/27534,NT/KS/2 7536,NT/KS/27538,NT/KS/27540,NT/KS/27542,NT/KS/27546 ,NT/KS/30008,NT/KS/30012,NT/KS/30014,NT/KS/30016,NT/ KS/30018,NT/KS/30020,NT/KS/30022,NT/KS/30024,NT/KS/3 0026,NT/KS/30028,NT/KS/30030,NT/KS/30032,NT/KS/30034 ,NT/KS/30036,NT/KS/30038,NT/KS/30040,NT/KS/30042,NT/ KS/30046,NT/KS/30048,NT/KS/30050,NT/KS/30054,NT/KS/3 5008,NT/KS/35012,NT/KS/35014,NT/KS/35016,NT/KS/35018 ,NT/KS/35020,NT/KS/35022,NT/KS/35024,NT/KS/35026,NT/ KS/35028,NT/KS/35030,NT/KS/35032,NT/KS/35034,NT/KS/3 5036,NT/KS/35038,NT/KS/35040,NT/KS/35042,NT/KS/35046 ,NT/KS/35048,NT/KS/35050,NT/KS/35054,NT/KS/40008,NT/ KS/40012,NT/KS/40014,NT/KS/40016,NT/KS/40018,NT/KS/4 0020,NT/KS/40022,NT/KS/40024,NT/KS/40026,NT/KS/40028 ,NT/KS/40030,NT/KS/40032,NT/KS/40034,NT/KS/40036,NT/ KS/40038,NT/KS/40040,NT/KS/40042,NT/KS/40046,NT/KS/4 0048,NT/KS/40050,NT/KS/40054,NT/KS/45014,NT/KS/45016 ,NT/KS/45018,NT/KS/45020,NT/KS/45022,NT/KS/45024,NT/ KS/45026,NT/KS/45028,NT/KS/45030,NT/KS/45032,NT/KS/4 5034,NT/KS/45036,NT/KS/45038,NT/KS/45040,NT/KS/45042 ,NT/KS/45046,NT/KS/45048,NT/KS/45050,NT/KS/45054	Koronar	Cộng hòa An Độ	Newtech Medical Devices	Khung giá đỡ động mạch vành phù thuốc Sirolimus: - Chất liệu khung stent: Hợp kim Cobalt Chromium (L605), phù hỗn hợp thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học (PLLA & PLGA). - Chiều dài hữu dụng của hệ thống phân phối: 140cm. Tương thích với ống thông 5Fr (1,4mm) và dây dẫn hướng 0.014 inch. - Bóng đặt stent: Bóng nylon, có chiều dài đánh nghĩa hơn stent 1 mm. Stent được lắp sẵn giữa 2 dải đánh dấu bằng Vàng 18K/Pt- Ir không thấu xạ. - Áp suất bơm bóng định danh: 8atm (mạch 2.00-3.00, dài 8-30mm); 9atm (mạch 2.00- 3.00, dài 34-58mm và mạch 3.50-4.50, dài 8-58mm) - Áp suất vỡ bóng định mức: 16 atm. - Nguyên liệu phủ: Thuốc Sirolimus 1,39 µg/mm2 - Độ dày lớp phủ: 1-2 µm - Độ dày khung stent: 55 µm - Polymer phân hủy sinh học: 100% trong 12-13 tuần. - Tỷ lệ thu hẹp: < 6%; Tỷ lệ co rút: < 2%. - Thiết kế Mất lai (mắt đóng, mắt mở), dạng hình vẩy với các đường kết nối phi tuyến tính. - Đường kính stent chưa bung (mm): 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.50; 4.00; 4.50 - Chiều dài stent (mm): 8; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; 28; 30; 32; 34; 36; 38; 40; 42; 46; 48; 50; 54; 58 - Chứng chỉ: ISO 13485, CE và ISO 14971.	Cái	01 Cái/ Hộp	60	34.500.000	2.070.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHA M
----	----------------------	--	-----------------------	--	---------	---	---------	----------------------	-------------------------------	--	-----	----------------	----	------------	---------------	---

28	PP25 00386 526	Khung giá đỡ mạch vành phù thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 374	Khung giá đỡ mạch vành phù thuốc Sirolimus	Insistent	NT/IS/20008, NT/IS/20012, NT/IS/20014, NT/IS/20016, NT/IS/20018, NT/IS/20020, NT/IS/20022, NT/IS/20024, NT/IS/20026, NT/IS/20028, NT/IS/20030, NT/IS/22508, NT/IS/22512, NT/IS/22514, NT/IS/22516, NT/IS/22518, NT/IS/22520, NT/IS/22522, NT/IS/22524, NT/IS/22526, NT/IS/22528, NT/IS/22530, NT/IS/22532, NT/IS/22534, NT/IS/22536, NT/IS/22538, NT/IS/25008, NT/IS/25012, NT/IS/25014, NT/IS/25016, NT/IS/25018, NT/IS/25020, NT/IS/25022, NT/IS/25024, NT/IS/25026, NT/IS/25028, NT/IS/25030, NT/IS/25032, NT/IS/25034, NT/IS/25036, NT/IS/25038, NT/IS/25040, NT/IS/25042, NT/IS/25046, NT/IS/25048, NT/IS/25050, NT/IS/25054, NT/IS/27508, NT/IS/27512, NT/IS/27514, NT/IS/27516, NT/IS/27518, NT/IS/27520, NT/IS/27522, NT/IS/27524, NT/IS/27526, NT/IS/27528, NT/IS/27530, NT/IS/27532, NT/IS/27534, NT/IS/27536, NT/IS/27538, NT/IS/27540, NT/IS/27542, NT/IS/27546, NT/IS/30008, NT/IS/30012, NT/IS/30014, NT/IS/30016, NT/IS/30018, NT/IS/30020, NT/IS/30022, NT/IS/30024, NT/IS/30026, NT/IS/30028, NT/IS/30030, NT/IS/30032, NT/IS/30034, NT/IS/30036, NT/IS/30038, NT/IS/30040, NT/IS/30042, NT/IS/30046, NT/IS/30048, NT/IS/30050, NT/IS/30054, NT/IS/35008, NT/IS/35012, NT/IS/35014, NT/IS/35016, NT/IS/35018, NT/IS/35020, NT/IS/35022, NT/IS/35024, NT/IS/35026, NT/IS/35028, NT/IS/35030, NT/IS/35032, NT/IS/35034, NT/IS/35036, NT/IS/35038, NT/IS/35040, NT/IS/35042, NT/IS/35046, NT/IS/35048, NT/IS/35050, NT/IS/35054, NT/IS/40008, NT/IS/40012, NT/IS/40014, NT/IS/40016, NT/IS/40018, NT/IS/40020, NT/IS/40022, NT/IS/40024, NT/IS/40026, NT/IS/40028, NT/IS/40030, NT/IS/40032, NT/IS/40034, NT/IS/40036, NT/IS/40038, NT/IS/40040, NT/IS/40042, NT/IS/40046, NT/IS/40048, NT/IS/40050, NT/IS/40054, NT/IS/45014, NT/IS/45016, NT/IS/45018, NT/IS/45020, NT/IS/45022, NT/IS/45024, NT/IS/45026, NT/IS/45028, NT/IS/45030, NT/IS/45032, NT/IS/45034, NT/IS/45036, NT/IS/45038, NT/IS/45040, NT/IS/45042, NT/IS/45046, NT/IS/45048, NT/IS/45050, NT/IS/45054	Insistent	Cộng hòa Ấn Độ	Newtech Medical Devices	Khung giá đỡ động mạch vành phù thuốc Sirolimus: - Chất liệu khung stent: Hợp kim Cobalt Chromium (L605), phù hỗn hợp thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học (PLLA & PLGA). - Chiều dài hữu dụng của hệ thống phân phối: 140cm (±5%). Tương thích với ống thông 5Fr (1,4mm) và dây dẫn hướng 0.014 inch. - Bóng đặt stent: Bóng nylon, có chiều dài đánh nghĩa hơn stent 0,5 mm. Stent được lắp sẵn giữa 2 dải đánh dấu bằng Vàng 18K/Pt-Ir không thấu xạ. - Áp suất bơm bóng định danh: 8atm (mạch 2.00-3.00, dài 8-30mm); 9atm (mạch 2.00- 3.00, dài 34-58mm và mạch 3.50-4.50, dài 8-58mm) - Áp suất vỡ bóng định mức: 16 atm. - Nguyên liệu phủ: Thuốc Sirolimus 2,04 µg/mm2 - Độ dày lớp phủ: 2 µm - Độ dày khung stent: 65 µm (±5%) - Polymer phân hủy sinh học: 100% trong 90 ngày. - Tỷ lệ thu hẹp: < 6%; Tỷ lệ co rút: < 2%. - Thiết kế Mắt lai (mắt đóng, mắt mở), dạng hình vẩy với các đường kết nối phi tuyến tính. - Đường kính stent chưa bung (mm): 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.50; 4.00; 4.50 - Chiều dài stent (mm): 8; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; 28; 30; 32; 34; 36; 38; 40; 42; 46; 48; 50; 54; 58 - Chứng chỉ: ISO 13485, CE và ISO 14971.	Cái	01 Cái/ Hộp	60	37.650.000	2.259.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC VINAPHA M
----	----------------------	--	-----------------------	--	-----------	---	-----------	----------------------	-------------------------------	---	-----	----------------	----	------------	---------------	---

29	PP25 00386 527	Stent mạch vành phù thuốc Everoli mus.	2526B V-VT- 375	Stent mạch vành phù thuốc Everolimu s.	Tetralimus	FGTL200008; FGTL200012; FGTL200016; FGTL200020; FGTL200024; FGTL200028; FGTL200032; FGTL200036; FGTL200040; FGTL200044; FGTL200048; FGTL225008; FGTL225012; FGTL225016; FGTL225020; FGTL225024; FGTL225028; FGTL225032; FGTL225036; FGTL225040; FGTL225044; FGTL225048; FGTL250008; FGTL250012; FGTL250016; FGTL250020; FGTL250024; FGTL250028; FGTL250032; FGTL250036; FGTL250040; FGTL250044; FGTL250048; FGTL275008; FGTL275012; FGTL275016; FGTL275020; FGTL275024; FGTL275028; FGTL275032; FGTL275036; FGTL275040; FGTL275044; FGTL275048; FGTL300008; FGTL300012; FGTL300016; FGTL300020; FGTL300024; FGTL300028; FGTL300032; FGTL300036; FGTL300040; FGTL300044; FGTL300048; FGTL350008; FGTL350012; FGTL350016; FGTL350020; FGTL350024; FGTL350028; FGTL350032; FGTL350036; FGTL350040; FGTL350044; FGTL350048; FGTL400008; FGTL400012; FGTL400016; FGTL400020; FGTL400024; FGTL400028; FGTL400032; FGTL400036; FGTL400040; FGTL400044; FGTL400048; FGTL450008; FGTL450012; FGTL450016; FGTL450020; FGTL450024; FGTL450028; FGTL450032; FGTL450036; FGTL450040; FGTL450044; FGTL450048	Tetralimus	Cộng hòa Ấn Độ	Sahajana nd Medical Technolo gies Limited	- Chất liệu hợp kim Cobalt Crom L- 605; - Độ dày stent 60 µm cho tất cả các đường kính - Thanh liên kết dài, chữ Z. - Thuốc: Everolimus, nồng độ 1.0 µg/mm2 - Đường kính 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00, 4.50mm, - Chiều dài 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40, 44, 48mm	Cái	Cái/ hộp	50	29.800.000	1.490.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG
----	----------------------	--	-----------------------	---	------------	---	------------	----------------------	--	--	-----	----------	----	------------	---------------	--

30	PP25 00386 528	Khung giá đỡ mạch vành phù thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 376	Khung giá đỡ mạch vành phù thuốc Sirolimus	EucaLimus	ELM22508; ELM25008; ELM27508; ELM30008; ELM32508; ELM35008; ELM40008; ELM22510; ELM25010; ELM27510; ELM30010; ELM32510; ELM35010; ELM40010; ELM22513; ELM25013; ELM27513; ELM30013; ELM32513; ELM35013; ELM40013; ELM22516; ELM25016; ELM27516; ELM30016; ELM32516; ELM35016; ELM40016; ELM22518; ELM25018; ELM27518; ELM30018; ELM32518; ELM35018; ELM40018; ELM22523; ELM25023; ELM27523; ELM30023; ELM32523; ELM35023; ELM40023; ELM22528; ELM25028; ELM27528; ELM30028; ELM32528; ELM35028; ELM40028; ELM22533; ELM25033; ELM27533; ELM30033; ELM32533; ELM35033; ELM40033; ELM22538; ELM25038; ELM27538; ELM30038; ELM32538; ELM35038; ELM40038; ELM25043; ELM27543; ELM30043; ELM32543; ELM35043; ELM40043; ELM27548; ELM30048; ELM32548; ELM35048; ELM40048; /Eucalimus	EucaLimu s	Đức	Eucatech AG	- Chất liệu hợp kim Cobalt Chromium; lớp phủ polymer Poly Lactic-co- Glycolic Acid tự tiêu, phủ thuốc Sirolimus nồng độ = 1.40 µg/mm2 - Độ dày thanh chống 65µm - Mất cáo mờ, có 3 liên kết, 9 đỉnh trong một phân đoạn - Trục ống thông đầu xa được là được làm từ chất liệu polyamide phủ lớp ái nước PVP, và trục ống thông đầu gần được làm từ thép không gỉ phủ PTFE. - Khẩu kính đầu vào tổn thương 0.017". Khẩu kính bằng qua tổn thương từ 0.90-1.15mm - Chiều dài khả dụng: 138cm. - Đường kính Stent: 2.25mm - 4.00mm. Chiều dài stent: 8mm - 48mm. - Dây dẫn tương thích: 0.014". - Khẩu kính đầu gần: 1.9F. Khẩu kính trục đầu xa: 2.5F - 2.8F. - Chất liệu bóng polyamide. Hai điểm đánh dấu cân quang chất liệu Platinum/Iridium nằm ở đoạn 95 cm và 105cm.	Cái	Hộp/ 1 cái	50	22.900.000	1.145.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG NGA
----	----------------------	--	-----------------------	--	-----------	--	---------------	-----	----------------	---	-----	---------------	----	------------	---------------	---

31	PP25 00386 529	Khung giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimu s các cỡ	2526B V-VT- 377	Khung giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus các cỡ	Stent mạch vành phủ thuốc BioMime	BIO20013; BIO20016; BIO20019; BIO20024; BIO20029; BIO20032; BIO20037; BIO20040; BIO20044; BIO20048; BIO22508; BIO22513; BIO22516; BIO22519; BIO22524; BIO22529; BIO22532; BIO22537; BIO22540; BIO22544; BIO22548; BIO25008; BIO25013; BIO25016; BIO25019; BIO25024; BIO25029; BIO25032; BIO25037; BIO25040; BIO25044; BIO25048; BIO27508; BIO27513; BIO27516; BIO27519; BIO27524; BIO27529; BIO27532; BIO27537; BIO27540; BIO27544; BIO27548; BIO30008; BIO30013; BIO30016; BIO30019; BIO30024; BIO30029; BIO30032; BIO30037; BIO30040; BIO30044; BIO30048; BIO35008; BIO35013; BIO35016; BIO35019; BIO35024; BIO35029; BIO35032; BIO35037; BIO35040; BIO35044; BIO35048; BIO40008; BIO40013; BIO40016; BIO40019; BIO40024; BIO40029; BIO40032; BIO40037; BIO40040; BIO40044; BIO40048; BIO45008; BIO45013; BIO45016; BIO45019; BIO45024; BIO45029; BIO45032; BIO45037; BIO45040; BIO45044; BIO45048.	Biomime	Ấn Độ	Meril Life Sciences Private Limited	- Chất liệu: hợp kim Cobalt Chromium L605. - Thiết kế stent dạng mắt dẹt- mắt mở, có cơ chế bung từ giữa thân stent. - Phủ thuốc: Sirolimus với nồng độ 1.25 µg/mm² trộn với polymer sinh học và tự tiêu (PLLA+PLGA) - Độ dày thành stent: 65µm - Áp lực tối đa: 14/16 ATM; Áp lực bơm bóng: 9 ATM - Đường kính đầu vào: 0.016" - Đường kính stent: 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5 mm - Chiều dài stent: 08; 13; 16; 19; 24; 29; 32; 37; 40; 44; 48mm - Chiều dài khả dụng: 142 cm - Đạt tiêu chuẩn CE số G12 099325 0011 Rev.00, hiệu lực đến ngày 20/03/2028 và G70 099325 0009 Rev.01, hiệu lực đến ngày 01/03/2028	Cái	Hộp 1 cái	20	15.900.000	318.000.000	CÔNG TY TNHH BÁCH MEDICA L
----	----------------------	--	-----------------------	---	--	---	---------	-------	---	---	-----	--------------	----	------------	-------------	---

32	PP25 00386 530	Hệ thống khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	2526B V-VT- 378	Hệ thống khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Hệ thống khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - GenXsync	AC2.1 2.0008; AC2.1 2.0013; AC2.1 2.0016; AC2.1 2.0019; AC2.1 2.0024; AC2.1 2.0029; AC2.1 2.0032; AC2.1 2.0037; AC2.1 2.0040; AC2.1 2.0048; AC2.1 2.2508; AC2.1 2.2513; AC2.1 2.2516; AC2.1 2.2519; AC2.1 2.2524; AC2.1 2.2529; AC2.1 2.2532; AC2.1 2.2537; AC2.1 2.2540; AC2.1 2.2548; AC2.1 2.5008; AC2.1 2.5013; AC2.1 2.5016; AC2.1 2.5019; AC2.1 2.5024; AC2.1 2.5029; AC2.1 2.5032; AC2.1 2.5037; AC2.1 2.5040; AC2.1 2.5048; AC2.1 2.7508; AC2.1 2.7513; AC2.1 2.7516; AC2.1 2.7519; AC2.1 2.7524; AC2.1 2.7529; AC2.1 2.7532; AC2.1 2.7537; AC2.1 2.7540; AC2.1 2.7548; AC2.1 3.0008; AC2.1 3.0013; AC2.1 3.0016; AC2.1 3.0019; AC2.1 3.0024; AC2.1 3.0029; AC2.1 3.0032; AC2.1 3.0037; AC2.1 3.0040; AC2.1 3.0048; AC2.1 3.5008; AC2.1 3.5013; AC2.1 3.5016; AC2.1 3.5019; AC2.1 3.5024; AC2.1 3.5029; AC2.1 3.5032; AC2.1 3.5037; AC2.1 3.5040; AC2.1 3.5048; AC2.1 4.0008; AC2.1 4.0013; AC2.1 4.0016; AC2.1 4.0019; AC2.1 4.0024; AC2.1 4.0029; AC2.1 4.0032; AC2.1 4.0037; AC2.1 4.0040; AC2.1 4.0048; AC2.1 4.5008; AC2.1 4.5013; AC2.1 4.5016; AC2.1 4.5019; AC2.1 4.5024; AC2.1 4.5029; AC2.1 4.5032; AC2.1 4.5037; AC2.1 4.5040; AC2.1 4.5048	GenXsync	Ấn Độ	Purple MicroPort Cardiovascular Private Limited	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus chất liệu CoCr L605; độ dày khung stent 65µm Thiết kế hybrid, mắc đóng 2 đầu stent tăng độ chịu lực, thân stent mắc mở tăng tính linh hoạt trong quá trình đặt. - Đường kính Stent: 2.00mm, 2.25mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm, 4.00mm và 4.50 - Chiều dài Stent: 8mm, 13mm, 16mm, 19mm, 24mm, 29mm, 32mm, 37mm, 40mm và 48mm - Phủ thuốc sirolimus liều lượng 1.33 µg/mm ² , - lớp phủ Hydrophilic trên đầu gần và đầu xa ống thông. - Độ co rút chiều dọc: ≤ 1.3% - Tỷ lệ co rút chiều ngang: ≤ 3.2% - Đường kính dây dẫn tối đa: 0.014" - Đường kính trong ống thông tối thiểu ≥5Fr - Distance shaft & proimal shaft: 2.88F & 1.95F - Độ dày lớp phủ 2.5µm	Cái	01 Cái/ Hộp	60	33.000.000	1.980.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHARM
----	----------------------	---	-----------------------	---	---	--	----------	-------	---	--	-----	----------------	----	------------	---------------	--

33	PP25 00386 531	Khung giá đỡ mạch vành phù thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 379	Khung giá đỡ mạch vành phù thuốc Sirolimus	Koronar	NT/KS/20008,NT/KS/20012,NT/KS/20014,NT/KS/20016,NT/ KS/20018,NT/KS/20020,NT/KS/20022,NT/KS/20024,NT/KS/2 0026,NT/KS/20028,NT/KS/20030,NT/KS/20032,NT/KS/20034 ,NT/KS/20036,NT/KS/20038,NT/KS/20040,NT/KS/20042,NT/ KS/20046,NT/KS/20048,NT/KS/20050,NT/KS/20054,NT/KS/2 2508,NT/KS/22512,NT/KS/22514,NT/KS/22516,NT/KS/22518 ,NT/KS/22520,NT/KS/22522,NT/KS/22524,NT/KS/22526,NT/ KS/22528,NT/KS/22530,NT/KS/22532,NT/KS/22534,NT/KS/2 2536,NT/KS/22538,NT/KS/22540,NT/KS/22542,NT/KS/22546 ,NT/KS/22548,NT/KS/22550,NT/KS/22554,NT/KS/25008,NT/ KS/25012,NT/KS/25014,NT/KS/25016,NT/KS/25018,NT/KS/2 5020,NT/KS/25022,NT/KS/25024,NT/KS/25026,NT/KS/25028 ,NT/KS/25030,NT/KS/25032,NT/KS/25034,NT/KS/25036,NT/ KS/25038,NT/KS/25040,NT/KS/25042,NT/KS/25046,NT/KS/2 5048,NT/KS/25050,NT/KS/25054,NT/KS/27508,NT/KS/27512 ,NT/KS/27514,NT/KS/27516,NT/KS/27518,NT/KS/27520,NT/ KS/27522,NT/KS/27524,NT/KS/27526,NT/KS/27528,NT/KS/2 7530,NT/KS/27532,NT/KS/27534,NT/KS/27536,NT/KS/27538 ,NT/KS/27540,NT/KS/27542,NT/KS/27546,NT/KS/27548,NT/ KS/27550,NT/KS/27554,NT/KS/30008,NT/KS/30012,NT/KS/3 0014,NT/KS/30016,NT/KS/30018,NT/KS/30020,NT/KS/30022 ,NT/KS/30024,NT/KS/30026,NT/KS/30028,NT/KS/30030,NT/ KS/30032,NT/KS/30034,NT/KS/30036,NT/KS/30038,NT/KS/3 0040,NT/KS/30042,NT/KS/30046,NT/KS/30048,NT/KS/30050 ,NT/KS/30054,NT/KS/35008,NT/KS/35012,NT/KS/35014,NT/ KS/35016,NT/KS/35018,NT/KS/35020,NT/KS/35022,NT/KS/3 5024,NT/KS/35026,NT/KS/35028,NT/KS/35030,NT/KS/35032 ,NT/KS/35034,NT/KS/35036,NT/KS/35038,NT/KS/35040,NT/ KS/35042,NT/KS/35046,NT/KS/35048,NT/KS/35050,NT/KS/3 5054,NT/KS/40008,NT/KS/40012,NT/KS/40014,NT/KS/40016 ,NT/KS/40018,NT/KS/40020,NT/KS/40022,NT/KS/40024,NT/ KS/40026,NT/KS/40028,NT/KS/40030,NT/KS/40032,NT/KS/4 0034,NT/KS/40036,NT/KS/40038,NT/KS/40040,NT/KS/40042 ,NT/KS/40046,NT/KS/40048,NT/KS/40050,NT/KS/40054,NT/ KS/45008,NT/KS/45012,NT/KS/45014,NT/KS/45016,NT/KS/4 5018,NT/KS/45020,NT/KS/45022	Koronar	Cộng Hòa Ân Độ	Newtech Medical Devices	"Khung giá đỡ động mạch vành phù thuốc Sirolimus: - Chất liệu khung stent: Hợp kim Cobalt Chromium (L605), phù hỗn hợp thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học (PLLA & PLGA). - Chiều dài hữu dụng của hệ thống phân phối: 140cm ± 5%. Tương thích với ống thông 5Fr (1,4mm) và dây dẫn hướng 0.014 inch. - Bóng đặt stent: Bóng nylon, có chiều dài đánh nghĩa hơn stent 0,5 mm. Stent được lắp sẵn giữa 2 dải đánh dấu bằng Vàng 18K/Pt-Ir không thấu xạ. - Áp suất bơm bóng định danh: 8atm (mạch 2.00-3.00, dài 8-30mm); 9atm (mạch 2.00- 3.00, dài 34-58mm và mạch 3.50-4.50, dài 8-58mm) - Áp suất vỡ bóng định mức: 16 atm. - Nguyên liệu phù: Thuốc Sirolimus 1,39 µg/mm2 - Độ dày lớp phủ: 1-2 µm - Độ dày khung stent: 55µm ± 5% - Polymer phân hủy sinh học: 100% trong 12-13 tuần. - Tỷ lệ thu hẹp: < 6%; Tỷ lệ co rút: < 2%. - Thiết kế Mắt lai (mắt đóng, mắt mở), dạng hình vẩy với các đường kết nối phi tuyến tính. - Đường kính stent chưa bung (mm): 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.50; 4.00; 4.50 - Chiều dài stent (mm): 8; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; 28; 30; 32; 34; 36; 38; 40; 42; 46; 48; 50; 54; 58 - Chứng chỉ: ISO 13485, CE và ISO 14971."	Cái	01 cái/ hộp	60	34.500.000	2.070.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ SÔNG MÃ
----	----------------------	--	-----------------------	--	---------	---	---------	----------------------	-------------------------------	--	-----	----------------	----	------------	---------------	--

34	PP2500386532	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	2526B V-VT-380	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Coherent	NT/CS/20008,NT/CS/20012,NT/CS/20014,NT/CS/20016,NT/CS/20018,NT/CS/20020,NT/CS/20022,NT/CS/20024,NT/CS/20026,NT/CS/20028,NT/CS/20030,NT/CS/22508,NT/CS/22512,NT/CS/22514,NT/CS/22516,NT/CS/22518,NT/CS/22520,NT/CS/22522,NT/CS/22524,NT/CS/22526,NT/CS/22528,NT/CS/22530,NT/CS/22532,NT/CS/22534,NT/CS/22536,NT/CS/22538,NT/CS/25008,NT/CS/25012,NT/CS/25014,NT/CS/25016,NT/CS/25018,NT/CS/25020,NT/CS/25022,NT/CS/25024,NT/CS/25026,NT/CS/25028,NT/CS/25030,NT/CS/25032,NT/CS/25034,NT/CS/25036,NT/CS/25038,NT/CS/25040,NT/CS/25042,NT/CS/25046,NT/CS/27508,NT/CS/27512,NT/CS/27514,NT/CS/27516,NT/CS/27518,NT/CS/27520,NT/CS/27522,NT/CS/27524,NT/CS/27526,NT/CS/27530,NT/CS/27532,NT/CS/27534,NT/CS/27536,NT/CS/27538,NT/CS/27540,NT/CS/27542,NT/CS/27546,NT/CS/27548,NT/CS/27550,NT/CS/27554,NT/CS/30008,NT/CS/30012,NT/CS/30014,NT/CS/30016,NT/CS/30018,NT/CS/30020,NT/CS/30022,NT/CS/30024,NT/CS/30026,NT/CS/30028,NT/CS/30030,NT/CS/30032,NT/CS/30034,NT/CS/30036,NT/CS/30038,NT/CS/30040,NT/CS/30042,NT/CS/30046,NT/CS/30048,NT/CS/30050,NT/CS/30054,NT/CS/35008,NT/CS/35012,NT/CS/35014,NT/CS/35016,NT/CS/35018,NT/CS/35020,NT/CS/35022,NT/CS/35024,NT/CS/35026,NT/CS/35028,NT/CS/35030,NT/CS/35032,NT/CS/35034,NT/CS/35036,NT/CS/35038,NT/CS/35040,NT/CS/35042,NT/CS/35046,NT/CS/35048,NT/CS/35050,NT/CS/35054,NT/CS/40008,NT/CS/40012,NT/CS/40014,NT/CS/40016,NT/CS/40018,NT/CS/40020,NT/CS/40022,NT/CS/40024,NT/CS/40026,NT/CS/40028,NT/CS/40030,NT/CS/40032,NT/CS/40034,NT/CS/40036,NT/CS/40038,NT/CS/40040,NT/CS/40042,NT/CS/40046,NT/CS/40048,NT/CS/40050,NT/CS/40054,NT/CS/45014,NT/CS/45016,NT/CS/45018,NT/CS/45020,NT/CS/45022,NT/CS/45024,NT/CS/45026,NT/CS/45028,NT/CS/45030,NT/CS/45032,NT/CS/45034,NT/CS/45036,NT/CS/45038,NT/CS/45042,NT/CS/45046,NT/CS/45048,NT/CS/45050,NT/CS/45054.	Coherent	Cộng hòa Ấn Độ	Newtech Medical Devices	"Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus: - Chất liệu khung stent: Hợp kim Cobalt Chromium (L605), phủ hỗn hợp thuốc Sirolimus và Polymer phân hủy sinh học (PLGA & PLLA). - Chiều dài hữu dụng của hệ thống phân phối: 140cm ± 5%. Tương thích với ống thông 5Fr (1,4mm) và dây dẫn hướng 0.014 inch. - Bóng đặt stent: Bóng nylon, có chiều dài danh nghĩa hơn stent 0,5 mm. Stent được lắp sẵn giữa 2 dải đánh dấu bằng Vàng 18K/Pt-Ir không thấu xạ. - Áp suất bơm bóng định danh: 8atm (mạch 2.00-3.00, dài 8-30mm); 9atm (mạch 2.00-3.00, dài 34-58mm và mạch 3.50-4.50, dài 8-58mm) - Áp suất vỡ bóng định mức: 16 atm. - Nguyên liệu phủ: Thuốc Sirolimus 2.08 µg/mm2 - Độ dày lớp phủ: 2 µm - Độ dày khung stent: 75 µm ± 5% - Polymer phân hủy sinh học: 100% trong 90 ngày. - Tỷ lệ thu hẹp: < 6%; Tỷ lệ co rút: < 2%. - Thiết kế Mắt Lai (Mắt đóng, Mắt mở), với các đường kết nối phi tuyến tính. - Đường kính stent chưa bung (mm): 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.50; 4.00; 4.50 - Chiều dài stent (mm): 8; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; 28; 30; 32; 34; 36; 38; 40; 42; 46; 48; 50; 54 - Chứng chỉ: ISO 13485, CE và ISO 14971."	Cái	01 Cái/Hộp	60	36.480.000	2.188.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN OVI VINA
35	PP2500386533	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus	2526B V-VT-381	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Everolimus, EVENAM	EVN-aaaXbbAP	EVENAM	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus, liều lượng 1.2 µg/mm2 Polymer tự tiêu sinh học PLLA/PLGA; độ dày lớp phủ: 3-5 µm Vật liệu Cobalt Chromium, thiết kế đóng và mở Độ dày khung stent: 65µm Đường kính tối thiểu 9 kích thước 2.00 - 4.50mm Chiều dài tối thiểu 12 kích thước từ 8 - 48 mm. Số nếp gấp bóng: 3 cánh Biên dạng đầu tip: 0.016" Áp suất danh định 7 bar, áp suất tối hạn tối đa 16 bar	Cái	30	32.000.000	960.000.000	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NGUYỄN PHƯƠNG	

36	PP25 00386 534	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ	2526B V-VT- 382	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus M'sure-S	Sxxxxx	M'Sure-S	Ấn Độ	Multimed ics LLP	- Stent mạch vành chất liệu Cobalt Chromium, thiết kế đóng mở xen kẽ. - Có điểm đánh dấu Platinum/Iridium ở 2 đầu. - Phủ thuốc Sirolimus mật độ 1.30µg/mm2 - Độ dày lớp phủ: 2µm. - Độ dày thanh chống: 59µm. - Crossing profile: 0.030" đến 0.051". - Đường kính thân gần: 1.95F; thân xa: 2.7F. - Kích thước: Đường kính 9 kích thước từ 2.00 -5.00 mm. Chiều dài 11 kích thước từ: 8-48mm. - Áp suất danh định: 8atm. Áp suất giới hạn 16atm - Chiều dài khả dụng 140cm. - Khả năng tương thích dây dẫn: 0.014". - Khả năng tương thích ống thông: 5F.	Cái	1 cái/ hộp	30	29.500.000	885.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
37	PP25 00386 535	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 383	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Stent nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus - SIRO™ Drug Eluting Stent	7022508; 7022513; 7022518; 7022523; 7022528; 7022533; 7022538; 702508; 702513; 702518; 702523; 702528; 702533; 702538; 702543; 702548; 7027508; 7027513; 7027518; 7027523; 7027528; 7027533; 7027538; 7027543; 7027548; 703008; 703013; 703018; 703023; 703028; 703033; 703038; 703043; 703048; 703508; 703513; 703518; 703523; 703528; 703533; 703538; 703543; 703548; 704008; 704013; 704018; 704023; 704028; 704033; 704038; 704513; 704518; 704523; 704528; 704533; 705013; 705018; 705023; 705028; 705033.	SIRO DES Catheter (Siro Sirolimus Eluting Stent)	Mỹ	InSitu Technolo gies, Inc.	- Chất liệu: hợp kim Cobalt Chrom L605 - Thiết kế stent dạng Hybrid mắt đóng-mắt mở - Catheter dạng chuyển đổi nhanh - Rapid Exchange - Phủ thuốc: Sirolimus với nồng độ 1.4µg/mm², - Polymer tương thích sinh học - Độ dày thanh chống: 80µm - Đường kính đầu vào (tip profile): 0.017"" - Áp suất tối đa: 16 ATM, Áp lực bơm bóng: 6 ATM; - Đường kính khung stent: 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0mm - Chiều dài khung: 08; 13; 18; 23; 28; 33; 38; 43; 48mm - Chiều dài khả dụng: 142 cm. - Đạt tiêu chuẩn FDA (CFG) số 9564-6-2025-1, hiệu lực đến hết ngày 24/06/2027.	Cái	Hộp 1 cái	30	36.000.000	1.080.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

38	PP2500386536	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus	2526BV-VT-384	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus I-Sync	AC4.XX.XXXX	Purple MicroPort Cardiovascular Private Limited	Ấn Độ	Purple MicroPort Cardiovascular Private Limited	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus chất liệu CoCr L605; độ dày khung stent 63µm Thiết kế hybrid, mắc đóng 2 đầu stent tăng độ chịu lực, thân stent mềm tăng tính linh hoạt trong quá trình đặt. - Phủ thuốc evrolimus liều lượng 0.97 µg/mm2 - độ dày lớp phủ 2.7µm - Đường kính Stent: 2.00mm, 2.25mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm, 4.00mm và 4.50 - Chiều dài Stent: 8mm, 13mm, 16mm, 19mm, 24mm, 29mm, 32mm, 37mm, 40mm và 48mm - Độ co rút chiều dài: 1.3% - Tỷ lệ recoil : 3.2% - đường kính dây dẫn tối đa: 0.014" - Đường kính trong ống thông tối thiểu >5Fr - Distance shaft & proimal shaft: 2.88F & 1.95F - Lớp phủ Hydrophyllic trên đầu gần và đầu xa ống thông.	Cái	1 cái /hộp	50	32.460.000	1.623.000.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VÀ ĐƯỢC PHẨM AN PHÚC
----	--------------	---------------------------------------	---------------	---------------------------------------	---	-------------	---	-------	---	---	-----	------------	----	------------	---------------	---

39	PP25 00386 537	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everoli mus	2526B V-VT- 1100	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimu s	SYNERGY ™ XD MONORAIL ™ Everolimus- Eluting Platinum Chromium Coronary Stent	H7493941708220; H7493941708250; H7493941708270; H7493941708300; H7493941708350; H7493941708400; H7493941712220; H7493941712250; H7493941712270; H7493941712300; H7493941712350; H7493941712400; H7493941712450; H7493941712500; H7493941716220; H7493941716250; H7493941716270; H7493941716300; H7493941716350; H7493941716400; H7493941716450; H7493941716500; H7493941720220; H7493941720250; H7493941720270; H7493941720300; H7493941720350; H7493941720400; H7493941720450; H7493941720500; H7493941724220; H7493941724250; H7493941724270; H7493941724300; H7493941724350; H7493941724400; H7493941724450; H7493941724500; H7493941728220; H7493941728250; H7493941728270; H7493941728300; H7493941728350; H7493941728400; H7493941728450; H7493941728500; H7493941732220; H7493941732250; H7493941732270; H7493941732300; H7493941732350; H7493941732400; H7493941732450; H7493941732500; H7493941738220; H7493941738250; H7493941738270; H7493941738300; H7493941738350; H7493941738400; H7493941748250; H7493941748270; H7493941748300; H7493941748350; H7493941748400	SYNERGY Y™ XD MONORAIL™ Everolimus- Eluting Platinum Chromium Coronary Stent	Ireland	Boston Scientific Limited	- Stent chất liệu Platinum Chromium, có độ dày thành stent: 2.25 mm - 2.75 mm: 74 µm 3.00 mm - 3.50 mm: 79 µm 4.00 mm - 5.00 mm: 81 µm - Phủ thuốc Everolimus có trộn với polymer - Chất liệu bóng trong stent: Pebax có 2 lớp - Có các vạch đánh dấu (marker) platinum iridium 1mm. - Đường kính khung: 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm - Chiều dài khung: 8mm, 12mm, 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 38mm, 48mm - Khả năng giãn nở tối đa lên đến 5.75mm	Cái	1 Cái/ Hộp	20	45.500.000	910.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH
----	----------------------	--	------------------------	---	---	--	--	---------	---------------------------------	---	-----	---------------	----	------------	-------------	---

40	PP25 00386 538	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everoli mus	2526B V-VT- 1101	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimu s	Promus ELITE™ MONORAIL™ Everolimus- Eluting Platinum Chromium Coronary Stent System	H7493941308220; H7493941308250; H7493941308270; H7493941308300; H7493941308350; H7493941308400; H7493941312220; H7493941312250; H7493941312270; H7493941312300; H7493941312350; H7493941312400; H7493941316220; H7493941316250; H7493941316270; H7493941316300; H7493941316350; H7493941316400; H7493941320220; H7493941320250; H7493941320270; H7493941320300; H7493941320350; H7493941320400; H7493941324220; H7493941324250; H7493941324270; H7493941324300; H7493941324350; H7493941324400; H7493941328220; H7493941328250; H7493941328270; H7493941328300; H7493941328350; H7493941328400; H7493941332220; H7493941332250; H7493941332270; H7493941332300; H7493941332350; H7493941332400; H7493941338250; H7493941338270; H7493941338300; H7493941338350; H7493941338400	Promus ELITE™ MONORAIL™ Everolimus- Eluting Platinum Chromium Coronary Stent System	Ireland	Boston Scientific Limited	- Stent chất liệu Platinum Chromium, bọc thuốc Everolimus, phủ polymer PVDF-HFP. - Chất liệu bóng Pebax 2 lớp. - Guiding Catheter tối thiểu: 0.056" (1.42mm)' - Đường kính: 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm; chiều dài: 8mm, 12mm, 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 38mm - Khả năng giãn nở sau khi bung stent lên tới 2.75mm đối với stent cỡ 2.25mm; 3.5mm đối với stent cỡ 2.50mm - 2.75mm; 4.25mm đối với stent cỡ 3.0mm -3.5mm và 5.75mm đối với stent cỡ 4.0mm	Cái	1 Cái/ Hộp	20	41.000.000	820.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH
41	PP25 00386 540	Stent động mạch thận	2526B V-VT- 386	Stent động mạch thận	Dynamic Renal	358582; 368711; 358586; 358583; 368712; 358587; 358584; 368713; 358588; 358585; 368714; 358589	Dynamic Renal	Thụy Sĩ	Biotronik AG	Giá đỡ động mạch thận bung bằng bóng với hệ thống chuyển giao nhanh - Vật liệu làm bằng Cobalt Chromium(L605), phủ lớp siêu mỏng Silicon Carbide (PROBIO) - Thanh stent dây: 120µm (ø 4.5 - 5.0 mm); 140µm (ø 6.0 - 7.0 mm). - Có 1 vòng chỉ điểm (marker) bằng vàng đoạn gần giúp định vị stent dễ dàng và bung stent chính xác. Kích cỡ khung giá đỡ: + 3 kích thước chiều dài: 12, 15, 19 mm + 4 kích thước đường kính: 4.5, 5.0, 6.0, 7.0mm	Cái	1 Cái/ Hộp	5	17.900.000	89.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT

42	PP25 00386 542	Giá đỡ động mạch ngoại biên	2526B V-VT- 388	Giá đỡ động mạch ngoại biên	Pulsar 35	379937; 379917; 379938; 379918; 379939; 379919; 379940; 379920; 379941; 379921; 379898; 379878; 379899; 379879; 379900; 379880; 379901; 379881; 379942; 379922; 379943; 379923; 379944; 379924; 379945; 379925; 379946; 379926; 379903; 379883; 379904; 379884; 379905; 379885; 379906; 379886; 379947; 379927; 379948; 379928; 379949; 379929; 379950; 379930; 379951; 379931; 379908; 379888; 379909; 379889; 379910; 379890; 379911; 379891	Pulsar 35	Thụy Sĩ	Biotronik AG	Giá đỡ động mạch ngoại biên tự nở làm bằng vật liệu Nitinol - Stent tự bung bằng súng chỉ cần bung bằng 1 tay. - Độ dày thanh stent 140µm - Mỗi đầu stent có tối thiểu 6 chỉ điểm (marker) bằng vàng. - Catheter chiều dài thân hữu dụng 90cm và 135cm - Tương thích dây dẫn (guide wire) 0.035" và hệ thống 6F - Stent được phủ lớp Silicon Carbide (PROBIO) Kích cỡ khung giá đỡ: + Kích thước chiều dài: 30, 40, 60, 80, 100, 120, 150, 170, 200mm + kích thước đường kính: 5.0, 6.0, 7.0mm	Cái	1 Cái/ Hộp	5	29.988.000	149.940.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT
43	PP25 00386 543	Stent động mạch chỉ các loại, các cỡ	2526B V-VT- 389	Stent động mạch chỉ các loại, các cỡ	Khung giá đỡ mạch ngoại biên Protégé GPS	SERP65-09-20-80; SERP65-09-30-80; SERP65-09-40- 80; SERP65-09-60-80; SERP65-09-80-80; SERP65-10- 20-80; SERP65-10-30-80; SERP65-10-40-80; SERP65- 10-60-80; SERP65-10-80-80; SERP65-12-20-80; SERP65-12-30-80; SERP65-12-40-80; SERP65-12-60- 80; SERP65-12-80-80; SERP65-09-20-120; SERP65- 09-30-120; SERP65-09-40-120; SERP65-09-60-120; SERP65-09-80-120; SERP65-10-20-120; SERP65-10- 30-120; SERP65-10-40-120; SERP65-10-60-120; SERP65-10-80-120; SERP65-12-20-120; SERP65-12- 30-120; SERP65-12-40-120; SERP65-12-60-120; SERP65-12-80-120	Protégé GPS Self- expanding Peripheral Stent System	Mỹ	Medtronic Inc.	Khung giá đỡ tự giãn nở bằng hợp kim nickel titanium (nitinol), hệ thống bung stent Pin - Pull. Kích cỡ khung giá đỡ: + Kích thước chiều dài: 20mm, 30mm, 40mm, 60mm, 80mm + Kích thước đường kính 9mm, 10mm, 12mm Độ dài ống thông có gắn stent 80cm và 120cm, sử dụng dây dẫn 0.035". Thiết kế mắt lưới hờ. 2 marker bắt cân quang chất liệu Tantalum Tương thích với dụng cụ mở đường 6F.	Cái	1 Cái/ Hộp	5	22.000.000	110.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ

44	PP25 00386 544	Giá đỡ can thiếp mạch ngoại biên vật liệu Nitinol	2526B V-VT- 390	Giá đỡ can thiệp mạch ngoại biên vật liệu Nitinol	Giá đỡ can thiếp mạch ngoại biên vật liệu Nitinol Pulsar-18 T3	430482; 430442; 430483; 430443; 430484; 430444; 430485; 430445; 430477; 430437; 430486; 430446; 430478; 430438; 430479; 430439; 430480; 430440; 430481; 430441; 430492; 430452; 430493; 430453; 430494; 430454; 430495; 430455; 430487; 430447; 430496; 430456; 430488; 430448; 430489; 430449; 430490; 430450; 430491; 430451; 430502; 430462; 430503; 430463; 430504; 430464; 430505; 430465; 430497; 430457; 430506; 430466; 430498; 430458; 430499; 430459; 430500; 430460; 430501; 430461; 430512; 430472; 430513; 430473; 430514; 430474; 430515; 430475; 430507; 430467; 430516; 430476; 430508; 430468; 430509; 430469; 430510; 430470; 430511; 430471	Giá đỡ can thiệp mạch ngoại biên vật liệu Nitinol Pulsar-18 T3	Thụy Sĩ	Biotronik AG	Giá đỡ mạch ngoại biên tự bung làm bằng Nitinol nhớ hình. - Độ dày thanh stent 140µm - Mỗi đầu stent có tối thiểu 6 marker bằng vàng - Catheter chiều dài thân hữu dụng 90cm và 135cm - Tương thích với dây dẫn (guide wire) 0.018" - Thiết kế tam trục - Stent được phủ lớp Silicon Carbide (PROBIO) Kích cỡ khung giá đỡ: + Chiều dài: 20, 30, 40, 60, 80, 100, 120, 150, 170, 200mm. + Đường kính: 4.0, 5.0, 6.0, 7.0mm	Cái	1 Cái/ Hộp	20	29.900.000	598.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT
45	PP25 00386 545	Stent ngoại biên tự bung chất liệu nitinol	2526B V-VT- 391	Stent ngoại biên tự bung chất liệu nitinol	iVascular iVolution Pro	iVascular iVolution Pro SPNBC35N080050040; SPNBC35N080060040; SPNBC35N080070040; SPNBC35N080080040; SPNBC35N080090040; SPNBC35N080100040; SPNBC35N080050100; SPNBC35N080060100; SPNBC35N080070100; SPNBC35N080080100; SPNBC35N080090100; SPNBC35N080100100; SPNBC35N080050060; SPNBC35N080060060; SPNBC35N080070060; SPNBC35N080080060; SPNBC35N080090060; SPNBC35N080100060; SPNBC35N080050150; SPNBC35N080060150; SPNBC35N080070150; SPNBC35N080080150; SPNBC35N080050080; SPNBC35N080060080; SPNBC35N080070080; SPNBC35N080080080; SPNBC35N080090080; SPNBC35N080100080; SPNBC35N080050200; SPNBC35N080060200; SPNBC35N080070200; SPNBC35N130050040; SPNBC35N130060040; SPNBC35N130070040; SPNBC35N130080040; SPNBC35N130090040; SPNBC35N130100040; SPNBC35N130050100; SPNBC35N130060100; SPNBC35N130070100; SPNBC35N130080100; SPNBC35N130090100; SPNBC35N130100100; SPNBC35N130050060; SPNBC35N130060060; SPNBC35N130070060; SPNBC35N130080060; SPNBC35N130090060; SPNBC35N130100060; SPNBC35N130050150; SPNBC35N130060150; SPNBC35N130070150; SPNBC35N130080150; SPNBC35N130050080; SPNBC35N130060080; SPNBC35N130070080; SPNBC35N130080080; SPNBC35N130090080; SPNBC35N130100080; SPNBC35N130050200; SPNBC35N130060200; SPNBC35N130070200	iVascular iVolution Pro	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices Biotech S.L	Stent tự giãn nở bằng nitinol nhớ hình, sử dụng dây dẫn 0.035". -Đường kính thân trên là 5.5F, đường kính thân dưới của Catheter 6F. - Kích cỡ khung giá đỡ: +Tối thiểu 6 kích thước chiều dài từ 5.0 đến 10.0mm +Tối thiểu 6 kích thước đường kính 40 đến 200mm - Độ dài của Catheter là 80cm và 130cm. Có 4 marker ở đầu Stent. 3 điểm đánh dấu cân quang trên ống thông. Catheter 3 lớp sheath	Cái	Hộp 1 Cái	5	24.500.000	122.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI Y TẾ TÂM VIỆT

46	PP25 00386 546	Stent ngoại biên Nitinol tự bung	2526B V-VT- 392	Stent ngoại biên Nitinol tự bung	Giá đỡ mạch máu ngoại vi PONTOS-pp	12 APS xxxxx	PONTOS- pp	Đức	QualiMed Innovative Medizinprodukte GmbH	- Chất liệu stent: hợp kim Nickel Titanium - 4 điểm Platinum/ Iridium markers - Chiều dài khả dụng Catheter: 120cm - GW tương thích 0.035" - Catheter tương thích 6F - Thiết kế đưa stent theo cơ chế Pin- pull - Đường kính stent 5.0mm; 6.0mm; 7.0mm; 8.0mm; 9.0mm; 10.0mm; 11.0mm - Chiều dài stent: 20mm; 40mm; 60mm; 80mm; 100mm; 120mm; 150mm; 175mm; 200mm	Cái	01 Cái/ Hộp	5	16.250.000	81.250.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMED IC VIỆT NAM
47	PP25 00386 547	Khung giá đỡ ngoại vi tự nở	2526B V-VT- 393	Khung giá đỡ ngoại vi tự nở	Epic™ Over- the-Wire Self Expanding Nitinol Stent with Delivery System	Mã viết tắt nhà thầu đề xuất: H74939054xxxxxx (do quá số lượng ký tự hệ thống cho phép; chi tiết theo bảng "Danh mục hàng hóa dự thầu" đính kèm E-HSDT)	Epic™ Over-the- Wire Self Expanding Nitinol Stent with Delivery System	Ireland	Boston Scientific Limited	Chất liệu Nitinol. * Kích cỡ: - Đường kính: 5,6,7,8,9,10,12,14 mm - Chiều dài: 20,30,40,50,60,70,80,100,120 mm * Catheter khả dụng: 75cm, 120cm. * Guidewire tương thích 0.035". Sheath tương thích 6F với mọi kích cỡ.	Cái	1 Cái/ Hộp	3	28.000.000	84.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH

48	PP25 00386 548	Khung giá đỡ ngoại vi tự nở	2526B V-VT- 394	Khung giá đỡ ngoại vi tự nở	Innova™ OVER-THE WIRE Self- Expanding Stent System	H74939180050270; H74939180054070; H74939180056070; H74939180058070; H74939180051070; H74939180051270; H74939180051570; H74939180051870; H74939180052070; H74939180060270; H74939180064070; H74939180066070; H74939180068070; H74939180061070; H74939180061270; H74939180061570; H74939180061870; H74939180062070; H74939180070270; H74939180074070; H74939180076070; H74939180078070; H74939180071070; H74939180071270; H74939180071570; H74939180071870; H74939180072070; H74939180080270; H74939180084070; H74939180086070; H74939180088070; H74939180081070; H74939180081270; H74939180081570; H74939180081870; H74939180082070; H74939181050230; H74939181054030; H74939181056030; H74939181058030; H74939181051030; H74939181051230; H74939181051530; H74939181051830; H74939181052030; H74939181060230; H74939181064030; H74939181066030; H74939181068030; H74939181061030; H74939181061230; H74939181061530; H74939181061830; H74939181062030; H74939181070230; H74939181074030; H74939181076030; H74939181078030; H74939181071030; H74939181071230; H74939181071530; H74939181071830; H74939181072030; H74939181080230; H74939181084030; H74939181086030; H74939181088030; H74939181081030; H74939181081230; H74939181081530; H74939181081830; H74939181082030	Innova™ OVER- THE WIRE Self- Expanding Stent System	Mỹ	Boston Scientific Corporati on	Stent động mạch ngoại vi (dùi nông (SFA), kheo, ...) tự bung nhờ hình bằng sheath, chất liệu Nitinol * Kích cỡ: - Đường kính: 5,6,7,8 mm - Chiều dài: 20,40,60,80,100,120,150,200 mm * Catheter khả dụng: 75cm, 130cm. * Guidewire tương thích 0.035". Sheath tương thích 6F với mọi kích cỡ	Cái	1 Cái/ Hộp	3	30.900.000	92.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH
49	PP25 00386 549	Khung giá đỡ ngoại vi tự nở phủ thuốc	2526B V-VT- 395	Khung giá đỡ ngoại vi tự nở phủ thuốc	Khung giá đỡ mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel Eluvia Drug- Eluting Vascular Stent System	H74939295600470; H74939295600670; H74939295600870; H74939295601070; H74939295601270; H74939295601570; H74939295600410; H74939295600610; H74939295600810; H74939295601010; H74939295601210; H74939295601510; H74939295700470; H74939295700670; H74939295700870; H74939295701070; H74939295701270; H74939295701570; H74939295700410; H74939295700610; H74939295700810; H74939295701010; H74939295701210; H74939295701510	ELUVIA ™ OVER- THE WIRE Drug- Eluting Vascular Stent System	Ireland	Boston Scientific Limited	* Giá đỡ mạch máu tự bung, phủ thuốc Paclitaxel, dùng trong can thiệp động mạch ngoại biên. * Khung giá đỡ làm bằng Nitinol, mật độ phủ thuốc khoảng 0.167 µg/mm² * Dầu cân quang Tantalum được đặt ở đầu gần và đầu xa của stent. * Kích cỡ: - Đường kính: 6,7 mm - Chiều dài: 40,60,80,100,120,150 mm * Guidewire tương thích 0.035". Sheath tương thích: 6F * Catheter khả dụng: 75cm, 130cm.	Cái	1 Cái/ Hộp	3	39.500.000	118.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH

50	PP25 00386 550	Khung giá đỡ mạch ngoại vi tự bung	2526B V-VT- 396	Khung giá đỡ mạch ngoại vi tự bung	Khung giá đỡ mạch ngoại vi tự bung	PFNSxxxxxxx	PearlFlow NS (Selt- expandabl e Nitinol Peripheral Stent System)	Đức	L2MTec h GmbH	- Cấu tạo: + Chất liệu Nitinol + Thiết kế mắt cáo mờ + tối thiểu 3 điểm đánh dấu cân quang + Độ dày thanh chống 210 - 230 µm. + Ống thông tương thích: đường kính trong tối thiểu 0.078” + Sheath mở đường tương thích: đường kính trong tối thiểu 6F + Dây dẫn tương thích: đường kính ngoài tối đa 0.035” - Kích thước: + Đường kính: từ 5.0 mm đến 12.0 mm + Chiều dài: từ 20 mm đến 200 mm + Chiều dài hệ thống: 85cm - 135cm	Cái	Cái/ Hộp	5	29.750.000	148.750.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH
----	----------------------	--	-----------------------	---	---	-------------	--	-----	------------------	--	-----	-------------	---	------------	-------------	---

51	PP25 00386 551	Khung giá đỡ động mạch chỉ dưới gối phủ thuốc sirolimu s	2526B V-VT- 397	Khung giá đỡ động mạch chỉ dưới gối phủ thuốc sirolimus	iVascular Angiolite BTK	iVascular Angiolite BTK SPCDSR14150200009, SPCDSR14150200014, SPCDSR14150200016, SPCDSR14150200019, SPCDSR14150200024, SPCDSR14150200029, SPCDSR14150200034, SPCDSR14150200039, SPCDSR14150225009, SPCDSR14150225014, SPCDSR14150225016, SPCDSR14150225019, SPCDSR14150225024, SPCDSR14150225029, SPCDSR14150225034, SPCDSR14150225039, SPCDSR14150250009, SPCDSR14150250014, SPCDSR14150250016, SPCDSR14150250019, SPCDSR14150250024, SPCDSR14150250029, SPCDSR14150250034, SPCDSR14150250039, SPCDSR14150275009, SPCDSR14150275014, SPCDSR14150275016, SPCDSR14150275019, SPCDSR14150275024, SPCDSR14150275029, SPCDSR14150275034, SPCDSR14150275039, SPCDSR14150300009, SPCDSR14150300014, SPCDSR14150300016, SPCDSR14150300019, SPCDSR14150300024, SPCDSR14150300029, SPCDSR14150300034, SPCDSR14150300039, SPCDSR14150350009, SPCDSR14150350014, SPCDSR14150350016, SPCDSR14150350019, SPCDSR14150350024, SPCDSR14150350029, SPCDSR14150350034, SPCDSR14150350039, SPCDSR14150400009, SPCDSR14150400014, SPCDSR14150400016, SPCDSR14150400019, SPCDSR14150400024, SPCDSR14150400029, SPCDSR14150400034, SPCDSR14150400039, SPCDSR14150450014, SPCDSR14150450016, SPCDSR14150450019, SPCDSR14150450024, SPCDSR14150450029, SPCDSR14150450034, SPCDSR14150450039	iVascular Angiolite BTK	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices Biotech S.L	Khung giá đỡ động mạch dưới gối phủ thuốc Sirolimus. Chất liệu khung CoCr , thiết kế mắt mở, độ dày thành stent 75µm - 85µm. Nồng độ thuốc ≥1.4µm/mm2. Tối thiểu 2 điểm đánh dấu chất liệu Pt-Ir. - Chiều dài Stent tối thiểu 8 kích thước từ 9-39mm - Đường kính tối thiểu 8 kích thước từ 2.0-4.5mm	Cái	Hộp 1 Cái	5	36.280.000	181.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI Y TẾ TÂM VIỆT
52	PP25 00386 552	Giá đỡ Stent động mạch cánh loại tự nở	2526B V-VT- 398	Giá đỡ Stent động mạch cánh loại tự nở	Carotid WALLSTEN T TM MONORAIL T TM Closed Cell Self- Expanding Stent	H965SCH647010; H965SCH647070; H965SCH647080; H965SCH647090; H965SCH647120; H965SCH647130; H965SCH647140	Carotid WALLST ENT TM MONOR AIL TM Closed Cell Self- Expanding Stent	Ireland	Boston Scientific Limited	* Giá đỡ mạch máu tự bung, dùng trong can thiệp động mạch cảnh * Khung giá đỡ làm bằng hợp kim Egiloy * Kích cỡ: - Đường kính khi bung tối đa: 6,8,10 mm - Chiều dài khi bung tối đa: 21, 22, 24, 29, 31, 36, 37mm * Thiết kế stent mắt đóng, stent có thể thu lại sau khi đã được bung ra tối đa đến 50%. * Sheath tương thích: 5-6F. * Catheter khả dụng: 135cm.	Cái	1 Cái/ Hộp	5	27.300.000	136.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH

53	PP25 00386 553	Stent động mạch cánh các loại, các cỡ	2526B V-VT- 399	Stent động mạch cánh các loại, các cỡ	Khung giá đỡ mạch cánh Protégé RX	Loại thẳng: SEPX-6-20-135; SEPX-6-30-135; SEPX-6-40-135; SEPX-6-60-135; SEPX-7-20-135; SEPX-7-30-135; SEPX-7-40-135; SEPX-7-60-135; SEPX-8-20-135; SEPX-8-30-135; SEPX-8-40-135; SEPX-8-60-135; SEPX-9-20-135; SEPX-9-30-135; SEPX-9-40-135; SEPX-9-60-135; SEPX-10-20-135; SEPX-10-30-135; SEPX-10-40-135; SEPX-10-60-135 Loại thuôn: SEPX-8-6-30-135; SEPX-8-6-40-135; SEPX-10-7-30-135; SEPX-10-7-40-135	Protégé RX Self- expanding Carotid Stent System	Mỹ	Medtronic Inc.	Khung giá đỡ (Stent) tự giãn nở bằng hợp kim nickel titanium (nitinol), khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn (Tapered): - Loại thẳng: + 4 kích thước chiều dài: 20mm, 30mm, 40mm, 60mm. + 5 kích thước đường kính: 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm - Loại thuôn: + Đường kính: 8-6mm (8/6mm), 10-7mm (10/7mm) + Chiều dài 30mm và 40mm. Độ dài ống thông có gắn stent 135cm, sử dụng dây dẫn 0.014". Tương với dụng cụ mở đường 6F. 2 điểm đánh dấu (Marker) làm bằng Tantalum. Dạng thuôn có thêm 1 marker trên thân hệ thống.	Cái	1 Cái/ Hộp	15	26.500.000	397.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
54	PP25 00386 554	Bộ Stent graft cho động mạch chủ ngực	2526B V-VT- 400	Bộ Stent graft cho động mạch chủ ngực	Khung giá đỡ động mạch chủ ngực miêng chính dòng Valiant Captivia	VAMF2222C100TE; VAMF2424C100TE; VAMF2626C100TE; VAMF2828C100TE; VAMF3030C100TE; VAMF3232C100TE; VAMF3434C100TE; VAMF3636C100TE; VAMF3838C100TE; VAMF4040C100TE; VAMF4242C100TE; VAMF4444C100TE; VAMF4646C100TE; VAMF2222C150TE; VAMF2424C150TE; VAMF2626C150TE; VAMF2828C150TE; VAMF3030C150TE; VAMF3232C150TE; VAMF3434C150TE; VAMF3636C150TE; VAMF3838C150TE; VAMF4040C150TE; VAMF4242C150TE; VAMF4444C150TE; VAMF4646C150TE; VAMF3030C200TE; VAMF3232C200TE; VAMF3434C200TE; VAMF3636C200TE; VAMF3838C200TE; VAMF4040C200TE; VAMF4242C200TE; VAMF4444C200TE; VAMF4646C200TE; VAMF2622C150TE; VAMF2824C150TE; VAMF3026C150TE; VAMF3228C150TE; VAMF3430C150TE; VAMF3632C150TE; VAMF3834C150TE; VAMF4036C150TE; VAMF4238C150TE; VAMF4440C150TE; VAMF4642C150TE	Valiant Thoracic Stent Graft with the Captivia Delivery System	Ireland	Medtronic Ireland	- Đầu gắn có 8 đinh stent trần không có lớp phủ, dài 12mm. Các mắt stent cấu tạo hình Sin. - Có 4 marker hình số "8" chất liệu platinum iridium ở đầu gắn và ở giữa thân stent, 2 marker hình "O" ở đầu xa giúp tăng khả năng quan sát. - Hệ thống dẫn stent phủ hydrophilic, bung stent bằng cách xoay tròn 3 bước. - Kích cỡ: Đường kính của Stent: 22mm, 24mm, 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm, 36mm, 38mm, 40mm, 42mm, 44mm, 46mm Chiều dài Stent: 100mm, 150mm, 200mm. - Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester mật độ cao	Bộ	1 Cái/ Hộp	5	278.000.000	1.390.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ

55	PP25 00386 555	Stent Graft động mạch chủ ngực	2526B V-VT- 401	Stent Graft động mạch chủ ngực	Bộ Stent graft dùng trong điều trị phình và bóc tách động mạch chủ ngực, dạng thẳng hoặc thuôn dài, có độ chênh lệch đường kính giữa đầu gần và đầu xa lên đến 12mm- E-vita Thoracic 3G	70SO2424S13-00, 70SO2424S17-00, 70SO2626S10-00, 70SO2626S13-00, 70SO2626S17-00, 70SO2828S10-00, 70SO2828S13-00, 70SO2828S17-00, 70SO2824S17-00, 70SO3030S10-00, 70SO3030S13-00, 70SO3030S17-00, 70SO3030S23-00, 70SO3026S17-00, 70SO3333S10-00, 70SO3333S13-00, 70SO3333S17-00, 70SO3333S23-00, 70SO3326S17-00, 70SO3330S17-00, 70SO3636S10-00, 70SO3636S13-00, 70SO3636S17-00, 70SO3636S23-00, 70SO3628S17-00, 70SO3633S17-00, 70SO3633S23-00, 70SO3838S10-00, 70SO3838S17-00, 70SO3838S23-00, 70SO3833S17-00, 70SO4040S10-00, 70SO4040S13-00, 70SO4040S17-00, 70SO4040S23-00, 70SO4036S17-00, 70SO4036S23-00, 70SO4440S17-00, 70SO4440S23-00, 70SO3330S13-00, 70SO3330S23-00, 70SO3628S23-00, 70SO3630S17-00, 70SO3633S13-00, 70SO3830S17-00, 70SO3830S23-00, 70SO3833S23-00, 70SO4030S17-00, 70SO4030S23-00, 70SO4033S17-00, 70SO4033S23-00, 70SO4230S23-00, 70SO4233S17-00, 70SO4236S17-00, 70SO4236S23-00, 70SO4242S17-00, 70SO4433S17-00, 70SO4433S23-00, 70SO4436S17-00, 70SO4436S23-00, 70SO4440S13-00, 70SO4444S13-00, 70SO4444S17-00	E-vita thoracic 3G Stent Graft System	Đức	Jotec GmbH	Phần graft làm từ Polyester, khung stent tự bung được làm từ Nitinol. Stent graft được bung theo cơ chế Bóp-rời-Thả, mỗi bước 4mm. Kích cỡ: Đường kính từ 24 – 44mm Chiều dài: 100 - 230mm. Hệ thống mang Stent graft có kích thước từ 20F, chiều dài 95cm, được phủ lớp ái nước.	Bộ	Hộp 1 Bộ	3	265.000.000	795.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI CÔNG VÀNG
----	----------------------	---	-----------------------	--	---	--	---	-----	---------------	---	----	-------------	---	-------------	-------------	--

56	PP25 00386 556	Stent Graft động mạch chủ bụng	2526B V-VT- 402	Stent Graft động mạch chủ bụng	Bộ stent graft dùng cho điều trị phình động mạch chủ bụng, vòng stent bắt đôi xúng đảm bảo tăng độ linh hoạt lên đến 360o E- Tegra	93MB2313L10-08, 93MB2313L13-08, 93MB2313L13-10, 93MB2313L15-08, 93MB2316L15-08, 93MB2613L10-08, 93MB2613L13-08, 93MB2613L15-08, 93MB2616L15-08, 93MB2913L10-08, 93MB2913L13-08, 93MB2913L15-08, 93MB2916L15-08, 93MB2919L15-10, 93MB3213L10-08, 93MB3213L13-10, 93MB3216L15-08, 93MB3219L15-10, 93MB3613L10-08, 93MB3613L13-10, 93MB3616L15-08, 93MB3619L15-10. 93CL1510L05, 93CL1510L07, 93CL1510L09, 93CL1510L10, 93CL1513L05, 93CL1513L07, 93CL1513L09, 93CL1513L10, 93CL1516L03, 93CL1516L05, 93CL1516L07, 93CL1516L09, 93CL1516L10, 93CL1519L05, 93CL1519L07, 93CL1519L09, 93CL1519L10, 93CL1522L05, 93CL1522L07, 93CL1522L09, 93CL1522L10, 93CL1525L05, 93CL1525L07, 93CL1525L09, 93CL1525L10. 93AE2323L05, 93AE2626L05, 93AE2929L05, 93AE3232L05, 93AE3636L05, 93AE3838L05.	E-tegra Stent Graft System	Đức	Jotec GmbH	Phần graft làm từ Polyester, khung stent tự bung được làm từ Nitinol, Stent graft được bung theo cơ chế Bóp-rời-Thả. Thân chính có đường kính từ 23 – 36mm, độ dài từ 100 – 160mm. Phần chân nối dài có đường kính đầu gần 15mm, độ dài từ 60 – 135mm. Hệ thống đưa stent: kích thước từ 16F - 20F	Bộ	Hộp 1 Bộ	3	290.000.000	870.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG
57	PP25 00386 557	Bộ Stent graft cho động mạch chủ bụng	2526B V-VT- 403	Bộ Stent graft cho động mạch chủ bụng	Khung giá đỡ động mạch chủ bụng dòng Endurant IIs Hoặc Khung giá đỡ động mạch chủ bụng miêng chính dòng Endurant II	Mã miêng chính: ESBF2314C103EE;ESBF2514C103EE;ESBF2814C103EE;ESBF3214C103EE;ESBF3614C103EE;ETBF2313C124EE;ETBF2313C145EE;ETBF2313C166EE;ETBF2316C124EE;ETBF2316C145EE;ETBF2316C166EE;ETBF2513C124EE;ETBF2513C145EE;ETBF2513C166EE;ETBF2516C124EE;ETBF2516C145EE;ETBF2516C166EE;ETBF2813C124EE;ETBF2813C145EE;ETBF2813C166EE;ETBF2816C124EE;ETBF2816C145EE;ETBF2816C166EE;ETBF2820C124EE;ETBF2820C145EE;ETBF2820C166EE;ETBF3216C124EE;ETBF3216C145EE;ETBF3216C166EE;ETBF3220C124EE;ETBF3220C145EE;ETBF3220C166EE;ETBF3616C145EE;ETBF3616C166EE;ETBF3620C145EE;ETBF3620C166EE;ETUF2314C102EE;ETUF2514C102EE;ETUF2814C102EE;ETUF3214C102EE;ETUF3614C102EE Mã miêng phụ: ETLW1610C82EE;ETLW1610C93EE;ETLW1610C124EE;ETLW1610C156EE;ETLW1610C199EE;ETLW1613C82EE;ETLW1613C93EE;ETLW1613C124EE;ETLW1613C156EE;ETLW1613C199EE;ETLW1616C82EE;ETLW1616C93EE;ETLW1616C124EE;ETLW1616C156EE;ETLW1616C199EE;ETLW1620C82EE;ETLW1620C93EE;ETLW1620C124EE;ETLW1620C156EE;ETLW1620C199EE;ETLW1624C82EE;ETLW1624C93EE;ETLW1624C124EE;ETLW1624C156EE;ETLW1624C199EE;ETLW1628C82EE;ETLW1628C93EE;ETLW1628C124EE;ETLW1628C156EE;ETLW1628C199EE;ETEW1010C82EE;ETEW1313C82EE;ETEW2020C82EE;ETEW2424C82EE;ETEW2828C82EE;ETCF2323C49EE;ETCF2525C49EE;ETCF2828C49EE;ETCF3232C49EE;ETCF3636C49EE;ETTF2323C70EE;ETTF2525C70EE;ETTF2828C70EE;ETTF3232C70EE;ETTF3636C70EE	Endurant IIs stent graft system; Endurant II stent graft system	Ireland	Medtronic Ireland	- Hệ thống đưa stent phủ lớp ái nước hydrophilic, có đường kính ngoài: 14F, 16F, 18F, 20F. - Đầu gần có stent chữ M. Có 4 marker đầu gần với 1 marker hình chữ "e" giúp xác định hướng trước - sau của stent. - Đường kính đầu gần Stent thân chính: 23mm, 25mm, 28mm, 32mm, 36mm. - Thân nối dài: 10mm, 13mm, 16mm, 20mm, 23mm, 24mm, 25mm, 28mm, 32mm, 36mm. - Chiều dài Stent: 49mm, 70mm, 82mm, 93mm, 102mm, 103mm, 124mm, 145mm, 156mm, 166mm, 199mm. Chất liệu: Stent: Nitinol, Graft: Polyester đa sợi mật độ cao, chỉ khâu: polyethylene siêu cao phân tử.	Bộ	1 Cái/ Hộp	3	328.000.000	984.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ

58	PP25 00386 558	Giá đỡ mạch máu não	2526B V-VT- 404	Giá đỡ mạch máu não	Giá đỡ mạch máu não Pipeline Flex with Shield	PED2-250-10;PED2-250-12;PED2-250-14;PED2-250-16;PED2-250-18;PED2-250-20;PED2-275-10;PED2-275-12;PED2-275-14;PED2-275-16;PED2-275-18;PED2-275-20;PED2-300-10;PED2-300-12;PED2-300-14;PED2-300-16;PED2-300-18;PED2-300-20;PED2-300-25;PED2-300-30;PED2-300-35;PED2-325-10;PED2-325-12;PED2-325-14;PED2-325-16;PED2-325-18;PED2-325-20;PED2-325-25;PED2-325-30;PED2-325-35;PED2-350-10;PED2-350-12;PED2-350-14;PED2-350-16;PED2-350-18;PED2-350-20;PED2-350-25;PED2-350-30;PED2-350-35;PED2-375-10;PED2-375-12;PED2-375-14;PED2-375-16;PED2-375-18;PED2-375-20;PED2-375-25;PED2-375-30;PED2-375-35;PED2-400-10;PED2-400-12;PED2-400-14;PED2-400-16;PED2-400-18;PED2-400-20;PED2-400-25;PED2-400-30;PED2-400-35;PED2-425-10;PED2-425-12;PED2-425-14;PED2-425-16;PED2-425-18;PED2-425-20;PED2-425-25;PED2-425-30;PED2-425-35;PED2-450-10;PED2-450-12;PED2-450-14;PED2-450-16;PED2-450-18;PED2-450-20;PED2-450-25;PED2-450-30;PED2-450-35;PED2-475-10;PED2-475-12;PED2-475-14;PED2-475-16;PED2-475-18;PED2-475-20;PED2-475-25;PED2-475-30;PED2-475-35;PED2-500-10;PED2-500-12;PED2-500-14;PED2-500-16;PED2-500-18;PED2-500-20;PED2-500-25;PED2-500-30;PED2-500-35	Pipeline Flex with Shield	Mỹ	Micro Therapeu tics Inc dba EV3 Neurovas cular	Là Stent được đan như mắt lưới, 48 sợi đan vào nhau tạo thành khung cơ bản. Stent được thiết kế bằng hợp kim tự bung trong đó có 25% platinum - Tungsten và 75% cobalt chromium, có bề mặt bao phủ kim loại 30-35% , có các đường kính 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.25mm, 4.5mm, 4.75mm, 5.0mm. Chiều dài 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm . Hệ thống dẫn đường của Stent là một sợi kim loại dài 200 cm bằng thép không di với các vết cắt laze dọc thân 91 cm .	Cái	01 cái/ hộp	3	176.000.000	528.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ANH DU'ONG ASIA VIỆT NAM
59	PP25 00386 560	Stent thay đổi dòng chảy	2526B V-VT- 406	Stent thay đổi dòng chảy	Stent thay đổi dòng chảy pFMD phenox Flow Modulation Device	P64-MW-HPC-300-9; P64-MW-HPC-300- 12; P64-MW-HPC-300-15; P64-MW-HPC-300-18; P64-MW-HPC-350-9; P64-MW-HPC-350-12; P64-MW-HPC-350-15; P64-MW-HPC-350-18; P64-MW-HPC-350-21; P64-M W-HPC-400-12; P64-M W-H PC-400-15; P64-MW-HPC-400-18; P64-MW-HPC-400-21; P64-MW-HPC-400-24; P64-MW-HPC-450-15; P64-MW-HPC-450-18; P64-MW-HPC-450-21; P64-MW-HPC-450-24; P64-MW-HPC-450-27; P64-MW-HPC-500-18; P64-MW-HPC-500-24; P64-MW-HPC-500-30	pFMD phenox Flow Modulatio n Device	Đức	Phenox GmbH	- Cấu tạo từ 64 sợi dây DFT platinum bọc nitinol - Lớp phủ HPC - Tương thích với vi ống thông ID 0.021inch. - Trong mạch đường kính 2.5-5mm, chiều dài stent tương ứng 9-41mm.	Cái	01 Cái/ hộp	5	171.000.000	855.000.000	CÔNG TY TNHH VINACAT ECH

60	PP25 00386 561	Khung giá đỡ động mạch ngoại biên cover stent	2526B V-VT- 407	Khung giá đỡ động mạch ngoại biên cover stent	Khung giá đỡ động mạch ngoại biên cover stent Solaris	1xxxxx	Solaris	Brazil	Scitech Produtos Medicos SA	Stent động mạch ngoại biên: Chất liệu Nitinol - Phủ PTFE Kích cỡ khung giá đỡ: +Tối thiểu 3 kích thước chiều dài từ 40 đến 80mm +Tối thiểu 4 kích thước đường kính 6 đến 9mm Khẩu kính tip profile: 9F Chiều dài hệ thống phân phối: 130cm Hệ thống catheter phủ Hydrophilic Đầu xa và đầu gần stent đều có 03 điểm đánh dấu bằng tantalum	Cái	01 Cái/ Hộp	2	50.000.000	100.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMED IC VIỆT NAM
61	PP25 00386 562	Stent (Khung giá đỡ) có màng bọc dùng cho can thiếp mạch máu	2526B V-VT- 408	Stent (Khung giá đỡ) có màng bọc dùng cho can thiệp mạch máu	BeGraft Peripheral Stent Graft System	BGPxxxx_1; BGPxxxx_2	BeGraft Peripheral Stent Graft System	Đức	Bentley Innomed GmbH	* Khung giá đỡ hợp kim CoCr phủ một lớp màng bọc ePTFE dày 203 ± 25µm dùng cho can thiệp mạch máu Kích cỡ khung giá đỡ: +Tối thiểu 9 kích thước chiều dài từ 18 đến 57mm +Tối thiểu 6 kích thước đường kính 5 đến 10mm * Sheath tương thích: 6F (Ø 5-8 mm), 7F (Ø 9-10 mm)	Cái	Hộp/ cái	2	55.800.000	111.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC KIM HÒA PHÁT
62	PP25 00386 563	Stent (Khung giá đỡ) có màng bọc dùng cho động mạch vành	2526B V-VT- 409	Stent (Khung giá đỡ) có màng bọc dùng cho động mạch vành	BeGraft Coronary Stent Graft System	BGxxxxx	BeGraft Coronary Stent Graft System	Đức	Bentley Innomed GmbH	"Giá đỡ mạch máu có màng bọc đường kính nhỏ từ 2.5 - 5.0mm. Khung giá đỡ làm bằng hợp kim CoCr, phủ một lớp màng bọc ePTFE dày 89 ± 25µm. Độ dày thanh chống 0.08 - 0.09 mm; độ rộng thanh chống 0.07 - 0.08 mm. Tương thích sheath 5F	Cái	Hộp/ cái	2	55.000.000	110.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC KIM HÒA PHÁT

63	PP25 00386 564	Khung giá đỡ (stent) niệu quản bằng kim loại, phủ toàn bộ	2526B V-VT- 410	Khung giá đỡ (stent) niệu quản bằng kim loại, phủ toàn bộ	Khung giá đỡ đường niệu quản - Ureteral Stent (URS)	URS-x-x-xxx; URS-x-xx-xxx; URS-x-x-x-xx; URS-x-x- x-xxx; URS-x-x-xx-xx; URS-x-x-xx-xxx	Ureteral Stent	Israel	Allium Ltd	- Kích cỡ khung giá đỡ: + 3 kích thước chiều dài từ 80; 100; 120 (mm) + 2 kích thước đường kính 8mm; 10mm - Thiết kế phủ toàn bộ bằng Polymer. - Marker chắn bức xạ ở trên stent - Thiết kế mô neo - Đặt qua nội soi (ngược dòng), qua da (xuôi dòng) hoặc kết hợp cả ngược dòng và xuôi dòng	Cái	1 cái/ hộp	3	25.000.000	75.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG
64	PP25 00386 565	Stent ngoại biên có màng bọc	2526B V-VT- 411	Stent ngoại biên có màng bọc	iVascular iCover	iVascular iCover SPCBCC35080050017; SPCBCC35080050027; SPCBCC35080050037; SPCBCC35080050057; SPCBCC35080060017; SPCBCC35080060027; SPCBCC35080060037; SPCBCC35080060057; SPCBCC35080070017; SPCBCC35080070027; SPCBCC35080070037; SPCBCC35080070057; SPCBCC35080080017; SPCBCC35080080027; SPCBCC35080080037; SPCBCC35080080057; SPCBCC35080090027; SPCBCC35080090037; SPCBCC35080090057; SPCBCC35080100027; SPCBCC35080100037; SPCBCC35080100057; SPCBCC35140050017; SPCBCC35140050027; SPCBCC35140050037; SPCBCC35140050057; SPCBCC35140060017; SPCBCC35140060027; SPCBCC35140060037; SPCBCC35140060057; PCBCC35140070017; SPCBCC35140070027; SPCBCC35140070037; SPCBCC35140070057; SPCBCC35140080017; SPCBCC35140080027; SPCBCC35140080037; SPCBCC35140080057; SPCBCC35140090027; SPCBCC35140090037; SPCBCC35140090057; SPCBCC35140100027; SPCBCC35140100037; SPCBCC35140100057	iVascular iCover	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices Biotech S.L	Stent ngoại biên có màng bọc bung bằng bóng, thiết kế mắt mờ. Chất liệu khung CoCr hoặc tương đương. Chất liệu màng bọc ePTFE hoặc tương đương. Mỗi đầu stent có tối thiểu 3 điểm đánh dấu cân quang. Áp lực định danh của bóng: 9 atm. Áp lực vỡ bóng: từ 13-15 atm. Dây dẫn tương thích: 0.035". Đường kính stent tối thiểu 6 kích thước từ 5-10mm. Chiều dài tối thiểu 4 kích thước từ 17-57mm.	Cái	Hộp 1 Cái	3	54.500.000	163.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI Y TẾ TÂM VIỆT

65	PP25 00386 568	Giá đỡ điều trị can thIỆp mạch máu thần kinh	2526B V-VT- 414	Giá đỡ điều trị can thiệp mạch máu thần kinh	Giá đỡ điều trị can thiệp mạch máu thần kinh pEGASUS Stent System	PEGASUS-350-15-HPC; PEGASUS-350-20-HPC; PEGASUS-350-25-HPC; PEGASUS-350-30-HPC; PEGASUS-450-15-HPC; PEGASUS-450-20-HPC; PEGASUS-450-25-HPC; PEGASUS-450-30-HPC	pEGASUS Stent System	Đức	femtos GmbH	- Được sử dụng để điều trị hẹp động mạch nội sọ. - Thiết kế ô mở và chống xoắn. - Lớp phủ HPC mô phỏng theo lớp lót mặt trong tế bào nội mô - Chất liệu: Nitinol - Dùng cho lòng mạch: Từ 2,5mm đến 4,5mm. - Đường kính stent: Từ 4-5mm. - Chiều dài stent: Từ 15 đến 30mm - Tương thích với vi ống thông có đường kính trong (ID): 0,0165"/ 0,017"	Cái	01 Cái/ Hộp	15	71.000.000	1.065.000.000	CÔNG TY TNHH VINACAT ECH
66	PP25 00386 569	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ khác	2526B V-VT- 415	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ khác	Khung giá đỡ tĩnh mạch Abre	AB9G10040090; AB9G10060090; AB9G10080090; AB9G10100090; AB9G10120090; AB9G10150090; AB9G12060090; AB9G12080090; AB9G12100090; AB9G12120090; AB9G12150090; AB9G14060090; AB9G14080090; AB9G14100090; AB9G14120090; AB9G14150090; AB9G16060090; AB9G16080090; AB9G16100090; AB9G16120090; AB9G16150090; AB9G18060090; AB9G18080090; AB9G18100090; AB9G18120090; AB9G18150090; AB9G20060090; AB9G20080090; AB9G20100090; AB9G20120090; AB9G20150090	Abre Venous Self- expanding Stent System	Mỹ	Medtroni c Inc.	Stent chất liệu Nitinol. Thiết kế mắt lưới hở Tương thích với hệ thống can thiệp 9F Đường kính có 6 kích thước: 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm Chiều dài có 6 kích thước: 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm Chiều dài hệ thống 90cm.	Cái	1 Cái/ Hộp	5	46.000.000	230.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
67	PP25 00386 570	Stent kim loại cho kỹ thuật Tips và mạch ngoại vi, có 3 lớp phủ, đủ các cỡ	2526B V-VT- 1099	Stent kim loại cho kỹ thuật Tips và mạch ngoại vi, có 3 lớp phủ, đủ các cỡ	Stent mạch máu	TIPS08-07; TIPS08-08; TIPS08-09; TIPS08-10; TIPS09-07; TIPS09-08; TIPS09-09; TIPS09-10; TIPS10-07; TIPS10-08; TIPS10-09; TIPS10-10	TAEWOO NG	Hàn Quốc	Taewoon g Medical Co., Ltd	Chất liệu được làm từ Nitinol. Cấu trúc dạng đan mắt cáo, phủ PTFE, cách đầu be 20mm. Có các điểm căn quang. Stent có đường kính tối thiểu từ 8mm - 10mm, chiều dài tối thiểu từ 70mm – 100mm ±5. Đường kính bộ đặt tối thiểu có kích thước 9Fr, chiều dài bộ đặt 75 cm ±7.	Cái	1 Cái/hộp	30	34.500.000	1.035.000.000	CÔNG TY CỔ PHÂN KỸ THUẬT MINH LONG

68	PP25 00386 571	Stent đường mật đường mật, loại không phủ, bán phủ và phủ toàn phần.	2526B V-VT- 417	Stent đường mật đường mật, loại không phủ, bán phủ và phủ toàn phần.	Stent đường mật Wallflex Biliary Transhepatic/ Stent đường mật Wallflex Biliary Transhepatic bán phủ/ Stent đường mật Wallflex Biliary Transhepatic, phủ toàn phần	M00574700;M00574710; M00574720;M00574730; M00574740;M00576880; M00576890;M00576900; M00576910;M00574620; M00574630;M00574640; M00574650;M00574660; M00574670;M00574680; M00574690;M00576920; M00576930;M00574750; M00574760;M00574770; M00574780;M00574790; M00576840;M00576850; M00576860;M00576870	Wallflex Biliary Transhepa tic	Ireland	Boston Scientific Limited	Stent đường mật bằng Nitinol, lõi bach kim, mắt đóng, dạng bện. Tương thích catheter 8-8.5F, dây dẫn đường 0.035". Hai đầu stent có thiết kế gồm nhiều vòng nhỏ và lọc Tích hợp phần để kéo stent – loại bán phủ hoặc phủ toàn phần Cấu trúc ô đóng và phủ permalume Tăng độ cân quang toàn stent Thiết kế bện dây platinol Có thể thu gọn đến 80% so với khi bung Cơ chế đưa stent đồng trục Chiều dài hữu dụng (working) của catheter 75cm và tương thích introducer 9F Catheter có 4 điểm cân quang Stent có đường kính 8-10mm loại không phủ, bán phủ, phủ toàn phần, có catheter 8-8,5F Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, CFS, FDA	Cái	Hộp/ 1 cái	20	27.200.000	544.000.000	Công Ty TNHH Alexia
69	PP25 00386 573	Khung giá đỡ (Stent) kéo huyết khối mạch não loại thay đổi được kích thước và hình dạng	2526B V-VT- 419	Khung giá đỡ (Stent) kéo huyết khối mạch não loại thay đổi được kích thước và hình dạng	Giá đỡ kéo huyết khối, TIGERTRIE VER	TRPP3155	TIGERTR IEVER	Israel	Rapid Medical Ltd	- Khung giá đỡ (Stent) kéo huyết khối mạch não loại thay đổi được kích thước và hình dạng từ 1.5mm đến 6mm bằng tay cầm dạng răng cưa. - Đường kính: 1.5mm - 6mm; tương thích microcatheter đường kính trong 0.021"; chiều dài 32mm. Cấu trúc Stent có lớp bện. Thiết bị tái thông mạch máu.	Cái	1 cái/ hộp	10	39.800.000	398.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG

70	PP25 00386 574	Bộ dụng cụ siêu âm trong lòng mạch	2526B V-VT- 483	Bộ dụng cụ siêu âm trong lòng mạch	OptiCross™ HD 60MHz Coronary Imaging Catheter + Disposable Pullback Sled for Motordrive	OptiCross™ HD 60MHz Coronary Imaging Catheter: H74939352020; H74939352030 Disposable Pullback Sled for Motordrive: H749A70200	OptiCross™ HD 60MHz Coronary Imaging Catheter + Disposabl e Pullback Sled for Motordriv e	Costa Rica; Mỹ	Boston Scientific Corporati on; SMC LTD	Bộ dụng cụ siêu âm trong lòng mạch bao gồm: đầu dò siêu âm và hệ thống máng trượt. - Đường kính catheter nhỏ 5F - Vạch đánh dấu cách nhau 1.5cm (15mm) - Phù ái nước Bioslide.	Bộ	Hộp/1 bộ	15	32.000.000	480.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH
71	PP25 00386 576	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, loại dài, có van cầm máu	2526B V-VT- 485	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, loại dài, có van cầm máu	Ông thông dẫn đường xuyên vách liên nhĩ, Swartz Braided Transseptal Guiding Introducer	407439; 407449; 407451	Swartz Braided Transsepta l Guiding Introducer	Mỹ	Abbott Medical	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài. - Kích thước: 8F hoặc 8,5F - Vò sheath có cấu trúc bên. Đầu mềm. - Lỗ bên có kích thước nhỏ. - Có van cầm máu - Chiều dài sheath: 63 cm - Gồm: Dụng cụ mở đường vào mạch máu và cổng bên; Que nong chiều dài 67 cm; Dây dẫn đường dài 180 cm có đầu chữ J có thể bẻ thẳng. Đường kính dây dẫn đường tối đa 0,032"	Cái	Hộp 1 cái	10	6.200.000	62.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

72	PP25 00386 577	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, loại dài, có lái hướng, có van cầm máu	2526B V-VT- 486	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, loại dài, có lái hướng, có van cầm máu	Ông thông dẫn đường điều khiển được độ cong, có van cầm máu Agilis NxT Steerable Introducer	408309; 408310	Agilis NxT Steerable Introducer	Costa Rica	- St. Jude Medical Costa Rica Ltda.; - Abbott Medical Costa Rica Ltda.	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài, lái hướng - Lái theo 2 hướng. Tự động khóa. Trục thân có cấu trúc bên. Có van cầm máu. Phần đầu của dụng cụ được đánh dấu không thấm xạ. Đầu mềm. - Nhiều kiểu cong: Kiểu cong nhỏ và kiểu cong trung bình. Kích thước độ cong: 16,8 mm hoặc 22,4 mm - Gồm: Dụng cụ mở đường vào mạch máu và cổng bên, que nong 8,5 F và dây dẫn đường loại dài 180 cm, đầu hình chữ J có thể bẻ thẳng kích thước 3 mm. Đường kính dây dẫn tối đa 0,032 (in)	Cái	Hộp 1 cái	5	25.000.000	125.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
73	PP25 00386 578	Kim chọc vách liên nhĩ dùng cho thăm dò điện sinh lý và đốt loạn nhịp	2526B V-VT- 487	Kim chọc vách liên nhĩ dùng cho thăm dò điện sinh lý và đốt loạn nhịp	Kim chọc vách liên nhĩ người lớn, BRK Transseptal Needle; Kim chọc vách liên nhĩ người lớn, BRK-1 Transseptal Needle	407200; 407201	BRK Transseptal Needle; BRK-1 Transseptal Needle	Costa Rica; Thụy Sĩ	- Abbott Medical Costa Rica Ltda.; - UNIME D S.A	- Kim chọc vách liên nhĩ. Dùng cùng dụng cụ mở đường xuyên vách có đầu cong cố định hoặc lái hướng. - Gồm kim chọc vách và stylet bằng thép không rỉ. - Kim chọc vách: Góc xiên 50 độ. Đầu chỉ điểm trên tâm chẩn chỉ hướng cong của kim. Có khoang cho phép bơm dung dịch trước khi sử dụng và bơm cân quang trọng quá trình can thiệp. Có vai ngăn kim chọc vách tiến quá xa (khoảng 3 mm) vượt quá đầu dụng cụ mở đường. - Nhiều kiểu cong: BRK hoặc BRK-1 - Kích thước 18 ga. - Stylet: Móng. Đường kính đầu xa của stylet: 0,35 mm; phần cuối được uốn cong và có kẹp để đưa qua khóa van; phù hợp với đầu gần của kim chọc vách.	Cái	Hộp 1 cái	2	9.000.000	18.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

74	PP25 00386 579	Bộ dây truyền lạnh	2526B V-VT- 488	Bộ dây truyền lạnh	Dây dịch truyền có cảm biến tắc mạch trong đường ống Cool Point Tubing Set	85785	Cool Point Tubing Set	Mỹ	Irvine Biomedic al, Inc. a St. Jude Medical Company	- Chiều dài: 260 cm - Tương thích với bơm truyền lạnh Cool Point	Cái	Hộp 1 cái	15	3.500.000	52.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
75	PP25 00386 580	Điện cực đốt đầu uốn cong hạt hướng, có hệ thống tay lái cam	2526B V-VT- 489	Điện cực đốt đầu uốn cong hạt hướng, có hệ thống tay lái cam	Catheter cắt đốt điện sinh lý Blazer Prime	M004EPTP5031TH0; M004EPTP5031THK20; M004EPTP5031THN40	Catheter cắt đốt điện sinh lý Blazer Prime	Costa Rica	Boston Scientific Corporati on	Catheter đốt loạn nhịp đầu uốn cong hạt hướng. - Chất liệu điện cực Platinum/Iridium - Kích cỡ đầu tip 7F, dài 4 mm - Kiểu curve: Standard (tiêu chuẩn), Large (lớn), Asymmetric (không đối xứng) - Khoảng cách điện cực: 2.5mm - Chiều dài catheter: 110cm - Thân dạng bện kim loại	Cái	Cái/ hộp	10	37.366.667	373.666.670	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM KIM THÔNG
76	PP25 00386 581	Điện cực đốt đầu uốn cong hạt hướng, có cấu trúc tay lái cam	2526B V-VT- 490	Điện cực đốt đầu uốn cong hạt hướng, có cấu trúc tay lái cam	Catheter cắt đốt điện sinh lý Blazer Prime	M004 EPTP4500TH0; M004EPTP4500THK20; M004EPTP4500THN40; M004EPTP4790THK20; M004EPTP4790THN40	Catheter cắt đốt điện sinh lý Blazer Prime XP	Costa Rica	Boston Scientific Corporati on	Catheter đốt loạn nhịp đầu uốn cong hạt hướng. - Kích cỡ đầu tip 8F, dài 8 mm, 10mm - Kiểu curve: Standard (tiêu chuẩn), Large (lớn), Asymmetric (không đối xứng) - Khoảng cách điện cực: 2.5mm - Chiều dài catheter: 110cm - Thân dạng bện kim loại	Cái	Cái/ hộp	10	37.800.000	378.000.000	CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM KIM THÔNG

77	PP25 00386 582	Catheter đốt đầu uốn cong 1 hướng	2526B V-VT- 491	Catheter đốt đầu uốn cong 1 hướng	Ông thông cất đốt điện sinh lý điều khiển độ cong 1 chiều, Therapy Ablation Catheter (4mm Thermocoupl e OUS)	IBI-83351; IBI-83403; IBI-83405	Therapy Ablation Catheter (4mm Thermoco uple OUS)	Mỹ	Irvine Biomedic al, Inc. a St. Jude Medical Company	- Catheter đốt, đầu uốn cong 1 hướng - Kích thước: 5F; 7F - Đo nhiệt độ qua cặp nhiệt điện - Có thể uốn cong đầu catheter với các mức độ: nhỏ, trung bình. - Tay cầm đẩy/kéo - Có 4 điện cực. Bề rộng điện cực: 1 mm; 2 mm. Đầu điện cực: 4 mm. - Khoảng cách điện cực: 2; 2-5-2 (mm) - Chiều dài: 110 cm	Cái	Hộp 1 cái	5	33.000.000	165.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
78	PP25 00386 583	Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	2526B V-VT- 492	Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	Ông thông cất đốt điện sinh lý điều khiển độ cong 2 chiều, Therapy Ablation Catheter (4mm Thermocoupl e OUS)	IBI-83701; IBI-83702; IBI-83703	Therapy Ablation Catheter (4mm Thermoco uple OUS)	Mỹ	Irvine Biomedic al, Inc. a St. Jude Medical Company	- Catheter đốt, đầu uốn cong 2 hướng. - Kích thước 7F. - Theo dõi nhiệt độ thông qua cặp nhiệt điện. - Đầu catheter quay theo 2 hướng. - Nhiều kiểu cong khác nhau: nhỏ, trung bình, lớn. - Tay cầm kéo đẩy. - Thân có 3 phần với độ mềm tăng dần (đoạn gần dạng bện, đoạn giữa mềm mức độ vừa, đoạn xa mềm). - Có 4 điện cực. - Khoảng cách điện cực: 2-5-2 (mm) - Đầu catheter kích thước 4 mm. Bề rộng điện cực 2 mm. - Chiều dài 110cm.	Cái	Hộp 1 cái	50	33.000.000	1.650.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

79	PP25 00386 584	Catheter đốt tưới dung dịch có rãnh tưới nước muối bao quanh đầu điện cực, đầu có thể uốn cong loại 1 hướng	2526B V-VT- 493	Catheter đốt tưới dung dịch có rãnh tưới nước muối bao quanh đầu điện cực, đầu có thể uốn cong loại 1 hướng	Ông thông cất đốt điện sinh lý tích hợp tưới nước 1 chiều FlexAbility Ablation Catheter	A701157; A701158; A701159	FlexAbility Ablation Catheter	Costa Rica	St. Jude Medical Costa Rica Ltda.	- Catheter đốt tưới dung dịch 1 hướng - Kích cỡ: 8F. - Đầu đốt uốn cong linh hoạt kết hợp với tay cầm và thân được thiết kế nhằm định vị chính xác trong buồng tim. Góc cong từ 180 đến 230 độ. - Có các độ cong D, F và J. - Có rãnh tưới dung dịch bao xung quanh và 4 lỗ tưới ở đầu điện cực - Khoảng cách điện cực: 1-4-1 (mm). Cực ở đầu xa có chiều dài 4 mm - Chiều dài: 115 cm	Cái	Hộp 1 cái	5	57.000.000	285.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
80	PP25 00386 585	Catheter đốt tưới dung dịch có rãnh tưới nước muối bao quanh đầu điện cực, đầu có thể uốn cong loại 2 hướng	2526B V-VT- 494	Catheter đốt tưới dung dịch có rãnh tưới nước muối bao quanh đầu điện cực, đầu có thể uốn cong loại 2 hướng	Ông thông cất đốt điện sinh lý tích hợp tưới nước 2 chiều FlexAbility Ablation Catheter	A701125	FlexAbility Ablation Catheter	Costa Rica	- St. Jude Medical Costa Rica Ltda.; - Abbott Medical Costa Rica Ltda.	- Catheter đốt tưới dung dịch 2 hướng. - Kích cỡ: 8F - Nhiều kiểu cong có thể lựa chọn. Đầu uốn cong 2 hướng bất đối xứng: DF. Góc cong từ 180 đến 230 độ. - Khoảng cách điện cực: 1-4-1 mm. Cực ở đầu xa có chiều dài 4 mm - Có rãnh tưới dung dịch bao xung quanh và 4 lỗ tưới ở đầu điện cực - Chiều dài: 115 cm	Cái	Hộp 1 cái	10	62.500.000	625.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

81	PP25 00386 586	Catheter đốt điều trị loạn nhịp cong 270 độ đầu đốt 4mm	2526B V-VT- 495	Catheter đốt điều trị loạn nhịp cong 270 độ đầu đốt 4mm	AlCath Red TC FullCircle/ AlCath Blue TC FullCircle/ AlCath Green TC FullCircle/ AlCath Black TC FullCircle/ AlCath Cyan TC FullCircle	364536, 359038, 364532, 359037, 364528	AlCath Red TC FullCircle/ AlCath Blue TC FullCircle/ AlCath Green TC FullCircle/ AlCath Black TC FullCircle/ AlCath Cyan TC FullCircle	Đức	Vascome d Gmbh	Catheter với đường kính 7F, dài 110 cm, với điện cực đốt dài 4 mm và 3 nhân 1,55 mm. Cách biệt của các điện cực là 2-5-2 mm. Các điện cực bằng Pt/Ir. Đầu có thể xoay 270 độ. Tối thiểu 5 đường cong khác nhau	Cái	Cái/ hộp	40	40.000.000	1.600.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU
82	PP25 00386 587	Catheter đốt đầu vàng điều trị loạn nhịp cong 270 độ	2526B V-VT- 496	Catheter đốt đầu vàng điều trị loạn nhịp cong 270 độ	AlCath Red TC G FullCircle/ AlCath Blue TC G FullCircle	364537, 364525	AlCath Red TC G FullCircle/ AlCath Blue TC G FullCircle	Đức	Vascome d Gmbh	Ống thông đốt với đầu Au (vàng) có thể xoay 270 độ, uốn cong thành vòng khép kín. Điện cực bằng vàng giúp tản nhiệt nhanh. Chiều dài 110 cm	Cái	Cái/ hộp	10	72.000.000	720.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU
83	PP25 00386 588	Catheter đốt cảm biến lực 2 hướng, có cảm biến từ trường, có lỗ tưới nước muối	2526B V-VT- 497	Catheter đốt cảm biến lực 2 hướng, có cảm biến từ trường, có lỗ tưới nước muối	Ống thông cắt đốt điện sinh lý tìm đo lực tiếp xúc, có cảm biến, TactiCath Contact Force Ablation Catheter, Sensor Enabled	A-TCSE-DD; A-TCSE-DF; A-TCSE-FF; A-TCSE-FJ; A-TCSE-JJ	TactiCath Contact Force Ablation Catheter, Sensor Enabled	Costa Rica	Abbott Medical Costa Rica Ltda.	- Catheter đốt cảm biến lực, có cảm biến từ trường, có 6 lỗ tưới nước muối; - Đường kính 8F; - Có 4 điện cực gồm: 1 điện cực đầu và 3 điện cực vòng, đầu điện cực 3,5mm; - Tay cầm lái hướng có khóa, tích hợp cáp nối; - Có cảm biến lực - Chiều dài 115cm;	Cái	Hộp 1 cái	10	79.000.000	790.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

84	PP25 00386 589	Catheter đốt loạn nhịp đầu uốn cong hai hướng	2526B V-VT- 498	Catheter đốt loạn nhịp đầu uốn cong hai hướng	Blazer II HTD Temperature Ablation Catheter	M004EPT5031TH0; M004EPT5031THK20; M004EPT5031THN40; M004EPT5031THM0; M004EPT5031THMN40	Blazer II HTD Temperature Ablation Catheter	Costa Rica	Boston Scientific Corporati on	Catheter đốt loạn nhịp đầu uốn cong hai hướng loại 4 điện cực. - Kích cỡ đầu tip 7F/4mm - Chiều dài điện cực thân: 2mm - Khoảng cách điện cực: 2.5mm - Chất liệu điện cực: hợp kim Pt-Ir tỉ lệ 90%-10% - Chiều dài catheter: 110cm - Có cấu trúc tay lái cam - Thân dạng bện kim loại - Chất liệu làm đoạn xa và trực gần: Pebax	Cái	Cái/ hộp	10	37.800.000	378.000.000	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG
85	PP25 00386 590	Cáp nối dài cho các loại điện cực đốt	2526B V-VT- 499	Cáp nối dài cho các loại điện cực đốt	Cáp nối cho Catheter cắt đốt BLAZER	M0046130; M0046510	Cáp nối cho Catheter cắt đốt BLAZER	Costa Rica	Boston Scientific Corporati on	Cáp nối dài tương thích với catheter đốt đầu uốn cong hai hướng. Chiều dài 3m (10ft) hoặc 1m (3ft).	Cái	Cái/ hộp	4	6.850.000	27.400.000	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG
86	PP25 00386 591	Cáp nối dài cho các loại điện cực đốt	2526B V-VT- 500	Cáp nối dài cho các loại điện cực đốt	Cáp nối cho Catheter cắt đốt BLAZER	M0046130; M0046510	Cáp nối cho Catheter cắt đốt BLAZER	Costa Rica	Boston Scientific Corporati on	Cáp nối dài tương thích với catheter đốt đầu uốn cong hai hướng. Chiều dài 3m (10ft) hoặc 1m (3ft).	Cái	Cái/ hộp	4	6.850.000	27.400.000	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG

87	PP25 00386 592	Cáp nối dài cho catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	2526B V-VT- 501	Cáp nối dài cho catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	Cáp nối dùng cho ống thông cắt đốt điện sinh lý, Safire Catheter Extension Cable (OUS); Cáp nối dùng cho ống thông cắt đốt điện sinh lý, Electrophysi ology cable (Therapy Catheter Connecting Cable)	402560; 402561; IBI-85641	Safire Catheter Extension Cable (OUS); Electrophys iology cable (Therapy Catheter Connectin g Cable)	Mỹ; Đài Loan	- St. Jude Medical; - Irvine Biomedic al, Inc. a St. Jude Medical Company	- Tương thích với các loại catheter đốt. - Cáp được ghi nhãn dùng cho quá trình đốt. Kết nối cho phép giám sát nhiệt độ. Kênh có chỉ dẫn để kết nối. - Chiều dài 150 cm; 250cm; 300 cm	Cái	Hộp 1 cái	16	8.580.000	137.280.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
88	PP25 00386 593	Cáp nối dài cho các loại Catheter đốt RF	2526B V-VT- 502	Cáp nối dài cho các loại Catheter đốt RF	PK-142/2.5m	362442	PK- 142/2.5m	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây kết nối ống thông đốt điều trị loạn nhịp với máy đốt cơ tim. Chiều dài 2.5 m	Cái	Cái/ hộp	6	11.250.000	67.500.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
89	PP25 00386 594	Cáp nối dài cho các loại catheter đốt (loại đốt 1 hướng hoặc đốt tưới muối)	2526B V-VT- 503	Cáp nối dài cho các loại catheter đốt (loại đốt 1 hướng hoặc đốt tưới muối)	Cáp nối dùng cho ống thông cắt đốt điện sinh lý, Electrophysi ology cable (Therapy Catheter Connecting Cable)	IBI-85641	Electrophys iology cable (Therapy Catheter Connectin g Cable)	Mỹ; Đài Loan	Irvine Biomedic al, Inc. a St. Jude Medical Company	Tương thích với các loại catheter đốt. Chiều dài 250 cm	Cái	Hộp 1 cái	4	8.580.000	34.320.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

90	PP25 00386 595	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	2526B V-VT- 504	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	Đầu đốt đơn cực trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ	60813	Cardioblat e Pen	Mỹ	Viant Medical Inc.	Thiết bị phẫu thuật rung nhĩ bằng sóng cao tần iRF, công nghệ iRF kết hợp dung dịch muối, có ống phân phối chất lỏng nước muối chiều dài 304.8cm, Trục thép không gỉ dễ uốn với vỏ bọc silicone/ fluoropolymer dài 8.0cm	Cái	1 Cái/ Hộp	5	24.896.250	124.481.250	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
91	PP25 00386 596	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	2526B V-VT- 505	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	Đầu đốt đơn cực trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ	60814	Cardioblat e XL Pen XL Surgical Ablation Pen	Mỹ	Viant Medical Inc.	Thiết bị phẫu thuật rung nhĩ bằng sóng cao tần iRF, công nghệ iRF kết hợp dung dịch muối, có ống phân phối chất lỏng nước muối chiều dài 304.8cm, Trục thép không gỉ dễ uốn với vỏ bọc silicone / fluoropolymer dài 20cm.	Cái	1 Cái/ Hộp	5	24.896.250	124.481.250	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
92	PP25 00386 597	Bộ đầu đốt đơn cực và lưỡng cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	2526B V-VT- 506	Bộ đầu đốt đơn cực và lưỡng cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	Bộ dụng cụ đốt rung nhĩ đơn cực và lưỡng cực sử dụng trong phẫu thuật	60832	Cardioblat e BP2 System	Mỹ	Viant Medical Inc.	Bộ dụng cụ phẫu thuật đốt rung nhĩ đơn cực và lưỡng cực sử dụng sóng cao tần với nước tưới iRF có dây truyền dịch dài 304.8cm.	Cái	1 Cái/ Hộp	3	51.000.000	153.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ

93	PP25 00386 598	Catheter chân đoán 4 điện cực, kiểu cong cổ định	2526B V-VT- 507	Catheter chân đoán 4 điện cực, kiểu cong cổ định	Ông thông chân đoán điện sinh lý tim độ cong cổ định 4 điện cực, Supreme Electrophysi ology Catheter	401890; 401860; 401433; 401443; 401442; 401449	Supreme Electrophys iology Catheter	Costa Rica	- St. Jude Medical Costa Rica Ltda.; - Abbott Medical Costa Rica Ltda.	- Catheter chân đoán 4 điện cực, độ cong cổ định - Có các kích thước: 4F, 5F, 6F - Đầu catheter mềm, không bện. - Thân dạng bện để kiểm soát lực xoắn, lực đẩy - Nhiều kiểu cong khác nhau: JSN; CRD; CRD-2 - Khoảng cách điện cực: 5-5-5; 5; 10; 2-5-2 (mm) - Bề rộng điện cực: 1 mm - Chiều dài 120 cm	Cái	Hộp 1 cái	150	6.690.000	1.003.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
94	PP25 00386 599	Catheter chân đoán 10 điện cực, độ cong cổ định	2526B V-VT- 508	Catheter chân đoán 10 điện cực, độ cong cổ định	Ông thông chân đoán điện sinh lý tim độ cong cổ định 10 điện cực, Supreme Electrophysi ology Catheter	401893; 401979; 401863; 401864; 401865	Supreme Electrophys iology Catheter	Costa Rica	St. Jude Medical Costa Rica Ltda.	- Catheter chân đoán 10 điện cực, độ cong cổ định - Kích thước: 4F và 5F - Đầu catheter mềm, không bện. - Thân dạng bện để kiểm soát lực xoắn, lực đẩy - Chiều dài: 65, 120 cm - Khoảng cách điện cực: 2-8-2; 2-5-2; 5-5-5 (mm) - Bề rộng điện cực: 1 mm - Đầu điện cực: 2 mm	Cái	Hộp 1 cái	50	8.200.000	410.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
95	PP25 00386 600	Catheter chân đoán 10 điện cực, lái hướng, có khóa tự động	2526B V-VT- 509	Catheter chân đoán 10 điện cực, lái hướng, có khóa tự động	Ông thông chân đoán điều khiển động độ cong 10 điện cực, Livewire Steerable Electrophysi ology Catheter	401939; 401940; 401941; 401575; 401915; 401582	Livewire Steerable Electrophys iology Catheter	Mỹ	St. Jude Medical	- Catheter chân đoán 10 điện cực, lái hướng - Các kích thước tối thiểu: 5F, 6F, 7F - Tay cầm trợ lực lái hướng - Tự động khóa lái hướng, không cần dùng lực liên tục để duy trì độ cong đầu catheter - Nhiều độ cong khác nhau: Trung bình; siêu lớn - Đầu catheter mềm, không bện. - Bề rộng điện cực: 1 mm. Điện cực đầu catheter: 2 mm - Khoảng cách điện cực: 2-5-2; 2-8-2; 2 (mm) - Chiều dài 115 cm	Cái	Hộp 1 cái	20	29.800.000	596.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

96	PP25 00386 601	Catheter chân đoán 20 cực, lái hướng, 7F	2526B V-VT- 510	Catheter chân đoán 20 cực, lái hướng, 7F	Ông thông chân đoán điều khiển được độ cong 20 điện cực, Livewire Steerable Electrophysi ology Catheter	401904; 401908; 401932	Livewire Steerable Electrophy siology Catheter	Mỹ	St. Jude Medical	- Catheter chân đoán 20 điện cực, lái hướng - Kích thước: 7F - Tay cầm trợ lực lái hướng - Tự động khóa lái hướng, không cần dùng lực liên tục để duy trì độ cong đầu catheter - Nhiều độ cong khác nhau: Trung binh; siêu lớn - Đầu catheter mềm, không bện. - Bề rộng điện cực: 1 mm. Điện cực đầu catheter: 2 mm - Chiều dài 115 cm; 95 cm	Cái	Hộp 1 cái	5	42.500.000	212.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
97	PP25 00386 602	Cáp nối cho catheter chân đoán loại 2 hoặc 4 điện cực các kích cỡ	2526B V-VT- 511	Cáp nối cho catheter chân đoán loại 2 hoặc 4 điện cực các kích cỡ	Cáp nối cho ống thông chân đoán độ cong cố định 2, 4 điện cực, Supreme Electrophysi ology Extension Cable	401980; 401981; 401982; 401983	Supreme Electrophy siology Extension Cable	Mỹ; Trung Quốc; Mexico	- St. Jude Medical; - Abbott Medical	- Tương thích với các loại catheter chân đoán. - Các kênh được chỉ dẫn kết nối. Chân cắm kết nối cuối được ghi nhãn. Đầu nối chân cắm điện cực được bao phủ 2 mm. Chân cắm mạ vàng 24K. - Cáp có nhiều màu sắc khác nhau - Chiều dài 150 cm	Cái	Hộp 1 cái	25	5.000.000	125.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
98	PP25 00386 603	Cáp nối với catheter chân đoán loại 8 hoặc 10 điện cực các kích cỡ	2526B V-VT- 512	Cáp nối với catheter chân đoán loại 8 hoặc 10 điện cực các kích cỡ	Cáp nối cho ống thông chân đoán độ cong cố định 8, 10 điện cực, Supreme Electrophysi ology Extension Cable	401985; 401986	Supreme Electrophy siology Extension Cable	Mỹ; Trung Quốc; Mexico	- St. Jude Medical; - Abbott Medical	- Tương thích với các loại catheter chân đoán. - Các kênh được chỉ dẫn kết nối. Chân cắm kết nối cuối được ghi nhãn. Đầu nối chân cắm điện cực được bao phủ 2 mm. Chân cắm mạ vàng 24K. - Chiều dài 150 cm; 210 cm	Cái	Hộp 1 cái	10	5.500.000	55.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

99	PP25 00386 604	Cáp nối cho catheter chân đoán lái hướng loại 6; 8 hoặc 10 điện cực các kích cỡ	2526B V-VT- 513	Cáp nối cho catheter chân đoán lái hướng loại 6; 8 hoặc 10 điện cực các kích cỡ	Cáp nối cho ống thông chân đoán điều khiển được 6, 8, 10 điện cực Response Electrophysi ology Extension Cable	401972; 401976; 401977	Response Electrophy siology Extension Cable	Mỹ; Trung Quốc; Mexico	- St. Jude Medical; - Abbott Medical	- Tương thích với các loại catheter chân đoán. - Các kênh được chỉ dẫn kết nối. Chân cắm kết nối cuối được ghi nhãn. Đầu nối chân cắm điện cực được bao phủ 2 mm. Chân cắm mạ vàng 24K. - Nhấn nút để nhà catheter - Cáp có nhiều màu sắc khác nhau - Chiều dài 150 cm; 210 cm	Cái	Hộp 1 cái	5	5.500.000	27.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
100	PP25 00386 605	Catheter chân đoán 4 điện cực	2526B V-VT- 514	Catheter chân đoán 4 điện cực	Catheter thăm dò và chuẩn đoán VIKING 4 cực	M0044000070; M0044000080; M0044000440; M0044000450; M0044000470; M0044000480; M0044001230; M0044001190; M0044001020; M0044000120; M0044005080; M0044005010; M0044005050	Catheter thăm dò và chuẩn đoán VIKING 4 cực	Costa Rica	Boston Scientific Corporati on	Catheter chân đoán loại 4 điện cực - Kích cỡ: 5F; 6F - Chất liệu điện cực: hợp kim Pt-Ir tỉ lệ 90% -10% - Khoảng cách điện cực: 2mm; 5mm; 10mm; 2-5-2mm - Chiều dài: 110cm, 115cm	Cái	Cái/ hộp	30	6.723.750	201.712.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG
101	PP25 00386 606	Catheter chân đoán 10 điện cực	2526B V-VT- 515	Catheter chân đoán 10 điện cực	Catheter thăm dò và chuẩn đoán VIKING 10 cực	M0044000330; M0044000340; M0044000350; M0044000360; M0044000740; M0044000750; M0044000960; M0044001030; M0044001070; M0046FVS000650; M0044005310; M0044005350	Catheter thăm dò và chuẩn đoán VIKING 10 cực	Costa Rica	Boston Scientific Corporati on	- Catheter chân đoán loại 10 điện cực đầu cong cố định - Kích cỡ : 5F; 6F - Chiều dài đầu Tip: 1.5mm - Chiều dài điện cực thân (Bề rộng điện cực): 1.5mm - Chiều dài: 65cm; 110cm; 115 cm - Lớp phủ đầu điện cực: hợp kim Ptlr (90%-10%) - Đa dạng kiểu cong: CS, Josephson, Cournand, Damato, Elmhurst - Khoảng cách điện cực: 5mm; 2mm; 2,5,2mm; 2,9,2mm; 2,8,2mm	Cái	Cái/ hộp	20	8.000.000	160.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG

102	PP25 00386 607	Catheter chân đoán loại 10 điện cực lái hướng	2526B V-VT- 516	Catheter chân đoán loại 10 điện cực lái hướng	Catheter chân đoán điện sinh lý Dynamic XT	M0042011010	Catheter chân đoán điện sinh lý Dynamic XT	Costa Rica	Boston Scientific Corporati on	Catheter chân đoán lái hướng loại 10 điện cực - Kích cỡ: 6F - Khoảng cách điện cực: 2-5-2mm. - Chất liệu điện cực: Platinum - Có tay cầm dạng đẩy, kéo - Tạo bởi lớp phủ Polyurethane. - Chiều dài: 110cm	Cái	Cái/ hộp	10	25.000.000	250.000.000	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG
103	PP25 00386 608	Cáp nối cho điện cực chân đoán 10 điện cực	2526B V-VT- 517	Cáp nối cho điện cực chân đoán 10 điện cực	Cáp nối Surelink cho catheter chân đoán điện sinh lý 10 cực	M004560001A0	Cáp nối Surelink cho catheter chân đoán điện sinh lý 10 cực	Hoa Kỳ	Phillips- Medisize Costa Mesa, LLC	Cáp nối dài tương thích với catheter chân đoán 10 điện cực, chiều dài: 210cm	Cái	Cái/ hộp	2	5.390.000	10.780.000	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG
104	PP25 00386 609	Cáp nối cho điện cực chân đoán 4 điện cực	2526B V-VT- 518	Cáp nối cho điện cực chân đoán 4 điện cực	Cáp nối Surelink cho catheter chân đoán điện sinh lý 4 cực	M004560003A0	Cáp nối Surelink cho catheter chân đoán điện sinh lý 4 cực	Hoa Kỳ	Phillips- Medisize Costa Mesa, LLC	Cáp nối dài tương thích với catheter chân đoán 4 điện cực, chiều dài: 210cm	Cái	Cái/ hộp	3	5.050.000	15.150.000	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG
105	PP25 00386 610	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, có van cầm máu	2526B V-VT- 519	Dụng cụ mở đường vào mạch máu, có van cầm máu	Dụng cụ mở đường vào mạch máu có van cầm máu, có khóa Fast- Cath Hemostasis Introducer	406709; 406700; 406703; 406701; 406704; 406702; 406705; 406706; 406707; 406708	Fast-Cath Hemostasi s Introducer	Mỹ	Abbott Medical	- Có 10 kích thước gồm: 4F; 5F; 5,5F; 6F; 6,5F; 7F; 7,5F; 8F; 8,5F; 9F - Chiều dài sheath: 12cm - Có chốt khóa cầm máu - Đường kính dây dẫn đường tối đa: 0,035; 0,038 (in) - Bao gồm: Dụng cụ mở đường với van cầm máu và cổng bên, que nong, dây dẫn đường 2 đầu (thẳng và chữ J) dài 50cm	Cái	Hộp 10 cái	700	620.000	434.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

106	PP25 00386 611	Bộ bàn điện cực âm dùng cho hệ thống lập bản đồ tim 3 chiều	2526B V-VT- 520	Bộ bàn điện cực âm dùng cho hệ thống lập bản đồ tim 3 chiều	EnSite Precision Surface Electrode Kit	EN0020-P	EnSite Precision Surface Electrode Kit	Mỹ; Costa Rica	Abbott Medical Costa Rica Ltda.	Bộ điện cực khi sử dụng cùng với hệ thống lập bản đồ tim 3 chiều, giúp tạo ra các bản đồ tim 3D chi tiết. Bao gồm: + Điện cực tham chiếu hệ thống + Điện cực bề mặt: với 6 miếng dán màu sắc khác nhau để dán ở các vị trí khác nhau trên cơ thể + Miếng dán cảm biến tham chiếu: 2 miếng phía trước ngực và phía sau lưng, có hỗ trợ tính năng cảm biến + Miếng dán ECG: 10 miếng	Cái	Hộp 1 cái	5	48.000.000	240.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
107	PP25 00386 612	Catheter lập bản đồ dạng vòng 10 điện cực, có cảm biến từ trường, 1 hướng	2526B V-VT- 521	Catheter lập bản đồ dạng vòng 10 điện cực, có cảm biến từ trường, 1 hướng	Ông thông lập bản đồ vòng lập cổ định có cảm biến, 1 hướng Advisor FL Circular Mapping Catheter, Sensor Enabled	D-AVSE-D10-F15; D-AVSE-D10-F20	Advisor FL Circular Mapping Catheter, Sensor Enabled	Costa Rica	Abbott Medical Costa Rica Ltda.	- Catheter lập bản đồ tim, dạng vòng, có cảm biến - Lái hướng 180 độ - Kiểu cong 1 hướng - Tay cầm kéo đẩy - 2 điện cực trên trục để nhận diện catheter - Kích thước thân: 7,5F; vòng 4F - Vòng có 10 điện cực - Kích thước vòng: 15 mm; 20 mm - Bề rộng điện cực 1 mm. Điện cực đầu catheter: 2 mm. - Khoảng cách điện cực: 3-3-3; 5-5-5 mm - Chiều dài 105 cm	Cái	Hộp 1 cái	5	55.000.000	275.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
108	PP25 00386 613	Catheter lập bản đồ dạng vòng 10 điện cực, có cảm biến từ trường, 2 hướng	2526B V-VT- 522	Catheter lập bản đồ dạng vòng 10 điện cực, có cảm biến từ trường, 2 hướng	Ông thông lập bản đồ vòng lập cổ định có cảm biến, 2 hướng Advisor FL Circular Mapping Catheter; Sensor Enabled	D-AVSE-DF10-F15; D-AVSE-DF10-F20	Advisor FL Circular Mapping Catheter; Sensor Enabled	Costa Rica	Abbott Medical Costa Rica Ltda.	- Catheter lập bản đồ tim, dạng vòng, có cảm biến - Lái hướng 180 độ - Kiểu cong 2 hướng bất đối xứng - 2 điện cực trên trục để nhận diện catheter - Kích thước thân: 7,5F; vòng 4F - Vòng có 10 điện cực - Kích thước vòng: 15 mm; 20 mm - Bề rộng điện cực 1 mm. Điện cực đầu catheter: 2 mm. - Khoảng cách điện cực: 3-3-3; 5-5-5 mm - Chiều dài 105 cm	Cái	Hộp 1 cái	5	59.000.000	295.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

109	PP25 00386 614	Cáp nối cho catheter chẩn doán, lập bản đồ có cảm biến từ trường	2526B V-VT- 523	Cáp nối cho catheter chẩn doán, lập bản đồ có cảm biến từ trường	Cáp nối cho catheter chẩn đoán, lập bản đồ có cảm biến từ trường, 12 chân	D-AVSE-CBL12	Sensor Enabled™ Diagnostic Catheter Cable	Trung Quốc	ATL Technolo gy DG Limited	- Tương thích với các loại catheter chẩn đoán cảm ứng từ trường. - Một đầu cáp kết nối vào hệ thống lập bản đồ tim 3 chiều. - Các kênh được chỉ dẫn kết nối. Chân cắm kết nối cuối được ghi nhãn. Gồm 12 chân cắm. Chiều dài 150 cm (1,5m)	Cái	Hộp 1 cái	1	15.000.000	15.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
110	PP25 00386 615	Catheter lập bản đồ dạng vi, có cảm ứng từ trường, 2 hướng	2526B V-VT- 524	Catheter lập bản đồ dạng vi, có cảm ứng từ trường, 2 hướng	Ông thông lập bản đồ điện sinh lý tim độ phân giải cao dạng lưới có cảm biến, Advisor HD Grid High Density Mapping Catheter, Sensor Enabled	D-AVHD-DF16	Advisor HD Grid High Density Mapping Catheter, Sensor Enabled	Mỹ; Costa Rica	- Abbott Medical; - Abbott Medical Costa Rica Ltda.; - St. Jude Medical Costa Rica Ltda.	- Catheter lập bản đồ dạng vi, có cảm ứng từ trường - Kích thước: 8 F - Lái theo 2 hướng. Tay cầm có núm chỉnh - Gồm 16 điện cực trên vi và 2 điện cực trên trục thân - Bề rộng điện cực: 1 mm - Khoảng cách điện cực đều nhau theo chiều dọc và chiều ngang của vi: 3 mm - Kích thước vi: 13 x 13 mm2 - Chiều dài: 105 cm	Cái	Hộp 1 cái	3	79.000.000	237.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
111	PP25 00386 616	Cáp nối cho catheter chẩn doán, lập bản đồ có cảm biến từ trường	2526B V-VT- 525	Cáp nối cho catheter chẩn doán, lập bản đồ có cảm biến từ trường	Cáp nối cho catheter chẩn đoán, lập bản đồ có cảm biến từ trường, 22 chân	D-AVSE-CBL22	Sensor Enabled™ Diagnostic Catheter Cable	Trung Quốc	ATL Technolo gy DG Limited	- Tương thích catheter chẩn đoán, lập bản đồ có cảm ứng từ trường - Kênh được hướng dẫn kết nối - Chân cắm kết nối cuối được ghi nhãn - Bao gồm 22 chân kết nối - Chiều dài: 1.5 m	Cái	Hộp 1 cái	1	21.000.000	21.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

112	PP25 00386 617	Bộ dụng cụ dùng trong khoan phá động mạch vành các loại, các cỡ	2526B V-VT- 526	Bộ dụng cụ dùng trong khoan phá động mạch vành các loại, các cỡ	ROTAPRO™ Pre-Connected Exchangeable Burr Catheter and Burr Advancing Device; RotaWire™ and wireClip™ Torquer Guidewire and Guidewire Manipulation Device; Rotaglide Lubricant	ROTAPRO™ Pre-Connected Exchangeable Burr Catheter and Burr Advancing Device; RotaWire™ and wireClip™ Torquer Guidewire and Guidewire Manipulation Device; Rotaglide Lubricant	Ireland; Costa Rica; Sweden	Boston Scientific Limited; Boston Scientific Corporation; Fresenius Kabi AB	Bộ tối thiểu bao gồm: - 01 Mũi khoan dùng trong khoan phá mảng xơ vữa qua ống thông hình elip, mũi khoan phủ kim cương ở bề mặt đầu xa. - Mũi khoan gắn trên dây dẫn dài 135cm, đường kính từ 1.25mm đến 2.5mm. - 01 dây lái dài 330cm, đường kính 0.014". - 01 lọ dung dịch làm trơn mũi khoan, đóng gói lọ 20cc	Bộ	Hộp/1 bộ	5	47.939.000	239.695.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH	
113	PP25 00386 619	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	2526B V-VT- 529	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	Prelude (Radial)	PSI-4F-7-018; PSI-4F-11-018; PSI-5F-11-018; PSI-6F-11-018	Prelude +NEEDLE SHEATH INTRODUCER	Mỹ	Merit Medical Systems, Inc.	Dụng cụ mở đường quay (sheath Introducer) các cỡ 4F, 5F, 6F - Chất liệu polyethylene và Polypropylene. - Có Guidewire kèm (làm bằng thép không rỉ), đầu tip có loại thẳng và 3mmJ; đường kính 0.018"; dài 40cm. - Có kèm theo kim chọc mạch.	Cái	5 cái/hộp	200	520.000	104.000.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH
114	PP25 00386 620	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay bằng kim luồn	2526B V-VT- 530	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay bằng kim luồn	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay bằng kim luồn	RM*AF5J10SQW; RM*AF6J10SQW	Radifocus Introducer II	Nhật Bản	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Cấu tạo gồm: - Kim luồn cỡ 20G x 1 1/4" - Mini guidewire plastic cỡ 0.025" x 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Sheath - Dilator (que nong) - Dao rạch da Đặc điểm: - Sheath có phủ lớp ái nước - Kích thước: đường kính 5F-6F, dài 10cm	Bộ	1 bộ /hộp	200	682.000	136.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT

115	PP25 00386 621	Dụng cụ mở đường vào mạch quay	2526B V-VT- 531	Dụng cụ mở đường vào mạch quay	RADIALST AT™ Transradial Hydrophilic Sheath Kit	09219HC;06666HC; 06664HC; 06700HC; 06713HC; 06685HC	RADIALS TAT™ Transradia l Hydrophili c Sheath Kit	Mỹ	Umbra medical products, Inc	Van chống trào silicon. Các cỡ: từ 4F- 7F, chiều dài lớp vỏ tối thiểu 5cm, tối đa 24 cm. Đường kính dây dẫn tối thiểu 0.018" , tối đa 0.025". Chiều dài dây dẫn tối thiểu 45cm, tối đa 70cm	Cái	01 Cái/ Bịch	200	430.000	86.000.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIỆT BỊ Y TẾ KTA
116	PP25 00386 622	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay thành mỏng	2526B V-VT- 532	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay thành mỏng	Braidin	Braidin 860400701, 860500701, 860600701, 869600701, 860700701, 860401101, 860501101, 860601101, 869601101, 860701101, 860401501, 860501501, 860601501, 869601501, 860701501.	Braidin	Trung Quốc	APT Medical	Dụng cụ mở đường quay cấu trúc lưới đan kim loại. Valve cầm máu ngăn ngừa máu chảy ngược và ngăn hút khí. Đầu xa phù ái nước. Đường kính có tối thiểu các cỡ 4F, 5F, 6F, 6.5F, 7F. Chiều dài sheath 7, 11, 15cm. Guidewire 0.025" . Loại 6F có đường kính trong 2.18mm. Loại 6.5F có đường kính trong 2.31mm.	Bộ	Hộp 5 Bộ	200	435.580	87.116.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI Y TẾ TÂM VIỆT
117	PP25 00386 623	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thIỆP tim mạch và ngoại biên	2526B V-VT- 533	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thIỆP tim mạch và ngoại biên	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp tim mạch và ngoại biên Introducer Sheath Kit Demax (Tất cả các cỡ)	DQ05082121T, DQ05112121T, DQ06082121T, DQ06112121T, DQ07082121T, DQ07112121T, DQ05082121S, DQ05112121S, DQ06082121S, DQ06112121S, DQ07082121S, DQ07112121S, DQ05113818T, DQ06113818T, DQ07113818T, DQ08113818T	Introducer Sheath Kit	Trung Quốc	Beijing Demax Medical Technolo gy Co.,Ltd.	Đầu tip thiết kế thuôn nhọn Phù hydrophilic Kích thước: 5, 6, 7, 8F Chiều dài sheath: 8cm, 11cm Dây dẫn thép không gỉ dài 45 cm Que nong dài: 13.5 cm và 16.5 cm Kích cỡ kim: 21G và 18G	Cái	1 Cái/ Gói	200	480.000	96.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
118	PP25 00386 624	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thIỆP tim mạch và ngoại biên có lớp ái nước	2526B V-VT- 534	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thIỆP tim mạch và ngoại biên có lớp ái nước	Bộ dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp tim mạch và ngoại biên Introducer Sheath Kit Demax loại có lớp phủ hydrophilic (Tất cả các cỡ)	DXQ05082520, DXQ05112520, DXQ06082520, DXQ06112520, DXQ07082520, DXQ07112520, DXQ08082520, DXQ08112520	Introducer Sheath Kit (with Hydrophili c)	Trung Quốc	Beijing Demax Medical Technolo gy Co.,Ltd.	Dây dẫn chất liệu polymer với lớp phủ ái nước và ống thông IV Kích thước: 5, 6, 7, 8F Chiều dài sheath: 8cm, 11cm Dây dẫn dài 45 cm Que nong dài: 13.5 cm và 16.5 cm Kim trocar cỡ: 20G dài 3 cm	Cái	1 Cái/ Gói	200	540.000	108.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN

119	PP25 00386 625	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay ái nước	2526B V-VT- 535	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay ái nước	Bộ dụng cụ mở đường mạch quay ái nước	982115R5111, 982115R5134, 982115R5211, 982115R5234, 982116R5111, 982116R5134, 982116R5234	Bộ dụng cụ mở đường mạch quay ái nước	Đức	MedK GmbH	Bộ dụng cụ mở đường quay ái nước bao gồm: vỏ sheath, que nong, dây dẫn đường, và kim chọc mạch. - Vỏ sheath độ cân quang tốt đồng thời được phủ lớp ái nước, chất liệu dây dẫn bằng thép không gỉ. Có van cầm máu an toàn - Các cỡ 5F, 6F dài 11cm, 16cm. - Que nong dài 169mm, 219cm - Guidewire làm bằng thép không ri được phủ ái nước có các cỡ 0.021" x 45cm và 0.025" x 45cm - Kim chọc mạch 20G x 45mm và 21G x 4cm - Xuất xứ: Đức (G7)	Bộ	Bộ/ hộp	200	415.000	83.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG
120	PP25 00386 627	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	2526B V-VT- 539	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	Prelude (Femoral)	PSI-5F-11-038; PSI-6F-11-038; PSI-7F-11-038; PSI- 8F-11-038	Prelude SHEATH INTROD UCER	Mỹ	Merit Medical Systems, Inc.	Dụng cụ mở đường đùi có các cỡ: 5F, 6F, 7F, 8F dài 11cm - Chất liệu polyethylene và Polypropylene. - Có Guidewire đi kèm làm bằng thép không ri, đầu tip có loại thẳng và 3mmJ; đường kính 0.038" (0.97mm); dài 50cm.	Cái	5 cái/ hộp	100	430.000	43.000.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH
121	PP25 00386 628	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi dùng kim luồn chọc mạch	2526B V-VT- 540	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi dùng kim luồn chọc mạch	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi dùng kim luồn chọc mạch	RS*A40G07SQ; RS*A40G10SQ ; RS*A40K10AQ ; RS*A40K10SQ; RS*A50G07SQ; RS*A50K10SQ; RS*A50K10AQ ; RS*A60G07SQ ; RS*A60K10AQ ; RS*A60K10SQ ; RS*A70K10AQ; RS*A70K10SQ ; RS*A80K10SQ	Radifocus Introducer II	Việt Nam	Terumo Vietnam Co., Ltd	Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) - Dao rạch da Đặc điểm: - Tối thiểu các cỡ: 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)	Cái	1 cái / hộp	500	530.000	265.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT

122	PP25 00386 629	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	2526B V-VT- 541	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	CL – ELITE™ Introducer Sheath System	09991; 09992; 09990; 09428; 09427	CL – ELITE™ Introducer Sheath System	Mỹ	Umbr medical products, Inc	Có Van cầm máu Silicone Đường kính guidewire 0.035 inch hoặc 0.038 inch, chiều dài guidewire 45cm, 80cm tùy vào đường kính. Đường kính: 5F - 9F, chiều dài 11, 16, 24 cm, Kim đo: 18G	Cái	01 Cái/ Bịch	50	430.000	21.500.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA
123	PP25 00386 630	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	2526B V-VT- 542	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	982115F2122, 982115V9002, 982116F2122, 982116F2142, 982117F2122, 982117F2142, 982118F2122	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	Đức	MedK GmbH	Bộ dụng cụ mở đường đùi bao gồm: vỏ sheath, que nong, dây dẫn đường, và kim chọc mạch. - Vỏ sheath chất liệu dây dẫn bằng thép không gỉ. Có van cầm máu an toàn. - Đùi các cỡ 5F, 6F, 7F, 8F dài 11cm mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau - Chiều dài que nong: 169 mm - Dây dẫn đường làm bằng thép không gỉ, đường kính 0.038", dài 45cm, - Kim chọc mạch cỡ 18G x 7cm - Xuất xứ: Đức (G7)	Bộ	Bộ/ hộp	100	430.000	43.000.000	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG
124	PP25 00386 631	Dụng cụ mở đường vào động mạch các cỡ, đầu thẳng và đầu cong	2526B V-VT- 543	Dụng cụ mở đường vào động mạch các cỡ, đầu thẳng và đầu cong	Dụng cụ mở đường vào động mạch các cỡ, đầu thẳng và đầu cong	RSP01; RSP02; RSP03; RSP04; 54-54501; 54-64506; 54-74501; 54- 74506; 54-84501; 54-84506; 54-86501; 54-86506; 54- 89001; 54-89006; RSC01; RSC02; RSC03; RSC04; RSC05; RSC06; RSC07; RSC08; RSR01; RSR02; RSR03; RSR04; RSR05; RSR06; RSR07; RSR08; RSR09; RSR10; RSR11; RSR12; RSR13; RSR14; RSR15; RSR16; RSR17; RSR18; RSR19; RSR20; 54-54502; 54-54503; 54- 54504; 54-54505	Destinat ion Peripheral Guiding Sheath/ Destinatio n Carotid Guiding Sheath/ DESTINA TION® Renal Guiding Sheath	Mỹ	Terumo Medical Corporati on	Cấu tạo 3 lớp gồm: lớp trong PTFE, cuộn thép không gỉ ở giữa và lớp ngoài nylon - Lớp phủ ái nước tại đầu xa dài 35cm hoặc 60cm - Đầu vào không gây tổn thương thành mạch - 03 điểm đánh dấu cân quang: sheath, dilator và điểm đánh dấu bằng vàng (gold coil) - Van có thể tháo rời, gồm 2 loại khác nhau Kích cỡ: - Chiều dài: 45cm; 65cm; 90cm - Đường kính trong: 5Fr; 6Fr; 7Fr, 8Fr - Tương thích với dây dẫn 0.038"	Bộ	1 cái/hộp	20	7.667.000	153.340.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT

125	PP25 00386 632	Bộ dụng cụ dẫn đường cầm máu	2526B V-VT- 544	Bộ dụng cụ dẫn đường cầm máu	Braidin L	Braidin L 95040850, 95040851, 95050850, 95050851, 95060850;95060851, 95070850, 95070851, 95080850, 95080851; 95090850, 95090851, 95100850, 95100851, 95120850, 95120851, 95140850, 95140851, 95160850, 95160851, 95180850, 95180851, 950507021, 950509022, 890505000, 890509000, 950607021, 950609022, 890605000, 890609000, 950707021, 950709022, 890705000, 890709000, 950807021, 950809022, 890805000, 890809000, 950907021, 950909022, 890905000, 890909000, 951007021, 951009022, 891005000, 891009000, 951207021, 951209022, 891205000, 891209000, 951407021, 951409022, 891405000, 891409000, 951607021, 951609022, 891605000, 891609000, 951807021, 951809022, 891805000, 891809000, 95050900, 98050904, 950504510, 950509016, 98050900, 98050902, 95060900, 98060904, 950604510, 950609016, 98060900, 98060902, 95070900, 950704510, 950709016, 98070900, 98070901, 95080900, 98080902, 950804510, 950809016, 98080900, 98080901, 95050500, 95050501, 95050502, 95050503, 95050504, 95060506, 95060505, 95060503, 95060501, 95070506, 95070508, 95070509, 95070505	Braidin L	Trung Quốc	APT Medical Inc.	Bộ dụng cụ mở đường cầm máu, chất liệu ngoài Pebax, lớp giữa là lớp lưới đan thép không gỉ, lớp trong cùng là PTFE. Trên thân sheath có hai lỗ bên ngăn ngừa tạo bọt khí. Đầu tip không chấn thương được bo tròn. Có nhiều đầu cong để phục vụ các yêu cầu lâm sàng khác nhau (tâm nhĩ phải, tâm nhĩ trái, xoang vành, động mạch thận, đa chức năng thẳng, thông liên nhĩ, thông liên thất, còn ống động mạch). Chiều dài tối thiểu 5 kích thước từ 45 - 90cm. Đường kính từ 4F-18F. Có lựa chọn dây dẫn kim loại hoặc dây ái nước.	Bộ	Hộp 1 Bộ	20	6.300.000	126.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI Y TẾ TÂM VIỆT
126	PP25 00386 634	Ống thông hút huyết khối mạch não	2526B V-VT- 546	Ống thông hút huyết khối mạch não	Ống thông hút huyết khối mạch não - Esperance Aspiration Catheter System	ASP5F115KIT; ASP5F125KIT; ASP5F131KIT; ASP6F115KIT; ASP6F125KIT; ASP6F131KIT	Esperance Aspiration Catheter System	Trung Quốc	Shanghai Wallaby Medical Technolo gies Co., Inc	- Cấu trúc gồm 2 lớp bằng Nitinol, bện bởi 16 sợi thẳng. - Lớp phủ Hydrophilic: 60cm - Kích cỡ: có 2 kích thước 5F và 6F. - Đường kính trong: có 2 kích thước 0,055 inch và 0,071 inch. - Chiều dài hoạt động: có 3 kích thước 115, 125, 131 (cm)	Cái	01 Cái/ Hộp	30	27.500.000	825.000.000	CÔNG TY TNHH VINACAT ECH
127	PP25 00386 635	Dụng cụ lấy huyết khối	2526B V-VT- 547	Dụng cụ lấy huyết khối	Dụng cụ lấy huyết khối pRESET Thrombecto my Device	PRE-LT-3-20; PRE-4-20; PRE-6-30; PRES-5-40; PRES-6-50	pRESET Thrombect omy Device	Đức	Phenox GmbH	- Cấu trúc thiết kế vòng khép kín dạng đồng. - Một marker ở đoạn gần, hai marker ở đoạn xa, chiều dài dây đưa vào 200cm. - Tương thích với vi ống thông có đường kính trong (ID): 0.021inch, 0.0165/0,017 inch (LITE). - Đường kính stent 3-6 mm. - Chiều dài khả dụng 20-50mm - Chiều dài tổng thân stent 30-64mm	Cái	01 Cái/ Hộp	10	40.450.000	404.500.000	CÔNG TY TNHH VINACAT ECH

128	PP25 00386 636	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	2526B V-VT- 548	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	Ống thông hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch - Reperfusion Catheter 3MAX	3MAXC	Reperfusio n Catheter 3MAX	Hoa kỳ	Penumbr a, Inc.	Đường kính trong đầu xa: 0.035". Đường kính ngoài đầu xa: 3,8F; Đường kính ngoài đầu gần: 4,7F. Chiều dài làm việc: 153cm 160cm.	Cái	1 Cái / 1 hộp	10	19.425.000	194.250.000	CÔNG TY TNHH THIỆN VIỆT
129	PP25 00386 637	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	2526B V-VT- 549	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Ống thông hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch - Reperfusion Catheter RED	RED72; RED68; RED62S	Reperfusio n Catheter RED	Hoa kỳ	Penumbr a, Inc.	- Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F. - Đường kính ngoài đầu xa: 6F. - Đường kính trong đầu xa có các cỡ: 0.072"; 0.068" với chiều dài 132cm. - Đường kính trong đầu xa cỡ: 0.062" với chiều dài 138cm. - Có nhiều đoạn chuyển tiếp.	Cái	1 Cái / 1 hộp	80	35.574.000	2.845.920.000	CÔNG TY TNHH THIỆN VIỆT
130	PP25 00386 638	Ống hút huyết khối trong lòng mạch não	2526B V-VT- 550	Ống hút huyết khối trong lòng mạch não	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não SOFIA PLUS	DA6xxxxx	MicroVent ion	Costa Rica	MicroVe ntion Costa Rica S.R.L.	Ống thông hút huyết khối - Đường kính trong 0,07"", đường kính ngoài đầu gần 0.0825" - Chiều dài làm việc 125cm (chiều dài đầu xa là 19cm, chiều dài đầu gần là 106cm) hoặc Chiều dài làm việc 131 cm (chiều dài đầu xa 19cm và chiều dài đầu gần là 112cm) đầu thẳng.	Cái	1 Cái/1 gói	70	28.770.000	2.013.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

131	PP25 00386 639	Ông thông hút huyết khối	2526B V-VT- 551	Ông thông hút huyết khối	Ông thông hút huyết khối REACT	REACT-71	REACT- 71	Mỹ	Micro Therapeu tics Inc dba EV3 Neurovas cular	Ông hút huyết khối đường kính 0.071 " đường kính ngoài 0.0855". Chiều dài làm việc là 132 cm	Cái	01 Cái/ Hộp	30	28.015.000	840.450.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM
132	PP25 00386 640	Ông thông hút huyết khối đoạn xa	2526B V-VT- 552	Ông thông hút huyết khối đoạn xa	Ông thông hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch - RED 43 Reperfusion Catheter	RED43160	RED 43 Reperfusio n Catheter	Hoa kỳ	Penumbr a, Inc.	Vật liệu lai giữa thép không gỉ với Nitinol. Thiết diện nhỏ và được thiết kế không gây chấn thương cho khả năng đưa đến đoạn xa. Đường kính trong đầu xa: 0.043 " Đường kính ngoài đầu xa: 1.52mm; Đường kính ngoài đầu gần: 5F. Chiều dài làm việc: 160cm"	Bộ	1 bộ / 1 hộp	10	35.574.000	355.740.000	CÔNG TY TNHH THIỆN VIỆT
133	PP25 00386 641	Giá đỡ lấy huyết khối	2526B V-VT- 553	Giá đỡ lấy huyết khối	Giá đỡ (Stent) kéo huyết khối dùng trong can thiệp mạch - 3D Revasculaziz ation Devive	PSR3D	3D Revascula rization Device	Hoa kỳ	Penumbr a, Inc.	Thiết kế 3D. Vật liệu Nitinol đồng nhất. Thân dẫn đưa stent bằng thép không gỉ cung cấp truyền lực 1:1. Bốn điểm đánh dấu, một điểm trên mỗi buồng (Có 4 buồng). Thiết bị đường kính 4.5 mm, chiều dài thiết bị 26mm. Chiều dài làm việc: 20mm.	Chiếc	1 Chiếc/ 1 hộp	10	47.250.000	472.500.000	CÔNG TY TNHH THIỆN VIỆT

134	PP25 00386 643	Giá đỡ mạch thần kinh	2526B V-VT- 555	Giá đỡ mạch thần kinh	Giá đỡ mạch thần kinh Solitaire X	SFR4-4-20-10 SFR4-4-40-10 SFR4-6-20-10 SFR4-6-40-10	Solitaire X	Mỹ	Micro Therapeu tics Inc dba EV3 Neurovas cular	Là stent được làm bằng nitinol và có khả năng tự bung, có các đường kính 4 và 6mm với chiều dài 20mm, 40 mm. Thiết kế mở, gấp cuộn parametric, một marker đầu gần, ba marker đầu xa (với solitaire đường kính 4) và 4 marker đầu xa (với solitaire đường kính 6). cứ 10mm trên thân solitaire sẽ có 3 marker vòng quanh thân stent. nhằm giúp tái thông mạch máu bằng cách loại bỏ cục máu đông. Có thể dùng cho bệnh nhân mà không đáp ứng IVt-PA hoặc những người chống chỉ định IVt-PA	Cái	01 Cái/ Hộp	50	45.000.000	2.250.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM
135	PP25 00386 644	Khung giá đỡ (Stent) kéo huyết khối mạch não	2526B V-VT- 556	Khung giá đỡ (Stent) kéo huyết khối mạch não	Giá đỡ kéo huyết khối loại siêu nhỏ, TIGERTRIE VER 17	TRPP3166	TIGERTR IEVER 17	Israel	Rapid Medical Ltd	- Khung giá đỡ (Stent) kéo huyết khối mạch não siêu nhỏ loại thay đổi được kích thước và hình dạng từ 0.5mm đến 3mm bằng tay cầm dạng răng cưa. - Đường kính từ 0.5mm - 3mm; tương thích microcatheter 0.017" ID; chiều dài 23mm. Cấu trúc Stent có lớp bện. Thiết bị tái thông mạch máu.	Cái	1 cái/ hộp	10	55.000.000	550.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG
136	PP25 00386 645	Bộ hút huyết khối mạch vành	2526B V-VT- 557	Bộ hút huyết khối mạch vành	iVascular Capturer	iVascular Capturer DETR14145601	iVascular Capturer	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices Biotech S.L	Bề mặt ngoài phủ PTFE Độ dài làm việc: 17.5cm, chiều dài catheter là 140cm guiding sử dụng phù hợp là 6f, phù hợp với dây dẫn 0.014" Có 1 điểm đánh dấu RO. Độ rộng của catheter là 0.99mm2 (6F) 1 bộ bao gồm: 1 dây nối, 2 giỏ lọc, 1 ống thông có trục giá làm cứng, 2 syringe 30cc và 1 khóa	bộ	Hộp 1 Bộ	10	7.600.000	76.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỜNG MAI Y TẾ TÂM VIỆT

137	PP25 00386 646	Bộ hút huyết khối mạch vành	2526B V-VT- 558	Bộ hút huyết khối mạch vành	Bộ dụng cụ lấy huyết khối trong lòng mạch, PEGASE	04030105; 04030106	PEGASE	Pháp	Arthesys	- Đường kính trong lòng loại 6F là 0.041". - Loại 6F thích hợp với catheter dẫn đường với kích thước bên trong lumen nhỏ nhất là 0.071". - Tổng chiều dài 145cm. Đoạn Rx 25cm - Lớp phủ Hydrophilic ở phần thân xa của catheter là 25cm. - Dây thăm dò cứng với cạnh xa tròn, dài 126.5 cm. - Chiều dài đầu tip đến vị trí đánh dấu chẩn xạ là 3.0 mm. - Dung tích hút của bộ 6F (dung tích nước) 60ml/45giây hoặc 1.33ml/giây. - Một bộ tiêu chuẩn gồm: 1 x catheter hút huyết khối 6F hoặc 7F; 1 x dây thăm dò cứng; 1 x ống tiêm hút 60ml; 2 x giỏ lọc; 1 x dây nối van khóa vòi 1 hướng	Cái	1 bộ/ hộp	10	6.930.000	69.300.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG
138	PP25 00386 647	Dụng cụ hút huyết khối có nòng hút lớn	2526B V-VT- 559	Dụng cụ hút huyết khối có nòng hút lớn	Ống thông hút huyết khối THROMBU STER PRO GR	TP-GR6PE; TP-GR7PE	Ống thông hút huyết khối THROMB USTER PRO GR	Nhật bản	Kaneka Medix Corporati on Kanagawa Plant	- Bộ hút huyết khối mạch vành bao gồm các cỡ 6F và 7F, có lõi dây dẫn (core wire). Thành phần bao gồm: 1 ống nối dài, 1 que nong (lõi dây dẫn core wire), 2 xy lanh 30ml, 1 kim phun, 1 vòi khóa, 2 bộ lọc tế bào - Chiều dài đoạn luồn dây dẫn dài 120mm. - Chiều dài catheter 1400mm.	Bộ	Bộ/ hộp	10	8.400.000	84.000.000	CÔNG TY TNHH DUYỆC PHẨM KIM THÔNG
139	PP25 00386 649	Bộ hút huyết khối mạch vành kèm phụ kiện	2526B V-VT- 561	Bộ hút huyết khối mạch vành kèm phụ kiện	Catheter hút huyết khối Extractor các cỡ	GAC-x-xxx	Extractor	Hàn Quốc	Genoss Co., Ltd	- Hút huyết khối mạch vành với các kích thước tối thiểu 6F, 7F, 8F - Chiều dài hoạt động 140cm đến 150cm, đoạn xa 40cm được phủ hydrophilic ái nước. - Có 3 đánh dấu cân quang ở cách đầu tip: 90cm đến 110cm. - Đường kính vòng hút: 1.0mm đến 1.35mm. - Phụ kiện: Khóa 1 ngã (khóa 1 chiều), 2 Syringe, phễu lọc 180µm	Cái	01 Cái/ Hộp	10	7.345.800	73.458.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

140	PP25 00386 650	Bộ hút huyết khối mạch vành	2526B V-VT- 562	Bộ hút huyết khối mạch vành	Xtrac EC Aspiration Catheter	'04030271	Xtrac EC Aspiration Catheter	Pháp	Arthesys	'- Đường kính trong lòng loại 6F 0.041" - Loại 6F thích hợp với catheter dẫn đường với kích thước bên trong lumen nhỏ nhất là 0.071" - Tổng chiều dài 145cm. - Lớp phủ Hydrophilic ở phần thân xa của catheter là 25cm . - Dây thăm dò cứng với cạnh xa tròn, dài 128 cm - Chiều dài đầu tip đến vị trí đánh dấu chấn xạ là 3.0 mm. - Đường kính thân xa 1.7 mm. Đường kính thân gần 1.3 mm - Dung tích hút của bộ 6F (dung tích nước) 1.11ml/giấy. - Gồm tối thiểu các bộ phận: 1 x catheter hút huyết khối 6F; 1 x dây thăm dò cứng; 1 x ống tiêm hút 60ml; 2 x giỏ lọc; 1 x dây nối van khóa với 1 hướng	Bộ	1 Bộ/ Hộp	15	7.170.000	107.550.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
141	PP25 00386 651	Bộ dụng cụ hút huyết khối	2526B V-VT- 1107	Bộ dụng cụ hút huyết khối	Ông thông hút huyết khối	TM6-111F	Rebirth Pro2 Thrombus Aspiration Catheter	Japan	Goodma n Co.,Ltd. Goodma n Research Center/ Yamanas hi Facility	- Catheter bao thân nước, điểm đánh dấu cân quang cách đầu tip 7mm, đầu catheter được bo tròn, được cấu tạo 3 lớp -Catheter 6F, độ dài catheter 1360mm, độ dài ống dẫn dây dẫn 220mm, tương thích dây dẫn 0.014" - Kèm theo Stylet dài 123cm, 2 bơm tiêm 30ml, ống nối dài, dụng cụ đẩy, khoá 3 ngã, khoá 2 ngã, dụng cụ lọc, khay lọc	Bộ	Hộp 1 bộ	10	8.400.000	84.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

142	PP25 00386 652	Bộ Sheath để thả dù đóng lỗ thông Ống Động Mạch, Thông Liên Nhĩ	2526B V-VT- 563	Bộ Sheath để thả dù đóng lỗ thông Ống Động Mạch, Thông Liên Nhĩ	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên nhĩ; liên thất, ống động mạch và lỗ tiểu nhĩ (Amplatzer TorqVue Delivery System (Amplatzer TorqVue 180o Delivery System))/ Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên nhĩ; liên thất, ống động mạch và lỗ tiểu nhĩ (Amplatzer TorqVue Delivery System (Amplatzer TorqVue 45o Delivery System))/ Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên thất, liên nhĩ và ống động mạch (Amplatzer Trevisio Intravascular Delivery System)	9-ITV06F45/60; 9-ITV07F45/60; 9-ITV08F45/60; 9-ITV07F45/80; 9-ITV08F45/80; 9-ITV09F45/80; 9-ITV10F45/80; 9-ITV12F45/80; 9-ITV13F45/80; 9-ITV05F180/60; 9-ITV06F180/60; 9-ITV06F180/80; 9-ITV07F180/80; 9-ITV08F180/80; 9-ITV09F180/80. 9-TVLP4F90/060; 9-TVLP4F90/080; 9-TVLP5F90/060; 9-TVLP5F90/080; 9-ATV06F45/60; 9-ATV07F45/60; 9-ATV08F45/60; 9-ATV07F45/80; 9-ATV08F45/80; 9-ATV09F45/80; 9-ATV10F45/80; 9-ATV12F45/80; 9-ATV13F45/80	Amplatzer TorqVue 45o Delivery System/ Amplatzer TorqVue 180o Delivery System/ Amplatzer Trevisio Intravascular Delivery System/ Amplatzer Trevisio Intravascular Delivery System	Mỹ	Abbott Medical	Bộ dụng cụ bung dù. Thiết kế vỏ tăng cường polymer, lớp bên làm bằng thép không gỉ. Lớp vỏ bọc PTFE giảm ma sát. Đầu mềm, có điểm chặn bức xạ. Tối thiểu các kích thước: 4F,5F,6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F.	Cái	1 Cái/ hộp	10	9.845.000	98.450.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
143	PP25 00386 653	Bóng đo kích thước lỗ Thông Liên Nhĩ	2526B V-VT- 565	Bóng đo kích thước lỗ Thông Liên Nhĩ	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ (Amplatzer Sizing Balloon II)	9-SB-018; 9-SB-024; 9-SB-034	Amplatzer Sizing Balloon	Mỹ	Abbott Medical	Thiết kế bóng gồm 3 lumen để đo cầu trúc tim mạch. Vật liệu bóng tương thích hỗ trợ bơm áp suất thấp. Ba băng tản đánh dấu điểm chặn bức xạ. Đầu mềm và trực linh hoạt. bóng có thể được đưa vào từ dây dẫn. Kích thước, thông số kỹ thuật: 18mm, 24mm, 34mm.	Cái	1 Cái/ hộp	10	7.980.000	79.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
144	PP25 00386 654	Dù bít lỗ Thông Liên Nhĩ	2526B V-VT- 566	Dù bít lỗ Thông Liên Nhĩ	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ (Amplatzer Septal Occluder)	9-ASD-004; 9-ASD-005; 9-ASD-006; 9-ASD-007; 9-ASD-008; 9-ASD-009; 9-ASD-010; 9-ASD-011; 9-ASD-012; 9-ASD-013; 9-ASD-014; 9-ASD-015; 9-ASD-016; 9-ASD-017; 9-ASD-018; 9-ASD-019; 9-ASD-020; 9-ASD-022; 9-ASD-024; 9-ASD-026; 9-ASD-028; 9-ASD-030; 9-ASD-032; 9-ASD-034; 9-ASD-036; 9-ASD-038; 9-ASD-040	Amplatzer Septal Occluder	Mỹ /Costa Rica	Abbott Medical/ St.Jude Medical Costa Rica Ltda	Thiết bị đĩa đôi tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông liên nhĩ. Phần eo tự định tâm lấp đầy khiếm khuyết. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị. Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester. Tối thiểu 27 kích thước: 4 đến 40mm.	Cái	1 Cái/ hộp	10	49.500.000	495.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

145	PP25 00386 655	Dù đóng Còn ống Động Mạch	2526B V-VT- 567	Dù đóng Còn ống Động Mạch	Dù đóng còn ống động mạch (Amplatzer Duct Occluder)	9-PDA-003; 9-PDA-004; 9-PDA-005; 9-PDA-006; 9-PDA-007; 9-PDA-008; 9-PDA-009.	Amplatzer Duct Occluder	Mỹ	Abbott Medical	Thiết bị tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông còn ống động mạch, cung cấp chắc chắn vị trí an toàn trong còn ống động mạch và làm giảm tắc mạch. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị. Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester. Bao gồm: 7 kích thước: 5/4 đến 16/14mm.	Cái	1 Cái/ hộp	2	25.410.000	50.820.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
146	PP25 00386 656	Dù đóng còn ống động mạch tuýp 2	2526B V-VT- 568	Dù đóng còn ống động mạch tuýp 2	Dù đóng còn ống động mạch (Amplatzer Duct Occluder II)	9-PDA2-03-04; 9-PDA2-03-06; 9-PDA2-04-04; 9-PDA2-04-06; 9-PDA2-05-04; 9-PDA2-05-06; 9-PDA2-06-04; 9-PDA2-06-06.	Amplatzer Duct Occluder II	Mỹ	Abbott Medical	Thiết bị tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông còn ống động mạch. Tương thích, nhiều lớp lưới và khớp nối kép đĩa. Thiết kế đối xứng. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị. Sáu chiếc cánh của dù bít tạo ra vùng phủ sóng cắt ngang đầy đủ. Bao gồm: 8 kích thước: 3/4 đến 6/6mm.	Cái	1 Cái/ hộp	1	25.410.000	25.410.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
147	PP25 00386 657	Dây dẫn can thiệt Tim Bẩm Sinh	2526B V-VT- 571	Dây dẫn can thiệp Tim Bẩm Sinh	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh (Amplatzer Guidewire (Amplatzer Guidewires))	9-GW-001; 9-GW-002; 9-GW-003; 9-GW-004.	Amplatzer Guidewire	Ireland	Lake Region Medical Limited	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh. PTFE trắng với lõi thép không gỉ. Đường kính trong 0.035 inch với chiều dài 260cm và 300cm.	Cái	1 Cái/ hộp	10	1.485.000	14.850.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
148	PP25 00386 658	Guide wire trợ giúp can thiệt tim bẩm sinh	2526B V-VT- 572	Guide wire trợ giúp can thiệt tim bẩm sinh	Amplatz Super Stiff™ Guidewires	M001465001; M001465011; M001465021; M001465031; M001465041; M001465091; M001465101; M001465171; M001465181; M001465191; M001465201; M001465231; M001465241; M001465251; M001465261; M001465631; M001465641	Amplatz Super Stiff™ Guidewire s	Costa Rica	Boston Scientific Corporati on	* Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.035", 0.038" * Chất liệu trục thép không gỉ, lớp phủ PTFE * Đầu xa có thể tạo hình 3cm.Loại đầu típ: Straight, J-tip * Chiều dài dây dẫn 75, 145, 180, 260 cm.	Cái	5 Cái/ Hộp	10	2.350.000	23.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HUNG BÌNH

149	PP25 00386 659	Phổi nhân tạo kèm dây dẫn cho bệnh nhân trên 40kg	2526B V-VT- 573	Phổi nhân tạo kèm dây dẫn cho bệnh nhân trên 40kg	Phổi nhân tạo tích hợp lọc động mạch dùng cho người lớn kèm bình chứa AFFINITY FUSION™	Mã phổi: BB841 Mã dây: 35-001305-00	Phổi: Affinity Fusion Oxygenator with Integrated Arterial Filter and Cardiotomy; Venous Reservoir with Balance Biosurface ; Dây phổi: CSS Perfusion Tubing Set	Phổi: Mỹ; Dây phổi: Singapor	Phổi: Medtronic Perfusion Systems; Dây phổi: Contract Sterilization Services PTE Ltd.,	Bộ phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc động mạch, sử dụng công nghệ tạo bó sợi từng lớp. Thiết kế và chất liệu: - Loại màng: Microporous polypropylene sợi rỗng, - Diện tích bề mặt lớp màng: 2.5m2 - Bộ phận trao đổi nhiệt làm bằng vật liệu Polyethylene Terephthalate (PET) - Thể tích mỗi tĩnh: 260ml - Dung tích bình chứa: 4500ml - Lưu lượng máu tối đa: 7 lít/phút - Có van điều tiết áp lực âm dương - Áp suất nước tối đa: 30psi - Công ra động mạch: 3/8 inches - Công tĩnh mạch vào: 3/8 inches - Cổng hoàn lưu : 1/4 inches - Cổng vào của khí: 1/4 inches - Cổng thoát khí: 3/8 inches - Cổng nước: 1/2 inches ngắt kết nối nhẹ	Bộ	1 Bộ/ Hộp	40	15.500.000	620.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
150	PP25 00386 660	Phổi nhân tạo có phù chất tương thích sinh học kèm dây dẫn cho người lớn	2526B V-VT- 574	Phổi nhân tạo có phù chất tương thích sinh học kèm dây dẫn cho người lớn	Phổi nhân tạo có phù chất tương thích sinh học PHISIO INSPIRE 6/ INSPIRE 8 kèm dây dẫn	Phổi nhân tạo: 050713/ 050714 Bộ dây dẫn: 35-001113-00/ 35-001114-00	Phổi nhân tạo: 050713/ 050714 Bộ dây dẫn: 35- 001113- 00/ 35- 001114- 00	Phổi nhân tạo: Ý Bộ dây dẫn: Singapor e	Phổi nhân tạo: Sorin Group Italia S.r.l Bộ dây dẫn: CSS	Phổi nhân tạo có phù chất tương thích sinh học PHISIO Inspire 6 với lưu lượng máu tối đa 6L/ phút: - Thể tích dịch môi: 184ml - Diện tích màng lọc: 1.4m2 - Lưu lượng máu tối đa: 6000ml/phút - Thể tích bình chứa: 4500ml - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: 150ml Phổi nhân tạo phù chất tương thích sinh học PHISIO Inspire 8 với lưu lượng máu tối đa 8L/ phút: - Thể tích dịch môi: 219ml - Diện tích màng lọc (xấp xỉ): 1.75m2 - Lưu lượng máu tối đa: 8000ml/phút - Diện tích phản trao đổi nhiệt (xấp xỉ): 0.43m2 - Thể tích bình chứa: 4500ml - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: 150ml Bộ dây bao gồm các đoạn dây PVC, Silicone, Cút nối phù hợp với các hạng cân.	Bộ	02 bộ/ thùng	20	13.191.000	263.820.000	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI QUỖNH ANH

151	PP25 00386 661	Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch có phủ chất tương thích sinh học kèm dây dẫn cho người lớn	2526B V-VT-575	Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch có phủ chất tương thích sinh học kèm dây dẫn cho người lớn	Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch có phủ chất tương thích sinh học PHISIO INSPIRE 6F/INSPIRE 8F kèm dây dẫn	Phổi nhân tạo: 050715/050716 Bộ dây dẫn: 35-001113-00/35-001114-00	Phổi nhân tạo: 050715/050716 Bộ dây dẫn: 35-001113-00/35-001114-00	Phổi nhân tạo: Sorin Ý Group Italia S.r.l Bộ dây dẫn: CSS	Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch có phủ chất tương thích sinh học PHISIO Inspire 6F - lưu lượng tối đa 6L/ phút: 1. Thể tích dịch mỗi: 284ml 2. Diện tích màng lọc: 1.4m2 3. Lưu lượng máu tối đa: 6000ml/phút 4. Thể tích bình chứa: 4500ml 5. Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: 150ml 6. Kích cỡ phin lọc động mạch: 38µm 7. Diện tích màng phin lọc: 68cm2 Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch có phủ chất tương thích sinh học PHISIO Inspire 8F - lưu lượng tối đa 8L/ phút: 1. Thể tích dịch mỗi: 351ml 2. Diện tích màng lọc: 1.75m2 3. Lưu lượng máu tối đa: 8000ml/phút 4. Thể tích bình chứa: 4500ml 5. Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: 150ml 6. Kích cỡ phin lọc động mạch: 38µm 7. Diện tích màng phin lọc: 97cm2 Bộ dây bao gồm các đoạn dây PVC, Silicone, Cút nối phù hợp với các hạng cần.	Bộ	02 bộ/ thùng	20	15.591.000	311.820.000	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI QUỲNH ANH
152	PP25 00386 662	Phổi nhân tạo kèm dây	2526B V-VT-576	Phổi nhân tạo kèm dây	Phổi nhân tạo và phụ kiện đi kèm	BRZ+12345A	BRIZIO MEMBRANE OXYGENATOR AND VENOUS RESEVOIR WITH INTEGRATED CARDIOTOMY FILTER	Brazil Nipro Medical LTDA	- Bề mặt bên trong phù hợp chất hydrophilic polymer - Lưu lượng tối đa của lọc giải phẫu tim: 5L/ phút - Dung tích bình chứa: 4000 mL, mức vận hành tối thiểu: 200 mL - Diện tích bề mặt lớp màng: khoảng 2.2m2 - Diện tích bề mặt hệ thống trao đổi nhiệt: 0,20m2 - Thể tích mỗi: 270 mL - Dòng chảy máu tối đa: 7 L/ phút - Kèm bộ dây dẫn để kết nối với máy tim phổi nhân tạo.	Bộ	Hộp 1 bộ	10	12.100.000	121.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

153	PP25 00386 663	Quả lọc máu cho trẻ em và người lớn kèm dây	2526B V-VT- 577	Quả lọc máu cho trẻ em và người lớn kèm dây	Quả lọc máu dùng trong tim phổi nhân tạo kèm dây nối	BHC 030G, BHC 110G	BRIZIO - HEMOCO NCENTR ATOR	Japan	Nipro Corporati on Odate Factory	- Dụng cụ lọc máu tốc độ lọc (UFR) cao, ngăn chặn mất Albumin máu trong quá trình lọc. - Sợi nipro Polyethesulfone đường kính trong 200 micro, thành mỏng 40micro. - Hệ số sàng: Cho trẻ em (Albumin 0.0026, Myoglobin 0.24, Inulin 0.81, Vitamin B12 0.99), cho người lớn(Albumin 0.0012, Myoglobin 0.10, Inulin 0.78, Vitamin B12 0.99). - Thể tích mỗi : 22ml cho trẻ em, 71ml cho người lớn - Tiết diện màng lọc : 0.3m² cho trẻ em, 1.1 m² cho người lớn - Tốc độ dòng máu tối thiểu-tối đa 100-500ml/phút. - Áp lực xuyên màng tối đa 66kPa - Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải	Quả	Hộp 1 cái	20	2.349.900	46.998.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
154	PP25 00386 664	Quả lọc máu cho người lớn, trẻ em	2526B V-VT- 578	Quả lọc máu cho người lớn, trẻ em	Quả lọc máu kèm dây dẫn cho người lớn, trẻ em	05019, 05020	05019, 05020	Ý	Sorin Group Italia S.r.l	Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone Lọc được các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12. Diện tích bề mặt: 0.25m2/ 0.68m2 Thể tích dịch mỗi (Circuit): 45ml/ 137ml Áp lực tối đa: 66kPa Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải.	Quả	04 quả/ thùng	60	2.879.100	172.746.000	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI QUỲNH ANH
155	PP25 00386 665	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO trong hồi sức cấp cứu	2526B V-VT- 579	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO trong hồi sức cấp cứu	Capiiox EBS Circuit with X coating	CX*XSA0171	CX*XSA0 171	Nhật Bản	Ashitaka Factory of Terumo Corporati on	Bộ phổi nhân tạo có đặc tính: - Đầu bơm ly tâm thiết kế trực đối giúp cho thời gian hoạt động lâu hơn, sinh nhiệt thấp, giảm tỷ lệ tan máu. - Tráng chất chống đông Xcoating - Diện tích màng lọc 2,5m2 - Tổng thể tích mỗi máu: 620ml - Lưu lượng tối đa: 7l/phút - Áp suất tối đa 1000mmHg	Bộ	Thùng 1 bộ	20	68.250.000	1.365.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

156	PP25 00386 669	Bộ bơm áp lực dùng trong can thiệp tim mạch	2526B V-VT- 583	Bộ bơm áp lực dùng trong can thiệp tim mạch	Bộ thiết bị bơm bóng và bộ kết nối chữ Y	BID6004	Ares Inflation Device	Thổ Nhĩ kỳ	Ares Medikal San. Tic. Ltd. Sti	Bộ bơm áp lực dùng trong can thiệp tim mạch. Bao gồm: một bơm áp lực kèm van cầm máu chữ y dạng bấm/ vặn, đồng hồ đo áp lực, dụng cụ chèn, torque (que lái dây dẫn), tay cầm, dây nối áp lực kèm stopcock. Chất liệu bằng PC (Polycarbonate), ABS và Nylon. Áp lực tối đa: 30 atm Thể tích: 20ml Thiết kế vị trí tay cầm hình tròn hoặc chữ T.	Bộ	1 Bộ/ túi	150	336.000	50.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
157	PP25 00386 670	Bộ bơm bóng	2526B V-VT- 584	Bộ bơm bóng	Bơm áp lực cao dùng trong can thiệp tim mạch REVAS II	RV2-30X20000	REVAS II	Việt Nam	Công ty Cổ phần nhà máy trang thiết bị y tế USM Healthcar e	Bộ bơm áp lực cao dùng trong can thiệp tim mạch, sử dụng với bóng nong để đo áp lực *Bơm áp lực cao: + Bơm chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS), ống bơm trong suốt. Áp suất 30 atm, dung tích 20ml + Dây nối áp lực cao làm từ Nhựa nguyên sinh cấp độ y tế Polyurethane (PU) + Tay cầm hình tròn Tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO)	Bộ	1 bộ/ hộp	50	360.000	18.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE
158	PP25 00386 672	Bộ bơm bóng áp lực siêu cao, chốt nhanh	2526B V-VT- 586	Bộ bơm bóng áp lực siêu cao, chốt nhanh	Inflation Device	'96346	Inflation Device	Hoa Kỳ	Atrion Medical Products, Inc.	1. Có tay cầm. Cơ chế chốt nhanh. Độ chính xác của áp kế trong phạm vi 1 atm. Giảm áp lực không quá 2 atm trong 60 giây khi điều áp đến 40 atm. - Thể tích 25 cc đối với bơm áp lực 40 ATM.	Cái	1 Cái/ Hộp	50	2.300.000	115.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN

159	PP25 00386 673	Bộ bơm bóng áp lực cao loại nút nhấn để nhà	2526B V-VT- 587	Bộ bơm bóng áp lực cao loại nút nhấn để nhà	Bơm áp lực cao dùng trong can thIỆP tim mạch REVAS (Không van cầm máu và không stopcock)	RV1-B2030HTB	REVAS	Việt Nam	Công ty Cổ phần nhà máy trang thiết bị y tế USM Healthcare	Bơm áp lực cao dùng trong can thiệp tim mạch dùng một lần gồm Thiết kế khóa bấm để nhà. - Vật liệu: Bơm làm bằng Polycarbonate - Bơm có kết nối luer xoay, mặt đồng hồ đo áp lực phát quang, thân bơm có vạch chia đậm, kiểu chữ T chống xoay. - Thể tích bơm: 20 ml - Áp suất bơm: 30 atm - Giảm áp lực không quá 2 atm trong 60 giây khi điều áp đến 30 atm sau thời gian giữ 3 phút. Tiệt trùng: Ethylene oxide	Cái	1 bộ/ hộp	50	1.000.000	50.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIỆT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE
160	PP25 00386 674	Bộ bơm áp lực siêu cao bao gồm cả dụng cụ kết nối chữ Y	2526B V-VT- 588	Bộ bơm áp lực siêu cao bao gồm cả dụng cụ kết nối chữ Y	Bộ bơm áp lực cao dùng trong can thIỆP tim mạch kèm van cầm máu loại trượt và khóa ba ngã REVAS III (RV3-00520001)	RV3-005 (RV3-00520001)	REVAS III	Việt Nam	Công ty Cổ phần nhà máy trang thiết bị y tế USM Healthcare	Bơm áp lực cao dùng trong can thiệp tim mạch dùng một lần gồm Bơm, van cầm máu, Stopcock, dây nối ngắn, que lái dây dẫn và kim chọc - Vật liệu: Thân Pít-tông làm bằng Polycarbonate - Thể tích bơm: 20 ml - Áp suất bơm: 30 atm, áp suất về 0 tức thời khi Unclock (mở khóa) - Đồng hồ đo trong suốt áp lực có nền phát quang trong điều kiện ánh sáng thấp - Dây nối áp lực: dài 31 cm (12 inch), chịu áp lực 1200 psi - Thiết kế vị trí tay cầm hình tròn - Kèm dụng cụ kết nối chữ Y (van cầm máu chữ Y)	Bộ	1 bộ/ hộp	150	640.000	96.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIỆT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE
161	PP25 00386 675	Bơm áp lực cao có van dùng trong can thIỆP tim mạch	2526B V-VT- 589	Bơm áp lực cao có van dùng trong can thIỆP tim mạch	Bơm bóng áp lực cao	BM-BID-130	Balloon Inflation Devices	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	Bơm áp lực cao Gồm: pít tông có tay cầm ngang, đồng hồ đo áp lực có nền phát quang trong điều kiện ánh sáng thấp. - Bơm làm từ polycarbonate, thể tích 20 ml, áp suất 30 atm, khi mở khóa áp suất về 0 tức thời. - Phụ kiện kèm theo gồm: van cầm máu chữ Y kèm dây nối dài 25 cm.	Bộ	1 Bộ/ túi	100	336.000	33.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

162	PP25 00386 676	Bơm áp lực cao	2526B V-VT- 591	Bơm áp lực cao	Bộ bơm áp lực cao dùng trong can thiếp tim mạch kèm van cầm máu loại trượt REVAS III (RV3- 00110000)	RV3-001 (RV3-00110000)	REVAS III	Việt Nam	Công ty Cổ phần nhà máy trang thiết bị y tế USM Healthcar e	Bộ bơm áp lực cao dùng trong can thiếp tim mạch gồm các thành phần: * Bơm làm từ nhựa nguyên sinh cấp độ y tế Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS), với áp suất bơm 30 atm, thể tích 20 ml. Dây nối làm từ nhựa nguyên sinh cấp độ y tế Polyurethane (PU), dài 33 cm với áp lực 1200 psi * Van cầm máu loại trượt có dây (Trượt (theo chiều dọc), bấm 3 nấc), van đóng mở ON/ OFF, áp suất 300 PSI (20,41 atm) kèm: Kim đầu tù dài 10 cm, dây nối áp lực cao dài 25 cm, dụng cụ tạo lực xoắn	Bộ	1 bộ/ hộp	100	380.000	38.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE
163	PP25 00386 677	Bộ bơm bóng áp lực cao	2526B V-VT- 592	Bộ bơm bóng áp lực cao	Bộ bơm bóng (khóa bấm dễ nhà) QL inflation device	96450	QL inflation device (PR)	Hoa kỳ	Atrion Medical Products, Inc	- Bơm với cấu trúc liền khối. Thân bơm bằng Poly (bisphenol-A carbonate), có vòng tròn kết nối luer. - Bơm tiện dụng với chiều dài 8.30 inch, rộng 2.60 inch, cao 2.60 inch. Có với ống áp suất cao linh hoạt, đồng hồ phát quang. - Thể tích bơm 20cc, áp lực lên tới 30 atm	Cái	01 Cái/ Hộp	50	2.430.000	121.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC
164	PP25 00386 678	Bộ bơm bóng áp lực cao	2526B V-VT- 593	Bộ bơm bóng áp lực cao	Bơm bóng áp lực cao	BM-BID-130	Balloon Inflation Devices	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	Bộ bơm bóng áp lực cao, gồm tối thiểu: Bơm bóng, Y-connector, Torque, Kim mở đường - Áp lực bơm: 30ATM - Dung tích: 20ml - Mặt đồng hồ đo áp lực phát quang - Thiết kế tay cầm hình chữ T	Cái	1 Cái/ túi	100	336.000	33.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

165	PP25 00386 679	Bộ bơm bóng áp lực cao	2526B V-VT- 596	Bộ bơm bóng áp lực cao	Bộ bơm áp lực cao dùng trong can thiệp tim mạch kèm van cầm máu loại trượt và khóa ba ngã REVAS III (RV3-00510001)	RV3-005 (RV3-00510001)	REVAS III	Việt Nam	Công ty Cổ phần nhà máy trang thiết bị y tế USM Healthcar e	Bộ bơm áp lực cao dùng trong can thiệp tim mạch kèm van cầm máu *Bơm áp lực cao: - Đồng hồ đo trong suốt áp lực có nền phát quang trong điều kiện ánh sáng thấp + Bơm polycarbonate và ABS. Áp suất 30 atm, dung tích 20ml + Dây nối áp lực cao làm từ Nhựa nguyên sinh cấp độ y tế Polyurethane (PU) - Thiết kế: Tay cầm điều khiển áp lực bóng dạng xoay tròn * Van cầm máu loại trượt có dây (Trượt (theo chiều dọc), bấm 3 nấc): Van Y làm bằng polycarbonate, đường kính trong: 0,3 cm ± 10% (tương đương 9 F), Kim mở đường (kim chọc) 20G; dụng cụ điều khiển dây dẫn đường (Torque- que lái dây dẫn), kèm khóa ba ngã- Stopcock & dây nối ngắn (dây áp lực) 25cm Tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO)	Bộ	1 bộ/ hộp	50	425.000	21.250.000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE
166	PP25 00386 681	Bộ bơm bóng áp lực 30 atm kèm chữ Y	2526B V-VT- 598	Bộ bơm bóng áp lực 30 atm kèm chữ Y	Bộ bơm bóng áp lực Interventional device set	DAS001; DAS007; DAS013	Interventio nal device set	Trung Quốc	Beijing Demax Medical Technolo gy Co.,Ltd.	- Bơm có dây bơm dài 25.4cm; Bơm chịu áp lực 1200 psi, khóa ba chạc chịu áp lực 500psi, dung tích 20ml; áp lực 30atm - Van cầm máu chữ Y kèm khóa ba chạc chịu áp lực 180psi ; dây nối dài 17 cm; dụng cụ lái dây dẫn, dụng cụ chèn dây dẫn - Dụng cụ kết nối chữ Y dạng bấm	Cái	1 Cái/ Hộp	150	1.200.000	180.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
167	PP25 00386 682	Bộ bơm bóng áp lực cao	2526B V-VT- 600	Bộ bơm bóng áp lực cao	InMedflator™ Inflation Device Kit	12107; 12105; 12102	InMedflat or™ Inflation Device Kit	Mỹ	Umbr medical products, Inc	Áp lực 30 atm. Thể tích 25ml. Chiều dài dây bơm: 35cm; Đường kính Piston 2cm. Có nhiều loại: bấm, Xoay, đẩy, thiết kế bơm hình chữ T, khóa dạng cò súng. Bộ bơm bóng bao gồm: bơm, dây nối, khóa chữ Y, que lái	Bộ	01 Bộ/ hộp	100	1.350.000	135.000.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA

168	PP25 00386 683	Bóng nong mạch vành áp lực cao	2526B V-VT- 601	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Bóng nong mạch vành áp lực cao phủ hydrophilic ái nước, 3 nếp gấp "Genoss NC" các cỡ	GHBC-xx-xxx	Genoss NC	Hàn Quốc	Genoss Co., Ltd	- Vật liệu: non-compliant. Bóng 3 nếp gấp, phủ hydrophilic. Hai marker bằng Pt/Ir cân quang tại 2 đầu cuối bóng - RBP: 20atm, NP: 14atm - Kích cỡ bóng tối thiểu: 11 kích thước đường kính từ 2.00 đến 5.00mm; 6 kích cỡ chiều dài từ 8 đến 20mm. - Chiều dài catheter 1450mm	Cái	01 Cái/ Hộp	50	6.297.900	314.895.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
-----	----------------------	--	-----------------------	--	---	-------------	--------------	-------------	--------------------	---	-----	----------------	----	-----------	-------------	---

169	PP25 00386 684	Bóng nong động mạch vành bóng nong áp lực cao	2526B V-VT- 602	Bóng nong động mạch vành bóng nong áp lực cao	Bóng nong động mạch vành	MTLPN 2.0-8; MTLPN 2.0-11; MTLPN 2.0-15; MTLPN 2.0-20; MTLPN 2.0-30; MTLPN 2.25-8; MTLPN 2.25-11; MTLPN 2.25-15; MTLPN 2.25-20; MTLPN 2.25-30; MTLPN 2.5-8; MTLPN 2.5-11; MTLPN 2.5-15; MTLPN 2.5-20; MTLPN 2.5-30; MTLPN 2.75-8; MTLPN 2.75-11; MTLPN 2.75-15; MTLPN 2.75-20; MTLPN 2.75-30; MTLPN 3.0-8; MTLPN 3.0-11; MTLPN 3.0-15; MTLPN 3.0-20; MTLPN 3.0-30; MTLPN 3.25-8; MTLPN 3.25-11; MTLPN 3.25-15; MTLPN 3.25-20; MTLPN 3.25-30; MTLPN 3.5-8; MTLPN 3.5-11; MTLPN 3.5-15; MTLPN 3.5-20; MTLPN 3.5-30; MTLPN 3.75-8; MTLPN 3.75-11; MTLPN 3.75-15; MTLPN 3.75-20; MTLPN 3.75-30; MTLPN4.0-8; MTLPN 4.0-11; MTLPN 4.0-15; MTLPN 4.0-20; MTLPN 4.0-30; MTLPN 4.5-8; MTLPN 4.5-11; MTLPN 4.5-15; MTLPN 4.5-20; MTLPN 5.0-8; MTLPN 5.0-11; MTLPN 5.0-15; MTLPN 5.0-20	Mistral Pro NC	Pháp	HEXAC ATH	- Chiều dài làm việc: 143cm - Chiều dài tối thiểu 5 kích cỡ từ 8 đến 30 mm - Đường kính tối thiểu 11 kích cỡ từ 2.0 đến 5.0 mm - Bóng có hai dải đánh dấu cân quang 0.75mm - Đầu gần của ống thông bao gồm ống hypotube bằng thép không gỉ với một đầu nối khóa luer. Đường kính trục đầu gần: Ống Hypotube: 2.01F (0.67mm) - Đầu xa của catheter (25cm), được phủ một lớp ưa nước, có một ống đồng trục kép. Đường kính trục đầu xa: 2.52 F đến 2.76 F - Đường kính dây dẫn tối đa: 0.014” (0.356mm) - Đường kính catheter dẫn đường tối thiểu: 5F; 6F	Cái	1 bộ/hộp	70	6.800.000	476.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VINAPHA M
170	PP25 00386 685	Bóng nong mạch vành áp lực cao	2526B V-VT- 603	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Bóng nong can thiệt mạch vành Pantera LEO	367002; 367013; 367024; 367035; 366991; 367003; 367014; 367025; 367036; 366992; 367004; 367015; 367026; 367037; 366993; 367005; 367016; 367027; 367038; 366994; 367006; 367017; 367028; 367039; 366995; 367007; 367018; 367029; 367040; 366996; 367008; 367019; 367030; 367041; 366997; 367009; 367020; 367031; 367042; 366998; 367010; 367021; 367032; 367043; 366999; 367011; 367022; 367033; 367044; 367000; 367012; 367023; 367034; 367045; 367001	Bóng nong can thiệt mạch vành Pantera LEO	Thụy Sĩ	Biotronik AG	Bóng nong mạch vành áp lực cao: Chịu áp lực bình thường 14atm, áp lực vỡ bóng tới 18atm hoặc 20atm. - Khẩu kính đầu vào bóng 0.018”. - Chiều dài thân hữu dụng bóng 145cm. - Guiding tương thích 5F. Dây dẫn tương thích 0.014" - Vật liệu bóng làm bằng Polymer - Bóng có 3 nếp gấp. - Điểm đánh dấu: Platinum-Iridium. - Đủ kích thước khác nhau: + Đường kính: 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0mm + Chiều dài : 8, 12, 15, 20, 30mm.	Cái	1 Cái/ Hộp	50	5.900.000	295.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN PHẨM THỐNG NHẤT

171	PP2500386686	Bóng nong (balloon) mạch máu áp lực cao các số	2526BV-VT-604	Bóng nong (balloon) mạch máu áp lực cao các số	Bóng nong mạch máu áp lực cao	M922xxxx	MEDADVPTCA ENCOURAGE BALLOON CATHETER	Hoa Kỳ	Medas, Inc.	+ Vật liệu: Được làm từ Nilon 11, có 2 vạch đánh dấu + Đường kính đầu xa: 2.7F; đường kính đầu gần: 2.3F + Kích thước đầu nong: 0.018" + Đường kính trong tối thiểu của catheter: 5.0 Fr; Đường kính ngoài tối đa của guide wire: 0.014" (0.36mm) + Chiều dài catheter: 135 cm + Áp suất tối thiểu: 14 atm; Áp suất tối đa: 22 atm +Tối thiểu 9 kích thước đường kính bóng nong từ 2.5mm đến 5.0mm + Tối thiểu 8 kích thước chiều dài bóng nong từ 6mm đến 30mm	Cái	1 Cái / Hộp	60	6.500.000	390.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM
172	PP2500386687	Bóng nong mạch vành áp lực cao	2526BV-VT-605	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Bóng nong mạch vành áp lực cao, Maya NC	25224XXX 25225XXX	Maya NC	Pháp	Arthesys	Bóng nong động mạch vành áp lực cao lớp kép không đàn hồi(Bóng có độ dày thành bóng đôi, kép). - Chất liệu hỗn hợp nylon kép gấp bóng 3 lớp (Bóng chất liệu Nylon12 là một loại hỗn hợp Nylon có thành bóng đôi, kép, có số nếp gấp bóng 3 lớp). Số điểm cân quang định vị bóng: 2 điểm - Áp lực định mức: 12atm. Áp lực tối đa 20atm - Đường kính trục: 1.9F đoạn gần, 2.7F đoạn xa(2.7F=0.88mm) - Độ dài trục: 140 cm - Đường kính: 2.0 đến 4.5mm - Chiều dài: 10 đến 30mm	Cái	01 Cái/ Hộp	50	4.586.000	229.300.000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC

173	PP2500386688	Bóng nong mạch vành áp lực cao	2526BV-VT-606	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Bóng nong mạch vành áp lực cao	DC-RM2006HSW ; DC-RM2206HSW; DC-RM2506HSW; DC-RM2706HSW; DC-RM3006HSW; DC-RM3206HSW; DC-RM3506HSW; DC-RM3706HSW ; DC-RM4006HSW; DC-RM4506HSW; DC-RM5006HSW; DC-RM2008HSW ; DC-RM2208HSW; DC-RM2508HSW; DC-RM2708HSW; DC-RM3008HSW; DC-RM3208HSW; DC-RM3508HSW; DC-RM3708HSW; DC-RM4008HSW ; DC-RM4508HSW; DC-RM5008HSW; DC-RM2012HHW ; DC-RM2212HHW ; DC-RM2512HHW ; DC-RM2712HHW ; DC-RM3012HHW ; DC-RM3212HHW ; DC-RM3512HHW ; DC-RM3712HHW ; DC-RM4012HHW ; DC-RM4512HHW; DC-RM5012HHW ; DC-RM2015HHW ; DC-RM2215HHW ; DC-RM2515HHW ; DC-RM2715HHW ; DC-RM3015HHW ; DC-RM3215HHW ; DC-RM3515HHW ; DC-RM3715HHW ; DC-RM4015HHW ; DC-RM4515HHW ; DC-RM5015HHW ; DC-RM2020HHW ; DC-RM2220HHW ; DC-RM2520HHW ; DC-RM2720HHW ; DC-RM3020HHW ; DC-RM3220HHW ; DC-RM3520HHW ; DC-RM3720HHW ; DC-RM4020HHW ; DC-RM2525HHW; DC-RM3025HHW; DC-RM3525HHW; DC-RM2530HHW; DC-RM3030HHW; DC-RM3530HHW	Accuforce	Nhật Bản	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Cấu trúc: - Bóng có cấu trúc 3 lớp: lớp giữa là polyamide, lớp trong và lớp ngoài là elastomer - Số điểm cân quang định vị bóng: 2 - Vải bóng ngắn 3.0mm - Áp lực định mức: 12atm. Áp lực tối đa 22atm Thông số trục đẩy bóng - Độ dài trục: 145 cm - Lớp phủ ái nước Hydrophilic Kích thước: - Có 11 kích thước đường kính từ 2.0 đến 5.0 (mm) bao gồm: 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0 (mm) - Có 7 kích thước chiều dài từ 6 đến 30mm bao gồm: 6, 8, 12, 15, 20, 25, 30mm	Cái	1 cái / hộp	60	5.500.000	330.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT
-----	--------------	--------------------------------	---------------	--------------------------------	--------------------------------	--	-----------	----------	--	---	-----	-------------	----	-----------	-------------	--

174	PP25 00386 689	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	2526B V-VT- 607	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	Bóng nong mạch vành áp lực cao NC Euphora	NCEUP2006X; NCEUP2008X; NCEUP2012X; NCEUP2015X; NCEUP2020X; NCEUP22506X; NCEUP22508X; NCEUP22512X; NCEUP22515X; NCEUP22520X; NCEUP2506X; NCEUP2508X; NCEUP2512X; NCEUP2515X; NCEUP2520X; NCEUP2527X; NCEUP27506X; NCEUP27508X; NCEUP27512X; NCEUP27515X; NCEUP27520X; NCEUP27527X; NCEUP3006X; NCEUP3008X; NCEUP3012X; NCEUP3015X; NCEUP3020X; NCEUP3027X; NCEUP32506X; NCEUP32508X; NCEUP32512X; NCEUP32515X; NCEUP32520X; NCEUP32527X; NCEUP3506X; NCEUP3508X; NCEUP3512X; NCEUP3515X; NCEUP3520X; NCEUP3527X; NCEUP37506X; NCEUP37508X; NCEUP37512X; NCEUP37515X; NCEUP37520X; NCEUP37527X; NCEUP4006X; NCEUP4008X; NCEUP4012X; NCEUP4015X; NCEUP4020X; NCEUP4027X; NCEUP4508X; NCEUP4512X; NCEUP4515X; NCEUP4520X; NCEUP5008X; NCEUP5012X; NCEUP5015X	NC Euphora Rapid Exchange Balloon Dilatation Catheter	Mexico	Medtroni c Mexico S. de R.L. de CV	Đường kính đầu tít 0.015". Phù lớp ái nước. 2 điểm đánh dấu bắt cân quang chất liệu Platinum iridium. Chiều dài Catheter: 142 cm. Đường kính có 11 cỡ: 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm. Chiều dài có 6 kích thước: 6mm, 8mm, 12mm, 15mm, 20mm, 27mm. Có từ 3 đến 5 nếp gấp	Cái	1 Cái/ Hộp	60	6.900.000	414.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
175	PP25 00386 690	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao	2526B V-VT- 608	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao	OPN NC	150-010-004; 150-015-004; 150-020-004; 200-010-004; 200-015-004; 200-020-004; 250-010-004; 250-015-004; 250-020-004; 300-010-004; 300-015-004; 300-020-004; 350-010-004; 350-015-004; 350-020-004; 400-010-004; 400-015-004; 400-020-004; 450-010-004; 450-015-004; 450-020-004	OPN NC	Thụy Sĩ	SIS Medical AG	- Khẩu kính vào tổn thương 0.016" - Khẩu kính băng qua tổn thương 0.028" - Bóng nong được đến áp lực 35 bar. - Cấu trúc bóng 2 lớp - Bóng 3 nếp gấp - Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5mm. - Chiều dài 10, 15, 20mm.	Cái	1 Cái/ Hộp	70	8.250.000	577.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN

176	PP2500386691	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	2526BV-VT-609	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	EasyT	150-006-134; 150-010-134; 150-015-134; 150-020-134; 200-006-134; 200-010-134; 200-015-134; 200-020-134; 200-025-134; 200-030-134; 250-006-134; 250-010-134; 250-015-134; 250-020-134; 250-025-134; 250-030-134; 300-006-134; 300-010-134; 300-015-134; 300-020-134; 300-025-134; 300-030-134; 350-006-134; 350-010-134; 350-015-134; 350-020-134; 350-025-134; 350-030-134; 400-006-134; 400-010-134; 400-015-134; 400-020-134; 400-025-134; 400-030-134; 450-006-134; 450-010-134; 450-015-134; 450-020-134; 450-025-134; 450-030-134	EasyT	Thụy Sĩ	SIS Medical AG	- Bóng nong được đến áp lực 21 atm. - Cấu trúc kháng áp lực cao với thành bóng mỏng. - Độ dài vai bóng 2.6mm. - Khẩu kính vào tổn thương 0.016" - Khẩu kính băng qua tổn thương 0.022" - Tương thích Guiding 5F. - Đường kính 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5mm ; Độ dài 6, 10, 15, 20, 25, 30mm - Đường kính 1.5 mm ; Độ dài 6, 10, 15, 20 mm	Cái	1 Cái/Hộp	70	6.210.000	434.700.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
177	PP2500386693	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	2526BV-VT-611	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Bóng nong mạch vành Raiden 3	RD3-8-150, RD3-8-175, RD3-8-200, RD3-8-250, RD3-8-300, RD3-8-350, RD3-8-400, RD3-10-200, RD3-10-225, RD3-10-250, RD3-10-275, RD3-10-300, RD3-10-325, RD3-10-350, RD3-10-375, RD3-10-400, RD3-10-425, RD3-10-450, RD3-13-200, RD3-13-225, RD3-13-250, RD3-13-275, RD3-13-300, RD3-13-325, RD3-13-350, RD3-13-375, RD3-13-400, RD3-13-450, RD3-15-200, RD3-15-225, RD3-15-250, RD3-15-275, RD3-15-300, RD3-15-325, RD3-15-350, RD3-15-375, RD3-15-400, RD3-15-425, RD3-15-450, RD3-20-200, RD3-20-225, RD3-20-250, RD3-20-275, RD3-20-300, RD3-20-325, RD3-20-350, RD3-20-375, RD3-20-400, RD3-20-425, RD3-20-450, RD3-30-250, RD3-30-300, RD3-30-350, RD3-30-400	Bóng nong mạch vành Raiden 3	Nhật bản	Kaneka Corporation Osaka Plant	- Chất liệu bóng: Polyamide resin, bên ngoài phủ lớp hydrophilic mới (TR2). - Áp lực nổ bóng: 20 - 22atm; Áp lực thường: 12atm - Đường kính đầu tip (entry profile): 0.43mm - Đường kính băng qua tổn thương (crossing profile): 0.85mm - Đường kính: 1.5; 1.75; 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.25; 3.5; 3.75; 4.0; 4.25; 4.5 mm - Chiều dài: 8, 10, 13, 15, 20, 30mm - Điểm đánh dấu cân quang: 2 điểm. - Chiều dài catheter: 1460mm - Nếp gấp bóng: 2 nếp gấp với đường kính < 2.00 mm , 3 nếp gấp với đường kính ≥ 2.0mm.	Cái	Cái/ hộp	70	7.200.000	504.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG

178	PP25 00386 694	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	2526B V-VT- 612	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	HAWK™ HP/NC PTCA Balloon Dilatation Catheter Non- Compliant	NC79017 ; NC79026 ; NC79028 ; NC79035 ; NC78918 ; NC79047 ; NC75803 ; NC77603 ; NC79300; NC79556; NC79056	HAWK™ HP/NC PTCA Balloon Dilatation Catheter Non- Compliant	Mỹ	Umbra medical products, Inc	Chất liệu bóng nong Nylon 12. lớp phủ lubeplus. Áp lực thường 12atm, vỡ bóng 22 atm. Đường kính đầu gần 2.0F. đầu xa 2.7F Chiều dài catheter 142cm. Đường kính từ 2.0 đến 5.0mm Chiều dài từ 6-40mm.	Cái	01 Cái/ Hộp	20	7.500.000	150.000.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIỆT BỊ Y TẾ KTA
179	PP25 00386 696	Bóng nong mạch vành áp lực cao cho tổn thương gấp góc.	2526B V-VT- 614	Bóng nong mạch vành áp lực cao cho tổn thương gấp góc.	Bóng nong mạch vành TASUKI	TS-8-200, TS-8-225, TS8-250, TS-8-275, TS- 8-300, TS-8-325, TS-8-350, TS-8-375, TS-8- 400, TS-8-425,TS-8-450, TS-12-200, TS-12- 225, TS-12-250, TS-12- 275, TS-12-300, TS- 12-325, TS-12-350, TS-12-375, TS-12-400, TS-12-425, TS-12-450, TS-16-200, TS-16- 225, TS-16-250, TS-16-275, TS-16-300, TS- 16-325, TS-16-350, TS-16-375, TS-16-400, TS-21-225, TS-21-250, TS-21-275, TS-21- 300, TS-21-325, TS-21-350, TS-21-375, TS- 21-400, TS-30-250, TS-30-300, TS-30-350	Bóng nong mạch vành TASUKI	Nhật bản	Kaneka Corporati on Osaka Plant	- Đầu tip với công nghệ CAT (Căn chỉnh đồng trục) cải thiện tính linh hoạt phần đầu tip của bóng. - Vai bóng: 70 độ, chiều dài vai bóng: 1.5mm. - Chiều dài catheter: 1460mm - Áp suất thông thường: 12atm, áp suất giới hạn lên tới 22atm - Đường kính đầu xa: 2.5F; 2.6F; 2.7F, đầu gần: 2.1F. - Đường kính: 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.25, 4.5mm - Chiều dài: 8, 12, 16, 21mm - Xuất xứ: Nhật bản (G7)	Cái	Cái/ hộp	70	7.950.000	556.500.000	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG

180	PP2500386697	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	2526BV-VT-615	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Bóng nong mạch vành áp lực cao WILMA-NC (Tất cả các size)	FGNW200006; FGNW200008; FGNW200010; FGNW200012; FGNW200015; FGNW200020; FGNW200025; FGNW200030; FGNW225006; FGNW225008; FGNW225010; FGNW225012; FGNW225015; FGNW225020; FGNW225025; FGNW225030; FGNW250006; FGNW250008; FGNW250010; FGNW250012; FGNW250015; FGNW250020; FGNW250025; FGNW250030; FGNW275006; FGNW275008; FGNW275010; FGNW275012; FGNW275015; FGNW275020; FGNW275025; FGNW275030 FGNW300006; FGNW300008; FGNW300010; FGNW300012; FGNW300015; FGNW300020; FGNW300025; FGNW300030; FGNW325006; FGNW325008; FGNW325010; FGNW325012; FGNW325015; FGNW325020; FGNW325025; FGNW325030; FGNW350006; FGNW350008; FGNW350010; FGNW350012; FGNW350015; FGNW350020; FGNW350025; FGNW350030; FGNW375006; FGNW375008; FGNW375010; FGNW375012 FGNW375015; FGNW375020; FGNW375025; FGNW375030; FGNW400006; FGNW400008; FGNW400010; FGNW400012; FGNW400015; FGNW400020; FGNW400025; FGNW400030; FGNW450006; FGNW450008; FGNW450010; FGNW450012; FGNW450015; FGNW450020; FGNW450025; FGNW450030; FGNW500006; FGNW500008; FGNW500010; FGNW500012; FGNW500015; FGNW500020; FGNW500025; FGNW500030	Bóng nong mạch vành áp lực cao WILMA-NC (Tất cả các size)	Cộng hòa Ấn Độ	Sahajana nd Medical Technologies Limited	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Thời gian xẹp bóng: dưới 8 giây - Chất liệu bóng: Nylon 12 - Đường kính đầu tip (Entry profile): 0.41mm (0.016") - Đường kính: 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.25; 3.5; 3.75; 4.0; 4.5; 5.0mm - Chiều dài: 6; 8; 10; 12; 15; 20; 25; 29; 30 mm	Cái	Cái/ hộp	70	2.853.000	199.710.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG
181	PP2500386698	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	2526BV-VT-616	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Bóng nong mạch vành áp lực cao Notrix	NTN-250X09TP; NTN-275X09TP NTN-300X09TP; NTN-325X09TP NTN-350X09TP; NTN-375X09TP NTN-400X09TP; NTN-250X13TP NTN-275X13TP; NTN-300X13TP NTN-325X13TP; NTN-350X13TP NTN-375X13TP; NTN-400X13TP NTN-250X17TP; NTN-275X17TP NTN-300X17TP; NTN-325X17TP NTN-350X17TP; NTN-375X17TP NTN-400X17TP; NTN-250X21TP NTN-275X21TP; NTN-300X21TP NTN-325X21TP; NTN-350X21TP NTN-375X21TP; NTN-400X21TP NTN-250X25TP; NTN-275X25TP NTN-300X25TP; NTN-325X25TP NTN-350X25TP; NTN-375X25TP NTN-400X25TP; NTN-250X33TP NTN-275X33TP; NTN-300X33TP NTN-325X33TP; NTN-350X33TP NTN-375X33TP; NTN-400X33TP	Notrix - Non-Compliant PTCA Balloon Catheter	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vật liệu QuadFlex gắn đầu cân quang platinum, phủ lớp tăng cường SiLX2. Biên dạng đầu tip 0.017". Thời gian trung bình làm xẹp bóng <7s (3.00x21 mm). Thân gần 1.7F. Thân xa Pebax/Nylon với đường kính: 2.5 mm – 3.25 mm (2.7F); 3.5 mm - 4.0 mm: (2.8F). Số nếp gấp bóng: 03 cánh Có 7 kích thước đường kính: từ 2.5 đến 4.00 mm. Có 6 kích thước Chiều dài: 09 đến 33 mm; Áp suất danh định: 12 atm	Cái	1 cái/hộp	50	4.700.000	235.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VNT

182	PP25 00386 700	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	2526B V-VT- 618	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	NC Quantum Apex Monorail PTCA Dilatation Catheter	H7493912406500; H7493912406450; H7493912406400; H7493912406370; H7493912406350; H7493912406320; H7493912406300; H7493912406270; H7493912406250; H7493912406220; H7493912406200; H7493912408500; H7493912408450; H7493912408400; H7493912408370; H7493912408350; H7493912408320; H7493912408300; H7493912408270; H7493912408250; H7493912408220; H7493912408200; H7493912430400; H7493912430370; H7493912430350; H7493912430320; H7493912430300; H7493912430270; H7493912430250; H7493912430220; H7493912430200; H7493912420500; H7493912420450; H7493912420400; H7493912420370; H7493912420350; H7493912420320; H7493912420300; H7493912420270; H7493912420250; H7493912420220; H7493912420200; H7493912415500; H7493912415450; H7493912415400; H7493912415370; H7493912415350; H7493912415320; H7493912415300; H7493912415270; H7493912415250; H7493912415220; H7493912415200; H7493912412500; H7493912412450; H7493912412400; H7493912412370; H7493912412350; H7493912412320; H7493912412300; H7493912412270; H7493912412250; H7493912412220; H7493912412200	NC Quantum Apex Monorail PTCA Dilatation Catheter	Mỹ	Boston Scientific Corporati on	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao - Có áp lực trung bình 12atm, áp lực gây vỡ bóng 20atm - Đường kính bóng tối thiểu 2.0 mm, đường kính bóng tối đa 5 mm - Đầu bóng (Entry Tip) nhỏ đường kính 0,017" (0,43mm) - Khả năng hiển thị qua các vạch đánh dấu bằng platinum iridium - Chiều dài bóng tối thiểu 6mm, chiều dài bóng tối đa 30 mm + Đường kính: 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.50mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm + Chiều dài: 6mm, 8mm, 12mm, 15mm, 20mm, 30mm	Cái	1 Cái/ Hộp	30	5.500.000	165.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH
183	PP25 00386 701	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	2526B V-VT- 619	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	HAWK™ HP/NC PTCA Balloon Dilatation Catheter Non- Compliant	NC79017 ; NC79026 ; NC79028 ; NC79035 ; NC78918 ; NC79047 ; NC75803 ; NC77603 ; NC79300; NC79556; NC79056	HAWK™ HP/NC PTCA Balloon Dilatation Catheter Non- Compliant	Mỹ	Umbr medical products, Inc	Chất liệu bóng nong Nylon 12, lớp phủ lubeplus. Áp lực thường 12atm, vỡ bóng 22 atm. Đường kính đầu gần 2.0F, đầu xa 2.7F. Chiều dài catheter 142cm. Đường kính từ 2.0 đến 5.0mm. Chiều dài từ 6-40mm.	Cái	01 Cái/ Hộp	20	7.500.000	150.000.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA

184	PP25 00386 702	Bóng nong mạch vành áp lực cao	2526B V-VT- 620	Bóng nong mạch vành áp lực cao	iVascular NC Xperience	iVascularNCXperience BCTR14150200006;BCTR14150200008;BCTR141 50200010;BCTR14150200012;BCTR14150200015; BCTR14150200020;BCTR14150200025;BCTR141 50200030;BCTR14150225006;BCTR14150225008; BCTR14150225010;BCTR14150225012;BCTR141 50225015;BCTR14150225020;BCTR14150225025; BCTR14150225030;BCTR14150250008;BCTR141 50250010;BCTR14150250012;BCTR14150250015; BCTR14150250020;BCTR14150250025;BCTR141 50250030;BCTR14150275008;BCTR14150275010; BCTR14150275012;BCTR14150275015;BCTR141 50275020;BCTR14150275025;BCTR14150275030; BCTR14150300006;BCTR14150300008;BCTR141 50300010;BCTR14150300012;BCTR14150300015; BCTR14150300020;BCTR14150300025;BCTR141 50300030;BCTR14150325006;BCTR14150325008; BCTR14150325010;BCTR14150325012;BCTR141 50325015;BCTR14150325020;BCTR14150325025; BCTR14150325030;BCTR14150350006;BCTR141 50350008;BCTR14150350010;BCTR14150350012; BCTR14150350015;BCTR14150350020;BCTR141 50350025;BCTR14150350030;BCTR14150375006; BCTR14150375008;BCTR14150375010;BCTR141 50375012;BCTR14150375015;BCTR14150375020; BCTR14150375025;BCTR14150375030;BCTR141 50400006;BCTR14150400008;BCTR14150400010; BCTR14150400012;BCTR14150400015;BCTR141 50400020;BCTR14150400025;BCTR14150400030; BCTR14150450006;BCTR14150450008;BCTR141 50450010;BCTR14150450012;BCTR14150450015; BCTR14150450020;BCTR14150500006;BCTR141 50500008;BCTR14150500010;BCTR14150500012; BCTR14150500015;BCTR14150500020	iVascular NC Xperience	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices Biotech S.L	Bóng nong mạch vành chất liệu Nylon/pebax hoặc tương đương. tối thiểu 2 điểm cân quang chất liệu Platinum Iridium. Phần đầu xa catheter phủ lớp ái nước. Tip Profile 0,016". - Áp lực định mức: 12atm. Áp lực tối đa 25atm Tương thích dây dẫn 0.014" - Chiều dài catheter 142mm ± 2%. Kích thước: - Tối thiểu 11 kích thước đường kính từ 2.0 - 5.0 (mm) - Tối thiểu 7 kích thước chiều dài 6- 30mm	Cái	Hộp 1 Cái	50	7.000.000	350.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT
185	PP25 00386 704	Bóng nong mạch vành áp lực cao có đầu tip hình cầu	2526B V-VT- 622	Bóng nong mạch vành áp lực cao có đầu tip hình cầu	CONQUERORTM NC PTCA Balloon Catheter	412xxxxx; 413xxxxx; 414xxxxx; 415xxxxx;	CONQUE RORTM NC PTCA Balloon Catheter	Trung Quốc	APT Medical Inc	Bóng nong mạch vành có đầu tip hình cầu. Đầu tip phủ tungsten. Áp suất định danh: 12atm. Áp suất vỡ bóng: từ 18-20 atm. Đường kính bóng từ 2- 5mm. Chiều dài bóng từ 6-30mm.	Cái	Cái/hộp	70	4.200.000	294.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC VINAPHA M

186	PP25 00386 705	Bóng nong mạch vành áp lực cao các cỡ	2526B V-VT- 623	Bóng nong mạch vành áp lực cao các cỡ	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	PNCxxxx-xx	Pearl NC	Ấn Độ	Relisys Medical Devices Limited	- Chất liệu: Nylon, không đàn hồi - Phủ lớp ái nước - Áp lực tối đa: 20 ATM; Áp lực bơm bóng: 12 ATM - Độ dài đầu tip: 3.5±0.5 mm - Guidewire tương thích 0.014" - Có điểm cân quang trên thân bóng - Đường kính bóng: 11 kích thước từ 2.0-5.0 mm - Chiều dài bóng từ 8-40 mm - Chiều dài khả dụng: 141.4 cm	Cái	1 cái/ hộp	30	3.450.000	103.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
187	PP25 00386 706	Bóng nong mạch vành áp lực cao	2526B V-VT- 624	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Bóng nong động mạch vành Mars NC	38-xxxx	Mars NC PTCA Balloon Dilatation Catheter	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	- Chất liệu bóng: Nylon & Pebax - Đường kính bóng: 13 kích thước từ: 2.0 - 6.0mm - Chiều dài bóng từ 6-30mm. - Kích thước trục gần: 2F - Kích thước trục xa: 2.55F-2.8F - Lớp ngoài phủ ái nước, lòng dây dẫn phủ Hydrophobic - Thiết kế bóng: bóng 2 lớp, lớp ngoài cứng và lớp trong mềm - Chiều dài hệ thống: 145cm - Áp lực thường 12atm, áp lực tối đa 22atm	Cái	Hộp/ 1 cái	50	6.720.000	336.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

188	PP25 00386 707	Bóng nong mạch vành áp lực cao	2526B V-VT- 625	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Bóng nong mạch vành Europa Ultra NC	EN20/10, EN20/15, EN20/20, EN20/25, EN20/30, EN22/10, EN22/15, EN22/20, EN22/25, EN22/30, EN25/10, EN25/15, EN25/20, EN25/25, EN25/30, EN27/10, EN27/15, EN27/20, EN27/25, EN27/30, EN30/10, EN30/15, EN30/20, EN30/25, EN30/30, EN35/10, EN35/15, EN35/20, EN35/25, EN40/10, EN35/30, EN40/15, EN40/20, EN40/25, EN40/30, EN45/10, EN45/15, EN45/20, EN45/25, EN45/30, EN50/10, EN50/15, EN50/20, EN50/25, EN50/30	Europa Ultra NCTM Non- Compliant Coronary Balloon Catheter	Hy Lạp	Rontis Hellas S.A.	- Khẩu kính đầu vào cực nhỏ 0.016". - Vật liệu : polyamide. - Phù lớp ái nước công nghệ HiFlow. - Tương thích ống thông dẫn đường (min): 5Fr. Độ dài hữu dụng ống thông: 140cm. - 2 Điểm đánh dấu cân quang bằng hợp kim Platinum-Iridium - Kích thước thân - đầu xa: 2.4Fr, 2.5Fr, 2.9Fr. - Kích thước thân Hypotube: 2.0Fr. - Kích thước dây dẫn đường: tối đa 0.014". - Áp lực chuẩn: 10 bar - Áp lực đỉnh: 18-20 bar - Đường kính: 2.00 đến 5.00 mm và độ dài 10 đến 30 mm- Tiêu chuẩn: ISO13485/EC/CFS Châu Âu - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	01 Cái/ Hộp	30	6.400.000	192.000.000	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ AN PHA
189	PP25 00386 708	Bóng nong mạch vành áp lực cao	2526B V-VT- 626	Bóng nong mạch vành áp lực cao	PTCA Balloon Dilatation Catheter (DHC Series)	DHC2206; DHC2506; DHC2706; DHC3006; DHC3506; DHC3706; DHC4006; DHC4206; DHC4506; DHC2208; DHC2508; DHC2708; DHC3008; DHC3508; DHC3708; DHC4008; DHC4208; DHC4508; DHC2210; DHC2510; DHC2710; DHC3010; DHC3510; DHC3710; DHC4010; DHC4210; DHC4510; DHC2212; DHC2512; DHC2712; DHC3012; DHC3512; DHC3712; DHC4012; DHC4212; DHC4512; DHC2215; DHC2515; DHC2715; DHC3015; DHC3515; DHC3715; DHC4015; DHC4215; DHC4515; DHC2220; DHC2520; DHC2720; DHC3020; DHC3520; DHC3720; DHC4020; DHC4220; DHC4520; DHC2225; DHC2525; DHC2725; DHC3025; DHC3525; DHC3725; DHC4025; DHC4225; DHC4525; DHC2230; DHC2530; DHC2730; DHC3030; DHC3530; DHC3730; DHC4030; DHC4230; DHC4530	PTCA Balloon Dilatation Catheter (DHC Series)	Trung Quốc	Beijing Demax Medical Technolo gy Co.,Ltd.	-Bóng áp lực cao, Áp suất NP 12 bar. Áp suất RBP 20 bar - Chất liệu bóng Nylon -Xâm nhập tổn thương 0.016" - Đầu gần thân 2,0F, đầu xa thân 2.7F . - Phù lớp ái nước. Đầu tip thuận, dài 2.0 mm. - Khẩu kính bằng qua tổn thương 0.024" - Đường kính bóng: 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.25, 4.5 mm. - Chiều dài bóng: 6, 8, 10, 12, 15, 20, 25, 30 mm	Cái	1 Cái/ Hộp	60	2.500.000	150.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN

190	PP25 00386 709	Bóng nong mạch vành áp lực cao	2526B V-VT- 627	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Bóng nong mạch vành (Apollo Balloon Dilatation Catheter)	802-2006; 802-2206; 802-2506; 802-2008; 802-2208; 802-2508; 802-2010; 802-2210; 802-2510; 802-2012; 802-2212; 802-2512; 802-2015; 802-2215; 802-2515; 802-2018; 802-2218; 802-2518; 802-2020; 802-2220; 802-2520; 802-2022; 802-2222; 802-2522; 802-2025; 802-2225; 802-2525; 802-2030; 802-2230; 802-2530; 802-2706; 802-3006; 802-3206; 802-2708; 802-3008; 802-3208; 802-2710; 802-3010; 802-3210; 802-2712; 802-3012; 802-3212; 802-2715; 802-3015; 802-3215; 802-2718; 802-3018; 802-3218; 802-2720; 802-3020; 802-3220; 802-2722; 802-3022; 802-3222; 802-2725; 802-3025; 802-3225; 802-2730; 802-3030; 802-3230; 802-3506; 802-3706; 802-4006; 802-3508; 802-3708; 802-4008; 802-3510; 802-3710; 802-4010; 802-3512; 802-3712; 802-4012; 802-3515; 802-3715; 802-4015; 802-3518; 802-3718; 802-4018; 802-3520; 802-3720; 802-4020; 802-3522; 802-3722; 802-4022; 802-3525; 802-3725; 802-4025; 802-3530; 802-3730; 802-4030; 802-4506; 802-5006; 802-4508; 802-5008; 802-4510; 802-5010; 802-4512; 802-5012; 802-4515; 802-5015; 802-4518; 802-5018; 802-4520; 802-5020; 802-4522; 802-5022; 802-4525; 802-5025; 802-4530; 802-5030	Apollo Balloon Dilatation Catheter	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	- 2 lớp phủ Hydrophilic. Bóng chất liệu Nylon 3 nếp gấp - Tip profile 0.016", Crossing profile 0.023" _Tương thích ống thông 6F cho kỹ thuật Kissing balloon. - Đường kính: 2.0mm - 5.0 mm. Chiều dài: 6mm - 30 mm. - Áp suất NP: 12atm; áp suất RBP: 22atm (2.0-4.0mm), 20atm (4.5- 5.0mm)	Cái	1 Cái/ Hộp	40	4.200.000	168.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
191	PP25 00386 710	Bóng nong can thiệt mạch máu	2526B V-VT- 1105	Bóng nong can thiệt mạch máu	Bóng nong can thiệt mạch máu Passeo-35 XEO	428777; ... 428784; 428786; ... 428812; 428814; ... 428821; 428823; ... 428825; 428833; 428834; 428843; 428844; 428848; 428849; 428851; ... 428858; 428860; ... 428924; 428927; ... 428930; 428935; ... 428941; 428944; ... 428950; 428953; ... 428959; 428971; 428972; 428973; 428980; 428981; 428982; 428990; 428991; 428992; 428995; 428996; 428997	Bóng nong can thiệt mạch máu Passeo-35 XEO	Thụy Sĩ	Biotronik AG	- Tương thích dây dẫn (guide wire) 0.035" và hệ thống 5F, 6F, 7F - Vật liệu bóng làm bằng Semi Crystalline Polymer (SCP) với 3 và 5 nếp gấp - Công nghệ lớp phủ đan xen kỵ nước - Chiều dài catheter 90 cm đến 170cm - Áp lực chuẩn (NP): 8 và 9 atm - Áp lực tối đa cho phép (RBP) là 10atm đến 21atm - Đủ kích thước khác nhau: + Đường kính : 3.0, 4.0, 5.0, 6.0, 7.0, 8.0, 9.0, 10.0, 12.0mm + Chiều dài: 20, 40, 60, 80, 100, 120, 150, 170, 200, 250mm.	Cái	1 Cái/ Hộp	20	8.060.000	161.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THÔNG NHẤT

192	PP25 00386 711	Bóng cắt nong mạch vành chống trượt áp lực cao	2526B V-VT- 1108	Bóng cắt nong mạch vành chống trượt áp lực cao	Bóng nong mạch vành chống trượt Aperta NSE Coronary Dilatation Catheter	APN20013, APN22513, APN25013, APN27513, APN30013, APN32513, APN35013, APN40013	Aperta NSE Coronary Dilatation Catheter	Japan	Goodma n Co., Ltd. Goodma n Research Center	- Chất liệu Nylon 12, được đánh dấu cân quang cả hai đầu bóng bằng Platinum và Iridium, phủ ái nước - Độ dài catheter 142cm - Đường kính bóng từ 2.0mm đến 4.0mm - Độ dài bóng 13 mm - Áp lực thường 14 Atm, áp lực vỡ bóng 24 Atm	Cái	Hộp 1 cái	20	10.500.000	210.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC - THIỆT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
193	PP25 00386 712	Bóng nong mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 628	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Bóng nong mạch vành áp lực thường phủ hydrophilic ái nước, 3 nếp gấp "Genoss PTCA" các cỡ	GBC-xx-xxx	Genoss PTCA	Hàn Quốc	Genoss Co., Ltd	- Vật liệu: semi-compliant polyamide. Bóng 3 nếp gấp, phủ hydrophilic. Hai marker bằng Pt/Ir tại 2 đầu bóng. Lòng catheter đoạn xa phủ PTFE Đường kính: 1.0-5.0mm Chiều dài 5-40mm - Chiều dài khả dụng 1450mm. Entry profile: 0.017" - NP: 7atm (1.50mm), 8atm (2.00- 4.00mm) - RBP: 14atm (1.50mm) đến 16atm (2.00-3.50mm)	Cái	Hộp/ 1 cái	50	5.667.900	283.395.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIỆT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
194	PP25 00386 713	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 629	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	Bóng nong động mạch vành	MTLPS 1.25-10; MTLPS 1.25-15; MTLPS 1.5-10; MTLPS 1.5-15; MTLPS 1.5-20; MTLPS 2.0-10; MTLPS 2.0-15; MTLPS 2.0- 20; MTLPS 2.0-30; MTLPS 2.0-40; MTLPS 2.25-10; MTLPS 2.25-15; MTLPS 2.25-20; MTLPS 2.25-30; MTLPS 2.25-40; MTLPS 2.5-10; MTLPS 2.5-15; MTLPS 2.5-20; MTLPS 2.5-30; MTLPS 2.5-40; MTLPS 2.75-10; MTLPS 2.75-15; MTLPS 2.75-20; MTLPS 2.75-30; MTLPS 2.75-40; MTLPS 3.0-10; MTLPS 3.0-15; MTLPS 3.0-20; MTLPS 3.0-30; MTLPS 3.0-40; MTLPS 3.5- 10; MTLPS 3.5-15; MTLPS 3.5-20; MTLPS 3.5-30; MTLPS 3.5-40; MTLPS 4.0- 10; MTLPS 4.0-15; MTLPS 4.0-20; MTLPS 4.0-30; MTLPS 4.0-40; MTLPS 4.5-10; MTLPS 4.5-15; MTLPS 5.0-10; MTLPS 5.0- 15	Mistral Pro SC	Pháp	HEXAC ATH	- Chiều dài làm việc: 143cm - Chiều dài tối thiểu 5 kích cỡ từ 10 đến 40 mm - Đường kính tối thiểu 11 kích cỡ từ 1.25 đến 5.0 mm - Bóng có một hoặc hai dải đánh dấu cân quang - Đầu gần của ống thông bao gồm ống hypotube bằng thép không gỉ với một đầu nối khóa luer. Đường kính trục đầu gần: Ống Hypotube: 2.01F (0.67mm) - Đầu xa của catheter (25cm), được phủ một lớp ưa nước, có một ống đồng trục kép. Đường kính trục đầu xa: 2.4F đến 2.76 F - Đường kính dây dẫn tối đa: 0.014" (0.356mm) - Đường kính catheter dẫn đường tối thiểu: 5F; 6F	Cái	1 bộ/hộp	50	6.800.000	340.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VINAPHA M

195	PP25 00386 714	Bóng nong mạch vành	2526B V-VT- 630	Bóng nong mạch vành	Bóng nong mạch vành ALEX	AX0815;AX0820;AX08225;AX0825;AX08275;AX0830;AX08325;AX0835;AX0840;AX0915;AX0920;AX09225;AX0925;AX09275;AX0930;AX09325;AX0935;AX0940;AX1015;AX1020;AX10225;AX1025;AX10275;AX1030;AX10325;AX1035;AX1040;AX1215;AX1220;AX12225;AX1225;AX12275;AX1230;AX12325;AX1235;AX1240;AX1415;AX1420;AX14225;AX1425;AX14275;AX1430;AX14325;AX1435;AX1440;AX1515;AX1520;AX15225;AX1525;AX15275;AX1530;AX15325;AX1535;AX1540;AX1615;AX1620;AX16225;AX1625;AX16275;AX1630;AX16325;AX1635;AX1640;AX1815;AX1820;AX1825;AX1825;AX18275;AX1830;AX18325;AX1835;AX1840;AX2015;AX2020;AX20225;AX2025;AX20275;AX2030;AX20325;AX2035;AX2040;AX2215;AX2220;AX22225;AX2225;AX22275;AX2230;AX22325;AX2235;AX2240;AX2415;AX2420;AX24225;AX2425;AX24275;AX2430;AX24325;AX2435;AX2440;AX2515;AX2520;AX25225;AX2525;AX25275;AX2530;AX25325;AX2535;AX2540;AX3015;AX3020;AX30225;AX3025;AX30275;AX3030;AX30325;AX3035;AX3040;AX3315;AX3320;AX33225;AX3325;AX33275;AX3330;AX33325;AX3335;AX3340;AX3515;AX3520;AX35225;AX3525;AX35275;AX3530;AX35325;AX3535;AX3540;AX4015;AX4020;AX40225;AX4025;AX40275;AX4030;AX40325;AX4035;AX4040	ALEX	Đức	Alco Advance d Lightwei ght Construct ions GmbH	Bóng nong mạch vành bán giãn nở với 3 nếp gấp Chiều dài ống thông 140cm, cách đầu tip 25cm Đường kính đầu gần 1.95F, đầu xa 2.7F Áp lực trung bình 8atm, vỡ bóng 14-16atm Đường kính băng qua tổn thương 0.017" Đường kính trong ống thông tương thích tối thiểu 1,47mm Đường kính bóng : 1.5, 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0mm Chiều dài bóng: 8, 9, 10, 12, 14, 15, 16, 18, 20, 22, 24, 25, 30, 33, 35, 40mm Đạt tiêu chuẩn CE Xuất xứ: G7	Cái	01 Cái/ Hộp	50	6.500.000	325.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VINAPHA M
196	PP25 00386 715	Bóng nong mạch vành và cầu nối	2526B V-VT- 631	Bóng nong mạch vành và cầu nối	Bóng nong can thiếp mạch vành Pantera Pro	393291; 393298; 393305; 393289; 393292; 393299; 393306; 393290; 393293; 393300; 393307; 393312; 393317; 393294; 393301; 393308; 393313; 393318; 393295; 393302; 393309; 393314; 393319; 393296; 393303; 393310; 393315; 393320; 393297; 393304; 393311; 393316; 393321	Bóng nong can thiếp mạch vành Pantera Pro	Thụy Sĩ	Biotronik AG	Bóng nong mạch vành và cầu nối Bóng nong có 2 nếp gấp và 1 chỉ điểm đối với đường kính 1.25-1.5mm, 3 nếp gấp và 2 chỉ điểm đối với đường kính 2.0-4.0mm - Đủ kích thước khác nhau: + Đường kính: 1.25; 1.50; 2.00; 2.50; 3.00; 3.50; 4.00 mm + Chiều dài: 6; 10; 15; 20; 25; 30 mm Đường kính 1.25- 2.0mm có lớp phủ ái nước xen kẽ Đường kính 2.5 - 4.0mm có lớp phủ kỵ nước xen kẽ	Cái	1 Cái/ Hộp	40	8.189.000	327.560.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT

197	PP25 00386 716	Bóng nong động mạch vành	2526B V-VT- 632	Bóng nong động mạch vành	Bóng nong mạch máu áp lực thường	M921xxxxx	MEDADV PTCA ENCOUR AGE BALLOO N CATHET ER	Hoa Kỳ	Medas, Inc.	+ Vật liệu: Được làm từ Nilon + Số vạch đánh dấu: 2 + Đường kính đầu trực gần bóng: 2.8F + Đường kính đầu trực gần cán: 2.3F + Kích thước đầu nong: 0.017" + Chiều dài làm việc của catheter: 135 cm + Áp suất danh nghĩa: 8 atm (Ø1.5mm-3.0mm) / 6atm (Ø 3.5mm- 4.0mm) + Áp suất tối đa: 16 atm (Ø1.5mm- 3.5mm) / 14atm (Ø 4.0mm) + Tối thiểu 7 kích thước đường kính bóng nong: 1.5 mm đến 4.0mm + Tối thiểu 11 kích thước chiều dài bóng nong: 9 mm đến 30mm	Cái	1 Cái / Hộp	50	7.200.000	360.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHA M
198	PP25 00386 717	Bóng nong mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 633	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Bóng nong mạch vành áp lực thường	DC-RR1005HH; DC-RR1205HH ; DC- RR1505HH ; DC-RR1210HH ;DC- RR1510HH ; DC-RR2010HHW ; DC- RR2210HHW ; DC-RR2510HHW ; DC- RR2710HHW ; DC-RR3010HHW ; DC- RR3210HHW ; DC-RR3510HHW ; DC- RR3710HHW ; DC-RR4010HHW ; DC- RR1215HH ; DC-RR1515HH ; DC- RR2015HHW ; DC-RR2215HHW ; DC- RR2515HHW ; DC-RR2715HHW ; DC- RR3015HHW ; DC-RR3215HHW ; DC- RR3515HHW ; DC-RR3715HHW ; DC- RR4015HHW ; DC-RR1220HH; DC- RR1520HH; DC-RR2020HHW ;DC-RR2220HHW; DC-RR2520HHW ; DC- RR2720HHW; DC-RR3020HHW ; DC- RR3220HHW; DC-RR3520HHW ; DC- RR3720HHW; DC-RR4020HHW; DC- RR2030HHW ; DC-RR2530HHW; DC- RR3030HHW ; DC-RR3530HHW ; DC- RR2040HHW; DC-RR2540HHW; DC- RR3040HHW; DC-RR3540HHW	Ryurei	Nhật Bản	Ashitaka Factory of Terumo Corporati on	- Bóng nong được làm bằng vật liệu Polyamide. - Số điểm cân quang định vị bóng: đơn hoặc đôi (tùy thuộc vào kích thước bóng). - Áp lực định mức: Áp lực tối đa: 12- 14atm. - Đoạn xa được phủ lớp ái nước. - Đoạn kết nối giữa bóng và đầu tip 0.4mm. - Đường kính trực: 1.9Fr đoạn gần, 2.4Fr - 2.7Fr đoạn xa. - Độ dài trực: 145 cm. Kích thước: Có 12 kích thước đường kính: 1.0 đến 4.0mm bao gồm : 1.0, 1.25, 1.5, 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0; 3.25, 3.5, 3.75, 4.0. Có 6 kích thước chiều dài 5 đến 40 (mm) bao gồm: 5, 10,15, 20, 30, 40 (mm).	Cái	1 cái / hộp	50	5.600.000	280.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT

199	PP25 00386 720	Bóng nong động mạch vành loại bóng đa lớp	2526B V-VT- 636	Bóng nong động mạch vành loại bóng đa lớp	Trek; Mini Trek	1012268-06; 1012268-08; 1012268-12; 1012268-15; 1012268-20; 1012269-06; 1012269-08; 1012269-12; 1012269-15; 1012269-20; 1012270-06; 1012270-08; 1012270-12; 1012270-15; 1012270-20; 1012270-25; 1012270-30; 1012271-06; 1012271-08; 1012271-12; 1012271-15; 1012271-20; 1012271-25; 1012271-30; 1012272-06; 1012272-08; 1012272-12; 1012272-15; 1012272-20; 1012272-25; 1012272-30; 1012273-06; 1012273-08; 1012273-12; 1012273-15; 1012273-20; 1012273-25; 1012273-30; 1012274-06; 1012274-08; 1012274-12; 1012274-15; 1012274-20; 1012274-25; 1012274-30; 1012275-06; 1012275-08; 1012275-12; 1012275-15; 1012275-20; 1012275-25; 1012275-30; 1012276-06; 1012276-08; 1012276-12; 1012276-15; 1012276-20; 1012276-25; 1012276-30; 1012277-06; 1012277-08; 1012277-12; 1012277-15; 1012277-20; 1012277-25; 1012277-30; 1012278-06; 1012278-08; 1012278-12; 1012278-15; 1012278-20; 1012278-25; 1012278-30; 1012279-12; 1012279-15; 1012280-12; 1012280-15	Trek RX Coronary Dilatation Catheter; Mini Trek RX Coronary Dilatation Catheter	Costa Rica	Abbott Vascular	Cấu tạo: - Chất liệu bóng: Pebax - Chất liệu đánh dấu: Tungsten/Pebax - Chiều dài catheter: 145 cm - Lớp phủ: Ái nước - Áp lực thường: 8 atm; Áp lực tối đa: 14 atm Kích thước: - Chiều dài: từ 6 mm đến 30 mm (gồm 7 kích thước khác nhau (mm): 6; 8; 12; 15; 20; 25; 30) - Đường kính bóng từ: 1.2 mm đến 5.0 mm (gồm 13 kích thước khác nhau (mm): 1,2; 1,5; 2,0; 2,25; 2,5; 2,75; 3,0; 3,25; 3,5; 3,75; 4,0; 4,5; 5,0)	Cái	Hộp 1 cái	50	6.300.000	315.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
200	PP25 00386 722	Bóng nong mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 638	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Bóng nong mạch vành áp lực thường, Maya	25022XXX 25023XXX	Maya	Pháp	Arthesys	Bóng nong mạch vành áp lực thường, loại phủ ái nước toàn bộ -Phủ ái nước Hydrophilic toàn bộ -Tip bóng mềm chất liệu PEBA. -Bóng chất liệu Nylon 12, bóng có hai maker bằng Platinum/Iridium -Trục gắn được làm bằng ống thép không gỉ. -Áp suất định mức: 6 bar - Áp suất nò: 16 bar. -Kích thước tối thiểu : 12 đường kính từ 1.5mm đến 5.0mm; 9 chiều dài từ 8 đến 45mm	Cái	01 Cái/ Hộp	40	4.000.000	160.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC

201	PP25 00386 723	Bóng động mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 639	Bóng động mạch vành áp lực thường	Bóng nong động mạch vành RUBY SC	RSCxxxxxx	RUBY SC	Ấn Độ	Relisys Medical Devices Limited	Chiều dài tối thiểu của hệ thống bóng là: 1414mm Áp suất danh định 8atm Áp suất vỡ bóng là 16atm Đường kính xâm nhập tổn thương Tip profile: 0.7mm Đường kính đầu vào của catheter (Tip profile) 0.016" Guide wire tương thích: 5F ~ 0.058" Hai điểm đánh dấu chất liệu Platinum iridium Đường kính bóng có tối thiểu 04 kích cỡ từ: 1.5 đến 2.5mm Chiều dài bóng có tối thiểu 07 kích cỡ: 8 đến 20mm	Cái	01 Cái/ Hộp	40	3.500.000	140.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMED IC VIỆT NAM
202	PP25 00386 726	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 642	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	EVERxxxx	EVERES T (PTCA Catheter - PTCA Dilatation Catheter)	Hà Lan	Blue Medical Devices B.V	- Bóng bán áp lực cao, Áp suất 6 bar; 16 bar - Chất liệu bóng Semi-compliant Polyamide, 3 nếp gấp - Tương thích với guiding catheter 5F - Catheter dài 154cm. - Phù lớp ái nước. Đầu tít thuôn, dài 3mm. - Đường kính bóng tối thiểu 6 kích thước từ 1.5 đến 4.0mm, tối thiểu 4 kích thước chiều dài từ 10 đến 30mm	Cái	Cái/ Hộp	40	6.300.000	252.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH

203	PP25 00386 727	Bóng nong loại bán giãn nở	2526B V-VT- 643	Bóng nong loại bán giãn nở	Bóng nong mạch vành IKAZUCHI Zero	ZE-6-100F; ZE-6-100P; ZE-6-120; ZE-6- 200; ZE-6-250; ZE-6-300; ZE-6-350; ZE-6- 400; ZE-8-100P; ZE-8-120; ZE-10-150; ZE- 10-200; ZE-10-225; ZE-10-250; ZE-10-275; ZE-10-300; ZE-10-350; ZE-10-400; ZE-12- 150; ZE-12-200; ZE-12-225; ZE-12-250; ZE- 12-275; ZE-12-300; ZE-12-350; ZE-12-400; ZE-15-150; ZE-15-200; ZE-15-225; ZE-15- 250; ZE-15-275; ZE-15-300; ZE-15-325; ZE- 15-350; ZE-15-375; ZE-15-400; ZE-20-150; ZE-20-200; ZE-20-225; ZE-20-250; ZE-20- 275; ZE-20-300; ZE-20-325; ZE-20-350; ZE- 20-375; ZE-20-400; ZE-30-200; ZE-30-250; ZE-30-300; ZE-30-350	Bóng nong mạch vành IKAZUC HI Zero	Nhật bản	Kaneka Corporati on Osaka Plant	- Đường kính đầu tip: 0.0157" - Đường kính qua tổn thương: 0.0224" (0.57mm) - Chất liệu bóng Nylon 12, bên ngoài phủ lớp hydrophilic mới (TR2). - Chiều dài catheter: 1460mm - Đường kính: 1.0; 1.2,1.5; 2.0; 2.25;2.5,2.75; 3.0; 3.25; 3.5; 3.75; 4.0mm - Chiều dài: 6;8; 10; 12; 15; 20; 30 mm	Cái	Cái/ hộp	50	7.500.000	375.000.000	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG
204	PP25 00386 728	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 644	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	Bóng nong mạch vành áp lực thường WILMA-SC (Tất cả các size)	FGSW200009;FGSW200013;FGSW200015; FGSW200017;FGSW200020;FGSW200025; FGSW200029;FGSW200033;FGSW200037; FGSW200041;FGSW200045;FGSW200049; FGSW225009;FGSW225013;FGSW225015; FGSW225017;FGSW225020;FGSW225025; FGSW225029;FGSW225033;FGSW225037; FGSW225041;FGSW225045;FGSW225049; FGSW250009;FGSW250013;FGSW250015; FGSW250017;FGSW250020;FGSW250025; FGSW250029;FGSW250033;FGSW250037; FGSW250041;FGSW250045;FGSW250049; FGSW275009;FGSW275013;FGSW275015; FGSW275017;FGSW275020;FGSW275025; FGSW275029;FGSW275033;FGSW275037; FGSW275041;FGSW275045;FGSW275049; FGSW300009;FGSW300013;FGSW300015; FGSW300017;FGSW300020;FGSW300025; FGSW300029;FGSW300033;FGSW300037; FGSW300041;FGSW300045;FGSW300049; FGSW350009;FGSW350013;FGSW350015; FGSW350017;FGSW350020;FGSW350025; FGSW350029;FGSW350033;FGSW350037; FGSW350041;FGSW350045;FGSW350049; FGSW400009;FGSW400013;FGSW400015; FGSW400017;FGSW400020;FGSW400025; FGSW400029;FGSW400033;FGSW400037; FGSW400041;FGSW400045;FGSW400049; FGSW450009;FGSW450013;FGSW450015; FGSW450017;FGSW450020;FGSW450025; FGSW450029;FGSW450033;FGSW450037; FGSW450041;FGSW450045;FGSW450049	Bóng nong mạch vành áp lực thường WILMA- SC (Tất cả các size)	Cộng hòa An Độ	Sahajana nd Medical Technolo gies Limited	- Bóng nong mạch vành áp lực thường nằm trên hệ thống trục chống xoắn - Chất liệu bóng: Nylon 12. - Đường kính đầu tip (Entry profile): 0.41mm (0.016") - Thời gian xếp bóng: dưới 8 giây - Đường kính: 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5mm - Chiều dài: 9; 13; 15; 17; 20; 25; 29; 33; 37; 41; 45; 49mm	Cái	Cái/ hộp	50	2.880.000	144.000.000	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM KIM THÔNG

205	PP2500386729	Bóng nong mạch vành áp lực thường	2526BV-VT-645	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Bóng nong mạch vành áp lực thường Liston	LTS-125X09TP;LTS-150X09TP LTS-200X09TP;LTS-225X09TP LTS-250X09TP;LTS-275X09TP LTS-300X09TP;LTS-350X09TP LTS-400X09TP;LTS-450X09TP LTS-125X12TP;LTS-150X12TP LTS-200X12TP;LTS-225X12TP LTS-250X12TP;LTS-275X12TP LTS-300X12TP;LTS-350X12TP LTS-400X12TP;LTS-450X12TP LTS-125X15TP;LTS-150X15TP LTS-200X15TP;LTS-225X15TP LTS-250X15TP;LTS-275X15TP LTS-300X15TP;LTS-350X15TP LTS-400X15TP;LTS-450X15TP LTS-125X20TP;LTS-125X09TP LTS-150X09TP;LTS-200X09TP LTS-225X09TP;LTS-250X09TP LTS-275X09TP;LTS-300X09TP LTS-350X09TP;LTS-400X09TP LTS-450X09TP;LTS-125X12TP LTS-150X12TP;LTS-200X12TP LTS-225X12TP;LTS-250X12TP LTS-275X12TP;LTS-300X12TP LTS-350X12TP;LTS-400X12TP LTS-450X12TP;LTS-125X15TP LTS-150X15TP;LTS-200X15TP LTS-225X15TP;LTS-250X15TP LTS-275X15TP;LTS-300X15TP LTS-350X15TP;LTS-400X15TP LTS-450X15TP;LTS-125X20TP	LISTON - Semi-Complaint PTCA Balloon Catheter	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vật liệu QuadFlex gắn đầu cân quang platinum. Biên dạng đầu tip 0.017". Thân gần bằng thép không gỉ với kích thước: 1.25 đến 4.5 mm; thân xa Pebax/Nylon với kích thước: 1.25 đến 4.5 mm Số nếp gấp bóng: 2 và 3 cánh Có 10 kích thước đường kính: từ 1.25 đến 4.5 mm. Có 6 kích thước chiều dài: 09 đến 40 mm Áp suất danh định: 6 atm	Cái	1 cái/hộp	40	4.400.000	176.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VNT
-----	--------------	-----------------------------------	---------------	-----------------------------------	--	---	---	----------	--	---	-----	-----------	----	-----------	-------------	-----------------------------------

206	PP25 00386 732	Bóng nong (balloon)) động mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 648	Bóng nong (balloon) động mạch vành áp lực thường	Bóng nong (balloon) động mạch vành áp lực thường	512110021610;512110021611;512110021612;512110021613;512110021614;512110021615;512110021616;512110021501;512110021617;512110021502;512110021618;512110021619;512110021503;512110021504;512110021506;512110021508;512110021620;512110021621;512110021622;512110021623;512110021624;512110021625;512110021626;512110021627;512110021509;512110021510;512110021512;512110021514;512110021516;512110021517;512110021628;512110021629;512110021551;512110021552;512110021554;512110021556;512110021558;512110021559;512110021630;512110021631;512110021518;512110021519;512110021521;512110021523;512110021525;512110021526;512110021632;512110021633;512110021634;512110021635;512110021636;512110021637;512110021638;512110021639;512110021527;512110021528;512110021530;512110021532;512110021534;512110021535;512110021640;512110021641;512110021642;512110021643;512110021644;512110021645;512110021646;512110021647;512110021536;512110021537;512110021539;512110021541;512110021543;512110021544;512110021648;512110021546;512110021547;512110021549;512110021649;512110021650;512110021651;512110021652;512110021653;512110021654;512110021655	Bóng nong động mạch vành Invader PTCA	Turkey	ALVIME DICA TIBBI URUNL ER SANAYI VE DIS TIC A.S	. Đầu tít 0.017" chất liệu PEBA có phủ Hydrophilic . Chất liệu bóng: Nylon 12. Gấp bóng 3 cánh . Đường kính bóng 1.25; 1.5; 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.25; 3.5; 3.75; 4.0; 4.5; 5.0mm . Chiều dài bóng 6; 10; 12; 15; 20; 25; 30; 34mm . Có 2 điểm đánh dấu cân quang . Chiều dài hệ thống đưa bóng 144 cm . Áp lực nở thường 8 atm . Áp lực căng bóng tối đa 16 atm . Áp lực vỡ bóng trung bình 20atm	Cái	1 cái/hộp	50	4.935.000	246.750.000	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THÂN CHÂU
207	PP25 00386 733	Bóng nong mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 649	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Bóng nong mạch vành (Artimes Balloon Dilatation Catheter)	801-1005;801-1205;801-1505;801-1705;801-2005;801-2205;801-2505;801-2705;801-3005;801-3205;801-3505;801-3705;801-4005;801-1008;801-1208;801-1508;801-1708;801-2008;801-2208;801-2508;801-2708;801-3008;801-3208;801-3508;801-3708;801-4008;801-1010;801-1210;801-1510;801-1710;801-2010;801-2210;801-2510;801-2710;801-3010;801-3210;801-3510;801-3710;801-4010;801-1012;801-1212;801-1512;801-1712;801-2012;801-2212;801-2512;801-2712;801-3012;801-3212;801-3512;801-3712;801-4012;801-1015;801-1215;801-1515;801-1715;801-2015;801-2215;801-2515;801-2715;801-3015;801-3215;801-3515;801-3715;801-4015;801-1020;801-1220;801-1520;801-1720;801-2020;801-2220;801-2520;801-2720;801-3020;801-3220;801-3520;801-3720;801-4020;801-1025;801-1225;801-1525;801-1725;801-2025;801-2225;801-2525;801-2725;801-3025;801-3225;801-3525;801-3725;801-4025;801-1030;801-1230;801-1530;801-1730;801-2030;801-2230;801-2530;801-2730;801-3030;801-3230;801-3530;801-3730;801-4030	Artimes Balloon Dilatation Catheter	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	- 2 lớp phủ Hydrophilic - Tip profile 0.016", Crossing profile 0.0186". - Tương thích ống thông 6F cho kỹ thuật Kissing balloon. - Đường kính: 1.0 mm - 4.0 mm. Chiều dài: 5mm - 30 mm. - Áp lực bình thường (NP): 6 atm; Áp lực vỡ bóng (RBP): 14atm	Cái	1 Cái/ túi	40	4.200.000	168.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

208	PP25 00386 734	Bóng nong mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 650	Bóng nong mạch vành áp lực thường	HAWK™ PTCA Balloon Dilatation Catheter	79003 ; 79010 ; 73503 ; 79017 ; 71103 ; 79026 ; 79210; 79601; 79663	HAWK™ PTCA Balloon Dilatation Catheter	Mỹ	Umbara medical products, Inc	Chất liệu bóng nong Nylon 12; lớp phủ lubeplus. Áp lực thường 6atm, vỡ bóng 16 atm. Đường kính đầu gần 2.0F; đầu xa 2.7F. Chiều dài catheter 142cm. Đường kính từ 1.5 đến 4.0mm. Chiều dài từ 4-40mm.	Cái	01 Cái/ Hộp	20	7.420.000	148.400.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA
209	PP25 00386 737	Bóng nong mạch vành đầu tip nhỏ	2526B V-VT- 653	Bóng nong mạch vành đầu tip nhỏ	CONQUERORTM PTCA Balloon Catheter	501xxxxx; 502xxxxx; 503xxxxx; 504xxxxx; 505xxxxx;	CONQUE RORTM PTCA Balloon Catheter	Trung Quốc	APT Medical Inc	Bóng nong mạch vành khâu kính đầu vào 0.0158", đầu tip thuôn mềm chất liệu polymer không gây chấn thương mạch. Marker cân quang bằng Pt-Ir. Áp suất định danh: 8atm. Áp suất vỡ bóng: từ 12-14 atm. Loại đường kính 1mm được tối ưu hóa cho các ca CTO, hẹp nặng hoặc các tổn thương phức tạp khác. Đường kính bóng từ 1- 5mm. Chiều dài bóng từ 6-30mm.	Cái	Cái/hộp	50	4.200.000	210.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHA M
210	PP25 00386 739	Bóng nong động mạch vành áp lực thường đường kính từ 1.5mm - 5.0mm	2526B V-VT- 655	Bóng nong động mạch vành áp lực thường đường kính từ 1.5mm - 5.0mm	Bóng nong mạch vành áp lực thường, Maya	25022XXX 25023XXX	Maya	Pháp	Arthesys	Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường - Có Tip Profile: 0.016"(0.016" bằng 0.41mm=0.39mm+0.02) - Chất liệu bóng: Polyamide (Nylon chính là Polyamide, Nylon12 là một loại Polyamide) - Chất liệu thân: Pebax (PEBA chính là Pebax) - Có phủ hydrophilic - Dải marker đánh dấu cân quang: Plantium/ Iridium - Áp lực: NP*: 6 bar, RBP*: 16 bar; - Đường kính bóng có tối thiểu 12 cỡ từ 1.50-5.00mm; - Chiều dài bóng có tối thiểu 9 cỡ: 8- 45mm. - Chiều dài ống thông sử dụng: 140cm; - Bóng 3 nếp gấp cho đường kính > 1.5mm - Bóng 2 nếp gấp cho đường kính 1.5mm	Cái	01 Cái/ Hộp	20	4.000.000	80.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC

211	PP25 00386 740	Bóng nong mạch vành kỹ thuật POT và DOT áp lực cao 22atm, vai bóng ngắn 0.6mm	2526B V-VT- 656	Bóng nong mạch vành kỹ thuật POT và DOT áp lực cao 22atm, vai bóng ngắn 0.6mm	Bóng nong mạch vành POT	833-xxxx	POT PTCA Balloon Dilatation Catheter	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	- Đường kính bóng: có 10 kích thước từ 2.25-5.0mm - Chiều dài bóng: 6-15mm. - Chiều dài đầu tip: 2mm; 2.5mm. - Kích thước trục gần: 2F - Kích thước trục xa: 2.55/2.6F. - Chiều dài Catheter: 140cm - Lớp ngoài phủ ái nước, lòng dây dẫn phủ Silicone.	Cái	Hộp/ 1 cái	40	7.000.000	280.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
212	PP25 00386 741	Bóng nong mạch vành áp lực thường	2526B V-VT- 657	Bóng nong mạch vành áp lực thường	PTCA Balloon Dilatation Catheter (DPC Series)	DPC1206;DPC1506;DPC1706;DPC2006;DPC2206; DPC2506;DPC2706;DPC3006;DPC3206;DPC3506; DPC3706;DPC4006;DPC1208;DPC1508;DPC1708; DPC2008;DPC2208;DPC2508;DPC2708;DPC3008; DPC1210;DPC1510;DPC1710;DPC2010;DPC2210; DPC2510;DPC2710;DPC3010;DPC3210;DPC3510; DPC3710;DPC4010;DPC1212;DPC1512;DPC1712; DPC2012;DPC2212;DPC2512;DPC2712;DPC3012; DPC3212;DPC3512;DPC3712;DPC4012;DPC1215; DPC1515;DPC1715;DPC2015;DPC2215;DPC2515; DPC2715;DPC3015;DPC3215;DPC3515;DPC3715; DPC4015;DPC4515;DPC5015;DPC1220;DPC1520; DPC1720;DPC2020;DPC2220;DPC2520;DPC2720; DPC3020;DPC3220;DPC3520;DPC3720;DPC4020; DPC4520;DPC5020;DPC1525;DPC1725;DPC2025; DPC2225;DPC2525;DPC2725;DPC3025;DPC3225; DPC3525;DPC3725;DPC4025;DPC1530;DPC1730; DPC2030;DPC2230;DPC2530;DPC2730;DPC3030; DPC3230;DPC3530;DPC3730;DPC4030	PTCA Balloon Dilatation Catheter (DPC Series)	Trung Quốc	Beijing Demax Medical Technolo gy Co.,Ltd.	-Bóng áp lực thường, Áp suất NP 6 bar. Áp suất RBP 14-16 bar - Chất liệu bóng Pebax hoặc tương đương - Xâm nhập tổn thương 0.016"(0.40mm) - Đầu gần thân 2,0F, đầu xa thân 2.7F . - Phủ lớp ái nước. Đầu tip trơn, dài 2.0 mm. - Khẩu kính băng qua tổn thương 0.024" - Đường kính bóng 1.25, 1.5, 1.75, 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 3.75, 4.0, 4.5, 5.0mm. - Dài 6, 8, 10, 12, 15, 20, 25, 30 mm	Cái	1 Cái/ Hộp	50	3.000.000	150.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN

213	PP25 00386 742	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus	2526B V-VT- 658	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Bóng nong mạch vành phủ thuốc - Magic Touch Sirolimus Coated Balloon Catheter	CMT15010; CMT15015; CMT15020; CMT15025; CMT15030; CMT15035; CMT15040; CMT20010; CMT20015; CMT20020; CMT20025; CMT20030; CMT20035; CMT20040; CMT22510; CMT22515; CMT22520; CMT22525; CMT22530; CMT22535; CMT22540; CMT25010; CMT25015; CMT25020; CMT25025; CMT25030; CMT25035; CMT25040; CMT27510; CMT27515; CMT27520; CMT27525; CMT27530; CMT27535; CMT27540; CMT30010; CMT30015; CMT30020; CMT30025; CMT30030; CMT30035; CMT30040; CMT35010; CMT35015; CMT35020; CMT35025; CMT35030; CMT35035; CMT35040; CMT40010; CMT40015; CMT40020; CMT40025; CMT40030; CMT40035; CMT40040	Magic Touch	Ấn Độ	Envision Scientific Pvt. Ltd.	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus. - Đường kính bóng: 1.50mm, 2.00mm, 2.25mm, 2.50mm, 2.75mm, 3.00mm, 3.50mm, 4.00mm - Chiều dài bóng: 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm. - Chất liệu: Polyamide. - Hàm lượng thuốc 1.27µg/mm ² , chất mang thuốc phospholipid.	Cái	Hộp/ 1 Cái	10	25.000.000	250.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCI
214	PP25 00386 743	Bóng nong can thiếp mạch vành có phủ thuốc	2526B V-VT- 659	Bóng nong can thiếp mạch vành có phủ thuốc	Bóng nong can thiếp mạch vành có phủ thuốc Paclitaxel Pantera Lux	365110; 365111; 365112; 365113; 365114; 365120; 365121; 365122; 365123; 365124; 365125; 365126; 365127; 365128; 365129; 365130; 365131; 365132; 365133; 365134; 365135; 365136; 365137; 365138; 365139	Bóng nong can thiếp mạch vành có phủ thuốc Paclitaxel Pantera Lux	Thụy Sĩ	Biotronik AG	- Bóng mạch vành phủ thuốc Paclitaxel (3.0µg/mm ²). - Thuốc chống tăng sinh Paclitaxel được hấp thu trên hợp chất hữu cơ kị nước Butyryl-tri-hexyl citrate (BTHC) - Đủ kích thước khác nhau: + Đường kính 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm + Chiều dài: 10, 15, 20, 25, 30mm.	Cái	1 Cái/ Hộp	30	21.000.000	630.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT

215	PP25 00386 744	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	2526B V-VT- 660	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	iVascular Essential Pro	iVascularEssentialPro BCDPR14N150150010;BCDPR14N150150015;BCDPR14N150150020;BCDPR14N150150030;BCDPR14N150200010;BCDPR14N150200015;BCDPR14N150200020;BCDPR14N150200025;BCDPR14N150200030;BCDPR14N150200040;BCDPR14N150225010;BCDPR14N150225015;BCDPR14N150225020;BCDPR14N150225025;BCDPR14N150225030;BCDPR14N150225040;BCDPR14N150250010;BCDPR14N150250015;BCDPR14N150250020;BCDPR14N150250025;BCDPR14N150250030;BCDPR14N150250040;BCDPR14N150275010;BCDPR14N150275015;BCDPR14N150275020;BCDPR14N150275025;BCDPR14N150275030;BCDPR14N150275040;BCDPR14N150300010;BCDPR14N150300015;BCDPR14N150300020;BCDPR14N150300025;BCDPR14N150300030;BCDPR14N150300040;BCDPR14N150325010;BCDPR14N150325015;BCDPR14N150325020;BCDPR14N150325025;BCDPR14N150325030;BCDPR14N150325040;BCDPR14N150350010;BCDPR14N150350015;BCDPR14N150350020;BCDPR14N150350025;BCDPR14N150350030;BCDPR14N150350040;BCDPR14N150375010;BCDPR14N150375015;BCDPR14N150375020;BCDPR14N150375025;BCDPR14N150375030;BCDPR14N150375040;BCDPR14N150400010;BCDPR14N150400015;BCDPR14N150400020;BCDPR14N150400025;BCDPR14N150400030;BCDPR14N150400040;BCDPR14N150425010;BCDPR14N150425015;BCDPR14N150425020;BCDPR14N150425025;BCDPR14N150425030;BCDPR14N150425040;BCDPR14N150450010;BCDPR14N150450015;BCDPR14N150450020;BCDPR14N150450025;BCDPR14N150450030;BCDPR14N150450040	iVascular Essential Pro	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices Biotech S.L	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc paclitaxel. Marker làm bằng hợp chất Tungsten và polymer. - Áp suất NP: 6 bar. Áp suất RPB: 16bar - Tương thích với ống thông 5F, 6F - Tối thiểu 11 kích thước đường kính từ 1.50 đến 4.50 (mm). Tối thiểu 6 kích thước chiều dài: 10 đến 40 (mm)	Cái	Hộp 1 Cái	10	23.000.000	230.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT
216	PP25 00386 745	Bóng động mạch vành có phủ thuốc	2526B V-VT- 661	Bóng động mạch vành có phủ thuốc	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel RESTORE DEB	R x.xx-xx	RESTOR E DEB	Đức	CardionovumGmbH	- Bóng nong động mạch vành có tẩm thuốc Paclitaxel 3 µg/mm2 - Chiều dài catheter 140cm - Thân gần 1.8F, thân xa 2.6F. Khẩu kính thâm nhập: 0.016" - Chiều dài tối thiểu 15mm, tối đa 30mm; Đường kính tối thiểu 2.00, tối đa 4.00mm; - Áp lực thường: 6 atm - Áp suất nổ bóng: 22 atm	Cái	01 Cái/ Hộp	10	16.000.000	160.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMED IC VIỆT NAM

217	PP25 00386 746	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	2526B V-VT- 662	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel Prevail	PRV020010RX; PRV020015RX; PRV020020RX; PRV020025RX; PRV020030RX; PRV022510RX; PRV022515RX; PRV022520RX; PRV022525RX; PRV025010RX; PRV025015RX; PRV025020RX; PRV025025RX; PRV025030RX; PRV027510RX; PRV027515RX; PRV027520RX; PRV027525RX; PRV030010RX; PRV030015RX; PRV030020RX; PRV030025RX; PRV030030RX; PRV035010RX; PRV035015RX; PRV035020RX; PRV035025RX; PRV035030RX; PRV040010RX; PRV040015RX; PRV040020RX; PRV040025RX; PRV040030RX	Prevail Paclitaxel- coated PTCA Balloon Catheter	Ireland	Medtronic Ireland	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel với liều lượng thuốc phủ 3,5 µg/mm2 . Bóng có 5 nếp gấp; áp lực thường 8atm, áp lực vỡ bóng 14atm. Đường kính tối thiểu 2.0 mm, đường kính tối đa 4.0 mm. Chiều dài bóng: bao gồm các loại 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm	Cái	1 Cái/ Hộp	20	28.000.000	560.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
218	PP25 00386 749	Bóng nong mạch vành phủ thuốc sirolimus	2526B V-VT- 665	Bóng nong mạch vành phủ thuốc sirolimus	Bóng nong mạch vành phủ thuốc sirolimus Alex-R các các cỡ	AX1015r; AX1515r; AX2015r; AX2515r; AX3015r; AX3515r; AX4015r; AX1020r; AX1520r; AX2020r; AX2520r; AX3020r; AX3520r; AX4020r; AX1025r; AX1525r; AX2025r; AX2525r; AX3025r; AX3525r; AX4025r; AX10275r; AX15275r; AX20275r; AX25275r; AX30275r; AX35275r; AX40275r; AX1030r; AX1530r; AX2030r; AX2530r; AX3030r; AX3530r; AX4030r; AX1035r; AX1535r; AX2035r; AX2535r; AX3035r; AX3535r; AX4035r; AX1040r; AX1540r; AX2040r; AX2540r; AX3040r; AX3540r; AX4040r.	Alex-R	Đức	Alco Advance d Lightwei ght Construct ions GmbH	Nồng độ phủ thuốc: 1.4 µg sirolimus/mm2 Chiều dài ống thông 140cm, cách đầu tip 25cm Đường kính bóng: 2.0, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0mm Chiều dài bóng: 10,15,20,25,30,35,40mm Đường kính băng qua tổn thương 0.017" Đường kính trong tương thích với ống thông 0.058" Đường kính ngoài tương thích với vi dây dẫn 0.014" Đạt tiêu chuẩn CE Xuất xứ: G7	Cái	01 Cái/ Hộp	30	20.000.000	600.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VINAPHAM

219	PP25 00386 751	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimu s	2526B V-VT- 667	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Mozec SEB	MOZS20009; MOZS20012; MOZS20014; MOZS20015; MOZS20017; MOZS20020; MOZS20025; MOZS20030; MOZS22509; MOZS22514; MOZS22517; MOZS22520; MOZS22525; MOZS22530; MOZS25009; MOZS25014; MOZS25017; MOZS25020; MOZS25025; MOZS25030; MOZS27509; MOZS27514; MOZS27517; MOZS27520; MOZS27525; MOZS27530; MOZS30009; MOZS30014; MOZS30017; MOZS30020; MOZS30025; MOZS30030; MOZS35009; MOZS35014; MOZS35017; MOZS35020; MOZS35025; MOZS35030; MOZS40009; MOZS40014; MOZS40017; MOZS40020; MOZS40025; MOZS40030; MOZS45009; MOZS45014; MOZS45017; MOZS45020; MOZS45025; MOZS45030	Mozec SEB	Ấn Độ	Meril Life Sciences Private Limited	- Bóng nong có chất liệu bán dẫn hồi, được phủ thuốc Sirolimus kết hợp hạt nano lipid rắn (SLN), nồng độ phủ thuốc 3.0 µg/mm ² - Áp lực tối đa: 14/16 ATM; Áp lực bơm bóng: 7 ATM - Guidewire tương thích 0.014" - Có điểm cân quang trên thân bóng - Đường kính bóng: 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5 mm - Chiều dài bóng: 9; 12; 14; 15; 17; 20; 25; 30 mm - Chiều dài khả dụng: 142cm - Đạt tiêu chuẩn CE số: 1434-MDD- 309/2021 và 1434-MDD-310/2021, có hiệu lực gia hạn đến 31/12/2027.	Cái	Hộp 1 Cái	20	17.900.000	358.000.000	CÔNG TY TNHH BÁCH MEDICA L
220	PP25 00386 753	Bóng nong Tĩnh mạch Ngoại biên	2526B V-VT- 668	Bóng nong Tĩnh mạch Ngoại biên	Atlas®Gold	ATG80122; ATG80124; ATG80126; ATG80142; ATG80144; ATG80146; ATG80162; ATG80164; ATG80166; ATG80182; ATG80184; ATG80186; ATG80202; ATG80204; ATG80222; ATG80224; ATG80242; ATG80244; ATG80262; ATG80264; ATG120122; ATG120124; ATG120126; ATG120142; ATG120144; ATG120146; ATG120162; ATG120164; ATG120166; ATG120182; ATG120184; ATG120186; ATG120202; ATG120204; ATG120222; ATG120224; ATG120242; ATG120244; ATG120262; ATG120264	Atlas Gold PTA Dilatation Catheter	Mỹ	Bard Periphere l Vascular, INC.	Cấu tạo: - Hai điểm đánh dấu phóng xạ. - Chiều dài Catheter: 80/120 cm - Bóng có áp lực làm việc bình thường (tối đa): 6 atm. - áp lực vỡ bóng (tối đa): 18 atm. Kích thước: - Chiều dài bóng: 20 - 60 mm - Đường kính bóng : 12 - 26 mm	Cái	Hộp 1 cái	10	16.800.000	168.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

221	PP25 00386 755	Bóng chen cổ túi phình mạch não 2 nòng loại mạch ngã ba	2526B V-VT- 670	Bóng chen cổ túi phình mạch não 2 nòng loại mạch ngã ba	Bóng chen cổ túi phình mạch não 2 nòng Scepter XC	BC04xxXC	MicroVent ion	Costa Rica	MicroVe ntion Costa Rica S.R.L.	Bóng phù hợp với các giải phẫu phức tạp. Có lớp phủ hydrophilic. Chỉ định bóng chen cổ túi phình mạch não cổ rộng. Kích thước đường kính 4.0mm, chiều dài 11mm. Chiều dài đầu xa 5mm.	Cái	1 Cái/1 gói	5	27.825.000	139.125.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT
222	PP25 00386 756	Bóng tắc mạch	2526B V-VT- 671	Bóng tắc mạch	Bóng tắc mạch HyperGlide	104-4310 104-4112 104-4520 104-4530	HyperGlid e	Mỹ	Micro Therapeu tics Inc dba EV3 Neurovas cular	Bóng tắc mạch dùng để chèn cổ túi phình trong nút phình động mạch não cổ rộng mạch vị trí mạch thẳng. Bóng có đường kính bóng 3mm, 4mm, 5mm chiều dài bóng 10, 15, 20 và 30 mm. Đường kính đầu gần 2.8 F, đường kính đầu xa 2.2 F, chiều dài Tip 4 mm, đi kèm dây dẫn 0.010"	Cái	01 Cái/ Hộp	5	17.000.000	85.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM
223	PP25 00386 757	Bóng tắc mạch hỗ trợ đặt coil	2526B V-VT- 672	Bóng tắc mạch hỗ trợ đặt coil	Bóng tắc mạch HyperForm	104-4370 104-4470 104-4420 104-4715	HyperFor m	Mỹ	Micro Therapeu tics Inc dba EV3 Neurovas cular	Bóng có đường kính bóng 3mm, 4mm, 7mm, chiều dài bóng 7mm, 15 mm, 20 mm. Đường kính đầu gần 2.8 F. Đường kính đầu xa: 2.2F, 2.5F và 3F Bóng giúp hỗ trợ việc đặt coil đối với các túi phình mạch não ở vị trí ngã ba mạch . Kèm dây dẫn 0.010"	Cái	01 Cái/ Hộp	5	26.000.000	130.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM
224	PP25 00386 758	Bóng nong mạch vành loại CTO	2526B V-VT- 673	Bóng nong mạch vành loại CTO	Bóng nong mạch vành không giãn nở, NIC Nano Hydro/ NIC 1.1 Hydro	085-006-134; 085-010-134; 085-015-134; 110-006-134; 110-010-134; 110-015-134; 110-020-134	NIC Nano hydro; NIC 1.1 hydro	Thụy Sĩ	SIS Medical AG	- Bóng nong được đến áp lực 21 atm - Khẩu kính vào tổn thương 0.016". - Khẩu kính băng qua tổn thương 0,0195"; 0,0205". - Guiding Catheter tối thiểu tương thích: 5F. - 1 marker. - Phủ lớp hydrophilic ưa nước - Kích thước Ø 0.85 x 6,10,15 mm; Ø 1.1 x 6,10,15,20 mm	Cái	1 Cái/ Hộp	20	7.350.000	147.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN

225	PP2500386760	Bóng nong mạch vành chuyên dụng cho CTO	2526BV-VT-675	Bóng nong mạch vành chuyên dụng cho CTO	Bóng nong mạch vành ZINRAI	ZN-4-075, ZN-4-150, ZN-4-200, ZN-4-250, ZN-4-300, ZN-4-350, ZN-6-100, ZN-10-150, ZN-10-200, ZN-10-225, ZN-10-250, ZN-10-275, ZN-10-300, ZN-10-350, ZN-15-150, ZN-15-200, ZN-15-225, ZN-15-250, ZN-15-275, ZN-15-300, ZN-15-350, ZN-20-200, ZN-20-250, ZN-20-300, ZN-30-200, ZN-30-250, ZN-30-300, ZN-30-350	Bóng nong mạch vành ZINRAI	Nhật bản	Kaneka Corporation Osaka Plant	- Đường kính đầu tip 0.0157". - Chất liệu bóng Nylon 12, bên ngoài phủ lớp hydrophilic mới (TR2). - Chiều dài catheter: 1460mm - Chất liệu ống thông thép không gỉ (Stainless steel). - Áp suất thông thường: 6atm, áp suất giới hạn: 14atm. - Đường kính: 0.75; 1.0; 1.5; 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5mm - Chiều dài: 4; 6; 10; 15; 20; 30 mm	Cái	Cái/ hộp	20	7.500.000	150.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM THÔNG
226	PP2500386761	Bóng nong mạch vành bán dẫn hồi chịu được áp lực cao 21atm	2526BV-VT-676	Bóng nong mạch vành bán dẫn hồi chịu được áp lực cao 21atm	Bóng nong mạch vành bán dẫn hồi chịu được áp lực cao 21atm với 16 điểm nổi trên 4 dây của thân bóng "Grip" và "Grip TT" các cỡ	xxxxxx340; xxxxxx660	"Grip" và "Grip TT"	Thụy Sĩ	Acrostak (Schweiz) AG	- Chất liệu bóng: Polyamide - Chiều dài hệ thống: 138 cm - Tương thích guidewire catheter: 5F - Có 2 loại đầu tip: 2mm và 4mm - Áp lực định danh: 11 atm; Áp lực nổ tối đa: 21 atm - Có 2 marker Kích thước: - Đường kính: 2.5mm; 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm - Chiều dài: 8mm; 12mm; 16mm	Cái	01 Cái/ Hộp	10	7.583.940	75.839.400	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMEDIC VIỆT NAM

227	PP25 00386 762	Bóng nong động mạch vành có gắn lưới dao	2526B V-VT- 677	Bóng nong động mạch vành có gắn lưới dao	Wolverine Coronary Cutting Balloon MONORAIL Microsurgical Dilatation Device	H74939403062000; H74939403062250; H74939403062500; H74939403062750; H74939403063000; H74939403063250; H74939403063500; H74939403063750; H74939403064000; H74939403102000; H74939403102250; H74939403102500; H74939403102750; H74939403103000; H74939403103250; H74939403103500; H74939403103750; H74939403104000; H74939403152000; H74939403152250; H74939403152500; H74939403152750; H74939403153000; H74939403153250; H74939403153500; H74939403153750; H74939403154000	Wolverine Coronary Cutting Balloon MONORAIL Microsurg ical Dilatation Device	Ireland	Boston Scientific Limited	Bóng nong có gắn lưới dao nhỏ, đầu đệm (bumper tip). Chiều dài lưới dao có các cỡ: 6mm, 10mm và 15mm. Có 3 hoặc 4 lưỡi dao gắn dọc trên bề mặt ngoài của sản phẩm. Đường kính: 2.0mm - 4.0mm (2mm - 3.25mm là loại có 3 lưỡi dao; 3.5mm - 4.0mm là loại có 4 lưỡi dao). Trục được phủ Z-Glide Hydrophilic.	Cái	1 Cái/ Hộp	20	22.000.000	440.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH
228	PP25 00386 763	Bóng nong mạch vành chuyên dùng cho CTO	2526B V-VT- 678	Bóng nong mạch vành chuyên dùng cho CTO	ClearLine-CTO	CL1006CTO, CL1010CTO, CL1012CTO, CL1015CTO, CL1106CTO, CL1110CTO, CL1112CTO, CL1115CTO, CL12506CTO, CL12510CTO, CL12512CTO, CL12515CTO	ClearLine	Cộng hòa An Độ	Newtech Medical Devices	"Bóng nong mạch vành chuyên dùng cho CTO: - Chất liệu bóng: Pebax/Nylon - Biên dạng đầu vào: 0.016 inch - Chất liệu trục: Ống thép không gỉ - Đường kính ngoài trục đoạn xa 2.6 - 2.7F, đoạn gần 1.9F - Chiều dài hữu dụng: 142cm ± 2% - Dây dẫn hướng: 0.014 inch. Tương thích ống thông: 5F - Áp suất danh nghĩa: 6atm. - Áp suất vỡ bóng định mức: 20atm. - Áp suất vỡ bóng trung bình: 24atm. - Nếp gấp bóng: Bóng gấp đôi - Tỷ lệ tuân thủ trung bình: 15% - Lớp phủ: S-Lube ái nước - Đường kính (mm): 1.00; 1.10; 1.25. - Chiều dài (mm): 6, 10, 12, 15. - Chứng chỉ: ISO 13485, CE và ISO 14971."	Cái	01 Cái/ Hộp	20	8.200.000	164.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN OVI VINA

229	PP25 00386 764	Bóng nong mạch vành cho tổn thương CTO và tổn thương nhỏ hẹp	2526B V-VT- 679	Bóng nong mạch vành cho tổn thương CTO và tổn thương nhỏ hẹp	Bóng nong mạch vành (Artimes Balloon Dilatation Catheter)	801-1005; 801-1205; 801-1505; 801-1705; 801-2005; 801-2205; 801-2505; 801-2705; 801-3005; 801-3205; 801-3505; 801-3705; 801-4005; 801-1008; 801-1208; 801-1508; 801-1708; 801-2008; 801-2208; 801-2508; 801-2708; 801-3008; 801-3208; 801-3508; 801-3708; 801-4008; 801-1010; 801-1210; 801-1510; 801-1710; 801-2010; 801-2210; 801-2510; 801-2710; 801-3010; 801-3210; 801-3510; 801-3710; 801-4010; 801-1012; 801-1212; 801-1512; 801-1712; 801-2012; 801-2212; 801-2512; 801-2712; 801-3012; 801-3212; 801-3512; 801-3712; 801-4012; 801-1015; 801-1215; 801-1515; 801-1715; 801-2015; 801-2215; 801-2515; 801-2715; 801-3015; 801-3215; 801-3515; 801-3715; 801-4015; 801-1020; 801-1220; 801-1520; 801-1720; 801-2020; 801-2220; 801-2520; 801-2720; 801-3020; 801-3220; 801-3520; 801-3720; 801-4020; 801-1025; 801-1225; 801-1525; 801-1725; 801-2025; 801-2225; 801-2525; 801-2725; 801-3025; 801-3225; 801-3525; 801-3725; 801-4025; 801-1030; 801-1230; 801-1530; 801-1730; 801-2030; 801-2230; 801-2530; 801-2730; 801-3030; 801-3230; 801-3530; 801-3730; 801-4030	Artimes Balloon Dilatation Catheter	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	Bóng nong mạch vành áp lực thường là bóng bán tuần thủ. Chất liệu bóng Pebax. Được thiết kế cho các tổn thương CTO và các tổn thương hẹp. Bóng có 2 và 3 nếp gấp. - Áp suất định danh 6atm áp suất định mức 14atm, áp suất nở trung bình 20atm. - Đường kính phần thân gần: 1.9F - Đường kính phần trục thân xa: 2.36F- 2.7F. - Chiều dài ống thông sử dụng 140 cm - Khẩu kính vào tổn thương 0.016". - Phủ lớp ưa nước, có hai điểm đánh dấu bằng Platinum-iridium. Có đường kính: Từ 1.0mm đến 4.0mm Có kích thước chiều dài: Từ 5mm đến 30mm.	Cái	1 Cái/ Hộp	20	4.200.000	84.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
-----	----------------------	---	-----------------------	---	--	--	--	---------------	--------------------------------	---	-----	---------------	----	-----------	------------	---

230	PP25 00386 765	Bóng nong mạch ngoại biên	2526B V-VT- 680	Bóng nong mạch ngoại biên	Bóng nong mạch ngoại biên EverCross	AB35W03020080;AB35W03030080;AB35W03040080;AB35W03060080;AB35W03080080;AB35W03100080;AB35W03120080;AB35W03150080;AB35W03200080;AB35W04020080;AB35W04030080;AB35W04040080;AB35W04060080;AB35W04080080;AB35W04100080;AB35W04120080;AB35W04150080;AB35W04200080;AB35W05020080;AB35W05030080;AB35W05040080;AB35W05060080;AB35W05080080;AB35W05100080;AB35W05120080;AB35W05150080;AB35W05200080;AB35W06020080;AB35W06030080;AB35W06040080;AB35W06060080;AB35W06080080;AB35W06100080;AB35W06120080;AB35W06150080;AB35W06200080;AB35W07020080;AB35W07030080;AB35W07040080;AB35W07060080;AB35W07080080;AB35W07100080;AB35W07120080;AB35W07150080;AB35W07200080;AB35W08020080;AB35W08030080;AB35W08040080;AB35W08060080;AB35W08080080;AB35W09020080;AB35W09030080;AB35W09040080;AB35W09060080;AB35W09080080;AB35W10020080;AB35W10030080;AB35W10040080;AB35W10060080;AB35W12020080;AB35W12040080;AB35W12060080;AB35W03020135;AB35W03030135;AB35W03040135;AB35W03060135;AB35W03080135;AB35W03100135;AB35W03120135;AB35W03150135;AB35W03200135;AB35W04020135;AB35W04030135;AB35W04040135;AB35W04060135;AB35W04080135;AB35W04100135;AB35W04120135;AB35W04150135;AB35W04200135;AB35W05020135;AB35W05030135;AB35W05040135;AB35W05060135;AB35W05080135;AB35W05100135;AB35W05120135;AB35W05150135;AB35W05200135;AB35W06020135;AB35W06030135;AB35W06040135;AB35W06060135;AB35W06080135;AB35W06100135;AB35W06120135;AB35W06150135;AB35W06200135;AB35W07020135;AB35W07030135;AB35W07040135;AB35W07060135;AB35W07080135;AB35W07100135;AB35W07120135;AB35W07150135;AB35W07200135;AB35W08020135;AB35W08030135;AB35W08040135;AB35W08060135;AB35W08080135;AB35W09020135;AB35W09030135;AB35W09040135;AB35W09060135;AB35W09080135;AB35W10020135;AB35W10030135;AB35W10040135;AB35W10060135;AB35W12020135;AB35W12040135;AB35W12060135;AB35W05020040;AB35W05030040;AB35W05040040;AB35W05060040;AB35W05080040;AB35W05120040;AB35W06020040;AB35W06040040;AB35W06080040;...	EverCross PTA Catheter	Mỹ	Medtronic Inc.	Bóng nong mạch ngoại biên tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035". Đường kính: 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 12mm Độ dài: 20mm, 30mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm, 200mm Độ dài ống thông có gắn bóng 40cm, 80cm, 135cm. Áp lực vỡ bóng tối đa 20atm. Loại bóng: Bán cứng. Thiết kế ống thông lõi kép. Phần xa của ống thông có lớp phủ ái nước. Hai marker đánh dấu.	Cái	1 Cái/ Hộp	50	7.000.000	350.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
231	PP25 00386 766	Bóng nong động mạch ngoại vi áp lực thường	2526B V-VT- 681	Bóng nong động mạch ngoại vi áp lực thường	Bóng nong động mạch ngoại vi (Minerva PTA Balloon Dilatation Catheter)	803-xxxxxx-xxx	Minerva PTA Balloon Dilatation Catheter	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	Kích thước chiều dài Catheter: 40cm, 70cm, 90cm, 150cm. Cấu hình đầu thấp 0.020" Dây dẫn tương thích 0.018". Được thiết kế liên mạch từ đầu đến trực. Áp suất thường: 6atm Áp suất nổ bóng: 14atm Đường kính bóng : 1.5mm-10.0mm và có chiều dài từ 5-200mm.	Cái	1 Cái/ Hộp	20	5.200.000	104.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

232	PP25 00386 767	Bóng nong mạch máu ngoại biên	2526B V-VT- 682	Bóng nong mạch máu ngoại biên	Bóng nong ngoại vi PERSEUS-q 35	08PVQxxxxxAPO; 12PVQxxxxxAPO; 15PVQxxxxxAPO	PERSEUS -q 35	Đức	QualiMe d Innovativ e Medizingp rodukte GmbH	- Chất liệu bóng: Pebax - Tráng phủ Hydrophilic 40cm đầu xa - Khẩu kính đầu tip: 0.95mm - Chiều dài khả dụng Catheter: 80 đến 150cm - GW tương thích 0.035" - Áp lực bơm bóng 7 bar; áp lực tối hạn 13 bar (Ø3.0mm) và 10 bar (> Ø3.5mm) - Đường kính 3mm, 3.5mm, 4mm, 4.5mm, 5mm, 5.5mm, 6mm, 6.5mm, 7.0mm, 8.0mm, 9.0mm, 10mm, 12mm - Độ dài bóng 10mm, 15mm, 20mm, 30mm, 40mm, 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm, 200mm, 220mm, 280mm	Cái	01 Cái/ Hộp	20	6.900.000	138.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN HANMED IC VIỆT NAM
233	PP25 00386 768	Bóng nong can thiệt mạch máu	2526B V-VT- 683	Bóng nong can thiệt mạch máu	Bóng nong động mạch ngoại vi (Minerva PTA Balloon Dilatation Catheter)	803-xxxxxx-xxx	Minerva PTA Balloon Dilatation Catheter	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	Bóng nong ngoại biên với thân bóng mềm, linh hoạt - Thiết kế đồng trục - Catheter loại Over the wire (OTW) - Tương thích dây dẫn (Guide wire) 0.018" và hệ thống 4F, 5F - Vật liệu bóng làm bằng Pebax, 5 nếp gấp. - Chiều dài catheter 90cm đến 150cm - Áp lực chuẩn (NP) 6atm - Áp lực tối đa cho phép (RBP) : 14atm - Đường kính bóng : 1.5mm-10.0mm và có chiều dài từ 5-200mm.	Cái	1 Cái/ Hộp	20	5.200.000	104.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
234	PP25 00386 769	Bóng nong mạch ngoại vi áp lực thường	2526B V-VT- 684	Bóng nong mạch ngoại vi áp lực thường	iVascular Oceanus	iVascular Oceanus Life Vascular Devices (LVD) Biotech S.L/Tây Ban Nha. BPPC14xxxxxxxx, BPPC18xxxxxxxx, BPPC35xxxxxxxx	iVascular Oceanus	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices Biotech S.L	Bóng nong ngoại biên có catheter được phủ lớp ái nước. Marker chất liệu tungsten - Bóng đi trên dây dẫn từ 0.014" đến 0.035"; Chiều dài Catheter từ 80cm đến 150cm - Tối thiểu 13 kích thước đường kính bóng từ 1.5 đến 12 (mm) - Tối thiểu 7 kích thước chiều dài bóng từ 20 đến 200 (mm)	Cái	Hộp 1 Cái	20	7.000.000	140.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT

235	PP25 00386 770	Hệ thống ống và bóng nong cho can thIỆP mạch ngoại vi	2526B V-VT- 685	Hệ thống ống thông và bóng nong cho can thiệp mạch ngoại vi	Bóng nong mạch ngoại vi đa chức năng	454332, 454333, 454334, 454335 454336, 454337, 454338 454339, 454340, 454341 454342	Bóng nong mạch ngoại vi đa chức năng	Thụy Sĩ	Biotronik AG	Hệ thống tối thiểu tương thích với dây dẫn 0.014" và 0.018", bao gồm 3 phần: Ống thông hỗ trợ, dụng cụ nong và bóng can thiệp ngoại biên có thể điều chỉnh kích cỡ. - Ống thông hỗ trợ: Vật liệu PTFE phủ polymer dạng bện hoặc tương đương, cho phép bơm cân quang ở vị trí tổn thương. - Dụng cụ nong: Đầu tip chất liệu thép không gỉ, dạng đầu thuôn. - Bóng nong can thiệp ngoại biên có thể điều chỉnh chiều dài, phủ kỵ nước. Kích thước bóng: + Đối với hệ thống tương thích dây 0.014": gồm các đường kính 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm. + Đối với hệ thống tương thích dây 0.018": gồm các đường kính 4.0mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm. Chiều dài bóng có thể điều chỉnh được từ: 2.0mm-180mm; Áp lực thường từ 6-8atm, áp lực tối đa 12-16atm	Cái	1 Cái/ Hộp	5	27.000.000	135.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỐNG NHẤT
236	PP25 00386 771	Bóng nong ngoại biên dùng cho can thIỆP chậu đùi	2526B V-VT- 687	Bóng nong ngoại biên dùng cho can thiệp chậu đùi	Bóng nong mạch ngoại vi PVQ 35	- 08PVQxxxxxyAPO - 12PVQxxxxxyAPO - 15PVQxxxxxyAPO Trong đó: * xxx: 030/040/050/060/070/080/090/100 * yyy: 010/015/020/030/040/060/080/100/120/150/2 00/220/280	PVQ 35	Đức	QualiMe d Innovativ e Medizinp rodukte GmbH	* Bóng dùng cho mạch máu ngoại biên tương thích Sheath 5F/6F. * Đường kính các cỡ từ 3.0 đến 10mm; dài nhất 200, 220, 280mm. * Khẩu kính đầu vào 0.95mm (0.037"). * Chất liệu bóng Pebax . * Bóng đạt được áp lực cao trong khoảng 10atm-13atm. * Phủ Hydrophilic. * chiều dài hữu dụng tối thiểu các cỡ 80cm, 120cm, 150cm	Cái	Hộp/ 1 cái	10	6.800.000	68.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ Y TẾ VIỆT ĐỨC

237	PP25 00386 772	Bóng nong mạch ngoại vi 0.018"	2526B V-VT- 688	Bóng nong mạch ngoại vi 0.018"	Bóng nong mạch ngoại vi	FTMxxxxxxxx	FlexiTrack -018 PTA catheter (Periphera l Balloon Dilatation Catheter For Infrapoplit eal Arteries)	Đức	L2MTec h GmbH	- Cấu tạo + Bóng bán dẫn hồi, phủ lớp ái nước. + Lòng ống lumen kép + Chất liệu bóng: Polyamide. Bóng 3 nếp gấp hoặc 5 nếp gấp. + Đầu tip mềm, thuôn dần. + Đường kính đầu vào tổn thương: 0.022 inch (0.55mm) + Tối thiểu 2 dấu cân quang chất liệu Platinum-Iridium. + Đường kính dây dẫn tối đa: 0.018" + Áp lực tối đa (RBP): 13 - 19 bar + Tương thích với sheath mở đường 4F - Kích thước + Chiều dài bóng: từ 20 mm đến 150 mm. + Đường kính: từ 2.0 mm đến 5.0 mm. + Chiều dài Catheter khả dụng: tối thiểu 2 kích thước 85 cm, 150 cm	Cái	Cái/ Hộp	10	9.750.000	97.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH
238	PP25 00386 773	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao	2526B V-VT- 1106	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao	Bóng nong can thiệp mạch máu áp lực cao Passeo-35 HP	399096; 399097; 399056; 399078; 399079; 399080; 399081; 399082; 399086; 399083; 399063; 399084; 399085; 399090; 399087; 399067; 399088; 399089; 399091; 399071; 399092; 399093; 399094; 399095	Bóng nong can thiệp mạch máu áp lực cao Passeo-35 HP	Ireland	Creagh Medical Ltd.	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao - Vật liệu bóng làm bằng Nylon/Pebax - Áp lực thường 12atm và 14atm - Áp lực vỡ bóng 18 atm đến 27atm - Đủ kích thước khác nhau: + Đường kính: 3.0, 4.0, 5.0, 6.0, 7.0, 8.0, 9.0, 10.0, 12.0mm + Chiều dài : 20, 40, 60, 80, 100 mm.	Cái	1 Cái/ Hộp	20	8.400.000	168.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM THÔNG NHẤT

239	PP25 00386 774	Bóng nong ngoại biên phủ thuốc	2526B V-VT- 689	Bóng nong ngoại biên phủ thuốc	Bóng nong ngoại biên phủ thuốc Inpact Admiral	SBI 040 040 04P; SBI 040 060 04P; SBI 040 080 04P; SBI 050 040 04P; SBI 050 060 04P; SBI 050 080 04P; SBI 060 040 04P; SBI 060 060 04P; SBI 060 080 04P; SBI 070 040 04P; SBI 070 060 04P; SBI 070 080 04P; SBI 080 040 04P; SBI 080 060 04P; SBI 080 080 04P; SBI 090 040 04P; SBI 090 060 04P; SBI 090 080 04P; SBI 100 040 04P; SBI 120 040 04P; SBI 040 040 08P; SBI 040 060 08P; SBI 040 080 08P; SBI 040 120 08P; SBI 040 150 08P; SBI 050 040 08P; SBI 050 060 08P; SBI 050 080 08P; SBI 050 120 08P; SBI 050 150 08P; SBI 060 040 08P; SBI 060 060 08P; SBI 060 080 08P; SBI 060 120 08P; SBI 060 150 08P; SBI 070 040 08P; SBI 070 060 08P; SBI 070 080 08P; SBI 080 040 08P; SBI 080 060 08P; SBI 080 080 08P; SBI 090 040 08P; SBI 090 060 08P; SBI 090 080 08P; SBI 100 040 08P; SBI 120 040 08P; SBI 040 040 13P; SBI 040 060 13P; SBI 040 080 13P; SBI 040 120 13P; SBI 040 150 13P; SBI 050 040 13P; SBI 050 060 13P; SBI 050 080 13P; SBI 050 120 13P; SBI 050 150 13P; SBI 060 040 13P; SBI 060 060 13P; SBI 060 080 13P; SBI 060 120 13P; SBI 060 150 13P; SBI 070 040 13P; SBI 070 060 13P; SBI 070 080 13P; SBI 080 040 13P; SBI 080 060 13P; SBI 080 080 13P; SBI 090 040 13P; SBI 090 060 13P; SBI 090 080 13P; SBI 100 040 13P; SBI 120 040 13P	IN.PACT Admiral Paclitaxel- coated PTA Balloon Catheter	Ireland	Medtroni c Ireland	Phủ thuốc Paclitaxel 3.5µg/mm2, chất dẫn Urea. - Bóng có: + 8 kích thước đường kính: 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 12mm + 5 kích thước chiều dài của bóng: 40mm, 60mm, 80mm, 120mm, 150 mm. - Chiều dài hệ thống 40cm, 80cm và 130cm, tương thích với wire có đường kính tối đa là 0.035" Áp lực vỡ bóng tối đa 14atm - Thiết kế ống thông lõi kép - Bóng có 2 marker chất liệu platinum- iridium	Cái	1 Cái/ Hộp	10	27.000.000	270.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
240	PP25 00386 775	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc	2526B V-VT- 690	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc	iVascular Luminor	iVascular Luminor: BP DPC14M xxx xxx xxx, BP DPC18 xxx xxx xxx , BP DPC35 xxx xxx xxx	iVascular Luminor	Tây Ban Nha	Life Vascular Devices Biotech S.L	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc paclitaxel. Nồng độ Palitaxel 3µg/mm2. Marker làm bằng hợp chất Tungsten và polymer. - Bóng đi trên dây dẫn 0.014", 0.018", 0.035" + Chiều dài Catheter từ 80cm đến 150cm + Tối thiểu 10 kích thước đường kính bóng từ 1.5 đến 8.0 (mm) + Tối thiểu 7 kích thước chiều dài bóng từ 40 đến 200 (mm)	Cái	Hộp 1 Cái	10	22.500.000	225.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT

241	PP25 00386 776	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	2526B V-VT- 691	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	LUTONIX 035 Drug Coated Balloon PTA Catheter; LUTONIX 014 Drug Coated Balloon PTA Catheter	9020515200040;9020515200080;9020515200100;9020515200120;9020515200150;9020515250040;9020515250080;9020515250100;9020515250120;9020515250150;9020515300040;9020515300080;9020515300100;9020515300120;9020515300150;9020515350040;9020515350080;9020515350100;9020515350120;9020515350150;9020515400040;9020515400080;9020515400100;9020515400120;9020515400150;9090475500040;9090475500060;9090475500080;9090475600040;9090475600060;9090475600080;9090475700040;9090475700060;9090475800040;9090475800060;9090475900040;9090475900060;9090475100040;9090475100060;9090475120040;9090410400040;9090410400060;9090410400080;9090410400100;9090410400120;9090410400150;9090410500040;9090410500060;9090410500080;9090410500100;9090410500120;9090410500150;9090410600040;9090410600060;9090410600080;9090410600100;9090410600120;9090410600150;9090413400040;9090413400060;9090413400080;9090413400100;9090413400120;9090413400150;9090413500040;9090413500060;9090413500080;9090413500100;9090413500120;9090413500150;9090413600040;9090413600060;9090413600080;9090413600100;9090413600120;9090413600150	LUTONI X 035 Drug Coated Balloon PTA Catheter; LUTONI X 014 Drug Coated Balloon PTA Catheter	Mỹ	C.R. Bard. Inc.	Bóng nong động mạch ngoại biên chất liệu Nylon và Polyether Block Amide, phủ thuốc Paclitaxel với chất mang thuốc polysorbate,sorbitol - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.035" - Kích thước đường kính bóng tối thiểu 2 mm, tối đa 12 mm; - Chiều dài bóng tối thiểu 40 mm tới đa 150 mm. - Tối thiểu 4 kích thước chiều dài Catheter 75 cm đến 150 cm - Sử dụng dụng cụ mở đường (sheath) có chiều dài 5F, 6F, 7F. - Áp lực thường: tối thiểu 6 atm; Áp lực tối đa 12, 15 atm	Cái	Hộp 1 cái	10	24.000.000	240.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
242	PP25 00386 778	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel	2526B V-VT- 693	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel	Bóng nong mạch vành phủ thuốc paclitaxel	DIOR 2.00-15; DIOR 2.00-20; DIOR 2.00-25; DIOR 2.00-30; DIOR 2.25-15; DIOR 2.25-20; DIOR 2.25-25; DIOR 2.25-30; DIOR 2.50-15; DIOR 2.50-20; DIOR 2.50-25; DIOR 2.50-30; DIOR 2.75-15; DIOR 2.75-20; DIOR 2.75-25; DIOR 2.75-30; DIOR 3.00-15; DIOR 3.00-20; DIOR 3.00-25; DIOR 3.00-30; DIOR 3.50-15; DIOR 3.50-20; DIOR 3.50-25; DIOR 3.50-30; DIOR 4.00-15; DIOR 4.00-20; DIOR 4.00-25; DIOR 4.00-30;	DIOR	Đức	Eurocor Tech GmbH	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel hàm lượng 3.0µg/mm2 - Chiều dài catheter 140cm - Đường kính ngoài thân catheter gần 1.8F, thân xa 2.7F. Khẩu kính thăm nhập: 0.016" - Chiều dài bóng các cỡ 15mm, 20mm, 25mm, 30mm; - Đường kính bóng các cỡ 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00mm; - Áp lực thường: 6 bar - Áp suất nổ bóng 14 bar - 16 bar	Cái	1 cái/ hộp	5	15.700.000	78.500.000	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO VỀ THIẾT BỊ Y TẾ ANH NGỌC

243	PP25 00386 779	Bóng nong mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel tương thích dây dẫn 0.014"	2526B V-VT- 694	Bóng nong mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel tương thích dây dẫn 0.014"	LEGFLOW OTW Paclitaxel Releasing Peripheral Balloon Dilatation Catheter	L 2.0-40 OTW; L 2.0-80 OTW, L 2.0-120 OTW, L 2.0-150 OTW, L 2.5-40 OTW, L 2.5- 80 OTW, L 2.5-120 OTW, L 2.5-150 OTW, L 3.0-40 OTW, L 3.0-80 OTW, L 3.0-120 OTW, L 3.0-150 OTW, L 3.5-40 OTW, L 3.5-80 OTW, L 3.5-120 OTW, L 3.5-150 OTW, L 2.0-100 RX, L 2.0-120 RX, L 2.0- 150 RX, L 2.5-100 RX, L 2.5-120 RX, L 2.5- 150 RX, L 3.0-100 RX, L 3.0-120 RX, L 3.0- 150 RX, L 3.5-100 RX, L 3.5-120 RX, L 3.5- 150 RX, L 4.0-80 RX, L 4.0-120 RX	LEGFLO W OTW Paclitaxel Releasing Peripheral Balloon Dilatation Catheter	Đức	Cardiono vum GmbH	Bóng nong động mạch ngoại biên có tẩm thuốc Paclitaxel hàm lượng 3.0µg/mm2 - Chiều dài của catheter ≥ 150cm - Đường kính bóng từ ≤ 2.0mm đến ≥ 4.0mm - Chiều dài bóng từ ≤ 40mm đến ≥ 150mm - Áp lực thường: ≥ 6 atm. Áp lực vỡ bóng ≥14 atm - Tương thích với sheath mở mạch 4F	Cái	Hộp/ cái	5	18.495.000	92.475.000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SINH HỌC KIM HÒA PHÁT
244	PP25 00386 780	Dây bơm thuốc cân quang	2526B V-VT- 695	Dây bơm thuốc cân quang	Dây nối áp lực cao dùng cho y tế JENA	JEN-aaa00000	JENA	Việt Nam	Công ty Cổ phần nhà máy trang thiết bị y tế USM Healthcare	Dây nối áp lực cao, vật liệu PU/PVC được bện xoắn bằng Nylon, chịu được áp lực 1200 psi - Đường kính trong: 1.8 mm - Dây được làm từ vật liệu PU cao cấp có bện xoắn, chống gập xoắn - Đầu khóa giúp loại bỏ không khí, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân - Chiều dài 25- 250cm - Tiệt trùng: Ethylene oxide	Cái	1 cái / túi	500	69.000	34.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE
245	PP25 00386 781	Dây đo áp lực có đầu khóa	2526B V-VT- 696	Dây đo áp lực có đầu khóa	Pressure Monitor Tubing	PM6106; PM6112; PM6124; PM6136; PM6148; PM6160; PM6172; PM6184; PM6196	Pressure Monitor Tubing	Mexico	Merit Maquilad ora Mexico, S.DE R.L. DE C.V.	Dây đo áp lực - Vật liệu làm bằng PVC cứng. - Có đầu khóa giúp loại bỏ không khí, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân - Đường kính trong 1.52mm. Chịu áp lực từ 500-1200 PSI - Có 9 kích thước chiều dài: 15cm, 30cm, 61cm, 91cm, 122cm, 152cm, 183cm, 213cm, 244cm	Cái	25 cái/ hộp	500	65.000	32.500.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH

246	PP25 00386 782	Dây nối áp lực cao	2526B V-VT- 697	Dây nối áp lực cao	Dây nối áp lực cao dùng cho y tế JENA	JEN-aaa00000	JENA	Việt Nam	Công ty Cổ phần nhà máy trang thiết bị y tế USM Healthcar e	Dây nối áp lực cao, vật liệu PU/PVC được bện xoắn bằng Nylon chịu được áp lực 1200 psi - Đường kính trong: 1.8 mm - Dây được làm từ vật liệu PU cao cấp có bện xoắn, chống gập xoắn - Đầu khóa giúp loại bỏ không khí, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân - Chiều dài 25- 250cm - Tiệt trùng: Ethylene oxide	Cái	1 cái / túi	600	69.000	41.400.000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTH CARE
247	PP25 00386 783	Vĩ dây dẫn can thiệt mạch máu não siêu nhỏ	2526B V-VT- 698	Vĩ dây dẫn can thiệt mạch máu não siêu nhỏ	Dây dẫn can thiệp mạch máu thần kinh ASAHI CHIKAI, Dây dẫn can thiệp mạch máu thần kinh ASAHI CHIKAI 10	WAIN-CKI-200, WAIN-CKI-200-RC, WAIN-CKI-300, WAIN-CKI-300-RC, WAIN-CKI-10-200, WAIN-CKI-10-300	ASAHI CHIKAI, ASAHI CHIKAI 10	Việt Nam	CÔNG TY TNHH ASAHI INTECC HÀ NỘI	"Vĩ dây dẫn phù hợp cho mạch máu thần kinh. Đường kính 0.010 inch, 0.014 inch. - Lớp phủ Hydrophilic dài 170cm - Độ hiển thị đầu tip dài: 3, 5 cm - Đầu tip loại thẳng, Round curve. - Chiều dài tới 200cm - 300cm.	Cái	1 Cái/ Hộp	100	6.000.000	600.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
248	PP25 00386 785	Vĩ dây dẫn can thiệt mạch	2526B V-VT- 700	Vĩ dây dẫn can thiệt mạch	Dây dẫn can thiệp mạch não pORTAL Steerable Hydrophilic Guidewire	PORT-14-200-1; PORT-14-115-1-EX	pORTAL Steerable Hydrophili c Guidewire	Ireland	Lake Region Medical	- Chất liệu hợp kim - Đường kính: 0.014" - 2 kích thước chiều dài: 205cm và 318cm - Lớp phủ ái nước: 36cm, chiều dài cân quang: 5cm - Hình dạng đầu tip: thẳng	Cái	01 Cái/ Hộp	100	5.840.000	584.000.000	CÔNG TY TNHH VINACAT ECH
249	PP25 00386 786	Dây dẫn can thiệt mạch thần kinh	2526B V-VT- 701	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh Avigo	103-0606-200	Avigo	Ireland	Micro Therapeu tics Inc dba EV3 Neurovas cular	Dây dẫn ái nước, chất liệu thép không gi, đường kính 0.014", dài 205 cm, đầu mềm xoắn lò xo platinum dài 5cm. Thường được dùng kèm với ống thông và chất tắc mạch dạng lỏng để lâm các can thiệp AVM hoặc là dùng kèm với ống thông và coils để lâm các can thiệp về phình động mạch máu.	Cái	01 Cái/ Hộp	50	5.820.000	291.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ANH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM

250	PP25 00386 787	Dây dẫn đường ái nước dài 150 cm	2526B V-VT- 702	Dây dẫn đường ái nước dài 150 cm	Dây dẫn đường ái nước dài 150 cm	RF*GA35153M RF*GS35153M RF*PA35153M RF*PS35153M RF*GA25153M RF*GS25153M RF*PA25153M RF*PS25153M RF*GA38153M RF*GS38153M RF*PA38153M RF*PS38153M	Radifocus Guide Wire M	Việt Nam	Terumo Vietnam Co., Ltd/ Việt Nam	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol. - Lớp ngoài là Polyurethane. - Lớp phủ ái nước hydrophilic Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3cm - Có 3 kích thước đường kính: 0.025", 0.035", 0.038"	Cái	1 cái / hộp	500	517.000	258.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT
251	PP25 00386 788	Dây dẫn đường ái nước dài 260 cm	2526B V-VT- 703	Dây dẫn đường ái nước dài 260 cm	Dây dẫn đường ái nước dài 260 cm	RF*GA35263M RF*GS35263M RF*PA35263M RF*PS35263M RF*GA38263M RF*GS38263M RF*GA25263M RF*GS25263M RF*PA25263M RF*PS25263M	Radifocus Guide Wire M	Việt Nam	Terumo Vietnam Co., Ltd/ Việt Nam	Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim - Lớp ngoài là Polyurethane. - Lớp phủ ái nước Hydrophilic Hình dạng đầu: đầu thẳng, đầu cong Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính 3 kích thước từ : 0.025", 0.035", 0.038"	Cái	1 cái / hộp	500	567.000	283.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT
252	PP25 00386 789	Dây dẫn đùng trong chân đoán phủ PTFE, lõi thép không gỉ	2526B V-VT- 704	Dây dẫn đùng trong chân đoán phủ PTFE, lõi thép không gỉ	Dây dẫn đường PTFE 150 cm/ Dây dẫn đường PTFE 180 cm	GW2105; GW2106	Ares Guidewire	Thổ Nhĩ kỳ	Ares Medikal San. Tic. Ltd. Sti	Dây dẫn phủ PTFE, Lõi thép không gỉ SUS304 Tối thiểu 4 kích thước đường kính từ 0,035" chiều dài 150cm và 180cm. Có 2 loại đầu thẳng và hình chữ J	Cái	1 Cái/ túi	20	207.900	4.158.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

253	PP25 00386 790	Dây dẫn dùng trong chẩn doán phủ PTFE, lõi thép không gỉ	2526B V-VT- 705	Dây dẫn dùng trong chẩn doán phủ PTFE, lõi thép không gỉ	Dây dẫn đường PTFE 260 cm	GW2107	Ares Guidewire	Thổ Nhĩ kỳ	Ares Medikal San. Tic. Ltd. Sti	Dây dẫn phủ PTFE, Lõi thép không gỉ SUS304 Tối thiểu 4 kích thước đường kính từ 0,035", chiều dài 260cm Có 2 loại đầu thẳng và hình chữ J	Cái	1 Cái/ túi	20	228.900	4.578.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
254	PP25 00386 791	Dây dẫn đường ái nước lõi Nitinol phủ TPU	2526B V-VT- 706	Dây dẫn đường ái nước lõi Nitinol phủ TPU	Dây dẫn ái nước Conger	HNA-xxx-xx; HNA-xxx-xxx; HNS-xxx-xx; HNS-xxx-xxx; HXA-xxx-xxx; HXS-xxx-xxx	Conger Hydrophili c Guidewire	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	Dây dẫn đường ái nước Lõi Nitinol phủ Polymer siêu đàn hồi chống xoắn, thiết kế thon dài Lớp phủ Polymer cân quang Có đủ 2 loại đầu tip thẳng và gấp góc Đủ các đường kính 0,032" và 0,035" Dài: 260cm	Cái	Hộp/ 10 cái	200	441.000	88.200.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA

255	PP25 00386 792	Dây dẫn trong can thiệp động mạch vành (guide wire)	2526B V-VT- 707	Dây dẫn trong can thiệp động mạch vành (guide wire)	Dây dẫn can thiệp mạch vành	GWB185-0 GWB185-0J GWB185-1 GWB185-1J GWB300-0 GWB300-0J GWB300-1 GWB300-1J	Balancium	Trung Quốc	Lepu Medical Technology(Beijing) Co., Ltd	1, Vật liệu: - Lõi đôi: Lõi Nitinol + Lõi thép không gỉ với công nghệ hàn trực tiếp không mối nối - Nhiều lớp phủ khác nhau: lớp phủ ái ước Hydrophilic đầu xa, PTFE đầu gần - Thiết kế và hàn vòng xoắn kép tăng độ bền đầu tip, tăng khả năng phân hồi momen xoắn và chống giứt - Vòng xoắn ngoài lõi Plantium và thép không gỉ tăng khả năng quan sát, cân bằng tính linh hoạt và khả năng hỗ trợ 2, Kích thước: - Đường kính 0,014", chiều dài 185cm,300cm - Đầu tip J hoặc thẳng (Straight), chịu lực 0.6g, 1g - Cuộn chấn bức xạ Platinum (cân quang) dài 3cm - Đoạn phủ ái nước: 30cm - Đoạn bện xoắn (lò xo): 27~28cm - Thiết kế đầu liền thân hoặc dài tạo hình 3, Tỷ lệ truyền lực xoay 1:1 4,Tiêu chuẩn ISO 13486, MDR (CE), CFS Hà lan	Cái	1 cái/vi	20	1.595.000	31.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VINAPHAM
256	PP25 00386 794	Dây dẫn đường cho Catheter	2526B V-VT- 709	Dây dẫn đường cho Catheter	GLIDESTAT™ Hydrophilic Guide Wire	19306-H ; 19302-H ; 19307-H ; 19294-H ; 19260-H; 19240-H	GLIDESTAT™ Hydrophilic Guide Wire	Mỹ	Umbral medical products, Inc	Chất liệu Nitinol được phủ lớp Polyurethane. Trục xa đàn hồi và được phủ lớp lubricious. Đầu tip cân quang dài 3cm đầu chữ J, thẳng hoặc gấp góc. Đường kính tối thiểu 0.032", tối đa 0.038". Chiều dài tối thiểu 150cm, tối đa 260cm.	Cái	01 Cái/Bịch	200	480.000	96.000.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ KTA

257	PP25 00386 795	Dây dẫn chuẩn mạch máu phủ PTFE	2526B V-VT- 710	Dây dẫn chuẩn mạch máu phủ PTFE	InQwire™ Guide Wires PTFE Coated	6676-A1; 6676-B3; 6676-C1; 6676-D3; IQ35F150S; IQH35F150S; IQ35F260S; 6690-41; 6690-61; IQ38F150S; IQ38F260S; IQ35F150NLT; IQH35F150NLT; IQ35F150NLLT; IQ35F150NLLLT; 6677-B1; IQ35F80B; IQ35F150B; IQH35F150B; IQ35F180B; IQH35F180B; IQ35F260B; IQ38F150B; IQH38F150B; IQ35F150BC; IQ35F150BST; IQ35F180BC; IQ35F180BST; IQ35F150J1O5; IQH35F150J1O5; 6693-A1; IQ35F180J1O5; IQ35F210J1O5; IQ35F260J1O5; IQ35F260J1O5F; 6682-K1; 6682-L3; 6682-M1; 6682-N3; 6682-E1; IQ35F80J3; IQ35F150J3; IQH35F150J3; IQ35F180J3; IQ35F210J3; IQ35F260J3; 6693-41; 6693-71; IQ38F150J3; IQH38F150J3; IQ38F260J3; 6693-61	InQwire Guide Wires PTFE Coated	Ireland	Merit Medical Ireland Ltd	Dây dẫn chẩn đoán - Lõi làm bằng thép không gỉ dùng trong thủ thuật chẩn đoán. - Dây dẫn chẩn đoán, được phủ PTFE trước khi cuốn xung quanh lõi - Đầu dây dạng thẳng, có định dạng đầu tip Newton, Bentson hoặc chữ J - Có 5 kích thước: 0.038", 0.035", 0.025", 0.021", 0.018"; - Có 5 kích thước chiều dài: 80cm, 150cm, 180cm, 210cm, 260cm	Cái	5 cái/ hộp; 10 cái/ hộp	10	295.000	2.950.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH
258	PP25 00386 796	Dây dẫn đường ái nước đầu tip không chấn thương loại ngắn	2526B V-VT- 711	Dây dẫn đường ái nước đầu tip không chấn thương loại ngắn	Blackeel™ Hydrophilic Guidewire	Blackeel™Hydrophilic Guidewire 10A12512,10A12515,10A12518,10A22515,10A22518,10A03212,10A03215,10A03218,10A13215,10A13218,10A23215,10A23218,10A03515,10A03518,10A13512,10A13515,10A13518,10A23515,10A23518,10A33515,10A33518,10A13812,10A13815,10A13818,10A23815,10A23818,10A33815,10A33818,10S12512,10S12515,10S12518,10S22515,10S22518,10S03212,10S03215,10S03218,10S13215,10S13218,10S23215,10S23218,10S03515,10S03518,10S13512,10S13515,10S13518,10S23515,10S23518,10S33515,10S33518,10S13812,10S13815,10S13818,10S23815,10S23818,10S33815,10S33818,10J1251215,10J1251515,10J1251815,10J2251515,10J2251815,10J0321215,10J0321815,10J1321515,10J1321815,10J1351215,10J1351515,10J1351815,10J2351515,10J2351815,10J1381215,10J1381515,10J1381815,10J1251220,10J1251520,10J1251820,10J2251520,10J2251820,10J0321220,10J0321520,10J0321820,10J1321520,10J1321820,10J2321520,10J2321820,10J1351220,10J1351520,10J1351820,10J2351520,10J2351820,10J3351520,10J3351820,10J1381220,10J1381520,10J1381820,10J2381520,10J2381820,10J1251230,10J1251530,10J1251830,10J2251530,10J2251830,10J0321230,10J0321530,10J0321830,10J1321530,10J1321830,10J2321530,10J2321830,10J3321530,10J3321830,10J0351530,10J0351830,10J1351230,10J1351530,10J1351830,10J2351530,10J2351830,10J3351530,10J3351830,10J1381230,10J1381530,10J1381830,10J2381530,10J2381830,10J4351530,10J4351830,10J3381530,10J3381830,10J3382630,10J4381530,10J4381830,	Blackeel™ Hydrophilic Guidewire	Trung Quốc	APT Medical Inc.	Dây dẫn chụp mạch ái nước đầu tip mềm không chấn thương. Chất liệu lõi nitinol, lớp ngoài là polymer kết hợp tungsten cho độ đàn hồi cao, chống gập tốt. Thân phủ ái nước. Có tối thiểu các loại đường kính: 0.025", 0.032", 0.035", 0.038". Độ dài tối thiểu 3 kích thước từ 120-180cm. Các loại đầu cong: thẳng, cong chữ A, cong chữ J 1.5mm, 2mm và 3mm.	Cái	Hộp 5 Cái	300	480.000	144.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Y TẾ TÂM VIỆT

259	PP25 00386 797	Dây dẫn đường cho catheter phủ lớp ái nước	2526B V-VT- 712	Dây dẫn đường cho catheter phủ lớp ái nước	Dây dẫn ái nước Conger Plus	HGS-xxx-xx; HGS-xxx-xxx; HGA-xxx-xx; HGA-xxx-xxx; HES-xxx-xx; HES-xxx-xxx; HEA-xxx-xx; HEA-xxx-xxx	Conger Plus Hydrophilic Guidewire	Trung Quốc	BrosMed Medical Co., Ltd	Dây dẫn ái nước có lõi Nitinol có lớp áo polymer pha vonfram và lớp phủ ái nước - Dây dẫn có trợ lực tốt theo tỷ lệ 1:1 - Có đủ 2 dạng đầu cong và đầu thẳng - Có tối thiểu các kích cỡ 0.035", 0.038", 0.025", 0.018"; có 6 kích thước từ 80-260cm	Cái	Hộp/ 5 cái	100	590.000	59.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA
260	PP25 00386 799	Dây dẫn đường(guide wire) can thiệp mạch ngoại biên	2526B V-VT- 714	Dây dẫn đường(guide wire) can thiệp mạch ngoại biên	V-18™ Control Wire™ Guidewire with ICE™ Hydrophilic Coating	M001468480; M001468500; M001468520; M001468540; M001468560; M001468580; M001468600	V-18™ Control Wire™ Guidewire with ICE™ Hydrophilic Coating	Costa Rica	Boston Scientific Corporation	* Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.018" * Chiều dài dây dẫn 110, 150, 200, 300 cm * Chất liệu lõi Scitanium - Lớp phủ ICE ái nước được phủ trên đầu xa. Chiều dài taper 8 cm và 12 cm. * Đầu tip cân quang dài 2cm * Tip load: 6 gr, 8 gr - Loại đầu: thẳng và cong. * Đầu tip có thể tạo hình linh hoạt.	Cái	1 Cái/ Hộp	50	2.890.000	144.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH

261	PP25 00386 800	Dây dẫn đường cho bóng và stent	2526B V-VT- 1109	Dây dẫn đường cho bóng và stent	Dây dẫn đường cho bóng và stent	HLASC14	Dây dẫn can thiệp mạch vành ASCREA	Nhật Bản	Hi-Lex Corporati on	- Dây dẫn dùng trong can thiệp động mạch vành công nghệ nhiều loại lớp phủ: phủ silicone ở đoạn gần để phòng tránh đông máu, phủ ải nước hydrophilic ở đoạn xa dài 52.5cm. - Lõi thép không gỉ, có điểm đánh dấu cân quang bằng Platinium, độ cân quang đầu tip dài 3cm - Đầu thẳng - Khả năng tải đầu tip 0.5gf - Đường kính 0.014" - Chiều dài 190cm - Chiều dài lò xo 20cm (trong đó có đoạn đầu tip cuộn lò xo bằng platinium dài 3cm tăng tính cân quang)	Cái	1 cái/hộp	50	2.262.750	113.137.500	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THÂN CHÂU
262	PP25 00386 801	Dây dẫn đường cho bóng và stent mạch ngoại biên	2526B V-VT- 715	Dây dẫn đường cho bóng và stent mạch ngoại biên	Dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Gladius MG14 PV; Dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Gladius MG14 PV ES; Dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Gladius MG18 PV ES; Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Gladius	PPW14R100S; PPW14R200S; PPW14R300S; PPW14R100P; PPW14R200P; PPW14R300P; PPW18R100S; PPW18R200S; PPW18R300S; PP14R003P; PP14R203P; PP14R303P; PP14R004P; PP14R204P; PP14R304P; PP18R004P; PP18R204P; PP18R304P	ASAHI Gladius MG14 PV; ASAHI Gladius MG14 PV ES; ASAHI Gladius MG18 PV ES; ASAHI Gladius	Thái Lan	Asahi Intecc (Thailand) Co., Ltd.	Dây dẫn đường cho bóng và stent sử dụng trong can thiệp mạch ngoại vi. Đầu tip dạng đa lõi; phủ hydrophilic trên nền polymer. Chiều dài đoạn phủ dài: 10cm, 41cm, 50cm Chiều dài dây dẫn: 190cm, 200cm, 235cm, 300cm. Khả năng tải đầu tip 3.0gf, 4.0gf. Chiều dài cuộn lò xo từ 3.0cm, 4.5cm, 5.0cm, 8.5cm, 11.0 cm Đường kính dây: 0.014"; 0.018"	Cái	1 Cái/ Gói	20	5.500.000	110.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN

263	PP25 00386 803	Dụng cụ nút mạch bằng dù	2526B V-VT- 717	Dụng cụ nút mạch bằng dù	Dụng cụ nút mạch bằng dù	9-PLUG-004; 9-PLUG-006; 9-PLUG-008; 9- PLUG-010; 9-PLUG-012; 9-PLUG-014; 9- PLUG-016	Amplatzer Vascular Plug	UNITE D STATE S	Abbott Medical	- Dùng nút mạch cho khu vực ngăn - Thiết kế lưới Nitinol một cuộn cho khu vực đặt ngăn - Tương thích với dụng cụ mở đường 4-6F hoặc ống thông can thiệp 5-8F - Khoảng mạch điều trị được từ 2.5 đến 12.5 mm - Đường kính dù: 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16 mm; Chiều dài khi không ép: 7, 8 mm	Cái	01 Cái/ Hộp	5	10.700.000	53.500.000	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC, KỸ THUẬT TRANSM ED
264	PP25 00386 804	Dù dạng lưới kim loại tự nở loại 2 cánh	2526B V-VT- 718	Dù dạng lưới kim loại tự nở loại 2 cánh	Dù dạng lưới kim loại tự nở loại 2 cánh	9-AVP2-003; 9-AVP2-004; 9-AVP2-006; 9- AVP2-008; 9-AVP2-010; 9-AVP2-012; 9- AVP2-014; 9-AVP2-016; 9-AVP2-018; 9- AVP2-020; 9-AVP2-022	Amplatzer Vascular Plug II	UNITE D STATE S	Abbott Medical	- Tắc mạch khu vực đặt đa dạng - Thiết kế lưới Nitinol nhiều cuộn, đa lớp - Tương thích ống thông can thiệp hoặc dụng cụ mở đường: Tương thích dụng cụ mở đường 4-7F hoặc ống thông can thiệp 5-9F - Khoảng mạch điều trị được từ 2.0 đến 17 mm - Đường kính dù: 3, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22 mm - Chiều dài khi không ép: 6, 7, 9, 10 , 12, 14, 16, 18 mm	Cái	01 Cái/ Hộp	5	17.200.000	86.000.000	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC, KỸ THUẬT TRANSM ED
265	PP25 00386 805	Dụng cụ nút mạch bằng dù, tiết diện nhỏ	2526B V-VT- 719	Dụng cụ nút mạch bằng dù, tiết diện nhỏ	Dụng cụ nút mạch bằng dù, tiết diện nhỏ	9-AVP038-004; 9-AVP038-005; 9-AVP038-006; 9-AVP038-007; 9-AVP038-008	Amplatzer Vascular Plug 4	UNITE D STATE S	Abbott Medical	- Tắc mạch tiết diện nhỏ - Tương thích với dây dẫn 0.038" - Thiết kế tiết diện nhỏ và khả năng mềm dẻo hơn trên dây dẫn - Khoảng mạch điều trị được từ 2.5 đến 6.0 mm - Chiều dài khi không ép: 10, 10.5, 11, 12.5, 13.5 mm - Đường kính: 4, 5, 6, 7, 8 mm.	Cái	01 Cái/ Hộp	5	17.200.000	86.000.000	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC, KỸ THUẬT TRANSM ED

266	PP25 00386 806	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp ĐM cảnh tương thích với stent can thiệp ĐM cảnh	2526B V-VT-720	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp ĐM cảnh tương thích với stent can thiệp ĐM cảnh	FilterWire EZ™ Embolic Protection System	H749201051900; H749201053000	FilterWire EZ™ Embolic Protection System	Costa Rica	Boston Scientific Corporation	* Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.014", Phù hợp cho các mạch máu có đường kính khoảng từ 3.5 đến 5.5mm. * Lớp phủ PTFE. Đường kính vượt tổn thương khoảng 3.2F (1.1 mm) * Đầu tip cân quang dạng lò xo xoắn. * Chất liệu lưới lọc: Polyurethane, vòng lọc bằng Nitinol * Chiều dài dây dẫn 190, 300 cm.	Cái	1 Cái/ Hộp	5	30.450.000	152.250.000	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG BÌNH
267	PP25 00386 807	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác	2526B V-VT-721	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu động mạch vành và các động mạch khác	Dụng cụ bảo vệ mạch ngoại biên SpiderFX	SPD2-030-190; SPD2-030-320; SPD2-040-190; SPD2-040-320; SPD2-050-190; SPD2-050-320; SPD2-060-190; SPD2-060-320; SPD2-070-190; SPD2-070-320	SpiderFX Embolic Protection Device	Mỹ	EV3 Inc.	Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi, đường kính lưới lọc (filter) có 5 kích thước: 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm. Độ dài dây dẫn 190cm và 320/190cm. Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn 0.014" và 0.018" hoặc ống thông 0.035" Chất liệu lưới lọc: Nitinol. Lưới lọc được phủ heparin. Đường kính vượt tổn thương (Crossing Profile): 3.2Fr Có 1 marker đầu gần và 1 marker đầu xa, miệng lưới lọc có 1 khung tròn chất liệu Vàng - Tungsten	Cái	1 Cái/ Hộp	15	26.000.000	390.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ

268	PP25 00386 808	Bộ đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới vĩnh viễn và tạm thời	2526B V-VT- 722	Bộ đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới vĩnh viễn và tạm thời	ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, FEMORAL KIT;ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, JUGULAR KIT;ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, POPLITEAL KIT;ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, BRACHIAL KIT;ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, FEMORAL KIT WITH HOOK;ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, JUGULAR KIT WITH HOOK;ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, POPLITEAL KIT WITH HOOK;ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, BRACHIAL KIT WITH HOOK	FJ.120096; FB.010500; FF.010995; FP.012013; FJ.HOOK; FB.HOOK; FF.HOOK; FP.HOOK	ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, FEMORAL KIT; ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, JUGULAR KIT; ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, POPLITEAL KIT; ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, JUGULAR KIT WITH HOOK; ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, POPLITEAL KIT WITH HOOK; ALN VENA CAVA FILTER AND INTRODUCTION KIT, BRACHIAL KIT WITH HOOK	Pháp	ALN S.A.R.L.	- Thiết kế hình nón làm từ chất liệu thép không gỉ 316 LVM tương thích với môi trường MRI. - Chiều dài lưới lọc: 55mm và 59mm (có móc hoặc không móc). - Lưới lọc phù hợp với tĩnh mạch có đường kính tối đa lên tới 32 mm. - Có 9 thanh chống chia làm 2 tầng: - Có 4 đường tiếp cận vào: tĩnh mạch cánh, đùi, cánh tay, kheo. - Được sử dụng với sheath 7F với marker cân quang. - Bộ thiết bị cấy ghép lưới lọc bao gồm: lưới lọc ALN, một hệ thống mở đường (dụng cụ nong, bộ dẫn đường vào lòng mạch, ống thông dây), một kim chọc dò, một dây dẫn J - Sheath đường kính: 7F, chiều dài: 600, 1200 mm	Cái	1 Cái/ Hộp	10	22.850.000	228.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
269	PP25 00386 809	Phụ kiện cắt cuộn nút mạch não	2526B V-VT- 723	Phụ kiện cắt cuộn nút mạch não	Phụ kiện cắt cuộn nút mạch não Instant Detacher	ID-1-5	ID	Mỹ	Micro Therapeu tics Inc dba EV3 Neurovas cular	Vỏ bằng chất dẻo, dạng hình trụ, dễ thao tác. Sử dụng để cắt được khoảng 20 coils liên tục, động tác đơn giản, nhanh, an toàn	Cái	01 Cái/ Hộp	10	2.000.000	20.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM
270	PP25 00386 810	Kim cắt coil	2526B V-VT- 724	Kim cắt coil	Kim cắt coil VGRIP	VG501	MicroVention	1. Mỹ 2. Costa Rica	1. MicroVe ntion, Inc. 2. MicroVe ntion Costa Rica S.R.L.	Kim cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. Thời gian cắt vòng xoắn 0.75 giây. Có tín hiệu báo đi kèm.	Cái	1 Cái/1 gói	5	2.000.000	10.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT

271	PP25 00386 811	Dụng cụ đóng mạch đùi	2526B V-VT- 725	Dụng cụ đóng mạch đùi	Dụng cụ đóng mạch đùi	610132; 610133	Angio-Seal VIP	Mỹ	Terumo Puerto Rico LLC	Cầu tạo gồm tối thiểu các thành phần sau: - Dụng cụ đóng mạch - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm - 01 dilator - 01 sheath Kích cỡ có 6Fr và 8Fr Tất cả các thành phần được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày.	Cái	1 cái / hộp	5	7.290.000	36.450.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT
272	PP25 00386 812	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa	2526B V-VT- 726	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa	ProGlide	12673-05	Perclose Proglide Suture-Mediated Closure System	Ireland	Abbott Vascular	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa polypropylene. Khả năng đóng mạch máu có kích thước lên tới 5 – 24F Sử dụng cơ chế kéo cắt nằm ngay trên thân, Nút thắt được tạo sẵn, có các bước đánh số ghi trên thân	Cái	Túi 1 cái	5	7.500.000	37.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
273	PP25 00386 813	Bộ dụng cụ đóng mạch máu sau can thiệt bằng nút collagen	2526B V-VT- 727	Bộ dụng cụ đóng mạch máu sau can thiệt bằng nút collagen	Dụng cụ đóng mạch máu Obtura Vascular Closure Device	OBT6F, OBT8F	Obtura	Ấn Độ	Meril Life Sciences Pvt.Ltd,	- Dụng cụ đóng mạch máu cho động mạch đùi - Bao gồm: Bộ phận cấy ghép và phân phối; bộ phận cấy ghép chứa một mô neo polyme và một miếng bọt biển collagen có tác dụng cầm máu. - Hấp thụ trong vòng tối đa 90 ngày. - Kích thước: tối thiểu 2 kích thước 6F và 8F - Chiều dài: từ 155 đến 205mm - Tương thích Sheath : 6F - 9F	Cái	Hộp/ cái	5	6.000.000	30.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN MECENT A
274	PP25 00386 815	Dụng cụ lấy dị vật trong tim mạch	2526B V-VT- 729	Dụng cụ lấy dị vật trong tim mạch	Dụng cụ lấy dị vật Gooseneck Micro Snare	SK200; SK201; SK400; SK401; SK700; SK701	AMPLATZ GOOSE NECK Microsnare Kit	Mỹ	EV3 Inc.	Đường kính vòng có 3 kích thước: 2mm, 4mm, 7 mm, chiều dài dụng cụ 175cm hoặc 200 cm, chiều dài ống thông 150cm hoặc 175cm, kích thước ống thông: 2.3F-3F Mỗi bộ gồm: 1 dụng cụ lấy dị vật, 1 vi ống thông, 1 dụng cụ mở đường, 1 vi thiết bị xoay Thiết kế vòng vuông góc 90° Dây cáp chất liệu Nitinol, vòng chất liệu tungsteng mạ vàng. Có marker của ống thông bằng Platinum-Iridium	Cái	1 Cái/ Hộp	2	14.000.000	28.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ

275	PP25 00386 816	Dụng cụ lấy dị vật	2526B V-VT- 730	Dụng cụ lấy dị vật	Dụng cụ lấy dị vật Gooseneck Snare	GN500; GN1000; GN1500; GN2000; GN2500; GN3000; GN3500; GN1001; GN2501	AMPLATZ GOOSE NECK Snare Kit	Mỹ	EV3 Inc.	Đường kính vòng: 5mm, 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, chiều dài dụng cụ 65cm hoặc 120cm, chiều dài ống thông 48cm hoặc 102cm, kích thước ống thông 4F hoặc 6F. Mỗi bộ gồm: 1 dụng cụ lấy dị vật, 1 ống thông, 1 dụng cụ mở đường, 1 thiết bị xoáy Thiết kế vòng vuông góc 90° Dây cáp chất liệu Nitinol, vòng chất liệu tungsteng mạ vàng. Có marker của ống thông bằng Platinum-Iridium	Cái	1 Cái/ Hộp	2	9.000.000	18.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
276	PP25 00386 817	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số VVIR/A AIR, tương thích MRI	2526B V-VT- 731													CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
277	PP25 00386 817	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số VVIR/A AIR, tương thích MRI	2526B V-VT- 731.1	Thân máy tạo nhịp	ENTICOS 4 SR	407167	ENTICOS 4 SR	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Máy tạo nhịp 1 buồng với nhịp thích ứng. Thời gian hoạt động dự tính 16 năm 10 tháng tương thích MRI 1.5 T toàn thân.	Cái	Cái/ hộp	10	40.800.000	408.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
278	PP25 00386 817	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số VVIR/A AIR, tương thích MRI	2526B V-VT- 731.2	Dây dẫn tín hiệu	Solia S 53/ Solia S 60	377177/ 377179	Solia S 53/ Solia S 60	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây điện cực với vỏ silicone tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, tương thích MRI 3 T. Các điện cực có lớp phủ fractal Iridium. Kim dò tĩnh mạch tương thích với kích cỡ dây	Cái	Cái/ hộp	10	11.500.000	115.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU

279	PP25 00386 818	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số VVIR/A AIR, tương thích MRI, tự động phát hiện từ trường MRI.	2526B V-VT- 732													CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
280	PP25 00386 818	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số VVIR/A AIR, tương thích MRI, tự động phát hiện từ trường MRI.	2526B V-VT- 732.1	Thân máy tạo nhịp	SOLVIA RISE SR-T	460228	SOLVIA RISE SR-T	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Máy tạo nhịp 1 buồng với nhịp thích ứng, tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg. MRI 3 Tesla ngoài vùng ngực với mức SAR đến 2 W/Kg. Máy có chức năng phát hiện từ trường MRI. - Thời gian hoạt động dự tính 14 ± 1 năm - Với chức năng: san bằng nhịp, lưu được 12 đoạn điện tim, đo trở kháng lồng ngực để theo dõi phù phổi, wireless, theo dõi từ nhà.	Cái	Cái/ hộp	5	67.700.000	338.500.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU

281	PP2500386818	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số VVIR/AIR, tương thích MRI, tự động phát hiện từ trường MRI.	2526BV-VT-732.2	Dây dẫn tín hiệu	Solia S 53/ Solia S 60	377177/ 377179	Solia S 53/ Solia S 60	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây điện cực với vỏ silicone tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, tương thích MRI 3 T.. Các điện cực có lớp phủ fractal Iridium	Cái	Cái/ hộp	5	11.500.000	57.500.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
282	PP2500386819	Máy tạo nhịp 1 buồng	2526BV-VT-733	Máy tạo nhịp 1 buồng	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 1 buồng SPHERA SR, có đáp ứng, SureScan MRI và phụ kiện chuẩn	SPSR01	Sphera SR MRI SureScan	Singapore	Medtronic Singapore Operations PTE, Ltd	• Khả năng lưu EGM 24 giây/ 4 cơn • Tự động tạo nhịp, nhận cảm và theo dõi điện cực • Tương thích MRI 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân • Lập trình cơ bản dựa vào các điều kiện của bệnh nhân: Tình trạng buồng nhĩ, dẫn truyền nhĩ thất, suy tim, tuổi và mức độ hoạt động • Tần số hoạt động ở chế độ nam châm 85 chu kỳ/ phút • Biểu đồ ngưỡng tạo nhịp và trở kháng dây dẫn được ghi lại 14 tháng	Bộ	1 Bộ/ Hộp	5	50.000.000	250.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ

283	PP25 00386 820	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân	2526B V-VT- 734	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng, Endurity	PM1162; 2088TC; 405104	Endurity	- Thân máy chính: Malaysia ; - Dây điện cực tạo nhịp: Mỹ - Introduc er: Mỹ	Abbott Medical	Cấu hình mỗi bộ máy bao gồm: Thân máy chính: 01 máy; Dây điện cực tạo nhịp: 01 cái; Introducer: 01 cái - Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy tạo nhịp tim, 1 buồng có đáp ứng tần số. + Có thể chụp MRI toàn thân + Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. + Hệ thống tạo nhịp đáp ứng tối đa ngưỡng tạo nhịp; xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn; lập trình đơn cực hoặc lưỡng cực. + Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Tính năng kỹ thuật của dây điện cực: Tương thích MRI 1,5 Tesla; 3 Tesla. Chiều dài: 52 cm hoặc 58 cm. Dùng được với introducer 6F.	Bộ	Hộp 1 cái	5	47.500.000	237.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
284	PP25 00386 821	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 1 buồng	2526B V-VT- 735	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 1 buồng	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 1 buồng có đáp ứng G20A2 cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T và phụ kiện chuẩn	G20A2, ICQ09B58, SS7/VIK7S1	Vitatron MRI SureScan, G20 SR; Crystalline ActFix MRI SureScan Lead; Safesheath II/ Vitatron Introducer KIT	Singapor e; Mỹ; Mexico	- Medtroni c Singapor e Operatio ns Pte. Ltd. - Medtroni c Puerto Rico Operatio ns Co., Villalba - Oscan Inc., / Greatbatc h Medical, S.de R.L.de C.V	• Tạo nhịp tim, 1 buồng, đáp ứng nhịp • Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF • Thể tích máy 9.7cc, trọng lượng 21.5gram. • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T. • Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây. • Có tính năng quản lý xung tạo nhịp đầu ra: Ventricular Output Management (Quản lý biên độ xung kích thích Thất) • Tuổi thọ pin trung bình 10.4 năm	Bộ	Hộp 1 Bộ	10	39.980.000	399.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG

285	PP25 00386 822	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR, tương thích MRI.	2526B V-VT- 736													CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
286	PP25 00386 822	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR, tương thích MRI.	2526B V-VT- 736.1	Thân máy tạo nhịp	ENTICOS 4 DR	407155	ENTICOS 4 DR	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Máy tạo nhịp 02 buồng với nhịp thích ứng tương thích MRI 1.5 Tesla, thời gian hoạt động dài. - Thời gian hoạt động dự tính 12 ±1 năm. - Nhịp cơ bản đến 200n/p.	Cái	Cái/ hộp	15	71.500.000	1.072.500.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
287	PP25 00386 822	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR, tương thích MRI.	2526B V-VT- 736.2	Dây dẫn tín hiệu	Solia S 53; Solia S 60	377177, 377179	Solia S 53; Solia S 60	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây điện cực với vỏ silicone tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, tương thích MRI 3 T. Các điện cực có lớp phủ fractal Iridium giúp đạt biên độ sóng cao, và điều chỉnh biên độ xung thành công.	Cái	Cái/ hộp	30	11.500.000	345.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU

288	PP25 00386 823	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR, tương thích MRI, tự động phát hiện từ trường MRI.	2526B V-VT- 737													CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
289	PP25 00386 823	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR, tương thích MRI, tự động phát hiện từ trường MRI.	2526B V-VT- 737.1	Thân máy tạo nhịp	SOLVIA RISE DR-T	460227	SOLVIA RISE DR-T	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, tương thích MRI 1,5 và 3 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, với phát hiện tự động từ trường MRI. Với thời gian hoạt động dự tính 11 ± 1 năm với đầy đủ chức năng chẩn đoán, kể cả các đoạn điện tim 2 kênh với tiền sử 75%. Nhịp cơ bản đến 200n/p. Cài sẵn chương trình theo dõi từ nhà. Đo trở kháng lồng ngực để theo dõi phù phổi.	Cái	Cái/ hộp	5	107.000.000	535.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU

290	PP2500386823	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR, tương thích MRI, tự động phát hiện từ trường MRI.	2526BV-VT-737.2	Dây dẫn tín hiệu	Solia S 53; Solia S 60	377177, 377179	Solia S 53; Solia S 60	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây điện cực với vỏ silicone tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, tương thích MRI 3 T. Các điện cực có lớp phủ fractal Iridium.	Cái	Cái/ hộp	10	11.500.000	115.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
291	PP2500386824	Máy tạo nhịp 2 buồng	2526BV-VT-738	Máy tạo nhịp 2 buồng	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng SPHERA DR, có đáp ứng, SureScan MRI và phụ kiện chuẩn	SPDR01	Sphera DR MRI SureScan	Singapore	Medtronic Singapore Operations PTE, Ltd	- Tạo nhịp đáp ứng tần số - Tương thích MRI 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. - Liệu pháp để thúc đẩy tạo nhịp sinh lý. - Quản lý tạo nhịp nhĩ và quản lý tạo nhịp thất - Tự động tạo nhịp, nhận cảm và theo dõi điện cực - Lập trình cơ bản dựa vào các điều kiện của bệnh nhân: Tình trạng buồng nhĩ, dẫn truyền nhĩ thất, suy tim, tuổi và mức độ hoạt động - Biểu đồ ngưỡng tạo nhịp và trở kháng dây dẫn được ghi lại 14 tháng	Bộ	1 Bộ/ Hộp	10	89.000.000	890.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ

292	PP25 00386 825	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân	2526B V-VT- 739	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, Endurity	PM2162; 2088TC; 405104	Endurity	- Thân máy chính: Malaysia ; - Dây điện cực tạo nhịp: Mỹ; Malaysia - Introduc er: Mỹ	Abbott Medical	Cấu hình mỗi bộ máy bao gồm: Thân máy chính: 01 máy; Dây điện cực tạo nhịp: 2 cái; Introducer: 2 cái Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy tạo nhịp tim 2 buồng, có đáp ứng tần số + Cho phép chụp MRI toàn thân + Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay + Hệ thống tạo nhịp đáp ứng tối đa ngưỡng tạo nhịp; xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình đơn cực hoặc lưỡng cực. + Tính năng: Tự động nhận cảm, Ưu tiên dẫn truyền thất nội tại; tạo nhịp kiềm nén rung nhĩ; Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ. + Lưu điện tâm đồ trong tim lên đến 14 phút Tính năng kỹ thuật của dây điện cực: Tương thích MRI 1,5 Tesla; 3 Tesla. Chiều dài: 52 cm; 58 cm. Dùng được với introducer 6F.	Bộ	Hộp 1 cái	5	82.500.000	412.500.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
-----	----------------------	--	-----------------------	---	--------------------------------------	------------------------	----------	---	-------------------	--	----	--------------	---	------------	-------------	---

293	PP25 00386 826	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số với chức năng tự động kiểm tra ngưỡng thất cho mỗi xung tạo nhịp, tương thích MRI, 3 Tesla toàn thân	2526B V-VT- 740	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số với chức năng tự động kiểm tra ngưỡng thất cho mỗi xung tạo nhịp, tương thích MRI, 3 Tesla toàn thân	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, Zenus MRI	PM2182; 2088TC; 405104	Zenus MRI	- Thân máy chính: Malaysia ; - Dây điện cực tạo nhịp: Mỹ; Malaysia - Introduc er: Mỹ	Abbott Medical	Cấu hình mỗi bộ máy bao gồm: Thân máy chính: 01 máy; Dây điện cực tạo nhịp: 2 cái; Introducer: 2 cái Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy tạo nhịp tim, 2 buồng có đáp ứng tần số + Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5 Tesla; 3 Tesla. + Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. + Hệ thống tạo nhịp đáp ứng tối đa ngưỡng tạo nhịp; xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình đơn cực hoặc lưỡng cực. + Bộ tính năng: Tự động nhận cảm, Ưu tiên dẫn truyền thất nội tại; tạo nhịp kiểm nén rung nhĩ; Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ. + Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút Tính năng kỹ thuật của dây điện cực: Tương thích MRI 1,5 Tesla; 3 Tesla. Chiều dài: 52 cm; 58 cm. Dùng được với introducer 6F.	Bộ	Hộp 1 cái	5	95.000.000	475.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
-----	----------------------	---	-----------------------	--	---------------------------------------	------------------------	-----------	---	-------------------	---	----	--------------	---	------------	-------------	---

294	PP2500386827	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng	2526B V-VT-741	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng có đáp ứng G70A2 cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T và phụ kiện chuẩn	G70A2, ICQ09B52, ICQ09B58, SS7/VIK7S1	Vitatron MRI SureScan, G70 DR; Crystalline ActFix MRI SureScan Lead; Safesheath II/ Vitatron Introducer KIT	Singapore; Mỹ; Mexico	- Medtronic Singapore Operations Pte. Ltd. - Medtronic Puerto Rico Operations Co., Villalba - Ocor Inc., / Greatbatch Medical, S.de R.L.de C.V	• Tạo nhịp tim, 2 buồng có đáp ứng tần số • Thể tích máy 12,1cc, trọng lượng 27,1gram • Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF • Có tính năng đáp ứng với rối nhịp • Có tính năng quản lý xung tạo nhịp đầu ra kênh nhĩ và kênh thất. Cụ thể như sau: 1. Atrial Output Management (Quản lý biên độ xung kích thích Nhĩ) 2. Ventricular Output Management (Quản lý biên độ xung kích thích Thất) • Có một tính năng giảm tạo nhịp thất không cần thiết: Reduced VPTM+. • Có bốn tính năng can thiệp và điều trị nhịp nhanh nhĩ. Cụ thể như sau: 1. Mode Switch (Chuyển chế độ) 2. Atrial Preference Pacing (APP) parameters (Các tham số tạo nhịp Nhĩ tối đa (APP)) 3. Post Mode Switch Overdrive Pacing (PMOP) parameters (Tạo nhịp vượt tần số sau cơn rối loạn nhịp (PMOP)) 4. Conducted AF Response (Đáp ứng phù hợp trong rung nhĩ (giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF)) • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T. • Tuổi thọ pin trung bình 11.4 năm	Bộ	Hộp 1 Bộ	5	69.980.000	349.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG
-----	--------------	-----------------------------------	----------------	-----------------------------------	---	---------------------------------------	---	-----------------------	--	---	----	----------	---	------------	-------------	--------------------------------------

295	PP2500386828	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân	2526BV-VT-742	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng Q70A2 có đáp ứng nhịp, cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T và phụ kiện chuẩn	Q70A2, ICQ09B52, ICQ09B58, SS7/VIK7S1	Vitatron MRI SureScan, Q70 DR; Crystalline ActFix MRI SureScan Lead; Safesheath II/ Vitatron Introducer KIT	Singapore; Mỹ; Mexico	- Medtronic Singapore Operations Pte. Ltd. - Medtronic Puerto Rico Operations Co., Villalba - Ocor Inc., / Greatbatch Medical, S.de R.L.de C.V	• Tạo nhịp tim, 2 buồng có đáp ứng tần số • Thể tích máy 12,1cc, trọng lượng 27,1gram • Có tính năng ổn định nhịp thất khi có AT/AF • Có tính năng đáp ứng với rối nhịp • Có hai tính năng giảm tạo nhịp thất không cần thiết. Cụ thể như sau: 1. SVP Modes (Chế độ SVP) 2. Reduced VPTM+ (Giảm VP+) • Có năm tính năng can thiệp và điều trị nhịp nhanh nhĩ. Cụ thể như sau: 1. Mode Switch (Chuyển chế độ) 2. Atrial Preference Pacing (APP) parameters (Các tham số tạo nhịp Nhĩ tối đa (APP)) 3. Post Mode Switch Overdrive Pacing (PMOP) parameters (Tạo nhịp vượt tần số sau cơn rối loạn nhịp (PMOP)) 4. Conducted AF Response (Đáp ứng phù hợp trong rung nhĩ (giúp nhịp thất ổn định khi có AT/AF)) 5. Non-Competitive Atrial Pacing (Giới hạn tạo nhịp nhĩ để tránh gây ra rối loạn nhịp (NCAP)) • Có tính năng quản lý xung tạo nhịp đầu ra kênh nhĩ và kênh thất. Cụ thể như sau: 1. Atrial Output Management (Quản lý biên độ xung kích thích Nhĩ) 2. Ventricular Output Management (Quản lý biên độ xung kích thích Thất) • Cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T. • Tuổi thọ pin trung bình 12.1 năm	Bộ	Hộp 1 Bộ	5	98.000.000	490.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG
-----	--------------	--	---------------	--	---	---------------------------------------	---	-----------------------	---	---	----	----------	---	------------	-------------	--------------------------------------

296	PP25 00386 829	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng tần số tương thích MRI	2526B V-VT- 743	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng tần số tương thích MRI	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng tần số tương thích MRI	- Thân máy chính: L111 - Dây điện cực: 7841; 7842 - Bộ kim chọc mạch: 7460; 7461; 7462; 7463; 7464; 7465; 7466; 7467; 7468; 7469; 7470; 7471; 7472; 7473; 7474; 7475	Máy tạo nhịp tim Essentio MRI và phụ kiện-L111	- Thân máy chính: Ireland - Dây điện cực: Mỹ - Bộ kim chọc mạch: Mỹ	- Thân máy chính: Boston Scientific Limited - Dây điện cực: Guidant Puerto Rico B.V., a subsidiar y of Boston Scientific Corporati on - Bộ kim chọc mạch: Oscor Inc.	Cấu Tạo : Bộ máy chính và phụ kiện chuẩn gồm : - Thân máy chính : 01 cái - Dây điện cực : 02 cái - Bộ kim chọc mạch : 02 cái Tính năng : Máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng tần số tương thích MRI có các tính năng: - Kết nối không dây bằng sóng RF - Sử dụng 2 cảm biến để đáp ứng nhịp - Có chức năng giảm tạo nhịp thất không cần thiết	Bộ	1 bộ/hộp	5	80.000.000	400.000.000	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THÀNH CHÂU
297	PP25 00386 830	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	2526B V-VT- 744	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng	- Thân máy chính: L131 - Dây điện cực: 7841; 7842 - Bộ kim chọc mạch: 7460; 7461; 7462; 7463; 7464; 7465; 7466; 7467; 7468; 7469; 7470; 7471; 7472; 7473; 7474; 7475	Máy tạo nhịp tim Essentio MRI và phụ kiện-L131	- Thân máy chính: Ireland - Dây điện cực: Mỹ - Bộ kim chọc mạch: Mỹ	- Thân máy chính: Boston Scientific Limited - Dây điện cực: Guidant Puerto Rico B.V., a subsidiar y of Boston Scientific Corporati on - Bộ kim chọc mạch: Oscor Inc.	Cấu Tạo : Bộ máy chính và phụ kiện chuẩn gồm : - Thân máy chính : 01 cái - Dây điện cực : 02 cái - Bộ kim chọc mạch : 02 cái Tính năng : Máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng tần số tương thích MRI có các tính năng: - Kết nối không dây bằng sóng RF - Sử dụng 2 cảm biến để đáp ứng nhịp - Có chức năng giảm tạo nhịp thất không cần thiết - Dung lượng pin 16.7 năm	Bộ	1 bộ/hộp	5	115.000.000	575.000.000	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THÀNH CHÂU

298	PP25 00386 831	Máy tạo nhịp 3 buồng tái đồng bộ cơ tim	2526B V-VT- 745	Máy tạo nhịp 3 buồng tái đồng bộ cơ tim	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn có chức năng tái đồng bộ tim 3 buồng SOLARA QUAD CRT-P, SureScan MRI và phụ kiện chuẩn	W4TR06	Solara Quad CRT-P MRI SureScan	Thụy Sĩ	Medtronic Europe Sarl	• Báo cáo báo gồm các đồ thị theo dõi trạng thái trở kháng lồng ngực liên quan tới suy tim trong vòng 14 tháng • Kết nối không dây Bluetooth • Điện cực thất trái bốn cực cố định chủ động dạng xoắn vào thành mạch • Dữ liệu về hoạt động của tim được ghi lại 14 tháng • Cho phép lập trình 16 vector tạo nhịp thất trái • Tương thích MRI 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Đáp ứng nhận cảm thất • Đáp ứng dẫn truyền AF	Bộ	1 Bộ/ Hộp	1	255.000.000	255.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
299	PP25 00386 832	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ	2526B V-VT- 746	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ	Bộ máy tạo nhịp 3 buồng tái đồng bộ cơ tim trong điều trị suy tim, Quadra Allure	PM3542; 1458Q; 2088TC; 405149; 405104	Quadra Allure	- Thân máy chính: Malaysia ; - Dây điện cực tạo nhịp cho thất trái: Mỹ; Malaysia - Dây điện cực tạo nhịp: Mỹ; Malaysia - Introduc er: Mỹ	Abbott Medical	Cấu hình mỗi bộ máy bao gồm: Thân máy chính: 01 cái; Dây điện cực tạo nhịp cho thất trái: 01 cái; Dây điện cực tạo nhịp: 02 cái; Introducer: 03 cái Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim, 3 buồng + Tương thích chụp cộng hưởng từ MRI toàn thân. + Tương thích dây điện cực thất trái bốn điện cực, tạo thành 14 vector tạo nhịp + Tự động điều chỉnh khoảng nhĩ thất thay đổi dựa trên dẫn truyền nội tại của bệnh nhân để khuyến khích tạo nhịp hai thất phù hợp với từng bệnh nhân. + Theo dõi điện trở lồng ngực giúp phát hiện phù phổi + Tính năng tạo nhịp kiểm chế rung nhĩ, giảm rung nhĩ cơn và rung nhĩ kéo dài. + Lưu điện tâm đồ trong tim lên đến 14 phút + Báo cáo tóm tắt biểu đồ xu hướng cho 3 tháng hàng ngày; cho 1 năm hàng tuần; hoặc cho 1 năm hàng ngày + Tuổi thọ máy 8,2 năm Tính năng kỹ thuật của dây điện cực tạo nhịp cho thất trái: 4 điện cực, tương thích MRI. Tính năng kỹ thuật của dây điện cực tạo nhịp: Tương thích MRI 1,5 Tesla; 3 Tesla. Chiều dài: 52; 58 cm. Dùng được với introducer 6F	Bộ	Hộp 1 cái	1	219.000.000	219.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

300	PP25 00386 833	Bộ máy tạo nhịp phá rung	2526B V-VT- 747													CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
301	PP25 00386 833	Bộ máy tạo nhịp phá rung	2526B V-VT- 747.1	Thân máy tạo nhịp và phá rung	RIVACOR 3 VR-T	429574	RIVACOR 3 VR-T	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Máy tạo nhịp phá rung 1 buồng - Tương thích MRI 1,5 Tesla và 3 Tesla toàn thân đến mức SAR 2 W/Kg bất kể nhu cầu tạo nhịp của bệnh nhân. Phát hiện từ trường MRI tự động. - Có thể phát 8 sốc 40J trong cả 3 vùng điều trị. - Kết nối không dây - Pin có thời gian hoạt động dự tính 15 ± 1 năm với ghi lại 2 kênh điện tim với tiền sử. - Máy có thể phát 8 sốc 40 Joules trong cả 3 vùng điều trị (VT1, VT2, VF). - Máy có chương trình phân biệt VT/SVT hữu hiệu. - Có thể ghi lại đến 56 phút 2 kênh điện tim với tiền sử.	Cái	Cái/ hộp	1	255.000.000	255.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
302	PP25 00386 833	Bộ máy tạo nhịp phá rung	2526B V-VT- 747.2	Dây dẫn tín hiệu	Plexa ProMRI S 65	402266	Plexa ProMRI S 65	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây điện cực shock đạt tương thích MRI 1,5 và 3 Tesla toàn thân đến 2 W/Kg.	Cái	Cái/ hộp	1	50.000.000	50.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU

303	PP25 00386 834	Máy tạo nhịp có phá rung cây vào cơ thể	2526B V-VT- 748	Máy tạo nhịp có phá rung cây vào cơ thể	Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn có chức năng phá rung, 1 buồng MIRRO MRI VR SureScan và phụ kiện chuẩn, chuẩn kết nối DF-4/ Bộ Máy tạo nhịp vĩnh viễn có chức năng phá rung, 1 buồng MIRRO MRI VR SureScan và phụ kiện chuẩn, chuẩn kết nối DF-1	DVME3D4; DVME3D1	MIRRO MRI VR SURESCAN	Thụy Sĩ	Medtronic Europe Sarl	• Thời gian sạc trung bình khi bắt đầu đời sống máy 8.4 giây • Cho phép cài đặt vùng phân biệt nhịp nhanh trên thất trong vùng phát hiện rung thất 240ms • Điều trị nhịp nhanh thất ATP trước và trong khi sạc tự • Tương thích MRI 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân • Dữ liệu về hoạt động của tim được ghi lại 14 tháng • Dữ liệu về trở kháng dây và biên độ sóng R được ghi lại 80 tuần • Lập trình cơ bản dựa vào các điều kiện của bệnh nhân: Tình trạng buồng nhĩ, dẫn truyền nhĩ thất, suy tim, tuổi và mức độ hoạt động	Bộ	1 Bộ/ Hộp	1	220.000.000	220.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
304	PP25 00386 835	Bộ máy phá rung tương thích MRI.	2526B V-VT- 749	Bộ máy phá rung tương thích MRI.	Bộ máy phá rung tim tự động đặt trong cơ thể, Fortify Assura VR	CD1359-40QC; 7120Q/7122Q; 405154	Fortify Assura VR	- Thân máy chính: Malaysia ; - Dây điện cực sốc: Mỹ; - Introduc er: Mỹ	Abbott Medical	Cấu hình mỗi bộ bao gồm: Thân máy chính: 01 cái , Dây điện cực sốc: 01 cái, Introducer: 01 cái Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy phá rung tim 1 buồng + Có thể chụp MRI toàn thân cường độ từ trường 1,5 Tesla. + Phát hiện quá dòng: tự động thay đổi cấu hình shock điện để bảo đảm vẫn cung cấp điều trị điện thế cao khi phát hiện quá dòng. + Tạo nhịp cắt cơn trong lúc sạc và trước khi sạc để cắt cơn loạn nhịp mà không cần sốc điện. + Có các chức năng: Lập trình cung cấp thêm vector sốc RV-SVC dự phòng trường hợp dây điện cực sốc bị lỗi; Chức năng giúp giảm sốc nhầm; Chức năng giúp giảm nhận cảm nhầm sóng T; Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực giúp phát hiện phù phổi + Tính năng giúp phân biệt VT và SVT (Nhịp nhanh thất và nhịp nhanh trên thất) + Chức năng tạo nhịp cắt cơn nhịp nhanh ATP trước khi sạc và trong khi sạc tự ở vùng VF + Có khả năng theo dõi ST chênh cho phép liên tục hiểu thấu các sự kiện chênh đoạn ST rõ rệt, có liên quan đến các cơn loạn nhịp thất. + Bảo động cho bệnh nhân bằng cách rung + Thời gian lưu trữ điện đồ lên đến 45 phút + Năng lượng phát sốc 40J. Năng lượng dự trữ: 45J Tính năng kỹ thuật của dây điện cực sốc: Chiều dài: 58 hoặc 65 cm, Đường kính thân: 6,8F; sử dụng cùng introducer 7F.	Bộ	Hộp 1 cái	1	230.000.000	230.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC

305	PP25 00386 836	Bộ máy phá rung ICD 1 buồng, tương thích MRI toàn thân, có chức năng theo dõi đoạn ST chênh lên	2526B V-VT- 750	Bộ máy phá rung ICD 1 buồng, tương thích MRI toàn thân, có chức năng theo dõi đoạn ST chênh lên	Ellipse VR	CD1377-36QC; 7120Q/7122Q; 405154	Ellipse VR	Mỹ	Abbott Medical	Cấu hình mỗi bộ bao gồm: Thân máy chính: 01 cái, Dây điện cực sốc: 01 cái, Introducer: 01 cái Tính năng kỹ thuật của máy chính: Máy phá rung tim 1 buồng + Có thể chụp MRI toàn thân cường độ từ trường 1,5 Tesla. + Tự động thay đổi cấu hình shock điện để bảo đảm vẫn cung cấp điều trị điện thế cao khi phát hiện quá dòng. + Có các chức năng: Lập trình cung cấp thêm vector sốc RV-SVC dự phòng trường hợp dây điện cực sốc bị lỗi; Chức năng giúp giảm sốc nhầm; Chức năng giúp giảm nhấn cảm nhảm sóng T; Chức năng theo dõi điện trở lồng ngực giúp phát hiện phù phổi + Tính năng giúp phân biệt VT và SVT (Nhịp nhanh thất và nhịp nhanh trên thất) + Chức năng tạo nhịp cắt cơn nhịp nhanh ATP trước khi sạc và trong khi sạc tụ ở vùng VF + Có khả năng theo dõi ST chênh cho phép liên tục hiểu thấu các sự kiện chênh đoạn ST rõ rệt, có liên quan đến các cơn loạn nhịp thất. + Công nghệ cung cấp các lựa chọn tối ưu không xâm lấn để điều trị ngưỡng shock DFT cao. + Năng lượng phát sốc 36J. Năng lượng dự trữ: 39J. Tính năng kỹ thuật của dây điện cực sốc: Chiều dài: 58 hoặc 65 cm, Đường kính thân: 6,8F, sử dụng cùng introducer 7F.	Bộ	Hộp 1 cái	1	279.000.000	279.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ DMEC
-----	----------------------	---	-----------------------	--	------------	-------------------------------------	------------	----	-------------------	---	----	--------------	---	-------------	-------------	---

306	PP25 00386 837	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR với tạo nhịp sinh lý, có tính năng đặc biệt năng cao, tương thích MRI, hoặc tương đương.	2526B V-VT- 751													CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
307	PP25 00386 837	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR với tạo nhịp sinh lý, có tính năng đặc biệt năng cao, tương thích MRI, hoặc tương đương.	2526B V-VT- 751.1	Thân máy tạo nhịp	AMVIA SKY DR-T	460160	AMVIA SKY DR-T	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Máy tạo nhịp 02 buồng với nhịp sinh lý Tương thích MRI 1,5 và 3 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, với phát hiện tự động từ trường MRI. - Có kết nối không dây, có thể theo dõi từ nhà, đo trở kháng lồng ngực. - Có chức năng phát hiện và tạo nhịp tự động điều trị nhịp nhanh nhĩ. - Thời gian nhĩ thất từ 15 ms thích hợp tạo nhịp đường dẫn truyền. - Lưu được tối thiểu 25 kênh điện tim với thời gian 16s giúp chẩn đoán rối loạn nhịp. - Có tính năng gửi dữ liệu rối loạn nhịp tức về máy chủ khi bệnh nhân tham gia chương trình theo dõi từ nhà. - Thời gian hoạt động tối thiểu 14 năm với ghi lại 2 kênh điện tim với tiền sử. - Nhịp cơ bản đến 200 n/p.	Cái	Cái/ hộp	2	147.000.000	294.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU

308	PP25 00386 837	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số DDDR với tạo nhịp sinh lý, có tính năng đặc biệt năng cao, tương thích MRI, hoặc tương dương.	2526B V-VT- 751.2	Dây dẫn tín hiệu	Solia S 53; Solia S 60	377177, 377179,	Solia S 53; Solia S 60	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây điện cực với vỏ silicone tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, tương thích MRI 3 T. Các điện cực có lớp phủ fractal Iridium.	Cái	Cái/ hộp	4	11.500.000	46.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU
-----	----------------------	--	-------------------------	---------------------	------------------------	-----------------	------------------------	-----	-----------------------------	---	-----	----------	---	------------	------------	---

309	PP25 00386 838	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, tương thích MRI, phát hiện MRI tự động, có kết nối không dây, có chức năng theo dõi từ xa, có 20 véc-tơ tạo nhịp thắt trái.	2526B V-VT- 752													CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
-----	----------------------	--	-----------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

310	PP25 00386 838	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, tương thích MRI, phát hiện MRI tự động, có kết nối không dây, có chức năng theo dõi từ xa, có 20 véc-tơ tạo nhịp thắt trái.	2526B V-VT- 752.1	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng,	Amvia Sky HF-T QP	460158	Amvia Sky HF-T QP	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Máy tạo tái đồng bộ tim 3 buồng tương thích MRI 1.5 Tesla và 3 Tesla toàn thân, phát hiện tự động từ trường MRI. - Kích thước độ dày 6,5 mm, thể tích 15 cc, trọng lượng 31,2g - Có kết nối không dây, có chức năng theo dõi tại nhà. - Có nhịp sinh lý CLS - Có thể chọn từ 20 véc-tơ tạo nhịp thắt trái. - Thời gian hoạt động tối thiểu 12 năm 1 tháng	Cái	Cái/ hộp	1	218.000.000	218.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
-----	----------------------	--	-------------------------	---	-------------------	--------	-------------------	-----	-----------------------------	---	-----	----------	---	-------------	-------------	---

311	PP25 00386 838	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, tương thích MRI, phát hiện MRI tự động, có kết nối không dây, có chức năng theo dõi từ xa, có 20 véc-tơ tạo nhịp thất trái.	2526B V-VT- 752.2	Dây điện cực tạo nhịp	Solia S 53/ Solia S 60	377177, 377179	Solia S 53/ Solia S 60	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây điện cực có lớp phủ fractal Iridium	Cái	Cái/ hộp	2	11.500.000	23.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
-----	----------------------	--	-------------------------	-----------------------------	------------------------	----------------	------------------------	-----	-----------------------------	--	-----	----------	---	------------	------------	---

312	PP25 00386 838	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, tương thích MRI, phát hiện MRI tự động, có kết nối không dây, có chức năng theo dõi từ xa, có 20 véc-tơ tạo nhịp thắt trái.	2526B V-VT- 752.3	Dây dẫn tín hiệu thắt trái	Sentus ProMRI OTW QP L-85, Sentus Sentus ProMRI OTW QP S-85, Sentus ProMRI OTW QP S- 85/49	401183, 406082, 401180,	Sentus ProMRI OTW QP L-85, Sentus Sentus ProMRI OTW QP S-85, Sentus ProMRI OTW QP S- 85/49	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây điện cực với vỏ silicone tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg - Dây thắt trái với thiết kế coradial dùng các sợi DFT với lõi bạc (Ag), isodiametric 4,8F. - Lớp phủ sinh hợp fractal Iridium	Cái	Cái/ hộp	1	15.000.000	15.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
-----	----------------------	--	-------------------------	----------------------------------	---	-------------------------	---	-----	-----------------------------	--	-----	----------	---	------------	------------	---

313	PP25 00386 838	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, tương thích MRI, phát hiện MRI tự động, có kết nối không dây, có chức năng theo dõi từ xa, có 20 véc-tơ tạo nhịp thất trái.	2526B V-VT- 752.4	Dụng cụ đưa dây dẫn vào xoang vành	Selectra	375537, 375523, 375531, 375533, 375535, 375519, 375529, 375527	Selectra	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Bộ ống thông để đưa điện cực vào xoang vành có phủ ái nước hydrophilic. Đường kính trong 7,3F; đường kính ngoài 8,7F chiều dài 45cm, 59cm, 65cm	Cái	Cái/ hộp	1	6.500.000	6.500.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
314	PP25 00386 839	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ có phá rụng tim CRT- D.Tươn g thích MRI 1.5T và 3 T toàn thân.	2526B V-VT- 753													CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU

315	PP25 00386 839	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ có phá rung tim CRT- D.Tươn g thích MRI 1.5T và 3 T toàn thân.	2526B V-VT- 753.1	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng,	Rivacor 3 HF-T QP	429571	Rivacor 3 HF-T QP	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Máy tạo nhịp tái đồng bộ có phá rung tim dùng dây thất trái 4 cực. Tương thích MRI 1,5 Tesla và 3 Tesla toàn thân đến mức SAR 2 W/Kg. - Thời gian hoạt động tối đa 7 năm với ghi lại 3 kênh điện tim với tiền sử, thời gian bảo hành tối thiểu 5 năm. - Hình dạng: có nhiều đường cong dễ dàng đút vào túi máy. - Máy có thể phát 8 sốc 40 Joules trong cả 3 vùng điều trị (VT1, VT2, VF). - Có kết nối không dây, có thể theo dõi từ nhà, đo trở kháng lồng ngực. - Máy có chương trình phân biệt VT/SVT hữu hiệu dùng các khoảng thời gian ở nhĩ và thất. - Có thể chọn từ 20 véc-tơ tạo nhịp thất trái.	Cái	Cái/ hộp	1	417.000.000	417.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
316	PP25 00386 839	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ có phá rung tim CRT- D.Tươn g thích MRI 1.5T và 3 T toàn thân.	2526B V-VT- 753.2	Dây điện cực tạo nhịp	Solia S 53	377177	Solia S 53	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây dẫn tương thích MRI toàn thân 1.5 và 3 Tesla. Có lớp phủ fractal Iridium .	Cái	Cái/ hộp	1	11.500.000	11.500.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU

317	PP25 00386 839	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ có phá rung tim CRT- D.Tươn g thích MRI 1.5T và 3 T toàn thân.	2526B V-VT- 753.3	Dây điện cực tạo nhịp	Plexa ProMRI S65	402266	Plexa ProMRI S65	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Tương thích MRI 1,5 và 3 Tesla toàn thân dùng kim dò 8F	Cái	Cái/ hộp	1	50.000.000	50.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU
318	PP25 00386 839	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ có phá rung tim CRT- D.Tươn g thích MRI 1.5T và 3 T toàn thân.	2526B V-VT- 753.4	Dây dẫn tín hiệu thắt trái	Sentus ProMRI OTW QP L-85, Sentus Sentus ProMRI OTW QP S-85, Sentus ProMRI OTW QP S- 85/49	401183, 406082, 401180	Sentus ProMRI OTW QP L-85, Sentus Sentus ProMRI OTW QP S-85, Sentus ProMRI OTW QP S- 85/49	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Dây điện cực với vỏ silicone tương thích MRI 1,5 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg - Dây thắt trái với thiết kế coradial dùng các sợi DFT với lõi bạc (Ag), isodiametric 4,8F. - Lốp phủ sinh hợp fractal Iridium	Cái	Cái/ hộp	1	15.000.000	15.000.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THU

319	PP25 00386 839	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ có phá rung tim CRT- D.Tươn g thích MRI 1.5T và 3 T toàn thân.	2526B V-VT- 753.5	Dụng cụ đưa dây dẫn vào xoang vành	Selectra	375537, 375523, 375531, 375533, 375535, 375519, 375529, 375527	Selectra	Đức	Biotronik SE & Co. KG	Bộ ống thông để đưa điện cực vào xoang vành có phủ ái nước hydrophilic. Đường kính trong 7,3F; đường kính ngoài 8,7F chiều dài 45cm, 59cm, 65cm	Cái	Cái/ hộp	1	6.500.000	6.500.000	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRANG THIỆT BỊ Y TẾ TÂM THU
320	PP25 00386 840	Dây điện cực tạo nhịp	2526B V-VT- 1104	Dây điện cực tạo nhịp	Dây điện cực tạo nhịp HIS SelectSecure	383069	SelectSecure MRI SureScan 3830 - 69 cm	Mỹ	Medtroni c Puerto Rico Operatio ns Co., Villalba	Điện cực tạo nhịp bó His có điện cực xoắn cố định. Kích thước dây nhỏ 4.1F, cho phép chụp cộng hưởng từ toàn thân 1.5 và 3T	Bộ	1 Bộ/ Hộp	5	27.000.000	135.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ
321	PP25 00386 841	Vật liệu nút mạch tạm thời	2526B V-VT- 754	Vật liệu nút mạch tạm thời	Hạt nút mạch EGgel S Plus	1317100 1317101 1317102 1317103 1317104 1317105 1317106 1317107	EGgel S Plus	Hàn Quốc	Engain Co., Ltd	Vật liệu nút mạch tạm thời có nguồn gốc từ gelatin - Có kích thước hạt: 50-4000µm. - Khả năng dung nạp mạnh với dầu ethiodized - Giúp thúc đẩy sự hình thành huyết khối bằng cơ chế ngăn chặn hoặc làm chậm dòng máu. - Thể tích ≥ 20ml, chứa khoảng 100mg vật liệu nút mạch, dạng ống tiêm vô trùng sẵn sàng sử dụng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS Hàn Quốc	Lọ	Hộp/10 lọ	30	2.520.000	75.600.000	Công Ty TNHH Alexia

322	PP25 00386 842	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan các loại, các cỡ	2526B V-VT- 755	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan các loại, các cỡ	Hạt Nút Mạch DC Bead M1™/DC Bead™ Embolic Drug-Eluting Bead	DC2V001 DC2V103 DC2V305	DC Bead M1™/DC Bead™ Embolic Drug-Eluting Bead	Ireland	Boston Scientific Limited	Vật liệu nút mạch có chức năng tải thuốc điều trị ung thư gan - Thành phần: Hydrogel (hoặc tương đương) - Hạt vi cầu tắc mạch tái hóa chất PVA (Polyvinylalcohol), kích thước các cỡ: 70-150 µm, 100-300 µm, 300- 500µm - Thời gian tải thuốc trong khoảng 30- 90 phút tùy kích thước hạt khi tải với Doxorubicin 25mg/ml đảm bảo tải ≥ 98% lượng thuốc tương ứng. - Hạt sau khi tải doxorubicin bảo quản trong nhiệt độ 2-8 độ C có thể giữ được 14 ngày hoặc 7 ngày nếu đã trộn cân quang. - Hạn sử dụng 4 năm kể từ ngày sản xuất - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, CFS	Lọ	Hộp/ 1 lọ	100	31.200.000	3.120.000.000	Công Ty TNHH Alexia
323	PP25 00386 843	Vật liệu nút mạch hình cầu	2526B V-VT- 756	Vật liệu nút mạch hình cầu	Vật liệu nút mạch Embosphere® Microspheres- 2ml	S020GH; S120GH; S220GH; S420GH; S620GH; S820GH; S1020GH	Embosphere Microspheres	Pháp	Biospher e Medical S.A.	Vật liệu nút mạch pha sẵn dung tích hạt 2ml - Chất liệu Acrylic polymer + gelatin. - Được chỉ định trong nút các mạch máu, điều trị hoặc tiền phẫu thuật, trong các quy trình sau đây: * Nút các khối u tăng sinh mạch máu, bao gồm u xơ tử cung, viêm màng não. * Nút động mạch tuyến tiền liệt để giảm các triệu chứng liên quan đến tăng sinh tuyến tiền liệt * Nút các dị dạng động tĩnh mạch. * Nút cầm máu. Vật liệu có thể nén tạm thời đến 33%. Kích cỡ: 50-100µm; 40-120µm; 100- 300µm; 300-500µm; 500-700µm; 700- 900µm; 900-1200µm	Lọ	1 lọ / hộp	25	5.306.000	132.650.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH

324	PP25 00386 844	Hạt nhựa nút mạch các cỡ	2526B V-VT- 757	Hạt nhựa nút mạch các cỡ	Vật liệu nút mạch Embozene	12020-S1; 14020-S1; 15020-S1; 17020-S1; 19020-S1	Embozene Color-advanced Micropheres	Mỹ	Varian Medical Systems, Inc	- Hạt vi cầu hydrogel, phủ polyme perfluoro vô cơ (Polyzene™-F), không tan trong dung môi. - Kích thước hạt: 250 µm – 900 µm, được mã hóa màu theo kích thước. - Đóng gói 2ml - Tiêu chuẩn: ISO13485/EC/CFS Châu Âu - Xuất xứ: G7	Lọ	01 lọ/hộp	50	5.500.000	275.000.000	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ AN PHA
325	PP25 00386 845	Hạt vi cầu nút mạch không tái thuốc	2526B V-VT- 758	Hạt vi cầu nút mạch không tái thuốc	Hạt nút mạch Embosoft	1107xx; 1282xx	Embosoft	Brazil	Scitech Produtos Medicos	- Hạt dạng hình cầu - Chất liệu Polyvinyl Alcohol PVA+ gelatine - Kích thước hạt không hiệu chuẩn, độ đàn hồi cao, khả năng nén tốt mà không bị vỡ vụn, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, cân quang rất tốt - Sử dụng cho thuyên tắc của u xơ tử cung có triệu chứng và một số các bệnh lý dị dạng mạch máu, tăng sinh mạch máu nuôi khối u (u xơ tiền liệt tuyến). - Đường kính hạt từ 100µm đến 1100µm. - Thể tích 2mL hạt	Lọ	1l/ hộp	30	5.330.000	159.900.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIỆT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG
326	PP25 00386 846	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan và phổi	2526B V-VT- 759	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan và phổi	Tên thương mại: Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan/ Ký mã hiệu: EmboCept S DSM 50 µm	EmboCept S DSM 50 µm	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan	Thụy Điển	Magle Chemos wed AB	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan và phổi -Chất liệu: Amilomer, DSM (Degradable Starch Microsphere) 35/50, tự phân hủy bởi enzyme alpha- amylases - Kích thước hạt: 95% có đường kính 20-90 µm. Đường kính trung bình: 50±7 µm - Khối lượng 450mg/7.5ml - Có khả năng trộn với nhiều loại thuốc hóa trị khác nhau như Doxorubicin, Irinotecan, 5-FU...	Lọ	1 Lọ/ hộp	10	34.500.000	345.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP PHÁT TRIỂN SỨC KHỎE

327	PP25 00386 847	Hạt nhựa tải thuốc điều trị ung thư gan	2526B V-VT- 761	Hạt nhựa tải thuốc điều trị ung thư gan	Vật liệu nút mạch Tandem	10420-TS0; 10720-TS0; 11020-TS0	Embozene Tandem Microspheres	Mỹ	Varian Medical Systems, Inc	- Là hạt vi cầu hydrogel, phủ polyme perfluoro vô cơ (Polyzene™-F), không tan trong dung môi. - Mang thuốc doxorubicin và irinotecan lên đến 50mg/ 1ml hạt. - Thời gian hấp thụ nhanh, tối đa 60 phút. - Kích thước hạt: 40,75,100 µm. - Đóng gói: ống 2ml. - Tiêu chuẩn: ISO13485/EC/CFS Châu Âu - Xuất xứ: G7	Lọ	01 lọ/hộp	70	31.200.000	2.184.000.000	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ AN PHA
328	PP25 00386 848	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan. Kích cỡ hạt khô từ 20 - 200µm	2526B V-VT- 762	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan. Kích cỡ hạt khô từ 20 - 200µm	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan Hepasphere™ Microspheres	V125HS; V225HS; V325HS; V525HS; V725HS	Hepasphere Microspheres	Pháp	Biospher e Medical S.A.	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan. - Chất liệu Poly (Sodium acrylate vinyl alcohol) copolymer - Được chỉ định để sử dụng trong nút mạch máu kết hợp hoặc không kết hợp doxorubicin HCl cho các mục đích điều trị hoặc tiền phẫu thuật theo các quy trình: Ung thư biểu mô tế bào gan; Ung thư Di căn vào gan. Vật liệu kết hợp với irinotecan được sử dụng dùng trong nút mạch ung thư trực tràng (mCRC) di căn vào gan. - Kích cỡ hạt khô: 20-40µm; 30- 60µm; 50-100µm; 100-150µm; 150- 200µm, khối lượng 25mg, kích thước hạt sau khi ngâm thuốc tăng gấp 4 lần so với kích thước hạt khi còn khô	lọ	1 lọ / hộp	50	30.888.000	1.544.400.000	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÀ THÀNH
329	PP25 00386 849	Hạt vi cầu nút (tắc) mạch chọn lọc	2526B V-VT- 763	Hạt vi cầu nút (tắc) mạch chọn lọc	Hạt vi cầu nút (tắc) mạch chọn lọc- Callispheres	B207S007, B207S103, B207S305, B207S507, B207S709, B207S912	Trung Quốc	Trung Quốc	Suzhou Hengrui Callisyn Biomedic al Co.Ltd	Hạt vi cầu Polyvinyl Alcohol (PVA), có khả năng tải thuốc hóa chất điều trị ung thư gan (Doxorubicin , Irinotecan ...), tương thích sinh học, chịu nén tốt, Kích thước hạt đồng nhất, kích thước từ 70 -1200µm.	Lọ	Hộp 1 lọ	90	30.600.000	2.754.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH ĐƯỢC VIỆT NAM

330	PP25 00386 850	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent	2526B V-VT- 764	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Gladius; Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Halberd; Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Gaia PV; Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên Astatato 30; Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên Astatato XS 40; Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên Treasure 12; Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên Treasure Floppy	PPW18R100S; PPW18R200S; PPW18R300S; PHW14R101S; PHW14R201S; PHW14R301S; PHW14R101P; PHW14R201P; PHW14R301P; PHW18R101S; PHW18R201S; PHW18R301S; PHW18R101P; PHW18R201P; PHW18R301P; PHW18R102S; PHW18R202S; PHW18R302S; PHW18R102P; PHW18R202P; PHW18R302P; PAGHW143094; PAGHW143394; PAGH18M071; PAGH18M371; PAGH18M072; PAGH18M372; PAGH18M070; PAGH18M370	ASAHI Gladius; ASAHI Halberd; ASAHI Gaia PV; Astatato 30; Astatato XS 40; Treasure 12; Treasure Floppy	Thái Lan	Asahi Intecc (Thailand) Co., Ltd.	- Cấu trúc đơn lõi xuyên suốt từ đầu gần đến đầu xa. - Công nghệ nhiều loại lớp phủ khác nhau: hydrophilic, polymer (hoặc tương đương) - Chiều dài: 180cm, 190cm, 200cm, 235cm, 300 cm. - Đầu tip dạng thẳng, dạng uốn sẵn - Khả năng tải đầu tip 4.0gf, 7.5gf, 12.0gf, 30.0gf, 40.0gf. - Đường kính 0.014 inch, 0.018 inch	Cái	1 Cái/ Gói	20	5.500.000	110.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐÚC TÍN
331	PP25 00386 851	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thIỆP tồn thương mạch ngoại biên	2526B V-VT- 765	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thIỆP tồn thương mạch ngoại biên	Dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Gladius MG14 PV; Dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Gladius MG14 PV ES; Dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Gladius MG18 PV ES; Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên ASAHI Gladius; Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên Regalia XS 1.0	PPW14R100S; PPW14R200S; PPW14R300S; PPW14R100P; PPW14R200P; PPW14R300P; PAGP140300; PP14R003P; PP14R203P; PP14R303P; PP14R004P; PP14R204P; PP14R304P; PP18R004P; PP18R204P; PP18R304P	ASAHI Gladius MG14 PV; ASAHI Gladius MG14 PV ES; ASAHI Gladius MG18 PV ES; ASAHI Gladius; Regalia XS 1.0	Thái Lan	Asahi Intecc (Thailand) Co., Ltd.	- Cấu trúc đơn lõi xuyên suốt từ đầu gần đến đầu xa. - Phủ hydrophilic trên nền polymer (hoặc tương đương) - Lớp phủ hydrophilic dài từ 10cm, 41cm, 22cm, 50cm - Chiều dài dây: 190cm, 200cm, 235cm, 300 cm. - Đầu tip dạng thẳng, dạng uốn sẵn - Khả năng tải đầu tip 1.0gf, 3.0 gf. - Chiều dài cuộn lò xo: 3.0cm, 4.5cm, 8.5cm, 11cm, 12 cm - Đường kính 0.014 inch; 0.018 inch	Cái	1 Cái/ Gói	20	5.500.000	110.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐÚC TÍN

332	PP25 00386 852	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệt tổn thương tắc mãn tính động mạch vành	2526B V-VT- 766	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệt tổn thương tắc mãn tính động mạch vành	Fielder XT; Fielder XT- A; Fielder XT-R; ASAHI Gaia First; ASAHI Gaia Second; ASAHI Gaia Third; Conquest Pro; Conquest Pro 12; Conquest Pro 8-20; ASAHI SION Black; ASAHI RG3; ASAHI SUOH 0	APW14R010S; APW14R010J; APW14R009S; APW14R005S; AHW14R007P; AHW14R008P; AHW14R011P; AHW14R013P; AHW14R013S; AGP140002; AGH143090; AGH143091; AGH143092; AHW10S302S	Fielder XT; Fielder XT- A; Fielder XT- R; ASAHI Gaia First; ASAHI Gaia Second; ASAHI Gaia Third; Conquest Pro; Conquest Pro 12; Conquest Pro 8-20; ASAHI SION Black; ASAHI RG3; ASAHI SUOH 03	Việt Nam	CÔNG TY TNHH ASAHI INTECC HÀ NỘI	- Cấu trúc đơn lõi dẫn xuyên suốt từ đầu gần đến đầu xa. - Công nghệ nhiều loại lớp phủ khác nhau: hydrophilic, polymer - Độ cân quang đầu tip dài 3cm, 15cm, 16cm, 17cm, 20 cm - Chiều dài 180cm, 190cm, 330cm. - Đầu tip dạng thẳng, đầu J, dạng uốn sẵn - Khả năng tải đầu tip 0.3gf, 0.6gf, 0.8gf, 1.0gf, 1.7gf, 3.0gf, 3.5gf, 4.5gf, 9.0gf, 12.0gf, 20 gf - Đường kính đầu tip: 0.008 inch, 0.009 inch, 0.010 inch, 0.011 inch, 0.012 inch, 0.014 inch	Cái	1 Cái/ Gói	10	5.500.000	55.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
333	PP25 00386 853	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệt tổn thương tắc mãn tính động mạch vành phù hydroph ilic trên nền polymer	2526B V-VT- 767	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệt tổn thương tắc mãn tính động mạch vành phù hydrophili c trên nền polymer	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch Fielder XT; Vi dây dẫn can thiệp tim mạch Fielder XT- A; Vi dây dẫn can thiệt tim mạch Fielder XT-R; Vi dây dẫn can thiệp tim mạch ASAHI SION black; Dây dẫn can thiệt tim mạch ASAHI Gladius EX14; Dây dẫn can thiệt tim mạch ASAHI Gladius MG14; Dây dẫn can thiệt tim mạch ASAHI Gladius MG14 ES	AP14R025S; AP14R325S; AP14R025P; AP14R325P; AP14R023S; AP14R023P; AP14R024S; AP14R024P; AGP140002; APW14R009S; APW14R005S; APW14R010S; APW14R010J	Fielder XT; Fielder XT- A; Fielder XT- R; ASAHI SION Black; ASAHI Gladius MG14; ASAHI Gladius MG14 ES; ASAHI Gladius EX14	Thái Lan	Asahi Intecc (Thailand) Co., Ltd.	- Cấu trúc đơn lõi dẫn xuyên suốt từ đầu gần đến đầu xa - Phủ hydrophilic trên nền polymer. - Lớp phủ hydrophilic dài 10cm, 16cm, 17cm, 40cm, 41cm, 50 cm - Chiều dài 190cm, 200cm, 300 cm. - Đầu tip dạng thẳng, đầu J, dạng uốn sẵn (Pre-shape) - Khả năng tải đầu tip 0.6gf, 0.8gf, 1.0gf, 3.0gf. - Chiều dài cuộn lò xo: 3.0cm, 8.5cm, 11.0cm, 12.0cm, 16.0cm - Đường kính 0.009 inch, 0.010 inch, 0.014 inch	Cái	1 Cái/ Gói	20	5.500.000	110.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN

334	PP25 00386 854	Vì dây dẫn đường cho bóng và Stent	2526B V-VT- 768	Vì dây dẫn đường cho bóng và Stent	Vì dây dẫn đường cho bóng và Stent	TW-AS418FA/ TW-AS418XA/ TW- DS418FH/ TW-DS418IA	Runthrough NS	Nhật Bản	Ashitaka Factory of Terumo Corporati on	Vật liệu: + Phần lõi: đoạn gần bằng thép không rỉ, đoạn xa Nickel - Titanium + Lớp cuộn: Platinum và thép không rỉ Lớp phủ ngoài: - Đoạn xa có lớp cuộn: Lớp phủ ái nước - Cho đoạn gần: phủ PTFE và Silicone Đầu gần được đánh dấu - Kích thước: 0.014" x 180cm	Cái	1 cái / hộp	500	2.380.000	1.190.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ AN VIỆT
335	PP25 00386 855	Vì dây dẫn đường cho bóng và stent loại mềm	2526B V-VT- 769	Vì dây dẫn đường cho bóng và stent loại mềm	ASAHI SION; ASAHI SION Blue; ASAHI SION Blue ES	AHW14R001S; AHW14R004S; AHW14R017S	ASAHI SION; ASAHI SION Blue; ASAHI SION Blue E	Việt Nam	CÔNG TY TNHH ASAHI INTECC HÀ NỘI	- Đầu tip dạng đầu thẳng. Chiều dài 180cm, 190cm. - Khả năng tải đầu tip: 0,5, 0.7gf. - Chiều dài lò xo: 8.5cm, 20cm, 28 cm. - Cấu trúc đơn lõi dẫn xuyên suốt từ đầu gần đến đầu xa. - Nhiều loại lớp phủ khác nhau: silicone, hydrophilic.	Cái	1 Cái/ Gói	700	2.300.000	1.610.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
336	PP25 00386 856	Vì dây dẫn đường can thiếp	2526B V-VT- 770	Vì dây dẫn đường can thiệp	Vì dây dẫn đường can thiếp Transend	M001468100 M001468110 M001468010 M001468120 M001468130	Transend	Costa Rica	Boston Scientific Corporati on	- Dây dẫn ái nước ICE, lõi thép không rỉ, đầu tungsten. - Đường kính: 0.014" và 0.018". - Độ dài tối thiểu 3 kích thước từ: 135, 165, 190cm - Đầu tip 2cm của dây dẫn có thể tạo hình được, giúp tùy chỉnh dây dẫn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS, FDA	Hộp	Hộp/ 1 cái	100	2.800.000	280.000.000	Công Ty TNHH Alexia

337	PP25 00386 857	Vi dây dẫn đường các loại các cỡ	2526B V-VT- 771	Vi dây dẫn đường các loại các cỡ	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên M-Lead	ML16-180S-E; ML16-165S-E	M-Lead	Nhật Bản	Tokai Medical Products, Inc.	Dây dẫn dùng cho can thiệp. Đường kính: Ø 0.016"/0,40 mm. Chiều dài: 165; 180cm. Bề mặt cuộn dây Phủ Hydrophilic, cấu tạo thép không rỉ. Chiều dài đoạn chấn bức xạ: 5cm. Hình dáng đầu tip xa: thẳng, chiều dài thả coil: 30cm	Cái	1 cái/ hộp	200	4.350.000	870.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI DƯƠNG
338	PP25 00386 858	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệp tôn thương tắc mãn tính động mạch vành (CTO)	2526B V-VT- 772	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính động mạch vành (CTO)	Fielder XT; Fielder XT- A; Fielder XT-R; ASAHI Gaia First; ASAHI Gaia Second; ASAHI Gaia Third; Conquest Pro; Conquest Pro 12; Conquest Pro 8-20; ASAHI SION Black; ASAHI RG3; ASAHI SUOH 03	APW14R010S; APW14R010J; APW14R009S; APW14R005S; AHW14R007P; AHW14R008P; AHW14R011P; AHW14R013P; AHW14R013S; AGP140002; AGH143090; AGH143091; AGH143092; AHW10S302S	Fielder XT; Fielder XT- A; Fielder XT- R; ASAHI Gaia First; ASAHI Gaia Second; ASAHI Gaia Third; Conquest Pro; Conquest Pro 12; Conquest Pro 8-20; ASAHI SION Black; ASAHI RG3; ASAHI SUOH 03	Việt Nam	CÔNG TY TNHH ASAHI INTECC HÀ NỘI	- Đầu tip thuần nhon, có các dạng thẳng, đầu J, đầu uốn sẵn. - Lớp phủ: hydrophilic, polymer - Độ cân quang đầu tip dài 3cm, 15cm, 16cm, 17cm, 20 cm - Chiều dài dây 180cm, 190cm, 330cm. - Khả năng tải đầu tip 0.3gf, 0.6gf, 0.8gf, 1.0gf, 1.7gf, 3.0gf, 3.5gf, 4.5gf, 9.0gf, 12.0gf, 20 gf - Đường kính đầu tip: 0.008 inch, 0.009 inch, 0.010 inch, 0.011 inch, 0.012 inch, 0.014 inch	Cái	1 Cái/ Gói	10	5.500.000	55.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN
339	PP25 00386 859	Vi dây dẫn cho bóng và stent trong can thiệp tôn thương mạch ngoại biên	2526B V-VT- 773	Vi dây dẫn cho bóng và stent trong can thiệp tôn thương mạch ngoại biên	Astato 30; Astato XS 40	PAGHW143094; PAGHW143394; PAGH18M071; PAGH18M371	Asato 30; Astato XS 40	Việt Nam	CÔNG TY TNHH ASAHI INTECC HÀ NỘI	- Cấu trúc đơn lõi xuyên suốt từ đầu gắn đến đầu xa. - Lõi thép không gỉ - Chiều dài dây: 180cm, 200cm, 300cm. - Đầu tip dạng thẳng - Khả năng tải đầu tip: 30gf, 40gf tùy kích thước. - Đường kính: 0.014", 0.018"	Cái	1 Cái/ Gói	20	5.500.000	110.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN

340	PP25 00386 860	Vì dây dẫn can thiếp	2526B V-VT- 774	Vì dây dẫn can thiếp	Run&Run	RUNxxx-16 ; RUNxxx-16A	PIOLAX Hydrophilic Guidewire Run & Run	Nhật Bản	Piolax Medical Devices, Inc.	- Vì dây dẫn can thiệp mạch vùng bụng có lõi bằng kim loại không gi được bao phủ bằng Polyurethane và lớp Polymer ái nước. - Đường kính 0.016", chiều dài cán quang 3cm được làm bằng cuộn xoắn Platinum - Các hình dạng đầu: Straight và Angle(d). Chiều dài trong khoảng 35cm - 180cm. - Phụ kiện bao gồm dụng cụ định hình, chèn mạch và dụng cụ vận lái	Cái	Cái/ Hộp	10	2.950.000	29.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG MINH
341	PP25 00386 862	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch	2526B V-VT- 776	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch Interlock Fibered IDC Occlusion System	M001363500;M001363510; M001363520;M001363540; M001363550;M001363570; M001363580;M001363590; M001363600;M001363610; M001363620;M001363630; M001363640;M001363650; M001363660;M001363670; M001363700;M001363720; M001363730;M001363750; M001363760;M001363780; M001363790;M001363800; M001363810;M001363820; M001363830;M001363910; M001363920;M001363930; M001361480;M001361490; M001361500;M001361510; M001361520;M001361530; M001361540;M001361550; M001361560;M001361570; M001361580;M001361590; M001361600;M001361610; M001361620;M001361630; M001361640;M001361920; M001361930;M001361940; M001361950;M001361960; M001361740;M001361750; M001361760;M001361770	Interlock Fibered IDC Occlusion System	Ireland	Boston Scientific Limited	Có cánh tay khóa và có thể thu lại coil để đặt lại khi chưa mở khóa. Có sợi Dacron bao phủ dày đặc. Coil là loại coil trơn. Nhiều kích thước sản phẩm bao gồm đường kính 2–22 mm và chiều dài lên đến 60 cm. Công nghệ Interlock. Hình dạng coil: 2D, Diamond, Cube. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, CFS, FDA	Cái	Hộp/ 1 cái	100	13.700.000	1.370.000.000	Công Ty TNHH Alexia

342	PP25 00386 863	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch. Dạng coil dây	2526B V-VT-777	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch. Dạng coil dây	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch Complex Helical-18/Figure 8-18/Straight -18/VortX Diamond – 18/VortX-18/VortX-35/Multi-Loop-18	M0013723020;M0013723040;M0013724030;M0013725030;M0013725050;M0013726040;M0013727040;M0013729060;M0013723021;M0013723041;M0013724031;M0013725031;M0013725051;M0013726041;M0013727041;M0013729061;M0013732040;M0013733050;M0013733060;M0013733070;M0013732041;M0013733051;M0013733061;M0013733071;M0013120220;M0013120221;M0013120330;M0013120331;M0013120440;M0013120441;M0013120550;M0013120551;M0013120660;M0013120661;M0013120770;M0013120771;M0013120210;M0013120211;M0013120430;M0013120431;M0013120020;M0013120021;M0013120050;M0013120051;M0013822030;M0013822040;M0013822050;M0013822060;M0013822031;M0013822041;M0013822051;M0013822061;M0013812030;M0013812040;M0013812050;M0013812060;M0013812031;M0013812041;M0013812051;M0013812061	Complex Helical-18/Figure 8-18/Straight -18/VortX Diamond – 18/VortX-18/VortX-35/Multi-Loop-18	Ireland	Boston Scientific Limited	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch: dạng coil dây. Chất liệu: Hợp kim Platinum. Được bao phủ dày đặc bởi các sợi Dacron giúp tắc mạch nhanh. Đường kính 2-11 mm. Chiều dài trong introducer: Từ 2 đến 85mm. Chiều dài khi thả: từ 2.0 đến 17mm. Hình dạng: Kim cương, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc phức tạp. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA	Cái	Hộp/ 1 cái	70	5.400.000	378.000.000	Công Ty TNHH Alexia
343	PP25 00386 864	Cuộn nút mạch não	2526B V-VT-778	Cuộn nút mạch não	Cuộn nút mạch não Axiom	QC-2-2-3D; QC-2-4-3D; QC-2-6-3D; QC-3-6-3D; QC-3-8-3D; QC-4-8-3D; QC-4-10-3D; QC-4-12-3D; QC-5-10-3D; QC-5-15-3D; QC-6-15-3D; QC-6-20-3D; QC-7-30-3D; QC-8-30-3D; QC-9-30-3D; QC-10-30-3D; QC-12-40-3D; QC-14-40-3D; QC-16-40-3D; QC-18-40-3D; QC-20-50-3D; QC-1.5-1-Helix; QC-1.5-2-Helix; QC-2-1-Helix; QC-2-2-Helix; QC-2-3-Helix; QC-2-4-Helix; QC-2-6-Helix; QC-2-8-Helix; QC-3-6-Helix; QC-3-8-Helix; QC-4-8-Helix; QC-4-10-Helix; QC-4-12-Helix; QC-5-20-Helix; QC-6-20-Helix; QC-7-30-Helix; QC-8-30-Helix; QC-9-30-Helix; QC-10-30-Helix; QC-12-40-Helix; QC-14-40-Helix; QC-16-40-Helix; QC-18-40-Helix; QC-20-50-Helix	Axiom	Mexico	Medtronic Mexico S. de RL. de CV	Chất liệu Platinum, có 2 loại 3D và Helix, đường kính sợi coil tăng dần: 0.0115", 0.0125", 0.0135" và 0.0145", Chiều dài coil: 1cm, 2cm, 3cm, 4cm, 6cm, 8cm, 10cm, 12cm, 15cm, 20cm, 30cm, 40cm, 50cm. Cắt bằng dụng cụ cơ học	Cái	01 Cái/ Hộp	50	11.639.000	581.950.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG ASIA VIỆT NAM

344	PP25 00386 865	Vòng xoắn kim loại (coils) bít túi phình mạch não không phủ gel	2526B V-VT- 779	Vòng xoắn kim loại (coils) bít túi phình mạch não không phủ gel	Vòng xoắn kim loại (coils) bít túi phình mạch não không phủ gel	1xxxxCSSR-V, 1xxxxHS-V, 1xxxxCC-V, 1xxxxHC-R-V, 1xxxxHC-S-V, 1xxxxCS-V, VFCxxxxx-V, 1xxxxHS3D-V, 1xxxxHCSR-S-V, 1xxxxHCSR-R-V	MicroVention	Costa Rica	MicroVention Costa Rica S.R.L.	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platinum với các kiểu hình xoắn khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm,... Có hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 24mm, chiều dài coil từ 1cm đến 68cm.	Cái	1 Cái/1 gói	30	12.450.000	373.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT
345	PP25 00386 866	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn đường kính 0.020" các cỡ	2526B V-VT- 780	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn đường kính 0.020" các cỡ	Vòng xoắn kim loại (coil) đường kính sợi coil cỡ lớn, các loại, các cỡ: Ruby Coil System (Penumbra Coil System)	4002Cxxx;4004Cxxx;4006Cxxx;- 4004C0408;4002C0510;4002C0610;4004C 0615;4004C0715;4004C0720;4004C0820;4 004C0830;4004C0925;4002C0935;4002C1 030;4002C1040;4002C1135;4002C1145;40 04C1235;4004C1245;4004C1348;4004C14 50;4002C1557;4002C1660;4002C1857;400 2C2060;4002C2260;4002C2457;4002C286 0;4002C3260;4002C0306;4002C0310;4006 C0406;4002C0408;4002C0412;4004C0513 ;4002C0615;4002C0715;4002C0720;4002 C0820;4002C0830;4002C0925;4004C1030 ;4004C1135;4002C1235;4004C1335;4004 C1440;4004C1645;4006C0202;4006C0203 ;4006C0308;4006C0310;RBY2Cxxx;RBY 4Cxxx- RBY2C0312;RBY2C0320;RBY2C0420;R BY2C0435;RBY2C0520;RBY2C0530;RB Y2C0620;RBY2C0630;RBY2C0725;RBY2 C0825;RBY2C0840;RBY2C1035;RBY2C1 260;RBY2C1460;RBY2C1660;RBY2C206 0;RBY2C2457;RBY2C2860;RBY2C3260; RBY4C0315;RBY4C0415;RBY4C0620;R BY4C0630;RBY4C0835;RBY4C0860;RB Y4C1035;RBY4C1650;RBY4C2060;	Penumbra Coil 400 (Penumbra Coil System); Ruby Coil System (Penumbra Coil System)	Hoa kỳ	Penumbra, Inc.	Vòng xoắn bằng platinum. Đường kính sợi coil kích cỡ lớn tới: 0.020". Có nhiều kích cỡ khác nhau như Dạng coil cắt.	Cái	1 Cái / 1 hộp	50	19.000.000	950.000.000	CÔNG TY TNHH THIỆN VIỆT

346	PP25 00386 867	Cuộn nút mạch não	2526B V-VT- 781	Cuộn nút mạch não	Cuộn nút mạch não Axium Prime	APB-1-2-3D-ES; APB-1-3-3D-ES; APB-1-4-3D-ES; APB-1.5-2-3D-ES; APB-1.5-3-3D-ES; APB-1.5-4-3D-ES; APB-2-2-3D-ES; APB-2-3-3D-ES; APB-2-4-3D-ES; APB-2.5-4-3D-ES; APB-2.5-6-3D-ES; APB-3-6-3D-ES; APB-3-8-3D-ES; APB-3.5-6-3D-ES; APB-3.5-8-3D-ES; APB-3.5-10-3D- ES; APB-1-1-HX-ES; APB-1-2-HX-ES; APB-1-3-HX-ES; APB-1.5-1-HX-ES; APB-1.5-2-HX-ES; APB1.5-3-HX- ES; APB-1.5-4-HX-ES; APB-2-1-HX- ES; APB-2-2-HX-ES; APB-2-3-HX- ES; APB-2-4-HX-ES; APB-2-6-HX- ES; APB-2-8-HX-ES; APB-2.5-4-HX- ES; APB-2.5-6-HX-ES; APB-2.5-8- HX-ES; APB-3-6-HX-ES; APB-3-8- HX-ES; APB-3-10-HX-ES	Axium Prime	Mexico	Medtroni c Mexico S. de R.L. de CV	Vòng xoắn nút mạch não Axium Prime là thể hệ coils mềm nhất trên thị trường , được làm bằng chất liệu Platinum, đường kính sợi cơ bản của Axium prime là 0.0013" . Đường kính ngoài 0.0108". Coil được cắt bằng dụng cụ cơ học, không phụ thuộc vào nguồn điện	Cái	01 Cái/ Hộp	20	11.639.000	232.780.000	CÔNG TY CỔ PHẦN ANH DUƠNG ASIA VIỆT NAM
347	PP25 00386 868	Vòng xoắn kim loại (coils, matrix coils) các loại, các cỡ	2526B V-VT- 782	Vòng xoắn kim loại (coils, matrix coils) các loại, các cỡ	Cuộn nút mạch ngoại biên Concerto	NV-2-4-HELIX; NV-2-6-HELIX; NV- 2-8-HELIX; NV-3-4-HELIX; NV-3-8- HELIX; NV-4-8-HELIX; NV-4-10- HELIX; NV-5-15-HELIX; NV-5-20- HELIX; NV-6-20-HELIX; NV-7-30- HELIX; NV-8-30-HELIX; NV-9-30- HELIX; NV-10-30-HELIX; PV-12-30- HELIX; PV-14-30-HELIX; PV-16-40- HELIX; PV-18-40-HELIX; PV-20-50- HELIX	Concerto Detachable Coil System	Mexico	Medtroni c Mexico S. de R.L. de CV	Vòng xoắn kim loại chất liệu platinum, gây tác mạch ngoại vi, được gắn các sợi bằng chất liệu Nylon hoặc PGLA Đường kính: 2mm, 3mm, 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm. Chiều dài: 4cm, 6cm, 8cm, 10cm, 15cm, 20cm, 30cm, 40cm, 50 cm. Với hình dạng là Helix. Tương thích với ống thông có đường kính trong nhỏ nhất 0.0165" - 0.021". Hệ thống vòng xoắn kim loại (coil) là hệ thống cắt bằng cơ học	Cái	1 Cái/ Hộp	30	18.500.000	555.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÔNG HỢP VẬT TƯ Y TẾ

348	PP25 00386 869	Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch não	2526B V-VT-783	Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch não	Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch não - Wallaby Avenir Coil System	18CFRxxxxx(yyyyy=06016;07019;08027;09030;10034;11037;12040;13043;14047;15050;16050;18050;20050;22050;25050;25060); 10CFRxxxxx(yyyyy=02002;02003;02004;02006;02505;03004;03006;03008;03504;03506;04007;04010;04013;04506;04508;04510;05008;05010;05017;05020;06011;06020;06030;07013;07024;07030;08016;08027;09023;09030;10027;10034;11030;12030;13030;14030;15030); 10CFNxxxxx(yyyyy=01002;01003;01502;01503;01504;02002;02003;02004;02006;02503;02504;02506;03004;03006;03008;03010;03506;03508;04006;04008;04010;04015;04506;04508;04510;05008;05010;05017;06011;06020;07013;07024;08016;08027); 10HFLxxxxx(yyyyy=03004;03006;03008;03010;04004;04006;04008;04010;04015;04020;05010;05015;05020;06010;06015;06020;07015;07020;07030;08020;08030;09030;10030); 10HFNxxxxx(yyyyy=01001;01002;01003;01501;01502;01503;01504;01506;02001;02002;02003;02004;02006;02008;02503;02504;02506;03004;03006;03008;03010;03504;03506;04006;04008;04010;05006;05008;05010;06006;06008;06010;02502;03003;03510); 10CFSxxxxx(yyyyy=02004;02006;03006;03008;03010;04006;04008;04010;04015;05010;05015;05020;06010;06015;06020;06030;07015;07020;07030;08020;08030;09030;10030;11030;12030;13030;14030); 10USCxxxxx(yyyyy=01001;0101H;01002;0102H;01003;01004;01502;0152H;01503;01504;02002;02003;02004;02006;02503;02504;02505;02506;03004;03006;03008;03504;03506;03508;04006;04008;04010;04506;04508;04510;05006;05008;05010); 10USHxxxxx(yyyyy=01001;01002;01003;01004;01501;01502;01503;01504;02001;02002;02003;02004;02006;02502;02503;02504;02506;03004;03006;03008;03504;03506;03508;04006;04008;04010;05006;05008;05010)	Wallaby Avenir Coil System	Trung Quốc	Shanghai Wallaby Medical Technologies Co., Inc	Chất liệu Platinum Đường kính sợi coil có 5 kích thước: từ 0.010", 0.011", 0.0125", 0.0135", 0.0145" Đường kính vòng coil từ: 1 - 25mm. Chiều dài cuộn coil: 1 - 60cm Cơ chế cắt coil bằng cơ học	Cái	01 Cái/Hộp	30	11.050.000	331.500.000	CÔNG TY TNHH VINACAT ECH
349	PP25 00386 871	Phim XQ khô 10x12 inch	2526B V-VT-785	Phim XQ khô 10x12 inch	Phim khô y tế SD-Q2 10x12 inch (25x30cm)	SD-Q2	Konica Minolta Technoproducts Co., Ltd	Nhật Bản	Konica Minolta Technoproducts Co., Ltd	Phim khô laser cỡ 10x12 inch tương thích máy in phim khô laser Konica. Phim khô được xử lý nhiệt. Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 85-95%, polyme: 1-10%, bạc hữu cơ: 1-10%, gelatine: 1-10%, phụ gia: 0.1-15%, bạc halogenua: 0.05-1%.Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7	Tờ	125 tờ/hộp	3000	24.500	73.500.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VÀ ĐƯỢC PHẨM AN PHÚC
350	PP25 00386 873	Phim XQ khô 14x17 inch	2526B V-VT-787	Phim XQ khô 14x17 inch	Phim khô y tế SD-Q2 14x17 inch (35x43 cm)	SD-Q2	Konica Minolta Technoproducts Co., Ltd	Nhật Bản	Konica Minolta Technoproducts Co., Ltd	Phim khô laser cỡ 14x17 inch tương thích máy in phim khô laser Konica. Phim khô được xử lý nhiệt. Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 85-95%, polyme: 1-10%, bạc hữu cơ: 1-10%, gelatine: 1-10%, phụ gia: 0.1-15%, bạc halogenua: 0.05-1%.Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7	Tờ	125 tờ/hộp	2500	36.800	92.000.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VÀ ĐƯỢC PHẨM AN PHÚC